

NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẠP-CHÍ

BẢO-THỦ VỚI TIẾN-HÓA (1)

Mới đây tôi có tiếp chuyện một bậc thân-sĩ Pháp, là người rất có ý xem xét cái phong-trào tiến-hóa mới của các dân-tộc Á-châu, cuộc hội-đàm thật có thú-vị.

Nhân nói chuyện về nước Tàu, ông đã từng ở qua Tàu mấy tháng, có tỏ cho tôi biết cái cảm-tưởng của ông đối với nước ấy cùng những nhân-vật hiện đương đóng các vai chính ở trên trường chính-trị Tàu. Cảm-tưởng ấy đại-khái không được tốt cho nước Tàu, và ông với tôi đều công nhận rằng trừ một số ít người đặc-biệt, còn thì các nhân-vật mới đó, nhờ thời-thế mà xuất-hiện ra, xem ra đại-đề còn có khuyết-điểm, vì cách giáo-dục vội-vàng chưa được chu-đáo vậy.

Nhân câu chuyện đó, tự-nhiên nói đến nước Nam, nói về cái đường tiến-hóa hiện-tại cùng sự kết-quả tương-lai. Tôi có bày tỏ ý-kiến của tôi về lẽ cần không nên làm cho dân-tộc này mất cái tinh-thần cố-hữu đi, phải làm thế nào giúp cho được tuần-tự tiến-hóa mà vẫn giữ được cái cốt-cách tinh-thần làm nền-gốc cho sự sinh-hoạt của nước này từ xưa đến nay.

Ông khách tôi nói rằng:

— Ông muốn vừa *bảo-thủ*, lại vừa *tiến-hóa*. Tôi tưởng khó lắm. Tôi nói đây là tôi quên mình đi là người Pháp, quên mình đi là người Tây. Tôi nói

không có cái bụng thiên gì về nước tôi cả. Và tôi vốn không ưa cái thái-độ những kẻ hẹp-hòi chỉ biết khu-khu thiên-vị nước mình mà ác-cảm với người giống khác. Tôi muốn phán-đoán về phương-diện thế-giới đại-đồng. Tôi nghiệm ra thời không thể không nhận thấy một điều như sau này: là Á-châu dù muốn hay dù chẳng muốn, hiện nay càng ngày càng hóa theo Âu-châu, càng ngày càng khuynh-hướng về Tây-phương, theo một cái phong-trào mạnh nó lôi nó cuốn đi, không thể cưỡng lại được. Sự Âu-hóa đó là hay hay là dở, tôi không dám xét. Tôi chỉ biết một điều, là các ông sau này không còn là người Á-châu nữa, các ông sẽ là người « bán Âu bán Á » (*Eurasiens*).

« Tôi nói câu đó không có ý bình-phẩm chê-bai gì. Chỉ có ý nói: rằng sau này các ông sẽ càng ngày càng Âu-hóa mãi đến nỗi chỉ còn một nửa là Á-châu mà một nửa đã theo về Âu-châu vậy. Bấy giờ thì những cái chủ-nghĩa quốc-gia đặc-biệt kia, không còn có lý gì nữa. Thế-giới ngày nay là tiến theo cái lẽ đại-đồng. Tôi xem ra con đường tiến-hóa của nhân-loại sau này tất phải như thế. »

Xem thế thì ra ông khách tôi đứng về phương-diện đại-đồng. Ông nghị-luận về lẽ chung và dự-tưởng về sau này. Thế-giới xem ra có cái khuynh-

(1) Xem bài Pháp-văn ở Phụ-trương.

hương đại - đồng thật, ít ra là cũng có cái vẻ đại-dồng về phần biểu-tượng bề ngoài, quả thế thật.

Hiện nay những cách-thức làm - ăn, sinh-hoạt, những hình-thể chính-trị, dù ở Âu-châu hay Phi-châu, Mĩ-châu hay Á-châu cùng Úc-châu nữa, đâu đâu cũng thấy giống nhau hết thảy. Bây giờ mới còn là giống nhau ở bề ngoài mà cũng chưa phải là hết nhau hẳn, nhưng rồi càng ngày càng gần nhau mãi, mà không những thuộc về hình-thức sinh-hoạt bề ngoài, rồi đến cả tâm-niệm cảm-linh ở trong cũng qui u đại-dồng cả. Chắc là nên ước-ao rằng rồi có ngày những bờ-cõi phân-biệt các nước sẽ mất đi hết cả, và dù các quốc-gia hãy còn, nhưng cái lòng tây-riêng nước nọ nước kia, sinh ra lắm sự xung-đột lẫn nhau, rồi sẽ tiêu-một đi hết, và cả nhân-loại sẽ cùng nhau sống trong một cái cảnh đại-dồng bác-ái vậy.

Bây giờ thì cái quan-niệm về « thiên-hạ » của người Tàu đời xưa, sẽ thành sự-thực hiện - nhiên. Nhưng hiện nay còn xa lắm. Hội Vạn-quốc bây giờ, tức là hình-trạng phôi-thai của cái thế-giới đại-dồng sau này, xem ra cũng còn khó-khăn cho người ta công-nhận. Có người đã bàn rút nhỏ hội Vạn-quốc lại, làm thành một đoàn-thể Liên-Âu, cũng không được thiên-hạ hoan-ngheh gì mấy. Trước khi người Á-châu âu-hóa cho đến cái trình-độ không còn là người Á-châu nữa mà thành ra người bán Âu bán Á, thì từ nay đến đấy con đường hãy còn lâu dài lắm, các dân-tộc, các quốc-gia, ở Á-châu cũng như ở Âu-châu, vẫn còn sinh-tồn hoạt-động, vẫn còn đặc-biệt tây-riêng... và vẫn còn xung-đột khuynh-loát lẫn nhau, điều đó thì rất đáng phàn-nàn, nhưng không thể nhất-đán mà trừ ngay đi được.

Nay cứ lấy cái thế-giới hiện-kim mà xét, thì thấy các chủ-nghĩa quốc-gia

đặc-biệt không những chưa đến ngày hỗn-hợp cả lại thành ra một cái quan-niệm đại-dồng duy-nhất, mà lại xem ra càng ngày càng mãnh-liệt hăng-hái thêm lên, tới một cái trình-độ xưa nay chưa bao giờ thấy vậy.

Vậy thì đợi cho thế giới có ngày khá hơn bây giờ, hiện nay người ta cùng các dân-tộc đều như thế cả, thì ta cũng phải thuận theo thế vậy.

Nay người ta cũng phải thay đổi, dân-tộc vẫn phải tiến-hóa, phép sinh-hoạt phải như thế mà sự thực hiện-nhiên cũng như thế. Lại sự tiến-hóa ấy càng ngày càng khuynh-hướng về Âu-châu đó cũng lại là cái thế hiện-nhiên như vậy. Phong-trào mãnh-liệt, cả cõi Á-châu như bị lôi bị cuốn vào trong làn sóng đó, muốn đi trái ngược lại, thì thực là vô-ý-thức vậy. Nhưng cái phong-trào ấy tuy không thể ngăn lại được, mà hoặc có thể khai-đạo, chỉ-dẫn, khuynh-hướng, điều-độ, để giữ cho được tuần-tự êm-dềm, không đến nổi nhất-đán thay đổi cả những phong-tục, tập-quán, tư-tưởng, chế-độ các dân-tộc, khiến cho cuộc sinh-hoạt trong dân trong nước bị đảo-điên nhiều loạn cả.

Người ta cũng như dân-tộc, phải có vững - vàng yên-ổn mới sinh-tồn cho được thỏa-thuận. Nay sinh-hoạt tất phải tấn-tới luôn : làm thế nào cho trong cuộc tiến-hóa luôn-luôn đó mà vẫn giữ được vững-vàng yên-ổn. *Bảo-thủ* với *tiến-hóa*, hai bên cũng là cần như nhau cả : làm thế nào điều - hòa cho được ?

Theo ý tôi thì cái vấn-đề là bày ra như vậy. Hai nghĩa *bảo-thủ* cùng *tiến-hóa* đó không tất - nhiên là phản-trái nhau, nếu hiểu theo cái ý-nghĩa tuyệt-đối thì là hiểu lầm. *Bảo-thủ* không phải là không tiến-hóa ; *bảo-thủ* chính là để giúp cho tiến-hóa được chắc-chắn

và được công-hiệu hơn. Lễ sinh-tồn hoạt-động không phải là một câu chuyện bình-thường dung-dị; thật là phiền-phức mà thường phải chiết-trung châm-chước luôn; ở đời có thể vừa bảo-thủ vừa tiến-thủ được. Chỉ cần phải khéo điều-hòa, khéo pha-hợp cho đúng điều-độ, khéo giữ lấy mực cân thăng-bằng, giữ lấy cái độ « trung-dung » ở giữa hai cái khuynh-hướng cốt-yếu của loài người, là một bên muốn giữ bền, một bên muốn tấn-tới, một bên muốn bảo-tồn lấy cái bản-thể của mình, lại một bên muốn tiến-hóa cho thích-hợp với hoàn-cảnh.

Nay nếu đem cái vấn-đề ấy ở phương-diện phổ-thông về phương-diện đặc-biệt, nghĩa là xét riêng về bản-xứ đây, cho biết xứ này chịu ảnh-hưởng của văn-hóa Tây-phương sẽ tiến-hóa ra thế nào, thì cũng thấy sự tiến-hóa ấy muốn cho được thực có ích-lợi, tất phải giữ lấy cái nền-nếp cũ của quốc gia Nam-Việt, giữ lấy cái tinh-thần cũ của dân-tộc Nam-Việt, không nên làm cho dân này nước này đến mất cốt-cách tinh-thần đi, mà phải giúp cho biết tự nhận-chân mình, giúp cho tài-bồi cái cốt-cách của mình, để cho vừa sống được trọn cái đời riêng của mình, lại vừa tiếp đón được cả các phong-trào lớn đời nay.

Đó là sự tin-tưởng riêng của tôi như thế. Không phải là tự-phụ rằng nước Nam đã có một cái văn-hóa hay-ho tốt-đẹp gì hơn người, cũng không phải là mê-muội mà không biết cái công khai-hóa của Tây-phương trang-nghiêm vĩ-đại biết chừng nào. Chỉ là am-hiểu thực-tế mà biết rằng sự đời cần phải điều-độ dần-dà, không nên vội-vàng mà đi gấp độ đường, không nên nóng-nảy mà thành ra cấp-tốc, muốn tiến-hóa phải căn-cứ ở một cái nền gốc chắc-chắn, tức là cái gốc chủng-loại dân-tộc của mình, chứ không phải bấp-không mà tiến lên được.

Nước Nam cần phải tiến-hóa, và cần phải tiến-hóa theo Âu-châu; đó là một lẽ tất-yếu, không những thế, lại là một vấn-đề sinh-tử nữa. Nhưng tiến-hóa không phải là đi tự chỗ không mà bước lên được. Ở chỗ gốc phải có cái gì đã. Cái gì đó là gồm cả cuộc ký-vãng của một dân-tộc, hiện-tại cùng tương-lai của dân-tộc ấy thế nào cũng là tùy-thuộc ở đó.

Cái ký-vãng đó hiện nó vẫn còn, mà không bao giờ mất đi hẳn được, không nên lấy cớ rằng mỗi ngày nó mòn-mỏi đi mà dầy-vò, mà ruồng-rẫy, mà phá-hoại tiêu-diệt đi hẳn được. Vì tương-lai bao giờ cũng phải tùy-thuộc ở ký-vãng. Người ta không xây dựng cái gì ở giữa khoảng không được. Người nào nói như thế này, là người ấy nghĩ hẹp không tới nơi: « Cái nước Nam cổ kia không ra gì cả; nào cổ-lai đã sản-xuất được cái gì là có giá-trị? Thôi, ta phá quách đi, ta quên hẳn đi; ta nên theo lời nhà văn phương Tây kia nói rằng đối với các thần-thánh không tin-sùng nữa, nên lấy tấm nhiều điều mà phủ cho kín, mà đối với cái nước cổ Nam-Việt ta cũng nên làm như thế, nhưng đừng nói đừng nhắc đến làm gì nữa; cứ quên hẳn đi, yên trí như là không bao giờ có cả, mà ra tay xây dựng lấy một cái lâu-dài mới, trang-lệ nguy-nga hơn nhiều, lại thích-hợp với sự cần-dùng, sự ước-nguyện của ta hơn. »

Cứ xem gương nước Nhật-bản thì biết rằng một nước muốn cải-hóa duy-tân phải gắng công khó-nhọc biết đường nào, để cho dần dần biết tập sinh-hoạt theo lối mới; trong cái công-trình cải-tạo đó, nếu càng có một cái kho cổ-diễn, một cái gốc lịch-sử kiện-toàn phong-phú, đời đời giữ gìn trân trọng để làm trung-kiên hậu-kính cho mình, thì lại càng tiến-hóa mau chóng lạ-lùng.

Nếu mà nước Nhật trong khi đương hăng-hái duy-tân đã ruồng-bỏ cả cái cội-điền của mình để mà theo đòi phóng chép Âu-châu, thì văn-minh nước ấy bây giờ chẳng qua chỉ là một bản phóng mờ nhạt của văn-minh Âu-Tây mà thôi. Nay không phải thế: văn-minh nước ấy chính là gồm được cả cái tinh-t túy của các văn-minh Đông-Á cùng Tây-Âu, bởi thế nên được cả thế-giới ngợi khen. Là vì người Nhật có cái thiên-bẩm tốt, có cái trí sáng-suốt, có cái bụng kiên gan, biết khéo điều-hòa cội-điền với tân-hóa, biết khéo dung-hợp Đông-phương với Tây-phương, thủy-chung vẫn lấy đó làm cái mục-dịch phải theo đuổi vậy. Người Nhật không có bỏ mất cái cội-điền của mình mà tài-bồi thêm vào, mà lại cải-hóa cho nó mới-mẻ ra, đem ra đáp-đổi với các hiện-tượng đời nay, sáp-nhập vào cuộc sinh-hoạt chung của quốc-gia, làm thành như cái hồn chung của các cơ-quan chế-độ trong nước vậy.

Người Nhật làm được thì chúng ta đây cũng làm được, nhờ có nước Pháp sẵn đó giúp đỡ cho ta, đem cho ta được hưởng-thụ một cái văn-hóa rất là khoát-dạt khoan-nhân vậy. Nước Pháp không có bắt ta phải hi-sinh cái cốt-cách tinh-thần cùng cội-điền lịch-sử của ta đi đâu; nước Pháp lại muốn giúp cho ta biết tự nhận-chân lấy ta, vẫn đem tinh-thần mà cảm-hóa ta, nhưng vẫn để cho ta tiến-hóa theo cái khuôn-mực nền-nếp của quốc-gia chủng-tộc ta. Ta đừng nên vội-vàng hấp-tấp, từ-chối cả cái ký-vãng của ta, từ-chối cả cái bản-thể của ta,

mà để cho nước Pháp phải mang cái trách-nhiệm làm mất hồn mất giống của người Việt-Nam đi, thật là cực cho ta, mà oan cả cho nước Pháp vậy...

Trong cuộc hội-đàm, tôi bày tỏ hết các lẽ các cơ đó cho ông khách tôi nghe. Khách lắng-lặng ngồi nghe. Khi tôi nói xong, ngâm-ngẫm một lúc rồi kết-luận rằng:

— Nói tóm lại thì hiện nay các ông đương qua một thời-kỳ khủng-khoảng, khao-khát muốn tạo-thành lấy một cái nhâu-cách đặc-biệt (*personnalité*). Nhưng cái quan-niệm về nhân-cách đó, há chẳng phải là một cái quan-niệm tự Tây-phương đem sang ư? Cá-nhân, nhân-cách, tôi thiết-tưởng đó không phải là một cái lý-tưởng cố-hữu của Đông-Á.

Tôi trả lời rằng:

— Có lẽ thế, chắc hẳn thế; nhưng ông nói phải đấy. Hiện nay chúng tôi đương qua một thời-kỳ khủng-khoảng thật, mà chúng tôi đương khao-khát cho cái người chúng tôi ra con người mà cái nước chúng tôi thành một nước vậy. Có lẽ rồi có ngày chúng tôi sẽ hóa thành một giống người bán Âu bán Á như lời ông đã nói. Nay chưa đến ngày ấy, hiện chúng tôi là người Việt-Nam, và lâu nữa cũng vẫn còn là người Việt-Nam. Chúng tôi chỉ ước-ao mong-mỏi cho được sống lam dân ở trong một nước hoàn-toàn, và chúng tôi cầu-nguyện nước Pháp giúp-đỡ cho chúng tôi. Cả cái vấn-đề là ở đó.

P. Q.

CẢI-CÁCH VỀ TRÍ-THỨC TINH-THẦN ⁽¹⁾

Trong một bài báo trước tôi đã nói về lẽ cần phải thi-hành một cuộc cải-cách về trí-thức tinh-thần trong xứ này, và việc cải-cách ấy phải do bọn thượng-lưu An-Nam chủ-trương, bọn này phải tự biết nhận-chân mình, nhận-chân những nghĩa-vụ cùng trách-nhiệm của mình.

Nay tôi muốn đem cái ý kiến ấy suy-diễn ra cho rõ, còn những việc cải-cách về chính-trị thì sẽ bàn xét sau, vì cũng là những việc cần cả, hiện nay các nhà cầm quyền đương để ý đến và lục-tục họp các hội-nghị để nghiên cứu.

Vả lại các việc cải-cách đó cũng là có quan-hệ với nhau cả, và phương-diện tinh-thần với phương-diện chính-trị không phải có xa cách gì nhau, thực là liên-tiếp nhau đến có khi hỗn-hợp làm một. Tỉ như việc cải-cách về trí-thức tinh-thần cho cả một dân-tộc, mà không có một chính-phủ quốc-gia có đủ quyền chủ-trương phát-khởi, thì không thể sao làm được. Thuộc về đường chính-trị kinh-tế, chính-phủ ấy hoặc có thể do quyền ngoài chỉ huy giám-đốc được; nhưng thuộc về việc giáo-dục quốc dân thì tất phải được toàn-quyền nank-đông. Quyền ngoài, dù hay đến đâu, lợi đến đâu, cũng không thể thế chân cho để làm cái việc tối-quan-trọng, tối-thiết-yếu đó được, vì làm như thế thì gặp lắm nỗi khó-khăn vô-cùng và cứu-cánh tất đến thất-bại vậy. Hàng thượng-lưu trong nước có thể lấy cái văn-hóa ngoài mà hỗ-trợ cho sự giáo-dục quốc-gia của mình, nhưng phần đại-đa-số trong quốc-dân thì chỉ có thể đào-tạo bằng cách giáo-dục đó mà thôi, và cách giáo-dục đó duy có một chính-phủ

quốc-gia mới chủ-trương được mà thôi. Vậy cần phải có một chính-phủ quốc-gia, và chính-phủ phải có đủ quyền để đảm-đương cái trách-nhiệm đó. Ấy cả cái vấn-đề là ở đó. Nhưng hiện nay ta không bàn đến vấn-đề đó, chủ-ý ta là muốn chứng-giải rằng việc cải-cách về trí-thức tinh-thần, thật là có mật-thiết quan-hệ với việc cải-cách chính-trị vậy.

Một dân-tộc muốn cho sinh-tồn phát-đạt thì phải biết phục-lòng một cái kỷ-luật về quốc-gia, về đạo-đức, vừa thích-hợp với cái khuynh-hướng thiên-nhiên của nòi giống, lại vừa thích-hợp với sự yếu-cần của lẽ tiến-hóa. Kỷ-luật ấy không phải là tự-nhiên mà người ta biết công-nhận đầu. Kể thượng-lưu trong nước trước phải hiểu biết mà cho là cần, rồi đứng lên tiêu-biểu làm gương cho quốc-dân, vì cái trách-nhiệm giáo-dục quốc-dân rút lại là ở tay kẻ thượng-lưu cả. Vậy kẻ thượng-lưu phải biết phục-tòng kỷ-luật trước, rồi mới bắt quốc-dân theo sau. Kể thượng-lưu phải biết phân-biệt trong các tư-tưởng mới cũ, phải biết khéo dung-hòa để gây-dựng mở-mang ra một nền sinh-hoạt quốc-gia thế nào là hoàn-toàn xứng-đáng. Trong cách kén chọn đó, không phải là không có hi-sinh. Những cái lý-thuyết tự-do về cá-nhân, tự Âu-Tây truyền sang, không phải là không có hứng-thú, người ta mới thoát khỏi cái vòng chề-độ gia-trưởng chuyên-chế mà được biết những cái thuyết mới-mẻ đó, thì lại càng dễ cảm-lắm nữa. Tuy-nhiên những thuyết ấy không phải là không có nguy-hiểm, trong khi thân-thái lấy phải nên cho cần-thận. Những tư-tưởng mới ấy có thể điều-hòa cho các

(1) Xem pháp-văn ở Phụ-trương dưới này.

lý-tưởng cũ thường khinh-rẻ cá-nhân quá, cho cá-nhân là hỗn-hợp cả với gia-đình, với hương-đảng, không khỏi có trở-ngại cho nhân-cách không hoàn-toàn phát-đạt được. Nhưng những tư-tưởng đó mà để cho hành-động một mình, không có cái nền-nếp giáo-dục cũ, thì có cái hại làm cho tiêu-mòn phá-hoại cả. Phải biết khéo hòa-hợp cho thích-nghi, nên việc điều-hòa đó, cần phải có tri khôn-ngoan sáng-suốt mới làm được, và phải tự tay kẻ thượng-lưu biết rõ cái trách-nhiệm của mình làm hướng-đạo cho quốc-dân đứng lên mà chủ-trương vậy.

Những cái nguyên-tố để gây thành ra bọn thượng-lưu đó, hiện đã có. Bây giờ chỉ phải đoàn-kết lại và khiến cho có một tôn-chỉ chung. Hiện nay duy có một cái lý-tưởng có thể đoàn-kết được kẻ thượng-lưu trong nước, là cái tư-tưởng quốc-gia. Ai cũng phải công-nhận rằng ở xứ này cái tư-tưởng ấy có thật; lại nghiệm thấy càng ngày nó càng truyền-bá, càng phát-đạt, càng mạnh-mẽ thêm lên. Muốn ngăn-cản cho nó không phát-ra được, không ích chi; thà biết lợi-dụng nó, khéo khuynh-hướng để làm gốc cho sự giáo-dục của thượng-lưu cùng của công-chúng còn hơn. Nếu biết khéo châm-chước thì tư-tưởng ấy sẽ thành một sức mạnh, có thể điều-hòa được hết thảy.

Vậy trước hết phải gây lấy một hạng thượng lưu có đoàn-thề, có ý-thức, biết tuân-hành một cái kỷ-luật nghiêm về quốc-gia, về đạo-đức; rồi bọn thượng-lưu ấy lại đem cái kỷ-luật rất cần rất hay đó mà giáo-dục cho nhất-ban dân-chúng. Ấy cái sự-nghiệp cải-cách về trí-thức tinh-thần ở xứ này phải như thế.

Xem gương nước Nhật-bản thì biết rằng công-việc đó có thể làm được. Nước này sở-dĩ không bao lâu mà tiến-hóa được mau chóng lạ-lùng, khiến cho

cả thế-giới phải khinh-phục, là nhờ được về hồi đầu đời Minh-trị có một hạng thượng-lưu sáng-suốt, giàu cái tư-tưởng quốc-gia, hiểu cái nghĩa-vụ của mình, hăng-hái đứng lên chủ-trương việc giáo-dục cho quốc-dân, gây thành một cái công-cộng tinh-thần đã nhiều lần tỏ ra rất cương-cường hoạt-bát.

Nước Nhật lại được nhà vua cũng cùng một lòng ái-quốc như bọn thượng-lưu, nên cải-hóa được cả tâm-lý người dân, phá được cái lòng tây-riêng các phiên các đảng phân rẽ trong nước, dạy cho dân biết thờ danh-dự, thờ tổ-quốc, lấy Hoàng-đế làm tiêu-biểu cho nước nhà, nói tóm lại là huấn-luyện thành một dân-tộc rất có đoàn-thề, rất có kỷ-luật, biết nghe lời khuyên-bảo của kẻ thượng-lưu, biết theo cái quyền chủ-trương sáng-suốt của người đàn anh trong nước mà làm nên những công-nghiệp vĩ-đại vẻ-vang cho cả nòi giống.

Cuộc biến-cách thần-diệu đó, vậy thì cái bi-quyết nó ở đâu?

Cái bi-quyết nó một phần là ở cách giáo-dục quốc-dân biết khéo điều-hòa các lý-tưởng của Đông-phương cùng Tây-phương, điều-hòa cái luân-lý cũ với cái khoa-học mới, một phần là ở một cái tư-tưởng rất thâm-trầm, chủ-trương chi-phối hết thảy, tức là lòng ái-quốc ái-chúng, lấy Hoàng-đế làm cái biểu-hiệu hiển-nhiên vậy.

Nhờ được sự giáo-dục đó, do những người chỉ chủ một cái mục-dịch làm cho nước nhà được phú-cường, chủ-trương một cách vừa hăng-hái vừa kiên-nhẫn, kết-quả đến chấn-loát được cả quốc-dân, gây được thành cái công-cộng tinh-thần ta vừa nói trên kia, tinh-thần rất mạnh-mẽ, đã khiến cho nước Nhật thắng được nước Nga trong một cuộc chiến-tranh hiển-hách.

Nay đọc lại lời sắc-dụ của Thiên-hoàng ngày 30 tháng 10 năm 1890 về quốc-dân giáo-dục thì đủ biết cái tâm-ý của các nhà đương-đạo nước Nhật đời bấy giờ. Sắc-dụ ấy hiện yết ở khắp các trường học trong nước, gặp ngày khánh-diễn thì đem ra tuyên-đọc cho ai nấy đều nghe; có người đã nói bản sắc ấy không khác gì như một bản kinh về đạo quốc-gia, đạo ái-quốc vậy.

Thiên-hoàng định cái tôn-chỉ quốc-gia giáo-dục như sau này :

« Đấng thủy-lỗ ta cùng các liệt-thánh của nhà ta đã đề-tạo ra nước ta cho được thiên-trường địa-cửu, cùng tài-bồi các đức-tinh cho được đời đời quí-trọng. Thần dân ta lũy-thế vẫn một lòng trung-thành hiếu-đễ, đã cùng với họ ta điều-hòa hiệp-tác mà gây nên cái tinh-cách chung của dân-tộc này.

« Nay ta định mấy điều đại-cương về việc giáo-dục quốc-dân như sau này :

« Làm dân đối với cha mẹ phải cho có hiếu, đối với anh em phải cho có đễ, đối với vợ chồng phải cho có hòa, đối với bè-bạn phải cho có tín, đối với mọi người phải cho có lễ và có nhân. Nên chăm-chỉ học-hành, chuyên cần nghề-nghiệp, trau-giồi tri-tuệ, khởi-phát tâm-tinh; lại nên chăm việc xã-hội, giúp việc công-ích. Phục-tòng hiến-pháp cùng các luật-lệ trong nước, và lâm-thời phải nên đem thân hiến nước. Thế là có công giúp cho nước được vẻ-vang phú-cường, cùng với trời đất trường-tồn.

« Biết ăn-ở theo cách đó thì không những biết cái nghĩa-vụ làm dân trung-thành với nhà vua, mà lại làm cho sáng-sủa những quốc-tục cùng quốc-túy của các tiên-dân để lại.

« Những lời huấn-thị này là của các liệt-thánh ta truyền lại cho ta để cho ta cùng dân ta cùng theo, như lời vàng lời ngọc, thiên-vạn-cổ cũng không sai. Vậy

ta mong rằng ta cùng dân ta đều dốc một lòng mà tuân theo vậy. »

Bản sắc về sơ-đẳng giáo-dục, điều thứ nhất nói rằng :

« Các trường sơ-đẳng đặt ra là chủ cái mục-dịch dạy cho con trẻ biết đạo-đức, và biết ái-quốc, cùng dạy cho những điều phổ-thông thường - thức cần dùng ở đời, và chăm nom cho thân-thể được hoàn toàn phát đạt ».

Lời sắc-dụ đó, lại có lời chu-trí của quan Học-bộ năm 1891 giải-thích rõ-ràng cùng chỉ bảo cho các giáo-viên như sau này :

« Cái mục-dịch tối-cao của sự giáo-dục là đào-tạo ra những người biết trọng đạo-đức, vậy thì trong cách dạy học nên chú-ý nhất về những cái đề có thể giảng về đạo đức, dạy về ái-quốc được ».

Xem như thế thì cách giáo-dục của Nhật-bản là trọng nhất về đạo đức và ái-quốc. Ấy cái bi-quyết của sự biến-cách lạ lùng, chỉ có trong khoảng mấy năm mà đổi được cả một dân-tộc còn ở trong chế-độ phong-kiến thành một cường-quốc vừa giữ được các cái đức-tinh cổ-hữu của giống mình, lại vừa thân-thái được các phương-pháp khoa-học đời nay, cái bi-quyết ấy chính là ở đó.

Còn như cách tổ-chức sự giáo-dục quốc-dân thì theo đúng như phép khoa-học đời nay. Hầu-tước DE LA MAZELIÈRE làm sách về Nhật-bản có bình-phẩm về cách tổ-chức giáo-dục của nước ấy như sau này :

« Chính-phủ Nhật-bản muốn đào-tạo ra một quốc-dân kiểu mới, nên cách tổ-chức giáo-dục thật là có phương-pháp tinh-tế lắm. Cách dạy học cách giáo-dục là theo đúng như phép khoa học đời nay, cốt để gây lấy một giống người kiện-toàn vừa về thân-thể vừa về tinh-

thần; không những dạy để làm người làm ruộng, người làm thợ, người đốc công cho lối, mà lại dạy để làm người con hiếu-thảo, người cha nhân-lữ, người dân lương-thiện, người linh giỏi-giang một lòng thờ vua thờ nước.»

Cách giáo-dục đó là thiên hẳn về đạo-đức, về quốc-gia, thật đã được kết-quả hoàn-toàn, vì quốc-hồn người Nhật ngày nay thực là nhờ đó mà đào-tạo ra vậy. Cách giáo-dục này không có tạo-thành ra những « con yêng » khéo học nói, chỉ biết lặp lại những tiếng ngoại-quốc mà nhiều khi không hiểu, rồi hễ hơi học võ-vẽ được một đôi chút thì vội đi kiếm tiền ngay, xin vào làm các sở nhà nước, làm những công-việc ti-liện, mà nhiều khi cũng thừa người rồi không thể dung được hết. Cách giáo-dục này là cốt gây lấy « người con hiếu-thảo, người dân lương-thiện, người linh giỏi-giang một lòng thờ vua thờ nước », mà cái bi-quyết của sự phú-cường nước Nhật chính là ở đó.

Nước Nhật về sau, trong cuộc tiến-hóa về đường trí-thức tinh-thần, cũng có qua nhiều buổi khó-khăn. Những cái lý-thuyết sai-lầm của Thái-Tây cũng có

di-hại ở nước Nhật như ở các nơi khác. Nhưng cái hại đó không đến nỗi quá, là một bên nhờ được cách giáo-dục thuần đạo-đức, thuần ái-quốc đó do một bọn thượng-lưu giàu lòng quốc-gia, có trí sáng-suốt, trong khoảng từ năm 1875 đến 1900 đã gia-công đề-khởi ra để củng-cố cái nền-nếp trong nước, một bên nhờ có chính-phủ cần-mẫn vẫn lấy việc giáo-dục quốc-dân làm cái nhiệm-vụ cốt-yếu của mình và không hề bao giờ quên trù-tình những kế-hoạch để phòng-bị cho cái « sức khỏe tinh-thần » của người dân. Nghe đâu chính-phủ Nhật có cấm không cho lưu-hành trong nước những sách như sách « Trà-hoa nữ » cùng mấy bộ tiểu-thuyết của ZOLA.

Người Nhật làm được như thế, thì người Nam ta cũng có thể làm được như thế, vì ta đã nhờ được nước Pháp giúp-đỡ cho ta; nước Pháp chắc là có lượng khoan-dung, có tài khôn-khéo, sẽ gây cho người An-Nam có cái bụng ái-quốc chân-chính, biết lẽ phải chẳng, biết đường lợi-hại, đó chính là cái thuốc tiêu-độc rất mạnh để đối với những mậu-thuyết ở ngoài đem lại vậy.

P. Q.



MẤY ĐIỀU KHUYẾT-ĐIỂM CỦA CHÍNH-THỂ ĐẠI-NGHỊ (1)

1. — Cái chương-ngại lớn về chính-trị đại-ngهی

Bột-lạp-ty-thị là một nhà danh-sĩ nước Anh có làm ra một quyển sách *Lương-eông-dân chi chương-ngại* 良公民之障礙, nói về cái chương-ngại của kẻ lương-công-dân, tức là cái chương-ngại lớn cho chủ-nghĩa dân-chủ về đường phát-đạt. Một là quốc-dân đối với chính-trị sinh lòng lười-biếng; hai là lòng lợi-kỷ quá-độ; ba là lòng đảng-phái. Mà tệ nhất là cái lòng lười-biếng không thiết gì đến chính-trị, muốn kiêu-chinh cái tệ ấy lại rất là khó, lười-biếng đến nỗi nhất-ban quốc-dân đối với chính-trị không còn có nhiệt-tâm thiết gì đến cả. Xem như một nước Nhã-điền (*Athènes*) người dân có quyền đi bầu-cử chẳng qua vài nghìn; mà những nhà dân thành-phố ấy đều là nhà phú-quí có rất nhiều nô-lệ, thực là có thì-giờ rỗi-rãnh để nghiên-cứu về chính-trị, thế mà xuất-tịch ra chốn nghị-trường lại rất ít, chính-phủ bất-đắc-dĩ phải sai người cầm cái dây nâu đi lũng những người dân trong thành-phố xem người nào mà không chịu ra chốn nghị-trường thì lấy dây kéo cổ bắt ép phải ra. Đến như bây giờ thì những kẻ quốc-dân quan-hệ về chính-trị, có khi nhiều đến vài trăm vạn người và nghìn vạn người, nhưng nhiều người nghĩ rằng một mình mình đầu-phiếu hay không, cũng không có lồn-ích gì về đại-thế trong thiên-hạ, mình tự coi cái giá-trị một người mình rất là khinh-rẻ; bởi

thế cái lòng quốc-dân đối với chính-trị rất là lười-biếng, lại càng tệ lắm. Luật-pháp nước Thụy-sĩ (*Suisse*), phạm kẻ quốc-dân vô-cổ mà tự bỏ cái quyền đi đầu-phiếu, thì phải xử vào tội phạt bạc; nhưng cái luật ấy mà muốn đem thi-hành ở nước Anh là cái nước quốc-dân tôn-trọng tự-do, thì không thể được. Song cứ thực mà xét ra thì hiện nay trong phần nhiều những người có quyền đầu phiếu, mà hay tự mình đi bầu-cử chẳng qua chỉ một phần ít; mà trong cái số phần ít người ấy hay biết suy-xét nghĩ kỹ về đại-thế trong một nước, rồi mới đầu phiếu, thì lại là phần ít nữa. Song nay muốn cái chủ-nghĩa dân-chủ cho được thực tiến-bộ, thì phải làm thế nào cho được nhiều cái hạng người biết suy-xét nghĩ kỹ mà chịu ra đầu phiếu mới được. Song hết thầy mọi người mà hay nhiệt-tâm về chính-trị biết tự đi đầu phiếu, cũng không khỏi bị những bọn lấy chính-trị làm lợi-ích riêng mình hoặc làm lợi-ích cho đảng-phái mình nó lợi-dụng, thì cái tệ-hại ấy không kể xiết được. Nay muốn trừ bỏ cái chương-ngại cho đường chủ-nghĩa dân-chủ phát-đạt, thì phải dùng đến cái cách chính-trị giáo-dục làm cho phổ-cập và cải-lương chế-độ. Nhưng về cái chế-độ cải-lương tuy có người đã xưng lên cái chủ-nghĩa vô-chính-phủ hoặc là chủ-nghĩa xã-hội, nhưng cái đường chính-trị giáo-dục nếu mà chữa hay phổ-cập, thì vẫn không khỏi cái nguy-hiểm bị phải một bọn quyền-lực họ lũng-đoạn mất lợi-ích của xã-hội; vậy nên người thức giả

(1) Nguyên Hàn-vân của Tịch-Trần 昔塵 trong tập *Đông-phương văn-khố*.

muốn mong cho chủ-nghĩa dân-chủ phát-đạt, thì đều lấy cái cách chính-trị giáo-dục phổ-cập làm việc rất cần mà rất hay. Ấy cái thuyết của Bạt-lập-ty đại khái chủ-trương như thế.

II. — Chính trị đại-nghị có điều mâu-thuần với nhau

Mục-hắc-nhĩ là một nhà danh - dự giáo-thụ trường đại-học Đôn-lâm nước Ý, có làm bài « Chính-đảng luận » 政黨論 gần đây có phiên-dịch ra tiếng Anh, đại-ý nói rằng muốn thực-hành những điều tiêu bản về chủ-nghĩa dân-chủ, thì tất phải tựa theo về chính - đảng, mà muốn lập một chính-đảng có thể - lực, thì phải đoàn - kết rất là vững - vàng. Nhưng mà cái chính-đảng ấy nếu mà tổ-cức thuần theo lối đân-chủ, thì cái sức đoàn-kết tất không được vững-vàng; vậy nên những chính-đảng bây giờ, đã dần thành ra cái thể chuyên-chế, quyền chính-trị chỉ về số ít người. Như thế thì muốn làm cho quán-triệt cái lý-tưởng của chủ-nghĩa dân-chủ có khi phải làm sai cả chủ - nghĩa đi, mà cái lý - tưởng vẫn không đạt được. Còn như cái đảng bảo-thủ vốn vẫn phản-đối chủ-nghĩa dân-chủ, nhưng nếu muốn làm những điều mình chủ-trương thì cũng phải nhờ đến cái sức của đa-số dân-chúng, thế cũng là theo nghĩa dân-chủ rồi. Cái chính - đảng đoàn-kết vững-vàng cầm quyền chuyên-chế, cứ xem như đảng xã-hội nước Đức thì biết. La-tổ có bảo rằng đảng xã-hội mà muốn đạt mục-dịch, thì phải bắt ép các đảng-viên cứ nhắm mắt mà theo người thủ-lĩnh, đảng xã-hội bây giờ phần nhiều như thế cả; những người thủ-lĩnh đảng xã-hội cũng bảo rằng cái trạng-thái dân-chủ mà đảng xã-hội tiêu-yết lên, phải đợi đến sau khi đảng xã-hội đã đạt được mục-dịch rồi thì mới thực-hiện ra được, tạm-thời bây giờ thì phần đa-số vẫn phải hi-sinh về phần thiểu-số nó lấn đi mất cả.

Trong một đoàn thể nào đương cái lúc hội-viên còn ít, thì cứ do các hội-viên thay đổi nhau làm chức hội-trưởng hoặc chức cán-sự, để phòng cho tránh khỏi cái tệ chuyên-chế; đến khi hội-viên đã nhiều rồi, thì cái thể phải dùng đến cách tuyển-cử; và lại sự-vụ lại càng ngày càng phức-tạp, không phải người có tri-thức chuyên-môn, thì không thể xử-lý cho thỏa-đáng được; vậy nên muốn tăng-tiến cho cái thể-lực đoàn-thể mình, thì phải cử lấy người tài-năng mưu-trí đề sung vào cán-bộ. Phi-điệp-nam-đông-ni có bàn về chính-trị với đạo-đức bảo rằng đảng xã-hội có muốn tuyển lấy người nghị-viên hậu-bổ thì phải trước xét xem học-thuật thế nào. Hanh-lợi-cáp-khắc-na cũng bảo rằng các hội lao-động muốn tuyển lấy những người nghị-viên làm các việc trong bộ trọng-yếu, đã phải kén lấy những người có bằng đại-học xuất-thân; và bảo rằng những viên-chức trong các hội không bao lâu nữa đều là người trong trường Đại-học xuất-thân cả. Lại xem như bên Đức ở thành Béc-lin từ năm 1906 đến nay, đảng xã-hội đã lập ra nhà học-hiệu riêng để chuyên dạy những người làm thư-ký cán-sự trong các hội-đảng, người nào vào đảng thì do trong đảng cấp lương-bổng và có tiền phụ-cấp để nuôi cả vợ con. Nước Ý ở thành Mên-lan từ năm 1905 cũng có lập nhà trường để dạy những người viên-chức ấy. Thế-lực của đảng mà phải nhờ về những người tri-thức chuyên-môn mới hưng-vượng lên được, nên những người làm thủ-lĩnh biết rằng mình mà từ-chức thì thế-lực đảng phải kém đi, vậy gặp những khi đảng-viên không theo mệnh-lệnh, thường hay dọa từ-chức để bắt ép hội-viên phải phục-tùng để làm cho đạt cái ý-kiến của mình. Ngoài ra như các đảng-viên đối với người thủ-lĩnh nào đã có danh-vọng lừng-lẫy thì đều là nhắm mắt

phục-tùng, lại còn như đa-số đảng-viên bị phải một người thủ-lãnh họ dân-dụ, chỉ là đứng về bên thụ-dộng, và phần nhiều những đảng-viên chỉ phó mặc việc đảng cho mấy người trong ban trị-sự, thành ra người thủ-lãnh giữ toàn-quyền về việc sổ-sách chi-tiêu và việc đăng báo, đó đều là cái nguyên-nhân các đoàn-thể thành ra chuyên-chế mà quyền chính-trị chỉ ở trong tay mấy người.

Nay chúng ta đối với chủ-nghĩa dân-chủ không cốt mong gì lý-tưởng nó thực-hiện ngay vội, chỉ cốt xét xem cái trình-độ nó phát-đạt thế nào, cho cái tệ-hại ít hiệu-quả nhiều mà thôi. Thế thì ta muốn mong cho cái lý-tưởng chủ-nghĩa dân-chủ phát-đạt, không khác gì là nghe lời di chúc, chỉ mong đào được của ở vườn ruộng ông cha để cho mình, tuy rằng không đào được của, nhưng vườn ruộng cứ cây cấy luôn mãi lại được nhiều thóc lúa; thế thì cái vật mình định tìm tuy không được, nhưng cũng có sở-dắc vậy.

III. — Chính-trị đại-nghị tức là chính-trị một bọn ngu.

Gần đây các nhà học giả xét về tâm-lý quần-chúng, rất bài-kích về chủ-nghĩa dân-chủ, như người nước Đan-mạch là Khắc-lý-ty-dinh-sinh bảo rằng những chủ-nghĩa của các phái-đảng-viên chủ-tri, một là thường theo cái khí-chất người ta mỗi lúc một khác mà quyết-định, như lúc tuổi trẻ khí còn hăng-hái thì thuộc về đảng cấp-tiến, đến lúc già thuộc về đảng bảo-thủ; hai là vì ngẫu-nhiên, như ngẫu-nhiên hay xem báo cơ-quan của phái tự-do, thì lại theo về phái tự-do mà làm người đảng-viên tự-do; ba là chỉ cốt lấy lợi-ích về phần mình, như lúc còn là phái lạc-dộng thì thuộc về đảng xã-hội, đến lúc gặp dịp làm nên nhà tư-bản rồi thì lại theo về đảng bảo-thủ; ấy những chủ-nghĩa của các phái-đảng-viên chủ-tri là chỉ tùy từng lúc như

thế, chứ chưa chắc đã có cái kinh-nghiệm phán-đoán công-bình. Nếu họp những hạng đảng-viên ấy mà kết thành đoàn-thể, cứ xét về tâm-lý quần-chúng thì trình-độ nó lại càng kém lắm, mà cái cách nó hành-dộng có khi mất cả cái lẽ chính-đáng, mà chỉ thiên về cảm-tình, thường thường lại có những cách hành-vi rất tàn nhẫn, rất kém-hèn, giá vào cá-nhân thì không chịu làm, mà ở về phần đoàn-thể thì cứ công-nhiên dám làm mà không biết xấu-hổ. Cái tâm-lý quần chúng như thế, nếu mà dụng về việc quan-hệ quốc-tế, thì chỉ là cái thói bách-hại loài dị-chủng mà thành ra cuộc chiến-tranh tàn khốc; nếu dụng về nội-chính thì thành ra cái hội-nghị chính-trị mà chỉ theo về chủ-nghĩa dân-chủ kém-hèn; nếu ở các chính-đảng thì chỉ là cái thói công-kích hủ-lậu và cái tệ lũng-đoạn chiếm lấy lợi riêng, đó đều bởi cái tâm-lý ấy nó biểu-hiện ra cả.

Cái tệ hại về chính-trị chuyên-chế khó lòng mà trừ đi được; muốn cách-trừ cái tệ ấy thì phải ngăn cấm cả chính-trị; nghị-hội chính-trị sở-trường chỉ cốt tại được cơ ruỗi tự-do; chuyên-chế chính-trị thì làm phương-hại đến tinh-lực của mọi người phát-đạt, mà nghị-hội chính-trị thì lại làm cho phát-siễn mãi ra; nghị-hội chính-trị không khác gì như nước suối linh-toàn, người ta cứ truyền rằng hay trị được bách-bệnh, mà kỳ thực chẳng có công-hiệu gì cả, chẳng qua chỉ theo ý quần-chúng họ ám-thị mà sửa chữa xằng-xịt mà thôi; nhân được quần-chúng tin theo mới phô ra nào là hiệu-quả nọ kia để cho phải công-nhận. Song đến ngày nay thì cái cách nghị-hội chính-trị đã do lý-tưởng chính-trị mà kém sút đi biến thành ra đảng-phái chính-trị, doanh-nghiệp chính-trị, muốn cứu cái tệ chính-trị về sau này thì phải lấy cái nền lợi-ích cho cả công-chúng làm cốt, rồi cải-cách tổ-chức

hợp lấy các nhà chức-nghiệp mà lập nên một cơ-sở đại-nghị chính-thể. Chính-thể đại-nghị của La-mã Hi-lạp cũng đã theo cách hợp-tổ các nhà chức-nghiệp ; chính-thể đại-nghị nước Anh cũng lấy cách hợp-tổ ấy làm cơ-sở mà phát-đạt lên dần. Chính-dảng ngày nay mà lấy sự lợi-ích chung cho các nhà chức-nghiệp làm cơ-sở thì có đảng xã-hội ; chính-dảng các nước bây giờ cũng đã gần giống như thế cả, như là đảng bảo-thủ nước Đức tự lập ra hội địa-chủ đồng-minh, đến tháng sáu năm 1909 thì bọn đại-biểu về cơ-khí công-nghiệp, thủ-công-nghiệp, ngân-hàng công-ty họ cũng khai hội ở Bách-lâm tổ-chức ra cuộc Hán-lâm đồng-minh để đối-kháng với bọn địa-chủ, quyết-nghị phái người đại-biểu dự vào nghị-hội. Nước Đan-mạch tuy có đảng Hữu về đảng bảo-thủ, đảng Tả về đảng nông-dân ; đảng lao-động thì có đảng xã-hội dân-chủ, đảng cấp-tiến ; nhưng đảng Hữu rồi cũng bị đảng Tả hấp-thu mất, đảng cấp-tiến rồi cũng bị đảng xã-hội dân-chủ hấp-thu mất, càng gần toàn là chức-nghiệp đại-biểu cả rồi. Cứ lấy các đảng-phái ấy mà đại-biểu cho các nhà chức-nghiệp, thì ý-kiến nhất-tri có thể cùng hiệp sức lại để lo toan vận nước cho giàu thịnh, còn hơn như hiện nay một đảng-phái chỉ thiên-trọng về khí-chất, đảng-phái thứ hai thì trọng về lý-luận xã hội, đảng thứ ba thì là đảng-phái chức-nghiệp, đảng-phái phân ra như thế thì chỉ cãi lộn nhau không bao giờ nhất-tri được. Song muốn nhờ về đại-biểu chức-nghiệp để giải-quyết những việc lớn Nhà nước thì chớ chắc đã thỏa-dáng ; tất lại phải đặt ra một thượng-nghị viện rất công bình để đại-biểu tất cả các công dân các địa-phương, đứng giám đốc ở trên.

IV. — Đại-nghị chính-trị là thuyết trá-ngụy

Mã-lạc-khác bảo rằng lập-quốc thì phải có chính-trị, có sản-nghiệp, có xã-

hội, mà cần nhất là chính-trị phải tùy theo cái ý-kiến của dân bị-trị mà làm, song ở về cái xã-hội rất nhỏ thì có thể hợp cả các nhân-dân lại mà hỏi ý-kiến được, còn như một cái xã-hội to thì tất phải lấy một vài người đại-biểu đứng lên thay mặt cho cả nhất-ban quốc-dân để tỏ bày ý-kiến và tham-dự vào chính-trị, như thế thì chính-trị hay dở chỉ tùy theo cái trình-độ người đại-nghị mà định cái giá-trị.

Như nay phạm đã là quốc-dân hễ ai đến tuổi thành niên thì đều có quyền được tham-dự chính-trị cả. Song phổ-thông quốc-dân thì cũng nhiều người học-thức còn kém, nếu cứ đến tuổi thành-niên mà được tham-dự quốc-chính cả, thì ý-kiến sao cho nhất-tri được ; nếu bảo rằng trong số một trăm người chỉ độ mười người giỏi cũng được, đã có mười người giỏi ấy dắt được chín-mười người kém kia, như thế thì chín-mười người đầu-phiếu chỉ là mười người mà thôi, có thể tỏ được ý-chi cho tất cả quốc-dân không ?

Vả lại quốc-dân đầu - phiếu để tự-tuyên-cử lấy người đại-biểu, đã hẳn là tự mình biết phán-đoán mà không bị phải uy-hiếp lợi-dụ không ? Thực ra thì thường bị phải kim-tiền hoặc cái thế lực khác nó cám-dỗ, chớ chớ chắc đã hoàn-toàn biết tự ý mình phán-đoán mà tuyên lấy người dự vào chính-trị.

Phỏng như Nhà nước hỏi về việc đặt ra luật cảnh-sát để giữ trật tự, thì không ký ý-kiến người nào ai cũng ưng-thuận ; nếu hỏi về việc tề-tệ nên lấy kim lâm bản-vị hoặc lấy ngân lâm bản-vị, thì chắc rằng các ông đại-biểu ai cũng chán ngắt, không biết phát-biểu ý-kiến ra thế nào, nếu gượng hỏi mãi, thì phải đáp liêu rằng cái đó chúng tôi không biết, mặc các ông làm thế nào thì làm. Xem thế thì quốc-dân chỉ tỏ ý-kiến về hai điều ưng với không, mà còn không biết

thế nào mà đáp lại, nữa là những việc khó-khăn to-tát thì làm thế nào.

Vấn-đề chính-trị đại-khái phân ra có năm hạng : Một là vấn-đề căn-bản không hay biến đổi, như là những việc phòng giữ trộm cướp thì phải đặt ra cảnh-sát và hình-phạt không bao giờ có biến đổi khác gì, ai cũng phải công-nhận như thế cả. Song cũng có lúc tùy thời-dại mỗi lúc một khác, trước còn là đơn-giản sau nó phiền-phức cũng lắm lúc khó-khăn. Hai là vấn-đề chợt phát ra, như chợt gặp việc chiến-tranh, nên đánh hay không phải giải-quyết cho mau, hoặc gặp lúc quân giặc nó đã đến nơi, thì đa-số quốc-dân ý-chí lúc bấy giờ phải cho nhất-trị, đó là những lúc nguy-cấp khác thường, không giống như những việc sinh-hoạt ngày thường của quốc-dân vậy, Ba là vấn-đề có quan-hệ đến khi-chất, như việc cấm rượu, kẻ thích rượu với người không thích rượu, ý-kiến hẳn không giống nhau, không những là phát-biểu ra ý-chí bất-đồng, có khi lại cùng phản-đối. Về việc tôn-giáo cũng thế, tuy không có vấn-đề gì phải bàn cho lắm, song có những việc kết-hôn và việc giáo-dục, quan-hệ về chính-trị cũng nhiều, đến lúc bấy giờ người đi giáo với người không đi giáo, ý-kiến cũng khác nhau, không thể bày tỏ được ý-chí mình ra làm sao cả. Bốn là vấn-đề khó giải-quyết, như là việc tiền-tệ lấy kim làm bản-vị hay lấy ngân làm bản-vị, dầu nhà chuyên-môn cũng khó đoán-định được, nữa là hỏi đến ý-kiến phần đa-số thì còn biết thế nào mà giải-quyết. Giả có hỏi đến thì cũng đến thú-nhận rằng chúng tôi xin chịu thôi. Năm là vấn-đề có hai ba lẽ hợp lại biết lấy lẽ nào làm phải, như là kén lấy nghị-viện, bảo rằng không cần phải phân các nhà chức-nghiệp, chỉ so-sánh số người trong một địa-phương mà tuyền-cử lấy đại-biểu ; hay là không cần phải chia ra các địa-phương

nữa, chỉ so-sánh số người các nhà chức-nghiệp mà tuyền ra, vấn-đề ấy rất là khó giải-quyết, phi nhà chuyên-môn không thể bày tỏ ý-kiến ra được, Lại như tranh-chấp về hai việc cho tự-do mậu-dịch, hay là bảo-hộ mậu-dịch, như là gạo khi trong nước thóc lúa hóa-vật nhiều cần bán ra thì không cần phải bàn, gạo gặp khi thiếu cần phải thâu vào, thì cho tự-do buôn bán hay cần phải bảo hộ, cái đó mới là khó liệu. Về quyền lao-động cũng thế, lúc trong nước còn dất rộng người thừa thì không cần phải bàn ; nếu đã đến nhân-mãn thì vấn-đề ấy mới khó đường giải-quyết.

Lại như nhà cửa người ta thì không có phép làm phá-hoại, ở về đời cổ thì đã có võ-khi đơn-giản dùng để phòng-ngữ được ; đến như đời nay thì nào là tàu bay, nào là trái phá, thì nghĩ cái cách phòng-ngữ lại càng khó-khăn lắm ; tất là phải dùng đến đồ võ-khi để phòng ngữ, nhưng biết dùng võ-khi gì cho có công - hiệu ; bảo rằng đã phát - minh ra mấy thứ súng, nhưng biết dùng thứ súng nào là lợi-dụng hơn, những việc đó không phải hợp cả quốc-dân mà bàn được, không phải hỏi về phần đa-số mà hay quyết-định được, phát-minh ra thứ súng bắn lên trên không, tất phải hỏi đến nhà chuyên-môn mới biết thứ nào hơn thứ nào kém. Như thế thì ý-kiến phần đa-số không thể giải-quyết được những việc khó-khăn, chỉ là nhờ về một số ít người kiến-thức giỏi hơn mà thôi ; quyền-lực kiến-thức đã chắc ở bọn thiểu-số ấy, rồi có khi đến cấm cả nghị-luận, cấm cả diễn-huyết, cấm cả báo-chương, không ai được nói gì chỉ bắt ép người phải phục theo ý mình, như thế thì quyền chính-trị chỉ ở trong tay một ít người, đại nghị chính-trị, chẳng qua là cái thuyết trá-ngụy đó mà thôi.

Trở lên Bội-thị thì muốn đem cái cách chính-trị giáo-dục dạy cho phổ-

cập đề bảo cho nhân-dân biết lưu-tâm về đường chính-trị; nhưng xét về đời Hy-lạp đã có giáo-dục rồi mà còn phải lôi kéo người ra chốn nghị-trường, như thế thì giáo-dục cũng vô-hiệu. Lại như cái thuyết Khắc-thị bảo rằng chính-trị giáo-dục đầu làm phổ-cập đến thế nào, cũng không thể thay đổi được cái chủ-ý của mọi người, thế thì muốn đem giáo-dục đề cầu cho cái cách đại-nghị chính-trị được hoàn-toàn cũng không thể được. Lại như cái thuyết Mục-thị bảo rằng đại-nghị chính-trị là theo về chủ-nghĩa dân-chủ, nếu làm sai đi mà chuyên-quyền quá, thì cũng không khác gì chính-thế chuyên chế. Mã-thị thì bảo rằng đại-nghị chính-trị chẳng qua là cái thuyết trá-ngụy, kỳ-thực quyền chính-trị chỉ ở trong tay mấy người mà thôi.

Như thế thì nay cứ đề cho toàn-quốc nhân-dân đều có quyền đầu-phiếu quyết-nghị, tham-dự vào chính-trị cả có được không? Phải biết rằng chính-trị với dân-ý thường trái khác nhau, xem ngay như một việc vệ-sinh phòng bệnh truyền-nhiễm mà phải cấm đường giao thông, nếu hỏi đến dân-ý, thì tất là nhân-dân đều không bằng lòng, thế thì cái cách cho toàn-quốc nhân-dân được đầu-phiếu quyết-nghị, lại hỏng tệ hơn là cái cách đại-nghị chính-trị. Kiên-trị-khâm-nam đã từng bác đi nói rằng: « Xem như trong một công-ti thiết-lộ có biết bao nhiêu đa-số các nhà cổ-dông, mà công-ti thịnh hay suy thì chỉ qua hệ ở mấy người chức việc có thế-lực giỏi hay kém mà thôi, chớ còn như các nhà cổ-dông cũng không ai lấy cái cờ rằng mình có phần ở đấy mà chịu xem xét về sổ-sách và công-việc đường thiết-lộ như thế nào, trog một năm nên chế-tạo ra bao nhiêu xe, hoặc nên đắp ra mấy con đường mà chạy về những đường nào, nếu hỏi đến các nhà cổ-dông đầu-phiếu quyết-nghị,

thì các nhà ấy cũng không biết quyết-nghị ra thế nào; huống-chi những người có quyền đi bầu-cử, còn ai chịu xem xét đến những việc kinh-tế, việc ngoại-giao và tất cả đại-thế trong thiên-hạ, rồi mới đi bầu-cử, đó cũng là cái thói thường. Nay nếu cho cả toàn-quốc nhân-dân được đầu-phiếu quyết-nghị thì cũng mơ-hồ cả như thế mà thôi. » Bên nước Mỹ có một châu-thành đã theo cái cách cho tất cả nhân-dân đầu-phiếu quyết-nghị, đã làm ra một quyển sách nội-dung kể hết những công-việc đại-nghị, quyển sách ấy dày đến trăm trang, để phát hết cho dân có quyền đi bầu-cử được xem xét rồi đi mà đầu-phiếu, thế mà không ai từng xem qua đến cả.

Xem thế thì cái cách đại-nghị chính-trị không phải là vị nhân-dân, mà cũng vị-tất cả toàn là dân-ý, chẳng qua cũng là một chuyên-chế chính-thế, đem cái quyền-lực bắt ép quốc-dân ra đầu-phiếu làm trò dầy thối, mà những người ra làm đại-biểu chẳng qua cũng chỉ lấy lời nói khuyên bảo cho dân nghe theo mình mà thôi, cái danh tuy khác mà kỳ-thực chính-trị chỉ ở trong tay một số ít người mà thôi.

Vả lại xét ra loài người ta có hai cái tính-trái khác nhau: Một là cái tính xã-hội, hai là cái tính trái xã-hội; nay vì mưu-tính cho cuộc sinh-hoạt của xã-hội thì tất phải dùng cái thủ-đoạn đề dè nén bớt cái tính trái-ngược xã-hội đi. Ở về nước chuyên-chế thì quốc-dân phải một mực phục-tùng quyền-lực người xếp-dặt, đề áp-chế bớt cái tính trái-ngược xã-hội đi, thế thì tính-mệnh tài-sản của quốc-dân, là chỉ chắc nhờ về lòng từ-bi của người xếp-dặt; cũng có lúc phải bị thiệt-bại, nhưng cũng coi như là thiên-tai không thể tránh khỏi được. Ở về cái nước theo chính-trị dân-chủ thì cho những

việc xếp-dặt mà theo về cách chuyên-chế là không chính đáng, tính-mệnh tài-sản của dân thì dân tự khuyên bảo nhau mà trông coi lấy, không ai có thể xâm-phạm được, quốc-dân vì muốn giữ cho tính-mệnh tài-sản được an-toàn, nên phải chịu theo pháp-luật và đóng thuế, đó là tự mình mà áp-chế bởi cái tính trái-ngược xã-hội đi; vậy nên tính-mệnh tài-sản của mình nếu phải người nào trái phép mà xâm-phạm thì hết sức phản-đối. Còn như chủ-nghĩa xã-hội thì lại rộng hơn, họ cho những nhà tư-bản chỉ lũng-đoạn lấy mất lao-lực của dân lao-động là không được chính-đáng, cái quyền sinh-hoạt của dân lao-động thì không ai xâm-phạm được, đến lúc đã hẳn theo về chủ-nghĩa xã-hội thì phạm quốc-dân nếu gặp phải những sự sinh-hoạt không được yên-đàn hay là việc kinh-tế bị phải dè-nén thì họ hết sức phản-kháng. Song xét ra cái thời-đại về xã-hội chủ-nghĩa, cũng vẫn là cái chính-trị độc-quyền, dân cũng vẫn phải nghe theo những lời khuyên-bảo của người cầm quyền xếp-dặt, nếu có điều phản-kháng, thì cái quyền của người xếp-dặt lại phải thêm lên mà ra tay áp-chế chứ không phải là toàn được tự-do cả.

Nay muốn cho dân hiểu biết về đường chính-trị thì phải dùng cái cách chính-trị giáo-dục làm cho phổ-cập, khiến cho dân đối với chính-trị dần-dần hay tự-giác được, cái cách ấy cũng không khó gì; xem như một việc vệ-sinh mà phải phòng những bệnh truyền-nhiễm, bắt ép dân không được giao-thông, khi xưa thì người ta còn chưa hiểu, đến bây giờ thì họ đã hiểu cả rồi không ai oán-trách nữa, đó không phải là toàn-thể nhân-dân ai cũng đọc sách vệ-sinh, ai cũng làm thầy lang mới hiểu biết như thế, chỉ cốt khiến cho quốc-dân biết thừa-nhận cái lợi ích về việc vệ-sinh là đủ. Việc chính-trị cũng thế, bắt-tất phải quốc-dân ai cũng theo về đường chính-trị giáo-dục, ai cũng là nhà chính-trị cả dẫu, chỉ cốt lấy ít người trí-thức cầm quyền chính-trị, chứ không phải việc gì cũng quyết-định về đa-số cả dẫu. Xem thế thì cái cách đại-nghị-chính-trị chẳng qua cũng là trá-ngụy cả, chứ có theo đúng được như chủ-nghĩa xã-hội mà dân đều được có quyền quyết-nghị dẫu.

HỒNG-CHAU dịch

Souviens-toi que si tu restes fidèle à tes principes, ceux qui se moquaient d'abord de toi, t'admireront plus tard; mais si tu es vaincu par leurs propos, tu te rendras doublement ridicule.

EPIETÈTE

Anh phải nhớ rằng nếu anh biết giữ không sai tôn-chỉ, thì những kẻ trước kia họ phỉ-báng anh, sau này sẽ cảm-phục anh; nhưng nếu nghe lời phỉ-báng của họ mà anh sờn lòng, thì chỉ đủ làm thêm cái trò cười cho họ.

NGHỀ LÀM BÁO

Ở Âu-châu báo mới bắt đầu xuất-hiện từ khoảng giữa thế-kỷ thứ 16, trước nhất ở thành *Anvers* nước Hòa-lan và thành *Venise* nước Ý-đại-lợi. Đến thế-kỷ thứ 18, thì ở nước Pháp có người tên là THEOPHRASTE RENAUDOT mở ra tờ báo đã to, kể cấy lại nhiều báo nữa xuất hiện, tự bấy cấn giờ nghề làm báo mở mang tấn tới một cách lạ lùng.

Hiện nay thì báo-quán là một cái sức mạnh lớn trong thế-giới, và là một cái sức mạnh được thiên - hạ quý-trọng hơn cả. Các chính-phủ độc tài đều giữ lấy cái quyền kiểm - sát báo-quán, và muốn dùng làm cái lợi-khí cho mình; còn những chính-phủ khác cũng có ý sợ và sẵn lòng kiêng nê.

Báo-quán là cái trường đào-tạo ra dư-luận; là nơi tòa án đề-tố-cáo những sự tẻ-lạ, lại là cái loa truyền đề-tán-dương những kẻ có công.

Tờ báo ngày nay đã thành một món cần cho người ta, có người đã ví như đồ ăn cho trí-não cũng như cơm gạo là đồ ăn cho thân-thể, có lẽ cũng có khi không bỏ như cơm gạo thật, nhưng đã thành một món tất-yếu không thể khuyết được. Tờ báo phải xem xét đủ mọi điều, mà truyền báo cho mọi người biết. Cái chức-vụ của tờ báo là vừa phải dạy bực, vừa phải báo tin, vừa phải giải trí nữa. Điện giầy thép truyền đi mọi nơi, máy vô-tuyến thu các tin-tức, cũng là để cung-cấp cống hiến cho tờ báo cả.

Tờ báo là cái tiêu bản để thu rút cả cuộc sinh-hoạt trong thế-giới vào mấy trang giấy, tóm tắt lại cho ai nấy đều có thể lĩnh-lược được. Tờ báo đã thành như một cái nhịp tất yếu ở trong cái điệu sinh-hoạt đời nay, khiến

cho nếu không có thì hình như cung điếu sai mất cả.

Báo quán từ khi thành-lập đến giờ, cái trình-độ tiến-hóa như càng ngày càng gấp thêm lên, mỗi một thời-kỳ tiến-bộ là nhờ một sự phát-minh chế-tạo mới: năm 1810 chế ra máy in; năm 1814, tổ-chức nghề chế-tạo các mực in, từ trước đến bấy giờ mực in là do từng nhà chế lấy cùng riêng mà thôi, rồi đến chính đốn nghề đúc chữ in; năm 1844 đặt ra máy điện - báo; năm 1850 chế ra thứ giấy bằng chất gỗ, mới đủ tài-liệu dùng để in báo; rồi đến năm 1862, người tên là Foe chế ra cái máy in «luân-chuyên» (*relative*); sau cùng đến gần đây, lại chế ra các thứ máy dập và đúc chữ in kiểu *linotype* và kiểu *monotype*, như lối máy đánh chữ thường mà lại có thể đúc liền ngay từng dòng từng chữ được, tiện-lợi cho nghề in không biết bao nhiêu mà kể.

Nhờ có những máy-móc tinh-xảo đó mà báo có thể xuất-bản mỗi ngày một nhiều, đủ cung cho số người đọc càng ngày càng đông, vì những người không biết chữ ngày nay ít dần mãi đi. Cứ theo số thống-kế năm 1926 thì ở nước Đức có đến 3.812 tờ báo hằng ngày và hơn 4.300 tờ báo xuất-bản từng tuần-lễ một, ở Pháp thì chỉ riêng một thành *Paris* đã hơn 100 tờ báo hằng ngày; ở Anh thì có 2.400 báo hằng ngày; ở Nhật hơn 3.000 các báo chí, ở Ba-lan hơn 5.000. Ở Mỹ thì mấy năm nay có 2.400 tờ báo hằng ngày, và 14.800 tuần báo, và từ bấy đến nay chắc số còn tăng lên nhiều nữa.

Cách quảng cáo của các nhà buôn ngày nay cũng phát-dạt lắm, báo-quán nhờ đó mà tăng thêm tài-sản, có thể

khoảng-trương cách hành-động và bán báo rẻ cho người đọc được. Dù là báo tin-tức, báo nghị-luận hay báo công-kích, các báo-quán ngày nay đều phải kinh-lý theo lối doanh-nghiệp mới cả, mỗi cái báo thường là của một công-ti vô-danh và cách sắp-đặt không khác gì như một nơi công-xưởng, người làm chia ra từng bộ-phận khác nhau : bộ quản lý, bộ biên-tập, bộ ấn-loát

Trên trường kinh-tế ngày nay, có cái khuynh-hướng tập-hợp các công-nghệ. Nghề làm báo cũng không thể không theo cái khuynh-hướng đó. Có khi nhiều tờ báo tập-hợp lại thành một cuộc « tổ-hợp » (*trust*) lớn, do một người hay một hội chủ-trương. Như ở Mỹ người ta thường nói các báo của hãng HEARST, cũng như nói ở tô của hiệu FORD vậy. Thậm-chí có khi trong một cuộc « tổ-hợp » như thế gồm nhiều tờ báo chủ-nghĩa khác nhau, như vậy thì tờ báo không coi là một cái cơ-quan dư-luận nữa, chỉ là một việc doanh-nghiệp thường thôi. Như có ông vua báo nước Mỹ kia, một tay chủ-trương 24 cái nhật-báo, 14 cái tuần-báo, 11 cái tạp-chí, số độc-giả tới 40 triệu người, và trong các báo-chí của ông đó có cái ở *Chicago* thì nói trắng mà ở *Boston* thì nói đen vậy. Thực ra thì báo-quán ngày nay đã nghiê-m-nhiên hóa theo công-nghệ rồi, tuy mỗi xứ hơn kém có khác nhau, nhưng cái thể tất-nhiên đều như thế cả.

Nghề báo ngày nay dùng đến một đội người làm, người làm bằng trí-não, người làm bằng chân tay. Thí-dụ như một tờ báo lớn ở Nữu-troc, bộ quản-ly 48 người; các bộ biên-tập và tin-tức 466 người; bộ quảng cáo 366 người; các thợ máy và thợ chuyên-môn 130 người; thợ sắp chữ 260 người; thợ đúc chữ 30 người; thợ khắc 30 người; người coi việc thư-từ đi lại

131 người; bộ phát-hành 35 người; bộ kế-toán và quản-ly chung 96 người; bộ quản-thủ thư-từ 8 người; bộ chụp ảnh 17 người; tổng-cộng cả với người làm của 14 hay 16 tờ phụ-trương có ảnh xuất-bản ngày chủ-nhật cùng cái tạp-chí hàng tuần và hàng tháng của nhà báo xuất-bản thêm, thì tới số 2067 người.

Nhưng trong những người làm việc về nghề báo đó, bọn công-nhân làm việc bằng chân tay thì hiện đã có luật lao-động, bắt-buộc các chủ phải tuân theo, còn bọn làm việc bằng trí-não thì mãi tới gần đây vẫn chưa có thể-lệ gì qui-định cách làm việc, cũng chưa có phương-pháp gì khiến cho người chủ phải chuẩn-y những điều yêu-cầu của mình.

Nghĩ cũng lạ thay : Những người mà cái chức-vụ chính là đề-cung-cấp tài-liệu cho sự tư-tướng chung của thế-giới, bấy lâu nay không có đoàn-thể, không có luật-lệ nào bênh-vực cho cả, mà người thợ in người thợ ảnh, là những người giúp việc bên ngoài, thì đều có những hội nghiệp-đoàn rất có thế lực để bảo-thủ lợi-quyền cho hết.

Gần đây « Quốc-tế lao-động-cục » (*Bureau international du Travail*) ở *Genève*, là một cơ-quan thuộc Hội Vạn-quốc, ở ngoài ít người biết đến nhưng đã làm được nhiều công-việc có ích, chiều lòng thỉnh-cầu của đoàn-thể quốc-tế các nhà báo đến dự thỉnh ở hội-nghị Hội Vạn-quốc, có khởi-hành một cuộc điều-tra rất tinh-mật về các-nhữc làm việc cùng sinh-hoạt của các nhà biên-tập báo-chí trong trên dưới 30 nước. Các tài-liệu đã sưu-tập thành sách, xuất-bản ở *Genève* từ năm 1928. Xem đó thì biết rõ cái đời chức-nghiệp của nhà viết báo thế nào, cũng biết qua được cái vấn-đề làm báo đời nay thế nào. Sách này dày tới 240 trang,

không thể thuật lại cho tường được ; nay chỉ tóm lược mấy điều cốt-yếu về nghề làm báo, về người viết báo, về cách tổ-chức công-việc, về hiện-tình báo-giới trong các nước.

Người viết báo phải tập-luyện thế nào cho thành tư-cách, điều đó thì ý-kiến mỗi người một khác. Người thì cho rằng nghề viết báo không cần phải có trường riêng để dạy, cứ làm là tự-khắc biết. Người thì cho rằng cần phải có trường dạy làm báo, người nào tốt-nghiệp ở đấy ra phải có bằng-cấp.

Hiện nay, ở mấy nước đã có trường dạy như thế. Ở Mỹ 38 trường đại-học có đặt ban riêng để dạy về nghề làm báo, lại có 19 trường chuyên-môn của Nhà nước và 50 trường của người riêng lập ; ở Đức có 16 trường đại-học có ban dạy làm báo, 2 trường chuyên-môn và 5 trường cao-đẳng thương-mại, trong số đó có trường *Heidelberg* là có tiếng hơn cả ; ở Ti-ler-y-thi, có các lớp dạy buổi tối, ở nước Anh và nước Ý cũng có trường dạy từ năm 1928. Còn phần nhiều các nước khác thì không có trường học hoặc lớp dạy riêng về nghề làm báo.

Nhà viết báo thường thường là những người chỉ chuyên riêng về việc đó. Tuy-nhiên, các tờ báo thường thường cũng có nhờ người ngoài viết giùm, hoặc là những tay văn-sĩ, bậc giáo-sư hay chức quan-lại. Ở Tây-ban-nha, phần nhiều các báo là có tính-cách chính-trị hay tôn-giáo cả, cho nên người viết báo không thể sinh-hoạt riêng về một nghề đó được.

Đàn bà viết báo hiện nay còn ít, nhưng số mỗi ngày một tăng lên. Ở các nước Âu-châu, đàn bà thường viết về các vấn-đề ăn mặc, vệ sinh, gia-chính, cũng có khi phê-bình về văn học diên-kịch. Ở Mỹ thì đàn bà thường dùng làm phóng-viên. Ở Pháp, hội Nghiệp-đoàn

các nhà viết báo có 1000 người thì trong số đó ước được 20 người đàn bà, nghĩa là đứng vào tỉ-lệ hai phần trăm. Ở Anh thì tỉ-lệ ấy là 7, 71 phần trăm, ở Mỹ là 16, 7 phần trăm.

Mới trong khoảng 20 năm nay các nhà chuyên-nghiệp làm báo mới bắt đầu tổ-chức thành đoàn-thể giống như các nghiệp-đoàn của bọn công-nhân để bênh-vực lợi-quyền kinh-tế của mình. Xương-suất ra trước nhất là tự 4 nước Đức, Áo, Anh và Mỹ. Tùy mỗi xứ, các hội nghiệp-đoàn đó hoặc là độc-lập, hoặc là liên-hiệp với các hội những người làm việc bằng trí-não khác, cũng có khi kết-liên với các hội công-nhân lao-động nữa.

Nước Mỹ là một nước có nhiều các báo lớn, vậy mà cách tổ-chức các nghiệp-đoàn hầu như không có, điều đó cũng lạ. Trái lại thì nước Anh về đường này lại tẩn-tối lắm : có một hội « Quốc-gia liên-đoàn các nhà biên-tập báo » (*Union nationale des journalistes*) có 4.800 hội-viên, thi-hành những phương-pháp của các công-nhân nghiệp-đoàn và có kết-liên với liên-đoàn nghề in cùng các nghề đồng loại.

Đứng bậc thứ nhì trong các hội nhà báo trong thế-giới thì có « Đức-quốc báo giới-hội » (*Association Nationale de la Presse allemande*), có 4.400 hội-viên, tổ-chức như một hội nghiệp-đoàn của công-nhân, mà có vẻ hoạt-động lắm.

Ở nước Pháp, thì ngoài các hội đồng-nghiệp của nhà báo, tổ-chức theo địa-phương như « Hội các nhà viết báo ở Paris », theo chủ-nghĩa chính-trị như « Hội các nhà báo Cộng-hòa », hay là theo chuyên-môn như « Hội các nhà báo ở Nghị-viện », vân-vân, mục-đích là để anh em đồng-nghiệp giúp đỡ lẫn nhau, — ngoài các đoàn-thể đó, có hội « Nghiệp-đoàn các nhà viết báo »

(*Syndicat des journalistes*), lập năm 1918, số hội-viên được 1.200 người, cách hành-động là dùng những phương-pháp của các công-nhân nghiệp-đoàn để mưu tăng-tiến về đường sinh-hoạt cho các nhà viết báo.

Ở Ý-dại-lợi, cũng có một đoàn-thể lớn để bảo-thủ lợi-quyền cho các nhà làm báo; nhưng hội này có tinh-cách về chính-trị, nên những người nào có ý phản-đối đảng « Pha-xi » không được vào hội.

Về phương - diện quốc-tế, thì tự năm 1890 đã có một « Liên-đoàn quốc-tế các hội báo », nhưng hồi Âu-chiến thì hội này tan; đến năm 1926, hội nghiệp-đoàn các nhà báo Pháp mới khởi-xướng lên lập một « Liên-đoàn quốc-tế các nhà viết báo », mục-đích cốt là đề bênh-vực cho nghề làm báo cùng trú-tinh những kế-hoạch có thể giúp cho nghề này ở các nước được tiện-lợi hơn.

Trong khi đó thì « Liên-đoàn quốc-tế các hội báo » lại khôi-phục lại, gồm cả các nhà viết báo, các chủ-nhiệm báo cùng các nhà xuất-bản báo.

Ngoài các đoàn-thể quốc-tế đó, lại còn « Hội quốc-tế các nhà viết báo có ủy-nhiệm đến dự-thính ở Hội Vạn-quốc », lập tự năm 1921; « Quốc-tế-cục của các nhà báo về đạo Gia-tô », mới lập ở Paris gần đây; lại ở Mỹ thì có « Thế-giới báo - quán hội-nghị » (*World Press Congress*).

Mục-đích của các hội đó là cốt để hiệp-lực nhau mà tìm phương - kế khiến cho nghề báo trong các nước được tiện-lợi hơn, và cách sinh-hoạt của các nhà viết báo cũng được tăng-tiến hơn.

Cuộc điều-tra của Quốc-tế-lao-động-cục có xét về mấy cái mục-đích của các hội nhà báo như sau này : dự-thảo các bản hợp-đồng của các nhà viết báo ký với các chủ báo; yêu-cầu Nghị-

viện các nước đặt điều-luật phân-minh để định quyền-lợi trách-nhiệm của các nhà viết báo ; sưu-tập những điều đã thi-hành ở các nước về các phương-diện đó.

Ở Pháp và ở Ti-lợi-thì thời chưa có lệ làm tờ hợp-đồng chung, còn hợp-đồng riêng của từng người thì cũng là thẳng-hoặc mới có mà thôi. Đến như luật-lệ về nghề viết báo, thì ngoài lệ mỗi tuần-lễ nghỉ một ngày, không có điều-luật gì khác nữa. Về phương-diện này, thì nước Đức, nước Áo, Úc-châu, nước Anh còn tấn-tới hơn nước Pháp. Ở Ý-dại-lợi thì luật định rõ cách-thức làm hợp-đồng thế nào, và qui-định cả nghề viết báo phải thuộc quyền Nhà-nước kiểm-soát.

Nghề viết báo là một nghề không có chắc-bằng gì, làm ngày nào hay ngày ấy, có thể nhất-đán mất việc ngay được. Các báo không những tùy thời-thế, tùy cơ-hội, tùy người chủ-trương, có khi thăng khi sút; mà lại phương-châm chủ-nghĩa cũng có thể nhất-đán thay đổi đi được, khiến cho người viết báo nhiều khi gặp phải những trường-hợp khó-khăn không thể làm được nữa, bất-đắc-dĩ phải bỏ mà đi, thành ra không được tiền bồi-thường gì cả.

Về khoản này thế-lệ mỗi nước một khác. Ở Pháp thì không có luật nào buộc người chủ báo phải ký hợp-đồng với người viết báo, chỉ theo lệ thường thì khi nào không dùng nữa hay vì có gì phải bỏ đi thì phải trả một món tiền bồi-thường. Hội nghiệp-đoàn các nhà viết báo đang tìm cách để mỗi khi có xảy ra việc riêng từng người thì dùng cách trọng-lãi để giải-quyết. Tuy-nhiên điều-luật không có, hợp - đồng không có, cũng là một sự bất-tiện.

Ở mấy nước thì những sự phân-tranh của chủ báo với người viết báo có đặt tòa án riêng để xử. Các hội

nghiệp-đoàn ở Pháp cũng yêu-cầu cho nước Pháp theo lệ đó. Hội Liên-đoàn quốc-tế các nhà viết báo đã biên điều đó vào trong chương-trình hành-động.

Cuộc điều-tra của Quốc-tế lao-động-cục lại chú-ý về cách-thức làm việc, về thời-hạn làm việc, về số giờ phải có mặt tại sở báo, toàn là những vấn-đề khó giải cả, vì việc làm đây là việc làm về trí-não, các nhà viết báo nhiều khi soạn bài ở nhà không cần phải có mặt ở sở báo.

Tuy-nhiên, cũng có xứ như Úc-châu, có đặt luật-lệ rõ ràng, phân-biệt công-việc làm ban ngày với công việc làm ban đêm Ở Pháp thì không có luật-lệ nào như thế cả, thi-giờ làm việc cùng công việc ban ngày và ban đêm không có thể lệ gì định rõ cả.

Đến như lệ mỗi tuần-lễ nghỉ một ngày, nghề gì cũng theo như thế cả, mà nghề viết báo ở các nước cũng không thi-hành được nhất-luật. Có nước phải đặt lệ cấm các báo mỗi tuần-lễ không được xuất-bản một ngày để cho người viết báo được nghỉ: như ở Tây-ban-nha, thì chiều chủ-nhật và sớm thứ hai không được báo nào xuất-bản; ở Ý-đại-lợi cũng vậy.

Còn vấn-đề nghỉ hè hằng năm thì không nước nào có lệ định cả; nhưng theo tục thì thường-thường vẫn được nghỉ. Ở nước Áo, theo giấy hợp-đồng chung cho các nhà viết báo, thì người nào đã làm việc được mười năm, bắt-cứ làm cho một hay làm cho nhiều nhà báo, có quyền được nghỉ một tháng rưỡi; còn ở các nước khác thì được một tháng, ba tuần-lễ hay mười lăm ngày là thường.

Nghỉ ngày lễ hay ngày hội, thì mỗi nước một khác không có lệ nhất-định. Ở nước Pháp thì nghỉ từ 15 ngày đến một tháng cũng được lương, song cũng

không có lệ nào nhất-định. Nghỉ dưỡng-bệnh cũng vậy.

Đến như tiền lương của các nhà viết báo, thì nhiều ít khác nhau lắm. Thế-giới ngày nay đương qua một hồi khủng - hoảng về kinh - tế, những người làm việc về trí-não trong bao lâu không có đoàn-thể để bảo-thủ lợi-quyền cho mình, nên bị thiệt-thòi nhiều lắm. Người làm công làm thợ thường nhờ các hội nghiệp-đoàn yêu - cầu mà được tăng lương luôn, các người làm việc bằng trí-não lắm khi không được như thế. Có xứ lương người viết báo không bằng lương thợ sắp chữ.

Hiện nay thì nhờ có các hội nghiệp-đoàn về nghề báo vận - động, nên vấn-đề lương-bổng đã được tiếm khá hơn trước.

Ở Úc-châu thì lương các nhà viết báo có định rõ trong hợp-đồng, và lại định một số thấp nhất không thể hạ quá xuống được nữa. Ở nước Áo cũng có định số lương tối-thiểu như thế, và lại có lệ ngoài lương tháng mỗi năm có tiền thưởng nữa.

Ở Tây-ban-nha thì lương các nhà viết báo lại thấp quá, như một người biên-tập thường mỗi tháng chỉ được từ 200 đến 300 *pesetas* mà thôi, mà một người thợ in giỏi thì mỗi tháng được đến 350 *pesetas*; ở kinh-thành *Madrid* có người phóng-viên nhật - báo mỗi tháng chỉ được 175 hay 150 *pesetas* mà thôi (mỗi một *peseta*, theo thời-giá bằng trên dưới một phật-lăng của Pháp.)

Ở nước Pháp cũng vậy, cái tình-cảnh các nhà viết báo cũng không hơn gì mấy. Hội nghiệp-đoàn cũng đã vận-động, có kết-quả một dòi chút, nhưng đại-đề thì cái số tiền lương tăng vẫn không theo kịp cái giá sinh-hoạt cao, và xét cái tình-trạng của các nhà viết

báo ngày nay về đường vật-chất đem so-sánh với trước khi chiến-tranh còn kém xa nhiều.

Lại những khi tìm kiếm việc làm, hay những khi không có công-việc phải nghỉ, các vấn-đề đó, những đoàn-thể chức-nghiệp cũng để ý nghiên-cứu và tìm phương giải-quyết.

Như ở nước Áo thì trong thể-lệ có định các cách bảo-hiêm gặp khi không có việc làm, khi đau ốm, khi tai-nạn, khi già yếu, khi tàn-tật, khi chết. Các nhà viết báo ở Pháp thì tự tháng giêng năm 1928 đã có đặt một cái hội Dưỡng-lão. Còn khi tai-nạn ốm-dau, thì các hội chức-nghiệp có cho tiền cứu - trợ, và mấy tờ báo lớn lại có đặt tiền tuất-quả cho những người giúp việc quá-cổ di.

Nay tổng-quát cả cuộc điều-tra của Quốc-tế Lao-động-cục, thì thấy nghề làm báo ở các nước thuộc về cách-thức làm việc cùng sinh-hoạt của các nhà viết báo, nước nọ nước kia cách nhau xa nhiều lắm. Có mấy nước như nước Tắc nước Áo thì đã có luật-lệ phân-minh, bênh-vực lợi-quyền cho các nhà biên-tập báo; còn ở nhiều nước khác thì hết thấy phó mặc ở người chủ báo cả.

Song cứ đại-thể mà xét thì thấy đâu đâu cũng có cái khuynh-hướng muốn tổ-chức qui-định cho có thể-lệ phân-

minh. Nghề báo đã thành một « nghề », thì sớm trưa tất phải chỉnh-đốn cho có luật-pháp và có thống-hệ. Vì cái tình-hình kinh-tế ngày nay mỗi ngày một ngặt, nên các hội nhà báo đều có cái tình-cách như các hội nghiệp-đoàn của những người làm thợ làm công, nghĩa là chuyên-chủ về cái tình-cảnh sinh-hoạt của các hội-viên, như tiền lương, cách làm việc, cách đảm-bảo, vãn-vãn.

Xét như vậy thì cuộc điều-tra của Quốc-tế Lao-động-cục thật đã giúp được nhiều tài-liệu tốt, để giải-quyết các vấn-đề thuộc về một nghề rất có giá-trị đời nay.

Nghề báo thật là một nghề rất có giá-trị và rất có thể-lực, thậm-chi có người đã tôn mà gọi tờ báo là một vị hoàng-đế đời nay (*Sa Majesté la Presse*). Nhưng cũng là một nghề rất lao-tâm lao-lực, mà lắm khi sự hưởng-thụ cho kẻ làm việc không được tương đương với cái công-phu đó.

Nhưng nay cái phong trào hợp-quần đã thịnh hành, các nhà viết báo đã có những hội nghiệp - đoàn để lo toan những việc lợi-ích chung, thì cái vấn-đề sinh-hoạt của các nhà viết báo cũng có lẽ giải-quyết được ổn-thỏa.

HỒNG-NHÂN biên-dịch



ĐỜI ĐẠO-LÝ (1)

VI

Vậy chớ có nên theo theo hẳn hay bỏ bỏ cả mà nên giữ lấy sự điều-hòa của mình. — Vậy thì phải nên cố giữ-gìn cho khỏi mắc phải cái tính khăng-khăng cố-chấp khiến cho nhiệt-thành những cái không đáng mà bài-bác cũng hay kịch-liệt, cái tính thiên-lệch bất-công, hễ thấy trong một cái lý-thuyết về khoa-học hay triết-học có một điều-kiện nào là không đúng thì nhất-khái cho cả lý-thuyết đó là không có giá-trị gì, cái tính ngoan-mê thiên chấp hễ thấy trong một đạo nào có một giáo-điều không thể dung-nạp được thì cho đạo ấy là không giá-trị gì, cái tính môn-phái biên-hiệp cho rằng duy có môn mình phái mình là biết được cái chân-lý hoàn-toàn, và mình có quyền bắt mọi người phải theo mình hễ thấy, lại cái tính tự-phụ của cá-nhân, thật là cái trở-lực cho sự tinh-tiến của mỗi người. Những cái đó là không nên cả. Duy chỉ cái gì công-nhiên trái với luật đạo-đức, trái với luật thiêc-nhiên, là nên phân-minh ruồng-bỏ và bài-trừ đi vậy.

Người nào không nghĩ-ngợi cho kỹ, trong sự khen chê không biết giữ cho điều-độ, khuynh-hướng về bên nào thì xô miệt hẳn về bên ấy, kẻ ấy tất là phải mất sự điều-hòa của mình, vì sinh ra cái bụng bất-công và cái lòng ghen-ghét vậy. Thế nghĩa là người ta nên giúp cho cái chân-lý nó phát-biểu ra, giúp cho nhân-loại được tấn-tới, mà đối với kẻ ngu thì soi tỏ cho sáng-suốt mà không nóng-nảy, đối với kẻ lắm thì chỉ-bảo cho biết lỗi mà không giận-dữ, đối

với kẻ ác thì chữa sửa cho ngay thẳng mà không ghét bỏ.

Những lời hay lẽ phải nói ra một cách thành thực, bình tĩnh, thì không bao giờ bỏ đi cả. Trẻ như cái hạt giống gieo ra thì sớm trưa thế nào rồi nó cũng nảy mầm và mọc lên vậy.

Nhưng vì đất có nơi tốt nơi xấu, nên thường phải kiên-nhẫn mới được. Trước hết không nên nói những lời-lẽ cao-kỳ mà bắt những người trí-khôn thấp kém phải hiểu ngay cho được. Những hạt giống cây quý lại thường càng khó mọc; phải có đất tốt mà làm-lụng kỹ mới được. Đối với mỗi người, phải nói những lời-lẽ cho người ta hiểu được, phải truyền-thụ cho cái phần chân-lý người ta có thể dung-nạp được. Lại nếu thấy những điều truyền dạy đó mà chưa có hiệu-quả ngay, thì cũng không nên nóng-rầy. Đời người là một cuộc tiến-hóa, mau hay chậm là ở cái trình-độ phát-đạt của năng-lực mỗi người, nghĩa là ở những cái sở-dắc từ trước. Nếu cái sở-dắc xấu, thì phải có thì giờ để mà trừ-khử nó đi đã, rồi mới có thể giống cái giống tốt hơn được. Bởi thế nên thường thường điều-chân-lý mà muốn phát-biểu ra một cách mới-mẻ hoàn-toàn, thì chưa thể khiến cho người ta hiểu ngay được, phải dọn đường sẵn trước đã. Điều mới lạ thì kẻ chậm-chạp không hiểu lấy làm trãi tai, phải đợi cho tự họ dần dần quen tai mới nghe được.

Xem như thế thì hiểu rõ cái ý của PYTHAGORE vẫn khuyên người ta theo những điều đạo-đức cao-thượng, vẫn

(1) Tiếp theo Nam-Phong số 153.

hết sức mà công-kích những điều xấu xa bậy-bạ, vậy mà vẫn không dung những lời xui-giục bạo-dông. Những việc mưu-mô phản-đối các luật-pháp hiện-thời, cho đến cả những tư-tưởng cấm-hòn oán giận, cho là trái với cái phương-châm thiên-diễn cùng cái tinh-thần đạo-lý vậy. Ông nói rằng: «Ai nấy phải hiểu rằng không có cái gì tai-hại bằng sự hỗn-loạn.»

Vì rằng phạm việc cải-cách không nên cho là một việc phá-hoại, nhưng phải cho là cái công-phu dần-dần gây dựng ra một cái tinh-thần mới, một cái thể-chế mới. Nhất đán đem phá đổ cả cái cũ đi để gây ra một cái tinh-trạng nhiễu-loạn, thì thà rằng cứ nên giữ lấy những cái chế-độ cũ, để đợi cho cái tư-tưởng duy-tân nó nảy-nở ra, cùng những nhân-vật mới kịp mà đào-tạo ra vậy. Như vậy thì lấy cái cở điển làm gốc, mà những cái thuyết mới hay hơn đẹp hơn cứ đẩy mà tự-nhiên gây-dựng nên, không đến xung-đột gì. Sau nữa trong cái sự-nghiệp tái-tạo đó, kẻ đat-nuân vẫn biết giữ kiền-nhân, vì biết rằng một cái cơ-thể nào đã kinh-quá bao lâu mới đến nỗi tồi-tàn đi, thì ít ra cũng phải bấy lâu nữa mới có thể khôi-phục lại được.

Nếu điều trái được tạm-thời thắng- lợi thì nên lánh xa mà đợi thời. — Ở đời điều thiện mà thắng được không phải là không cạnh-tranh mà được, lắm khi lại gây ra những cuộc phản-động kịch-liệt, người trí-giả nên lánh cho xa. Vì kẻ tôn-sùng đạo-lý không thể dẫn mình vào nơi đua tranh ghen-ghét, dùng những cách bạo động cưỡng-bách, hay là ra ganh đua trong đám đục-tinh tưng-sinh. Sự nhiệt-thành mà đến mãnh-liệt quá thì dễ thành ra bách-hại đến người ta. Để mình vào nơi cạnh-tranh vô-độ là trái với cái đời đạo-lý. Vậy thì không nên vì một duyên-cớ

gì mà a-dua với người để bài-bác ai, để công-kích ai hay để phản-đối ai.

Khi nào thấy cái ác nó sắp phát-sinh ra, thì việc của người thức-giả là phải báo trước cho biết cái hiểm-tượng và chỉ cái phương thuốc có thể cứu-vãn được. Nhưng nếu mình nói mà không có người hưởng ứng, thì chỉ nên lánh mình ra ngoài, không giận-dữ, không hối-hận gì, nhẫn-nhục đợi cho đến khi cái ác tự nó phải tiêu đi, và điều thiện cứu-cánh sẽ đắc-thắng cũng là nhờ ở sự rầu lòng nhẫn-nhục đó. Sự chấn-chỉnh nên làm mà người đời đã không biết thuận tình làm, thì bấy giờ do cái sức của vận-mệnh bắt buộc phải làm, mà làm một cách tai-hại, khi ấy thì người thức-giả chỉ nên đem lòng thương, sẵn lòng giúp cho người đời, đợi cho sự báo-ứng tất-nhiên, cho cái kỳ-hạn phải tới nó xong xuôi đi, cho cái bệnh nó tuần-tự phát ra, và điều nghĩa-vụ đã nhãng bỏ không làm được trọn bấy giờ phải khôi-phục lại hoàn-toàn.

Phải tập ấy cái trí phán- đoán cho ngay-thẳng và cho vững-vàng. — *Điều ta nói đây, phải nên chăm theo cho đúng. Lời nói việc làm của kẻ khác, chớ nên a-dua mà không suy nghĩ.* — Có cái trí phán- đoán cho ngay-thẳng và biết tự-chủ mình cho vững-vàng, đó là điều tối-quan-hệ ở đời, cho nên trước khi giải cái lễ cần thế nào cùng sự kết-quả làm sao, PYTHAGORE hằng bắt đầu khuyên người ta nên đặc-biệt chú-ý, mà nói rằng: Điều ta nói đây, phải nên chăm mà theo cho đúng.

Điều cốt-yếu cho được tự-chủ mình là không nên a-tòng những sự khuyến-dụ ở ngoài, nên biết tự mình suy-nghĩ, tự mình kiểm-điểm, rồi hãy nói một điều gì hay làm một việc gì

Vì mỗi người như có cái hào-quang ở quanh mình, việc mình làm, lời mình

nói, người minh đứng ở đấy, đều có phát-hiện ra một cái sức thần-thông đặc-biệt. Như vậy không những định được cái số-phận riêng của mình, mà lại nêu cái sức tinh-thần ấy mạnh, định được cả một phần cái số-phận người quanh mình. Phàm cái sức thần-thông mà phát ra đều đặn mạnh-bạo, dù tốt dù xấu mặc lòng, tất có cảm vào những người ít sức đề-kháng lại, mà số người này nhiều. Sự ảnh-hưởng đó gọi là cái sức cảm dụ. Tỉ như người có tinh khoan-nhân âu-yếm thì quanh mình như có cái không-khí ôn-hòa vui-vẻ mà sống, còn như những người căm-giận u-uất thì quanh mình như có cái không-khí tạt-bệnh chiến-đấu vậy.

Vậy thì trong cái đời thường của người ta, những sự cảm-dụ tốt hay xấu thật là có một cái ảnh-hưởng rất to vậy. Con đường tu-tiến mà sờ-dĩ đến khó-khăn, cái công đạo-đức mà sờ-dĩ có giá-trị, là bởi phải chống lại với vô-số những cái sức cảm-dỗ xấu, những cảnh diễn ra, những sách đọc được, những cái gương ô-ũế bày ra trước mắt, những lời khuyên xằng của vô số kẻ kia, nó không biết tôn-trọng điều gì, nó không biết suy-nghĩ sâu-xa, chỉ biết phán-đoán mọi sự ở cái kết-quả nhỡn-tiền mà thôi, thật là sống ở đời không có con mắt sáng, không có cái phẩm cao vậy.

Xem như thế thì biết cần phải kén-chọn chỗ mình giao-tiếp, lánh xa những kẻ vô-đạo-đức, những kẻ có ác-tâm, những kẻ ngoan - mè cương - ngạnh, những kẻ tiêu-cực phỉ-báng, có cái thói xấu hay chê-bại, hay ngạnh-trở, mà nên gần-gũi với những người có đức-hạnh, có nghĩa-phương, những người có tinh-thần tích-cực và có tính-cách cô-võ. Khi nào đã kén chọn một số người đạo-đức để làm chỗ giao-du rồi, thì cũng không nên tìm cho quen

biết rộng ra ngoài. Lại khi nào cái thế không thể tránh được những kẻ ngang trái, thì phải tự mình biệt-lập cho mình, giữ cái thái-độ điềm-nhiên bất-động, đem những cái tư-tưởng khoan-nhân trung-hậu mà làm như một cái thiết-giáp để ẩn mình vào đấy.

Mấy điều đó đã hiểu rõ và đã biết dùng rồi, thì bấy giờ phải tập tự mình tư-tưởng. Muốn như thế thì cần nhất phải biết rằng nhiều cái ý-kiến thiên-hạ thường công-nhận lại là ý-kiến sai-lầm, và cái thói quen của nhiều người không thể cho là tiêu-biểu cho sự thực được, không lấy cái có rằng nhiều người theo mà mình cho là phải được. Vì phần nhiều người tư-tưởng một cách sai-lầm, nuôi mình bằng những chất không tốt. Vậy thì không nên phò mặc mà tuân theo lu-tục, đối với những cái thiên-kiến cùng những cái cổ-lập không nên không suy-xét mà theo liều, không nên bị kẻ nịnh-hót nó đánh lừa hay kẻ cường bạo nó dọa-nạt.

Lại cũng nên sửa cái tính bất-chước vô-ý-thức, thấy người ta cười mình cũng cười, người ta khóc mình cũng khóc, làm đại-nghĩa đến nhượng-bộ, vì nhu-nhược chỉ biết phò mặc tự-nhiên hay đua theo công-chúng. Nói tóm lại thì chớ nên làm nô-lệ người nào, cũng đừng nên để một cái ảnh-hưởng nào nó lung-lạc được mình.

Cho đạt tới cái mục-đích đó thì cái diệu-kế hơn cả là phải tập-luyện cho có một cái trí-não cao-thượng và tích-cực, phải gây dựng cho có một cái kho tích-lũy những tư-tưởng chung, phải trau-giồi cho biết phán-đoán một cách sáng-suốt và cho có cái tinh-vững-vàng tự quyết. Biết tìm-tòi mà sưu-tập những điều có bồ-ích có chân-lý cùng cho sự tiến-bộ, biết đem những việc xảy ra bằng ngày mà trích lấy

thành bài học cho mình, biết lấy những câu cách ngôn của các bậc hiền-triết mà nghiên-ngâm suy-xét, thì tự mình gây lấy được cái năng-lực phán-đoán vừa ngay-thẳng vừa mạnh-mẽ, có thể gặp cơ-hội nào cũng suy cho thấu đến chỗ đại-cương, biết phân-biệt điều phải điều trái, chống lại với cái ác, hành-động một cách mau chóng và phải đường, cứ con đường vương-đạo là đường chính-lý nhân-từ mà theo, dù đặt mình ở giữa cái cảnh người ta tương-tương tương-hại nhau mặt lòng, nói tóm lại là làm thế nào giữ được cái tính hòa-bình chính-trực của mình ở ngay cạnh nơi bất-hòa bất-chính vậy.

Muốn cho biết phán-đoán sự-vật cho phải đường, muốn cho biết tu-luyện cho mình cùng dạy-dỗ kẻ khác cho phải đường, thì tất phải biết rõ cái luật chung của đời người cùng cái mục-dịch ở đời là thế nào. Phạm phép xử-thế muốn cho được chắc-bằng nhất-định thì tất phải đủ cao-thượng cho hiểu-thấu được cái thể-thống chung của vũ-trụ. Người nào chỉ biết theo những cái phép-tắc nhỏ, không biết dựng nên một cái nền cái gốc chung để chung-đúc cả những phép-tắc ấy cho có cơ-sở vững-vàng, thì chẳng qua chỉ làm hi-sinh cho những điều sự-thực nhỏ-mọn, nó chỉ thích-hợp cho một thời một nơi mà thôi, không thể đem ra mà thi-hành được cho khắp các trường-hợp.

Trong cuộc đời thường, muốn chống lại với cái sức cảm-dụ ở ngoài, không để cho những cái sự-lý cùng những cái ý-kiến nhỏ-nhất nó lung-lạc mình được, thì phải tự mình định lấy một cái phạm-vi của mình, đặt lấy một cái tôn-chỉ vững-vàng như sắt đá, để nương tựa vào đấy, căn-cứ vào đấy, không bao giờ sai được. Mỗi khi trong một cuộc thảo-luận hay đối với một cái sức cảm-dỗ ở ngoài mà thấy mình núng thế, thì bao giờ cũng phải nhớ

đến cái tôn-chỉ của mình, để giữ lấy cái quyền tự-chủ hoặc chủ-trương kẻ khác và để cho cái sức mạnh tinh-thần của mình thắng được người vậy.

Lại cũng không nên thảo-luận với những kẻ có tà-tâm, vì cãi lẽ với họ chỉ đủ giục thêm cái bụng xấu của họ mà thôi, hay là với những kẻ vô-giáo-dục, vì phạm-sự của bọn này là phải học cho biết, chứ chưa thể đem cái ngu-dốt hay sự mơ-tưởng của mình mà bắt cho người khác theo vậy. PYTHAGORE nói rằng : « Đừng có đem thanh kiếm mà gọi cho lửa nòng thêm. » Nghĩa là chỉ những người nào biết rầu lòng học hỏi, biết chăm-chỉ suy-nghĩ, biết tự mình phán-đoán, khiến cho có cái trí sáng-sủa và có cái lòng thành-kinh, thì người ấy mới có tư cách học đạo được mà thôi. Vì cái chân-lý không thể cứ sẵn-sàng mà truyền ở ngoài vào được, bằng oai-quyền hay bằng lý-luận. Mỗi người phải tự mình đào-tạo lấy bằng sức suy-nghĩ, bằng sự kinh-lich riêng vậy.

Khi nào đã lấy lẽ phải mà suy-xét biết theo đường nào là hơn thì bấy giờ hãy nên nói nên làm. Trước khi hành-động phải nên suy-tĩnh, như thế thì khỏi làm những điều vô-ý-thức. Người ta thường bị khổ-sở chính là bởi làm và nói không có điều-độ, không có phép-tắc vậy. — Chân-lý chỉ có một mà thôi, mà là thuộc về thể đại-đồng, nghĩa là có tính-cách thiên-nhiên siêu-việt. Chân-lý là ở sự biết các luật sáng-tạo, thành-lập, tiến-hóa của vạn-vật, lại ở cả sự biết các luật tự-nhiên và siêu-nhiên chi-phối cho cuộc sinh-hoạt ở trên mặt địa-cầu cùng các công-việc của người ta. Chân-lý là gồm các cái tôn-chỉ lớn chủ-trương cho đời người, là Công-ngĩa, Chính-lý, Nhân-từ, Trật-tự, Cai-quát và Phục-tòng. Vậy thì mỗi cái tư-tưởng mình nhận được hay mình phát ra phải liền đem đối-chiếu với mấy cái tôn-chỉ lớn

đó ; mỗi lần hãy tự hỏi như thế này : Cái tư-tưởng đó có phải không, có đúng không, đối với cái trật-tự siêu-nhiên có phải là xứng-đáng không ? Lại đối với cái trật-tự thiên-nhiên của sự-vật có thích-hợp không, trật-tự này ta sở biết được hoặc là bởi phân-tích những cái lý-do chân-chính, hoặc ẩn hoặc hiện của các hiện-tượng cùng những mối quan-hệ thế nào, hoặc là suy-loại mà xét ra, vì trong vũ-trụ hết thảy là kết-cấu theo một cái qui-mô nhất-định.

Nói tóm lại, tư-tưởng và hành-động theo Thượng-đế và theo Thiên-nhiên, đó là cái luật phán-đoán nhất-định và là cái đích duy-nhất của đời người.

Đến khi đã biết con đường nghĩa-vụ cùng cái đạo sinh-hoạt an-toàn thì bấy giờ mới thật là được yên-ôn điều-hòa. Cứ việc vững-vàng mà đi thẳng, vì chắc là không sai trật-tự và đã có phương-châm vậy. Vì khi đã biết cân-nhắc hết thảy, đã biết qui- nạp hết thảy cho hợp với lẽ chính-ly, cho thuận với luật thiên-nhiên, thì chỉ nên giữ-gìn cho khỏi vội-vàng hấp-tấp, nghĩa là nghĩ kỹ trước khi nói và trước khi làm, để cho tránh khỏi những sự cảm-dỗ bất-lương, những lời biện-thuyết vô-ích; những cách ăn-ở sai-lầm, những điều thống-khổ thiết-tha. Bấy giờ mới thực là tự-chủ được mình. Có thể tự mình phán-đoán mình cũng được, không hại gì. Đã biết cái chân-ly ở đâu, đã quyết đối với mình lại nghiêm-khắc hơn là đối với kẻ khác, phạm điều lầm-lỗi quyết không dung-thứ, thì bấy giờ là tùy-thuộc ở cái lương-tâm của mình hơn là tùy-thuộc ở sự phán-đoán của kẻ khác. Bấy giờ không còn quan-tâm đến cái dư-luận những kẻ bàng-quan ở ngoài nữa, mình đã biết rằng tự họ họ cũng không biết mình họ, họ không tự-chủ được họ vậy. Như lời thoa-mạ của một kẻ rượu chè bê-tha, lời phi-báng của một kẻ dâm-dăng rôm-cấp, lời bài-bác của một kẻ

thuyết-ly bông-lông, thời nó thoảng qua bên mình ta mà không lọt vào tai ta vậy. Ta chỉ nên chú-ý đến lời bình-phâm của kẻ mô-phạm, vì có thể dùng đó làm một cách kiểm-điểm cho ta được. Nói tóm lại thì đến khi ấy đã hiểu rõ rằng người ta sợ-dĩ phải khổ-sở là bởi không biết đến cái tôn-chỉ chân-chính ở đời, không biết đường phải lẽ trái, không biết suy-nghĩ xa-xôi, lại hay đa-ngôn quá-độ vậy.

Phải nên biết phòng xa. — *Phạm quyết-định một điều gì phải nên biết dự-tính cái kết-quả xa-xôi về sau này thế nào, để cho không bao giờ phải hối-hận.* — Người ta sợ-dĩ phải khổ-sở, lại cũng bởi con mắt không biết trông xa, khác nào như cái óc nó « cận-thị », phạm công-việc làm chỉ biết xét đến cái kết-quả trực-tiếp ngay, rõ-ràng trông thấy ngay đấy mà thực là hão-huyền không có giá-trị vậy. Những người ấy đi trên đời như có tấm da che mắt, chỉ biết bước tới những cái đích cận-tiếp ngay, tưởng là dễ-dàng mà thực là hư-không, không ngờ rằng còn có những cái trở-ngại xa-xôi, có thể làm cho mình phải khuynh-đảo vậy. Những người ấy là những người nửa dui nửa mù, hề thấy cái gì không có lợi ngay tức-khắc là cho không có hiệu-quả gì. Cái hiệu-quả nó chậm đến thì tiện-thị coi như không vậy. Rồi khi kỳ-hạn tới, càng xa lại càng nặng, vì sự lầm-lỗi càng tích-lũy nhiều, thì bấy giờ cho là sự ngẫu-nhiên, do những cơ-hội bề ngoài nó khiến nên như thế, chứ không phải là tự cách ăn-ở từ trước của mình. Bởi thế nên nhiều việc xảy ra ở đời tựa hồ như không thể giải được mà cho là oan không đáng vậy. Những sự sai-lầm trong cách ăn-ở hằng ngày, thành ra bệnh-tật đến thân-thể, thống-khổ đến tinh-thần, chính là bởi người ta chỉ biết đề ý đến cái kết-quả cận-tiếp ngay

mà không biết suy-xét đến cái kết-quả xa xôi vậy. Tỉ như có một món lời to có thể thu-hoạch được ngay, nhiều người không xét đến cái phương-cách mình dùng để thu lấy món ấy là chánh-đáng hay là không chánh-đáng, và cam-tâm làm trái cả luật công bằng để cố cho lấy được, vì cách làm liều đó thì cái kết-quả nó còn mãi về sau này mới xuất-hiện ra, chứ cái món tiền thì nó ở ngay trước mắt kia, nó cám-dỗ cho phải xiêu lòng. Lại những kẻ nghiện rượu, nuốt những chất độc vào trong mình để cho kích-thích thân-thể cùng tinh-thần, vì tức khắc thấy nó chuyển-động ngay, như trong người phấn-chấn lên, còn cái hại ngấm-ngấm của chất độc nó làm cho tiêu-mòn khi-lực đi, gây ra cái mầm tật-bệnh sau này, thì mấy năm mấy tháng về sau mới thấy nó xuất-hiện ra vậy. Bấy giờ cái hạn xa-xôi đã tới kỳ rồi, cái nghiệp nặng-nề nó đã đem đến, cái mầm ác tự mình gieo ra nó đã đến ngày kết-quả, cái tật-bệnh mình tự gây lấy nó đã xuất-hiện ra rồi, thì không tự mình trách mình, lại cứ trách cái số-phận chẳng may, cái khi trời độc-hại, cái gió lạnh thổi qua, hay con trùng độc nhiệm phải!

Nay người biết lo xa thì cái cách quyết-định nó khác. Đã biết cái mục-dịch chân-chính của đời người cùng những phép-tắc chi-phối cho việc đời, thì hiểu rằng mỗi việc của ta làm, dù nhỏ-mọn đến đâu mặc lòng, ngoài cái kết-quả cận-tiếp ngay, nó còn cái kết-quả sâu-xa vô-cùng về sau này nữa. Vì mỗi người là tự-tạo lấy cái thân-phận mình, cái hạt giống tay mình rắc ra rồi lại chính tay mình thu-hoạch, bởi hiện-tại chính là mầm của tương-lai vậy. Không có cái gì là cái ngẫu-nhiên cả; không có cái gì xảy đến mà không có duyên-cớ; không có cái gì phát ra mà là không đáng cả. Điều đó phải thường nhắc lại luôn

cho nhớ. Mỗi việc phi-nghĩa hay thất-đức là có báo-ứng về sau cả; mỗi lời chân-thành trung-hậu là có ghi lấy cả và sẽ trả lại một trăm lần vậy. Làm ác mà không thấy báo ngay, tưởng rằng tránh được lưới thiên-nhiên là tưởng lầm. Cái số kế-toán không phải đến lúc thân-thể chết đi mà là liễu-kết đầu, vì hết đời ấy lại đến đời khác. Ta sinh ra đời này là tiếp-tục một đời trước; cái đời hiện-tại của ta là dự-bị một cái đời về sau; sự chết chẳng qua là một sự hóa. Vậy thì ta có thể chắc rằng con đường ta vạch ra ngày nay, chân ta còn phải bước mãi sau này.

Biết phòng xa là biết cư-xử một cách sáng-suốt khôn-ngoa, hầu như biết dự-đoán việc tương-lai vậy. Nói về đường thực-hành thì phải theo cho đúng những lời dạy của phái ΠΥΘΑΓΟΡΕ, phải biết suy-xét kỹ mọi sự kết-quả của công-việc mình, phải biết nhất-thiết cư-xử không sai với cái mục-dịch ngầm của đời người, là tiến-hóa về đường đạo-đức, đem một tấm thân trong-sạch, dụng hết tinh-lực bình-sinh, để tạo lấy một cái thân-phận càng ngày càng thanh-cao sáng-sủa.

Phải biết khiêm-tốn.—*Cái gì thực mình không biết đừng nên tự-phụ muốn làm.* — Khiêm-tốn là một cái yếu-tố của đạo-đức, là một sự rất cần cho đường tinh-tiến; vì khiêm-tốn tất là phải tự mình biết mình, biết cái giới-hạn những điều mình biết sánh với những điều mình chưa biết còn chữa thắm vào đâu.

Tinh kiêu-căng là một cái tính xấu rất hại cho sự phán-đoán, và cho đường tu-luyện. Vì tự-phụ rằng mình biết hết thấy, mình hơn hết thấy, chính là một sự kém người to. Biết bao nhiêu người, tập một nghề gì, vì tự-phụ rằng mình hơn cả người dạy mình, không chịu khó làm mãi một việc cho kỹ được sành, thành ra cái công-phu lập-

luyện không có kết-quả gì, mà dốt vẫn hoàn dốt. Lại biết bao nhiêu kẻ khác tự-cao tự-đại quá, không biết lượng tài lượng sức mình, chồm-hóp những công-việc to-tát quá rồi đến điên-đảo thất-bại. Bởi không biết tự-lượng mình, không biết am-hiểu những sự-vật cao-xa, nên mới sinh ra lắm những kẻ tự-cao tự-phụ, coi cái thái-độ nó nghênh-ngang, lời ăn-nói, cách cử-động nó khuếch-khoảng, cái thói nó lấn-láp, cái tính nó phô-phang, mới trông qua cũng biết vậy.

Chỉ người quân-tử mới biết có cái dung-nghi tĩnh-túc, biết nói ít, biết đứng yên, biết ôn-hòa mà nghe kẻ khác, hoặc tán-thành hay hoặc bình-phẩm ai cũng là có điều-độ, vì đã biết nhiều nghĩ lắm, lượng cái thân mình đối với sự-vật mang-nhiên thật là nhỏ hẹp chẳng thấm vào đâu, và đối với Thượng-đế tối-linh, thật là yếu-hèn không sá kể gì.

Cái tính bất-khiêm bất-tốn lại hay xui giục ta làm xằng, vì khiến cho ta hay phi-báng kẻ khác và muốn đem ý riêng ép người phải theo. Làm sự cưỡng-ép như thế là hại lắm, nếu không có đủ tài-dức để bắt cho người ta phải theo hay không có đủ oai-quyền để làm-thời đàn-áp, thời chỉ là chuyện hư-sức hão-huyền.

Người khiêm thời biết thủ-phận, làm trọn cái nghĩa-vụ thuộc về phận-sự, về địa-vị mình, tương-dương với cái gia-thế cùng tài-lực của mình, không muốn chồm-hóp những công-việc ở ngoài sức hoặc ngoài phận mình.

Còn như người quân-tử thời biết rằng đã đạt tới cõi chân-lý cao-thượng lại càng phải kính-cần khiêm-nhượng lắm, vì phạm quyền-lực đã phô-trương ra thời tiêu-mòn mất, phạm chân-lý đã phô-cập ra thời phai-nhạt đi, phạm sức khỏe đã khoe-khoang lắm thời giảm sút hẳn, phạm hạnh-phúc đã bộc-lộ quá thời không thú nữa.

Sau nữa khiêm tốn lại là điều cốt-yếu cho sự tinh-tiến của cá-nhân, cùng sự hạnh-phúc về cực-lạc, vì người nào không biết tự-khiêm mình như con trẻ, đối với cái công-phu học-vấn cầu-đạo không có những tư-cách thanh-tản thành-lhục, tin-ngưỡng cồ-võ, tức như sách gọi là cái « xích-tử-chi-tâm », thời không sao đạt cho lối chân-lý được. Bởi thế nên Đức Gia-tô đã có câu rằng: « Nếu không trở lại thành con trẻ, thời không mong lên cõi thiên-đường. »

Nhưng phải nên thừa dịp mà học cho biết thêm, như thế thời đời mình sẽ có hứng-thú vô-cùng. — Đời người là một cuộc tiến-hóa vô-cùng, là cái lòng ham biết không nguôi, là cái chi gắng-gỏi không dơi. Người ta sinh ra trên đời để mà học cho mãi đến giờ cùng-tận. Dù sở-đặc về vật-chất tinh-hần thế nào, cũng không hạn được cái sức hoạt-động của mình, mà lấy có nghi-ngoi nhân-hạ được. Người nào thiếu-thốn mà cầu-an, hay nhân-cư mà bất-động, thời mòn-mõi mà tiêu-diệt đi mau lắm, vì không còn có cái cơ gì sống ở đời nữa. Người ta muốn sống cho đầy đủ, muốn tiến cho mau lên, muốn được sung-sướng hẳn, thời phải động-tác luôn, phải theo như lời PYTHAGORE dạy mà tìm kiếm đủ mọi dịp để học-hỏi cho biết thêm lên.

Vậy thời hết thấy mọi việc xảy ra ở đời đều là cái dịp cho ta học thêm được một điều gì chưa biết, và là cái phương cho ta trau-dồi trí-thức cùng đức-hạnh vậy. Mỗi một việc làm, mỗi một điều vui, mỗi một cái khổ, mỗi một dịp gặp nhau, mỗi một buổi họp mặt, đều có thể giúp cho ta khám-phá được cái mục-đích thâm-trầm của đời người, nó thường ẩn ở trong những cái hình-thức bề ngoài vậy. Hễ biết nhân việc gì cũng tìm lấy bài học cho mình, nhân chuyện gì cũng làm cách giáo-

đục cho mình, thời thấy như đặt mình vào trong một cái luồng sóng sinh-hoạt to, thấy như cái sức mạnh tinh-thần trong người nó nâng bổng mình lên vậy. Bấy giờ thời sẽ được hưởng cái đời thanh-cao phong-thú của kẻ đạt-nhân, như PYTHAGORE đã phác-họa ra, vì càng cốp-nhặt được nhiều việc, càng tích-lũy sự kinh-lịch thời cứu-cánh sẽ gây thành thống-hệ, cai-quát

đại-đồng, thấu hiểu được cái lý-do màu-nhiệm của muôn việc xảy ra cùng muôn sự xung-đột, và tỏ rõ cái hấp-lực nó đưa nó dắt ta vào con đường tinh-tiến đến cõi Thượng-đế.

(Còn nữa)

T.-c. dịch

Orient et Occident

... La question suivante nous est posée : Est-il vrai, ainsi que le dit Kipling, que l'Occident et l'Orient ne se rencontreront jamais ? En d'autres termes, un Occident et un Orient ne se comprendront-ils jamais ? — Spontanément, au premier abord : difficilement. Le fonds d'atavisme, les siècles de christianisme qui ont formé l'un, les siècles de bouddhisme et de confucianisme qui ont formé l'autre, la culture objective et positive, individualiste de l'un, la culture subjective, contemplative de l'autre sont trop différentes pour leur permettre une parfaite et instinctive compréhension. Leurs réflexes ne se ressemblent pas assez. Mais peuvent-ils arriver à se comprendre ? C'est une toute autre question. A celle-ci je répondrai catégoriquement : Oui.

L'Occidental nous reproche notre impassibilité, le masque dont je parlais tout à l'heure : « On ne sait jamais ce que ces gens pensent ! Ils n'ont pas de nerfs. » Mais si, nous avons des nerfs, seulement une éducation séculaire, une discipline sévère nous ont appris à les maîtriser. La subtile cérémonie du thé, les raffinements de l'étiquette, tout cela fut une école merveilleuse.

On nous loue, — et on nous reproche d'être le peuple le plus souriant de la terre. On accuse ce sourire de fourberie. Ce n'est qu'une discipline morale, une seconde

Đông-phương với Tây-phương

... Người ta thường hỏi chúng tôi câu rằng: Văn-sĩ nước Anh KIPLING có nói rằng: Đông-phương với Tây-phương không bao giờ gặp nhau được; lời ấy có phải không? Nói khác đi thì là hỏi rằng một nước Đông-phương với một nước Tây-phương có thể hiểu nhau được không? — Tự-nhiên đương-đột thì cũng khó thật. Cái gốc di-truyền của mọi bên, một bên thì mấy mươi đời theo đạo Cơ-đốc mà đào-tạo ra, một bên thì mấy mươi đời theo đạo Phật đạo Khổng mà đào-tạo ra, một bên thì theo một cái văn-hóa khách-quan, thực-dụng, thiên-trọng ở cá-nhân, một bên thì theo một cái văn-hóa chủ-quan, thiên-trọng về tư-niệm, hai dảng khác nhau quá, không thể tự-nhiên mà hoàn-toàn thấu-hiểu ngay được. Cách « phản-xạ » của hai bên, ít chỗ giống nhau. Nhưng Đông-phương với Tây-phương có thể hiểu nhau được không? Đó lại là một câu hỏi khác. Câu này thì tôi xin quả-quyết trả lời rằng: — Có.

Người Tây-phương thường chê chúng tôi là có cái tính diêm-nhiên bất-động, như đeo cái mặt nạ để che cái mặt thực của mình. Nói: « Không bao giờ biết trong bụng họ nghĩ thế nào ! Họ thật là không có thần-kinh. » Không phải thế, chúng tôi vẫn có thần-kinh, duy như cách giáo-dục mấy mươi đời, nhờ cái kỷ-luật rất nghiêm-nhật, mà tư-chủ được thần-kinh. Như cái lễ trà mầu-nhiệm biết bao cách lễ-phép tinh-tế dường nào, đó đều là những phương-pháp huấn-luyện cho thần-kinh cả.

Người ta lại vừa khen, mà vừa chê, — chúng tôi là một dân-tộc lúc nào cũng làm ra mặt tươi cười. Họ cho cái cười ấy là cái cười gia-trá. Không biết rằng chẳng qua cũng là một cái kỷ-luật về tinh-thần, một

nature. Autant qu'un autre, le peuple japonais rit et pleure, chante et sanglote.

Je vais vous dire où réside la différence fondamentale entre le tempérament occidental et le tempérament oriental. Chez l'Occidental le réflexe se dirige au dehors, l'émotion s'extériorise. Chez nous, le réflexe va en dedans et remue les profondeurs de l'être sans qu'il en paraisse beaucoup au dehors. Pour emprunter l'expression d'un de mes amis, nous n'avons pas la soupape de l'extériorisation.

Donc, ce masque, si masque il y a, n'est point impénétrable. Il ne faut qu'un effort de sympathie pour l'écartier et vous trouverez un être humain aux sentiments pareils aux vôtres, au cœur qui bat pour les mêmes belles choses, qui, comme vous, hait la laideur, le mensonge, la honte, l'oppression. Seulement il se livre moins facilement, il faut l'aller découvrir dans sa fière retraite où il se sent plus libre pour sentir et penser. C'est parce que l'on n'y va pas qu'on le traite de « compliqué » : l'Oriental, et en particulier, le Japonais, n'est pas un intellectuel, ni un logicien, ni un métaphysicien ; il est avant tout un contemplatif. Son domaine est l'esprit. Il a le dédain de la force brutale ; il s'y soumet à l'occasion et s'en sert ; mais il la méprise. C'est par l'esprit qu'il aime à faire mouvoir le monde. Ne cite-t-on pas ce Ministre des affaires étrangères japonais qui voulait que fussent attachés au Ministère des hommes dont la fonction serait, non pas de paperasser, mais uniquement de réfléchir ? C'est par l'esprit qu'on le touche.

Je vous livre là la clef de la forteresse. Pour entrer dans la place, il n'est besoin de recourir ni à l'artillerie, ni aux chars d'assaut, ni aux raisonnements, si clairs fussent-ils. Allez droit à l'esprit et de là au cœur !

S. I. MORONO

cái thiên-tính thứ nhì vậy. Dân Nhật-bản cũng như dân-tộc khác, cũng biết cười, biết khóc, biết vui-vẻ hát, biết tức-nở than.

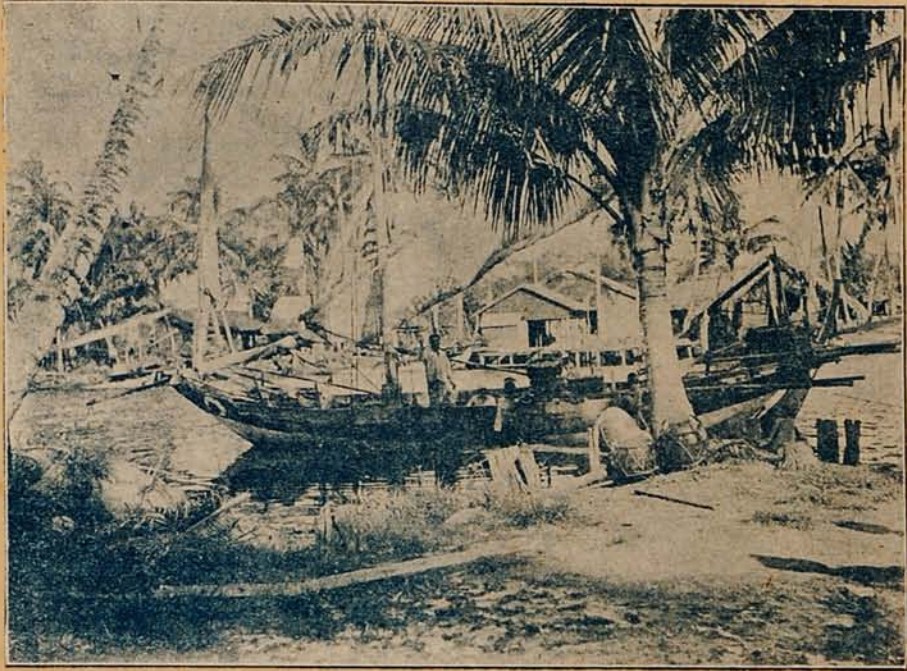
Tôi xin nói cái tâm-lý người Tây-phương với tâm-lý người Đông-phương khác nhau cốt nhất ở chỗ nào. Người Tây thời cách « phản-xạ » ra bên ngoài, mỗi cảm-động bao giờ cũng biểu-lộ ra ngoài. Chúng tôi thì cách « phản-xạ » vào bên trong, cảm-động đến tận chốn thâm-tâm mà không lộ ra ngoài mấy. Tôi muốn mượn câu nói của người anh em tôi mà nói rằng : chúng tôi không có cái « nắp thông hơi » để thông ra ngoài.

Vậy thời nếu có cái mặt nạ che thật, cái mặt nạ ấy không phải là không phá được. Chỉ cố gây lấy mỗi cảm-tình, là cắt được cái mặt nạ ấy ngay, và sẽ thấy một người tâm-tính cũng giống như các ông, cũng có quả tim biết cảm-động những điều hay, biết ghét bỏ những sự xấu-sa, giả-dối, áp-ức, nhục-nhẫn. Duy cái người đó nó không lộ ra một cách dễ-dàng, nó ẩn ở nơi xa thẳm cho được tự-do mà nghĩ-ngợi cảm-giác, phải tới đó mới tìm được. Vì không tới đến đó nên mới cho là phiền-phức khó hiểu. Người Đông-phương, nhất là người Nhật, không phải là giống thượng-tri, ham biện-thuyết, ham lý-luận, chính là một giống ham tư-tưởng mơ-màng, châu-tuần ở trong cõi tinh-thần. Khiến cái sức mạnh thô-bạo ; lâm-thời cũng biết phục cái sức mạnh và cũng biết dùng, nhưng không trọng. Muốn lấy tinh-thần mà chuyên-vận thế-giới. Nước Nhật chẳng có một quan Ngoại-vụ Thương-thư kia, muốn đặt ở bộ Ngoại-vụ một chức quan, không phải làm giấy-má gì cả, chỉ có một việc tư-lương suy-nghĩ mà thôi. Muốn cảm-động người Đông-phương, phải cảm-động bằng tinh-thần.

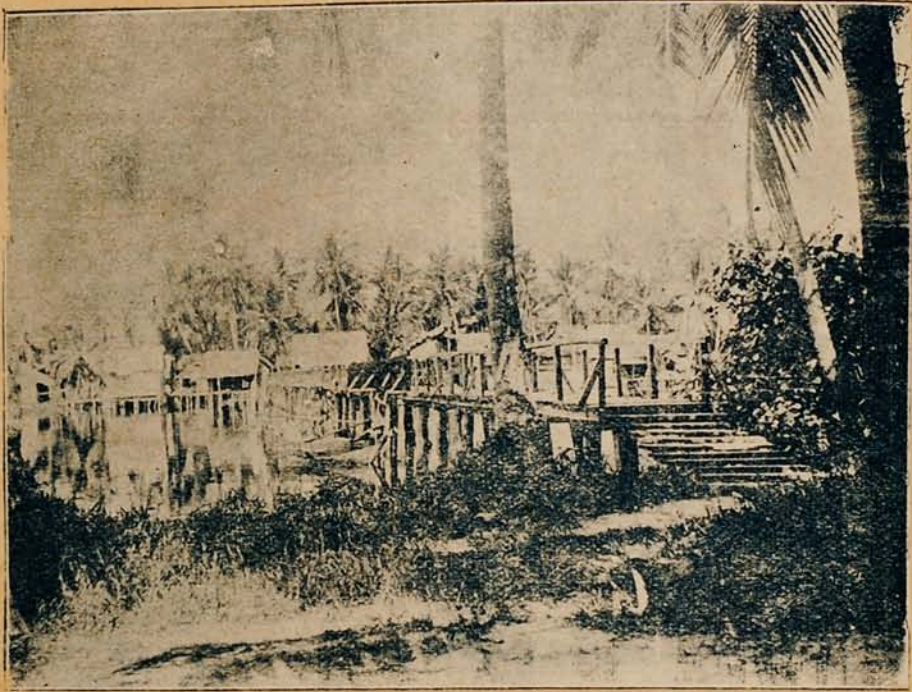
Đó là cái chìa khóa để mở cửa thành, tôi xin nộp cho các ngài, vào thành không cần phải dùng đến pháo-binh, đến xe « tăng », cũng không cần phải dùng đến những cách lý-luận cho phân-minh gãy-gọn. Trực-tiếp vào tinh-thần, rồi cảm-động đến tinh-ái, thế là được !

Lời một người Nhật-bản

Phong-cảnh Hà-tiên



Phong-cảnh Hà-tiên



GƯƠNG ĐỨC-DỤC (1)

VI

3. Tri-bản

Xét: Dương - minh tiên - sinh đề-xương lên ba chữ "tri-lương tri 致良知" để làm đích cho kẻ học-giả, thực là một cái công-phu suốt cả trên dưới học được thấu cả, không có lưu-tệ chút nào. Duy từ khi tiên-sinh mất đi rồi, kẻ môn-nhân giảng-giải thiên trọng về cái bản-thể lương-tri quá, mà lưu-tệ mới sai suýt mãi đi làm đến thất-chân, thậm-chí có kẻ tham dễ sợ khó, bàn nói viển-vông mà bỏ mất công tu-tri, thành ra chỉ nói đến lương-tri, mà cái công-phu chữ «tri» hình như cái bấu thừa vậy. Tiên-sinh thường bảo phải theo lương-tri mà làm, nhưng mọi người thì chỉ biết có lương-tri mà không chịu làm, tức như lời tiên-sinh bảo rằng biết mà chẳng làm không gọi là biết được. Mãi đến cuối đời Minh, Lưu Chấp-Sơn 劉戡山 mới tiêu-yết lên cái công-phu thận-độc 慎獨 để cứu lại cái lưu-tệ của Vương-học, cái công ấy cũng không kém gì Vương Dương-minh. Nhưng xưng lên nghĩa thận-độc không phải trước tự Chấp-sơn, nay xin thuật cả những học-thuyết của các bậc hiền-triết giải-diễn về nghĩa ấy, để cho rõ cái nguồn gốc về trước nguồn gốc vậy.

— Cẩn-thận lúc một mình tức là tri lương-tri. (Vương Dương-minh)

— Nghĩa chữ thành là nói trong tâm thường tỉnh - thức luôn, phàm người ta làm điều bất-thiện, thì cái bản-thể tâm-linh nó vẫn tự hay giác-ngộ, giác-ngộ mà vẫn cứ nấn-ná không chừa, thế là mình tự dối mình, tự dối mình thì không phải là tỉnh - thức. (Qui-Bản Sơn-Bản)

— Học đấng thánh-hiền chỉ cốt cẩn-thận lúc một mình, cái chỗ một mình người ta không ai nghe biết đến cả, rất là ẩn-vi, mà mình trông thấy rất rõ-rệt, vậy nên một mình làm thì một mình mình biết, mình được cái minh-mệnh của trời phú cho mình, thì mình tự biết, người khác không thể dự vào đó được. Nếu to-tưởng nghĩ càn, nhiệm-tình theo bụng dục, thế là tại ngoại-vật nó che mất cái sáng của tâm mình đi, không biết cẩn-thận lúc ấy thì không phải là trông thấy rõ vậy. Nếu hơi có tỉnh-biết mà vẫn còn nấn-ná cho xong chuyện, thế là mình tự dối mình; đến cái chỗ người ta ai cũng nghe biết, thì mình lại giấu cái điều bất-thiện đi mà phò điều thiện ra, dấu giữ gìn ở cái chỗ câu nói việc làm, đều hợp-độ cả không sai một tí gì, nhưng cũng là trá-ngụy cả, đó là vì nó che tối mất lương-tri của mình. (Qui Bản-sơn)

Xét: Trên này là cắt nghĩa rõ về cái nghĩa «bất khi lương-tri 不欺良知». Nếu hay không tự khi thì mới là hết công-phu chữ «tri 致», cứ giữ một câu ấy suốt đời thụ-dụng vô-cùng.

— Cẩn-thận lúc một mình biết, tức là tri-tri; cái công-phu cẩn-thận lúc một mình mãi không thôi, tức là lực-hành; vậy nên ngoài lúc biết một mình ra thì không phải là biết 知, ngoài lúc thường biết ra thì không phải là làm 行, công-phu giản-dị biết chừng nào! (Qui Bản-sơn)

— Trong khoảng hằng ngày lúc niệm-lự mới phát-khởi, hoặc thiện-

(1) N; 196; Hán-văn của Lương Khải-siêu, Xem Nam-phong từ số 150.

niệm hay ác-niệm, hoặc công hay hoặc tư, há mình lại chẳng tự biết, đã biết việc ấy không nên làm mà còn cứ làm, thế là tại cái lòng tự-dục nặng quá, mà cái lòng thứ cho mình lại hôn-mê vậy. Nếu hay đương lúc mới khởi-niệm, xét nó là ác thì tỉnh-ngộ ngay mà cố sức bỏ đi, hễ bỏ được một ác-niệm đi thì là đã sinh được một thiện-niệm, cứ tâm niệm lúc nào cũng bỏ ác làm thiện, thì tồn ở cái tâm phát ra cái ý đều là thiện ý cả, thế mới gọi là tri-hành hợp-nhất. Nhưng biết chẳng phải là khó mà làm mới thực là khó, nay bảo rằng học của thánh-nhân chỉ có trí lương-tri mà thôi, thế thì người nào cũng là thánh-nhân cả, trong tâm ta tự có một ông thánh-nhân, tự hay biết hiểu, tự hay biết dễ, còn đến những chỗ tâm-niệm tế-vi, những khi nên lấy nên bỏ, không chịu xét bàn gì cả, đều cứ tùy theo ý mình mà làm, bảo rằng đây là theo lương-tri của ta đó, tri-hành hợp-nhất lại có như thế ư! (Cổ Nhược-khê Ứng-tuờng)

Xét : Lời nói trên này là *kiểu-chính lại học-thuyết của Long-khê*, cái câu nói rằng : « *Cái lòng thứ cho mình thì hôn-mê, và biết chẳng phải là khó mà làm mới thực là khó* » câu nói ấy phải nên *thể-nghiệm thiết-thực vào mình*. Còn đến như cho cái học « *trí-lương-tri* » vẫn còn *chửa đủ*, há lại không biết rằng cái *côn chữ « trí »* bỏ ngoài sự *lực-hành ra* thì còn lấy gì làm *công-phu nữa*; không nên lấy *học-thuyết Long-khê* mà *chê trách Dương-minh vậy*.

— Chỉ cốt ở cái chốn không thể khi-man cái tâm mình được, thì nên thường đánh thức cái tâm cho tỉnh. (La Niệm-am)

— Người ta nếu hay tự lúc mới khởi niệm mà xét nét, được như thế thì đã được quá nửa phần công-phu rồi. (Hà Thiện-sơn Đình-nhân)

— Cái chân-tâm của người ta đến trước mặt *quĩ-thần*, không kỳ là sự xấu

sự tốt đều tuyền - tiết hết, chỉ có cái tâm ấy là không thể dẫn - diệt đi được. (Đặng Định-vũ Dĩ-lân)

Xét : *Lãnh giáo có cái phép kỳ-đảo sám-hối, cũng là có phần bồ-ich.*

— Cái công-phu thành-ý, chỉ cốt là những điều yêu ghét không tự dối cái lương-tri của mình mà thôi; đã tự không dối cái lương-tri, thì lại cứ theo cái lương-tri ấy mà xét cho rõ, vậy mới bảo rằng phải cần-thận lúc một mình; lúc một mình chính là cái lúc cái thể tương-tri nó linh-minh không mờ tối, dầu tuyệt không có hơi có tiếng gì, nhưng đối nó một tí không được, nó vẫn yên lặng mà tự hay soi xét hết, không tương-đối với vật nào, vậy nên gọi là « *độc 獨* », chỉ một mình mình biết một mình mình hay, phải nên phụng thờ nó làm vị nghiêm-quân, một điều yêu một điều ghét phải kính-cần vâng theo nó mà làm, vậy mới gọi là « *thận 慎* ». (Vạn Tư-mặc Đình-Ngôn)

— Cái tiết trong sách *Hại-học* nói về kẻ *tiêu-nhân* làm điều *bất-thiện*, thế là nó tự dối cái lương-tâm nó, nhưng cái lương-tâm nó vẫn không chịu dối, người ta muốn che dối nó một tí không được, nên mới *khá sợ* mà phải cần-thận : Nguyên trong lương-tâm mình toàn là *thiên-mệnh chi-tinh*, một tí nhân-dục như-bản gì không bám vào được, cho muốn che dấy nó thế nào rồi nó cũng lòi ra, bởi tự trời phú cho nó cái chất thanh-thần tuyệt-phàm, vạn-cổ *độc-chân*, ai dối được nó. Có một nhà *biệt-giáo* nói rằng có kẻ *đàn ông* nuốt trộm một tí *kim-cương*, nó mãi không tiêu, rồi nó muốn xuyên qua thịt mà ra. Bởi tại sao? Nguyên cái giống *kim-cương* nó không chịu ở lẫn với những vật tạp-uế trong mình. Bởi vậy kẻ *tiêu-nhân* làm điều *bất-thiện*, khi thấy người *quân-tử* thì tự-nhiên *bẽn-lẽn* ra ý che giấu điều *bất-thiện*, nhưng gan phổi đã bị người *dòm* thấy cả rồi; *bẽn-lẽn* để cho người *dòm* thấy, kẻ *tiêu-*

nhân há muốn thế đâu, chỉ vì có một cái ở trong tâm, nó muốn xuyên qua cái niệm bất-thiện mà ra, tiểu-nhân muốn khi-mạn nó không được, thế nào nó cũng hình-hiện lộ ra, quyết không chịu ở chung với bất-thiện, đó tức là cái « thành 誠 », đã thành thì tất phải hình lộ ra, cái ý nó động ra từ đó, nên mới gọi là « thành ý 誠意 », vậy người quân-tử phải cẩn thận lúc một mình; nếu cái lương-tâm mà tự người hay đối được nó, thì sao lại là nghiêm được. (Vạn Tự mặc)

Xét : Lời nói trên này rất là thấu đáo, kẻ tiểu-nhân mà bẽn lẽn che giấu đ.ều bất-thiện, vì nó hay tự biết mà tự thẹn vậy. Nguyên là vẫn có cái tâm biết phân-biệt phải trái, nên mới có cái tâm biết thẹn-thò, vậy nên bảo rằng phần tri-giác không ai là chẳng tốt, chỉ tại mình tri-tri hay không tri mà thôi, trách tại chỉ mình cả.

— Ngoài lúc biết ra không có lúc một mình, ngoài lúc tự biết ra cũng không có lúc nào cẩn-thận một mình. (Châu Nam-cao)

— Ở những lúc một mình một tí thì là người trá-ngụy ngay. (Lư Chấn-sơn)

— Cái tâm người ta như hạt giống thóc, trong lòng toàn là sinh-ý, chỉ vì thị-dục nó giam-cầm lại mới sinh trệ, nhưng cái sinh-ý nó vẫn còn ở đó, chỉ tại mình khơi-thông nó ra mà thôi. Lại như cái mặt gương sáng, toàn-thể vốn là quang-minh, chỉ vì nhơ-bụi nó ám vào nên mới mờ-lối, nhưng cái thể sáng nó vẫn còn ở đó, chỉ lau chùi đi mà thôi. Duy có cái thặng giặc nó khởi lên quấy-rối tự trong tâm-niệm người ta, trừ nó đi không phải là dễ; lại thêm câu - thúc về khi - bầm, ám-tế về vật-dục, trong ngoài đều bị quấy-rối, như thế thì sinh-ý cũng không còn, thể sáng cũng mất hết vậy. Sở dĩ người quân-tử phải chăm-chỉ cẩn-thận những lúc một mình là vì thế. (Lư Chấn-sơn).

— Hoặc kẻ hỏi thành-hiền đạo-lý viên-thông, muốn vào cửa nào cũng được, hà-tất phải hạn-định cứ đi một đường? Tiên-sinh đáp rằng: Rút lại chỉ có một lối phải cẩn-thận một mình là hết cả, ngoài ra không còn lối nào khá đi vào được nữa. (Lư Chấn-sơn).

— Kẻ học-giả bất-tất phải xét ở những việc làm, chỉ cốt xét ở chốn tâm-niệm tế-vi, một lời nói rút lại là chữ « thành 誠 » mà thôi vậy. (Lư Chấn-sơn)

— Người ta đã mắc vào cái bệnh tự-khi, thì tức là đã bước ra vòng người mà vào vòng thú, nếu không gia-công cẩn-thận lúc một mình thì chuyển thành ra người trá-ngụy, từ đó dần trông thấy người quân-tử, cũng không còn cái gì bẽn lẽn nữa, rồi chỉ cậy tri khôn dùng thuật-số, giả-cách nét mặt hiền-lành, mà nét làm thì trái khác cả, như thế rồi thành ra kẻ hương-nguyện, giống như trung-tín, giống như liêm-khiết, đối trời lừa người vô-sở bất-chí, mà vẫn tự-đắc lấy làm phải, không còn biết gì là liêm-sĩ nữa. (Lư Chấn-sơn)

Cần xét : Trong sách Tử-thư Lục-kinh, thiên-ngôn vạn-ngữ, cái lời nói thiết-thực đến mình, không gì bằng một chương « thành-ý » trong sách Đại-học có nói rằng : « Gọi là thực ý mình thì phải chớ tự dối mình. » Cái câu răn rằng chớ tự dối mình, đã bảo cho kẻ học-giả phải tự xét lấy mình đó. Ông Dương minh đề xướng lên cái thuyết « tri lương-tri » cũng chẳng ngoài cái nghĩa ấy. Nhưng không nói thành-ý mà chỉ nói tri lương-tri, cốt là bảo cho người ta trở lại xét về lương-tri, thì ai cũng hay hết sức mà xét mình, kỹ-thực ra tri-tri cũng tức là thành-ý. Cái công-phu « thận-độc » là cái quan-kiện về việc thành-ý, cũng tức là cái quan-kiện về việc tri-tri, vậy nên bảo người ta tri lương-tri không cần lại phải nói đến

thận-độc nữa. Vì cái công - phu trí-tri chính ở về lúc cần-thận một mình. Từ khi họ Vương mất đi rồi, kẻ môn-nhân chỉ thiên-trọng về bản-thể quá, hầu quên mất cái công-phu chữ « trí 致 » đi, vậy nên ông Chấp-sơn mới xướng ra cái nghĩa thận-độc để cho rõ bản-ý, chứ không phải họ Vương dạy bảo còn chưa đủ, mà lại còn phải rần thêm chán nữa, kẻ học-giả muốn cầu lấy thụ-dụng, thì hoặc theo cái lời dạy trí lương-tri, hay theo cái lời dạy thận-độc cũng được, đều là nhất-tri cả. Nếu ở chỗ đó mà hơi phóng-túng một tí là không được.

4.— Tồn-dưỡng

Lời dạy về lương - tri rất là giản-dị trực-tiếp, ai cũng dễ lĩnh-ngộ, thực là bất-nhi pháp-môn. Nhưng nếu bảo rằng ta có cái lương-tri ấy đã đủ rồi không đợi phải tu-trì nữa, lại chẳng hóa ra tự dối mình lắm ru ! Ông Dương-minh ví lương-tri như là cái thuyền có bánh lái, lời nói ấy rất thiết - đáng. Song bánh lái tuy có đủ mà chẳng biết cầm lái, thì cái thuyền ấy nó cũng đến phiêu-giạt đi, không biết đâu là bờ. Vậy nên phải có cái công tu-trì là: 1' Tồn dưỡng 存養; 2' Tỉnh-sát 省察; 3' Khắc-trị 克治; ba điều ấy đến là nhất-quán, mà cái công tồn - dưỡng lại là gốc, nên thuật về công tồn-dưỡng thứ tư.

— Đạo-học của người lớn cốt tại làm cho sáng cái đức sáng. (Đại-học)

Tập-chú : Đức sáng là người ta sở-đắc tự trời cho, nó vốn linh-minh không mờ tối, để hợp cả mọi lẽ mà ứng ra muôn việc. Nhưng vì người ta cầu thức về khi-bẩm, ám-che về vật-dục, thì cái minh-đức nó cũng có lúc tối đi mất, nhưng cái bản-thể nó vẫn sáng không khi nào tắt đi được, vậy nên kẻ học-giả phải nhán cái phần sở-đắc của mình mà làm cho sáng ra, để đem lại như lúc mới.

— Công-Đô-tử hỏi rằng: Đều là người cả, mà có người là bậc đại-nhân,

có người là kẻ tiểu-nhân, tại có sao ? Thầy Mạnh nói: Theo về đại-thể cái lương-tâm nó làm chủ thì là bậc đại-nhân, theo về tiểu-thể cái tai mắt nó sai khiến thì là kẻ tiểu-nhân. — Đều là người cả, mà có kẻ theo về đại-thể, có kẻ theo về tiểu-thể là tại có sao ? — Người ta có tai mắt chức nó giữ về nghe trông, nhưng không biết nghĩ, mà lại hay bị ám về ngoại-vật, cái vật ngoài là thanh-sắc nó thường giao-tiếp với cái vật tai mắt, thì nó dẫn dụ đi ngay. Cái tâm người ta chức-trách nó biết nghĩ, nếu hay suy-nghĩ biết được lẽ phải thì không mờ-ám, không biết suy-nghĩ thì sai mất lẽ phải mà bị ám về ngoại-vật. Trời đã cho người ta có tai mắt và cái tâm, nếu hay trước giữ vững lấy cái tâm là phần đại-thể của mình, thì những phần tiểu-thể là tai mắt kia nó không bị cảm-dỗ mà làm mê mất cái tâm đi, như thế mới là bậc đại-nhân vậy. (Mạnh-tử)

— Ở về phần người ta lúc sơ-sinh há lại không có cái lương-tâm nhân-nghĩa ư. Song tự mình hại về vật-dục làm phóng mất cái lương-tâm đi, cũng như là búa rìu nó làm trụi cả cây đi vậy, cứ hằng ngày chặt mãi đi thì cái mầm lương-tâm tài nào cho tốt lên được. Nhưng cái bản-thể nó vẫn còn, lúc đem yên-tĩnh mầm lương-tâm nó lại sinh ra, đương lúc cái khí buổi sáng bình - minh, bấy giờ cái lòng yêu ghét đúng với lương-tâm người ta hãy còn chút-đỉnh, đến lúc ban ngày lại bị những điều xằng nó quyến-dụ đi, quyến-dụ đi luôn mãi, thì cái khí thanh-minh lúc ban đêm lại mờ-ám đi không còn đủ giữ cái lương-tâm được nữa, cái lương-tâm lúc bình-minh ấy đã mất đi rồi, thì chẳng khác gì cầm-thú mấy tí nữa. Người ta thấy cái người đã cầm-thú như thế, liền cho rằng người ta vốn không có cái tài tốt không có lương-

tri, có phải bản-tính người ta thế đâu. Nếu hay bồi-dưỡng cho nó thì không vật gì là chẳng sinh-trưởng, nếu không biết bồi-dưỡng thì không vật gì là chẳng tiêu-diệt. Khổng-tử rằng: Biết giữ lấy cái lương-tâm thì còn, mà bỏ đi thì mất. (Mạnh-tử)

— Ta khéo nuôi cái khí hiệu-nhiên của ta. — Dám hỏi thế nào là khí hiệu-nhiên? — Rất là khó hình-dung ra được, cái khí nó chi-cương chí-đại, cứ thuận nuôi nó mà chớ làm điều gì hại nó, thì tự-nhiên cái khí nó sung-tắc cả trong trời đất; đã hay nuôi được cái khí ấy thì nó hay phối-hợp với đạo-nghĩa, không có cái khí hiệu-nhiên ấy thì cái thể không được sung-túc. (Mạnh-tử)

— Người ta thả xồng gà chó ra thì biết tìm; có cái tâm đề phóng-túng đi mất thì không biết tìm, cái đạo học-vấn không có đường gì khác, chỉ tìm giữ lấy cái phóng tâm mà thôi. (Mạnh-tử)

— Năm giống thóc vốn là thứ hạt giống tốt, nếu mà không được chín chắc thì không bằng thứ cỏ đòng-mục, vậy nên điều nhân là cốt sao cho đến thuần-thục chín-chắc mà thôi. (Mạnh-tử)

— Người quân-tử theo về đường đạo-lý mà học cho đến nơi đến chốn là muốn tự-đắc vào mình, đã tự-đắc được vào tâm mình, thì hay yên ở vào đấy, đã yên ở vào đấy thì nhờ vào đấy được sâu xa, đã bằng-tạ vào đấy được sâu xa thì lấy ra ứng-dụng bề nào cũng gặp đến nguồn gốc cả. (Mạnh-tử)

— Sửa mình cốt-tử phải xét biết đạo-lý, người ta làm sao lại xét biết được đạo-lý? — Bởi tại cái tâm. — Cái tâm sao lại xét biết được. — Bởi cái tâm nó hư-minh chuyên-nhất mà yên-tĩnh; cái tâm nó vẫn tàng một chỗ, vậy nên nó hư-minh; cái tâm nó vẫn đầy-đủ, vậy nên nó chuyên-nhất. Cái tâm vẫn

thường động, nhưng mà nó vẫn yên-tĩnh; người ta sinh ra vốn có tri-thức, có tri-thức nên mới có chí, cái chí nó vẫn tàng ở một chỗ, nhưng nó vẫn hư-minh, tuy rằng nó tàng một chỗ mà nó vẫn không hại gì đến việc cảm-thụ, là vì nó hư-minh. Cái tâm nguyên có tri-thức; tri-thức mà có khác nhau, là tại đồng-thời gồm biết cả mọi lẽ, vì đồng-thời gồm biết cả nên mới thành ra hai, nhưng nó vẫn chuyên-nhất làm một, không vì một điều kia mà hại đến một điều này, nên mới gọi là nhất. Cái tâm khi nằm thì mơ-màng, khi lười-biếng thì phóng đi mất, khi dụng-tâm thì nó biết lo nghĩ, vậy nên cái tâm nó vẫn thường động mà nó vẫn yên-tĩnh, vì nó không bởi sự mơ-màng phiến-kịch mà làm loạn mất tri-thức, nên nó vẫn tĩnh, hư-minh chuyên-nhất mà vẫn yên-tĩnh, vậy nên cái tâm nó rất trong sáng. — Phàm xem các sự-vật mà có nghi-ngờ, trong tâm không định, thì ngoại-vật không rõ, bụng mình nghĩ cũng không tinh, thì không hay định phải trái được; cứ mờ-mờ mà đi, trông thấy đồng đá lù-lù tưởng là con hổ phục, trông thấy dạng cây tùm-um tưởng là người đuổi theo; đó là tại mình lơ-mờ nên nó che mất cái sáng của tâm mình vậy. Kẻ say rượu bước qua cái ngòi trăm bước, vẫn tưởng là qua cái rãnh độ nửa bước; khúm-núm qua cửa thành vẫn tưởng là cái cửa buồng nhỏ hẹp; đó là tại rượu nó làm loạn mất cái thần vậy. Mờ mắt mà nhìn; trông thấy một tưởng là hai, bịt tai mà nghe tiếng vắng vắng tưởng là âm-âm, đó là vì cái thể nó làm loạn mất tâm-quan vậy. Tự trên đỉnh núi trông xuống con trâu tưởng là con dê, nhưng kẻ đi tìm dê không xuống đất được, đó là bởi trông xa nó che mất cái lớn đi vậy. Tự dưới chân núi trông lên ngọn cây, vẫn tưởng cái cây mười nhạn kia như là chiếc

đũa, nhưng kẻ đi tìm đũa không hay lên bề được, đó là tại ở chốn cao, nó che mất chiều dài đi vậy. — Tâm người ta ví như chỗ nước đứng, cứ để yên đó mà không động, thì cái phần vẫn đục nó lắng xuống dưới, mà cái phần trong sáng nó ở trên, đủ soi biết được râu mày mà xét được mọi lẽ; nếu thoảng qua cơn gió động thì phần nhờn nó lại động ở dưới lên, mà phần trong-sáng nó lại vẫn-đục ở trên, thì không thể soi biết đích được hình ảnh, cái tâm cũng ví như thế, vậy nên phải khai-đạo nó lấy nghĩa-lý, bồi-dưỡng nó cho thanh-minh, đừng để tí vật gì bợn vào, thì tự hay định điều phải trái, quyết việc hiềm-nghi. Nếu để một vật nhỏ gì nó quấy-dũ mất cái tâm đi thì bề ngoài thất-chính, bề trong cái tâm nó cũng nghiêng lệch đi, không hay quyết định được mọi lẽ. (Thiền Giải-tế trong sách Tuân-tử)

Xét: *Trở lên là dẫn lời Khổng Mạnh và Tuân-tử nói về cái công-phu tồn-dưỡng.*

Các nhà tiên-nho đời Tống đời Minh không hay dẫn bàn đến lời nói của Tuân-tử. Nhưng không biết Tuân-tử thực là chính-truyền của Khổng-học, xem như lời nói trên ấy thực là nói rõ về cái hiện-tượng tâm-lý và bảo người ta phải dưỡng lấy cái tâm; dầu các tiên-nho đời Tống đời Minh thiên ngôn vạn ngữ cũng không ngoài cái lẽ ấy, nên mới trích-lục ra đề đầu chương này.

— Học cốt tại biết cái sở-hữu của mình, lại cốt tại hay nuôi cái sở - hữu của mình (Trình Minh-đạo)

— Nếu không hay tồn-dưỡng lấy cái tâm chỉ là nói suông (Trình Minh-đạo)

— Đã hay hàm-dưỡng cho đến nơi đến chốn, thì cái tâm mình tự - nhiên trong sáng cao-xa. (Trình Minh-đạo)

— Phải khai-khoát cái tâm ra cho rộng - rãi, ví như cái đài cao chín tầng thì phải làm cái chân móng cho

to rộng thì mới vững được. (Trình Minh-đạo)

— Lũ chúng ta phải nên bồi-dưỡng ái-tích lấy tinh-lực, nếu tinh-lực hơi không đủ thì sinh ra mỗi mệt, lúc làm-sự đều miễn-cưỡng mà không có thành-ý, xem như lúc bồi tiếp khách-khứa thì biết, hưởng-chi làm việc lớn. (Hình Hòa-thúc Thứ)

Lã Dữ-thúc thường nói rằng mình bị nhiều sự lo nghĩ quá không thể khu-trừ đi được. Đáp rằng: Nếu như thế thì không khác gì ở trong cái nhà trống mà cứ lo về giữ trộm, phía bên đông có một cửa lại đình chưa đuổi đi được, phía bên tây lại có một cửa nữa lại đình, tả-hữu tiền-hậu xua đuổi trộm cả đêm không rời, chỉ vì cái nhà ở bốn mặt trống-trái, kẻ trộm nó lên vào dễ, người chủ nhà không thể nào giữ vững được. Lại ví như đổ nước vào cái lọ kia đã đầy nước rồi, dầu dim nó xuống nước, nước ngoài cũng không thể tràn vào được nữa; bởi vì trong đã có nước rồi thì thực chắc, thực chắc thì những điều ngoại-họa không thể xâm vào được nữa, tự-nhiên là vô-sự. (Trình Y-xuyên)

— Tự-lự nên giản-tĩnh, phiền quá thì cái tâm mình lại sinh ra hôn-mê nghi-hoặc. (Trương Hoàn-cừ)

— Cái lúc tâm thanh thường ít, mà cái lúc rối loạn thường nhiều; cái lúc tâm thanh thì trong rõ nghe suốt, tứ-thể không phải đợi câu-thức, mà tự-nhiên vẫn kính-cần; cái lúc rối loạn thì trái khác thế là tại làm sao? Bởi vì dụng-tâm chưa chín, khách-lự nhiều mà thường-tâm ít, cái bụng tập-tục chưa bỏ đi được, mà cái thực-tâm chưa được toàn, có lúc như là mất hẳn đi, chỉ vì cái tâm mà sinh ra cả. Nếu đến lúc đã chín-chắn rồi thì không như thế, chỉ nên giữ lấy những điều lớn, giữ mãi cho đến lúc chín-chắn, thì những điều nhỏ khá lược bỏ đi được. (Trương Hoàn-cừ)

— Thầy Trình bảo rằng giữ được chính-tề nghiêm-túc thì cái tâm tự-nhiên chuyên-nhất, tâm đã nhất rồi thì không mắc những điều can dỡ. Cái ý ấy phải hàm-dưỡng ít lâu, rồi tự-nhiên thiên-lý tự rõ, nay không từng cố làm lấy cái công-phu ấy, trong bụng chỉ là bác-tạp rối beng, sao hay cùng được mọi lẽ. (Chu Hối-ông)

— Hàm-dưỡng là việc ông chủ, tỉnh-sát là việc kẻ nô-tì. (Lục Trọng-sơn)

— Người ta nên chính - lý lấy cái tâm, khiến cho nó thường trong sạch mà tỉnh-tóm luôn thì mới tốt, đó là cái công-phu lấy điều kính để chính-định ở phần trong. Nếu không kính thì không giữ được thẳng-thần chính-định, đã không thẳng thì nó hôn-mê đảo-ngược cả, vạn-sự cũng đều nát hết, sợ lắm thay ! (Ngô Khang-trai)

Tâm-thần người ta phải có chỗ yên-định cho vững - vàng, nếu không được yên-định vững - vàng, thì hằng ngày chỉ rối-bời ở trong chốn lợi-hại mà thôi. (Ngô Khang-trai)

— Người ta hay thu-liễm cảnh-tĩnh luôn, thì ái khí nó thanh, cái tâm nó tự sáng, nếu hơi lười biếng một tý thì hôn-mê mờ-mịt ngay. (Hồ Kính-trai)

— Cái tâm mà thường trầm-tĩnh thì nó hàm-súc nghĩa-lý, mà ứng ra mọi việc ại hay có lực lượng. (Tiết Kinh-hiên)

— Kẻ học - giả nên trước nghiêm - chỉnh khí-tượng, nếu khí-tượng đứng-đắn, thì trăm việc làm đều thỏa đáng cả. (Trần Bạch-sa)

— Kẻ học-giả nên thu liễm cái tinh-thần, ví như cái hỏa-lô thu lại cho kín-đáo thì ngọn lửa tua sáng ra, nếu để khai-phóng thì nó tối đen đi mất. (Hạ Đông-nham)

— Kẻ học-giả đương lúc mọi sự-vật rối-bời, cái tâm thường phải giữ cho thanh-minh như lúc buổi sớm. (Vương Dương-minh)

— Cái thông - bệnh của chúng ta thường để vật-dục nó che mất cái tâm,

ví như đám bèo nổi trên mặt nước ao, gạt nó ra nó lại che lấp ngay. Chưa kể đến sông bể, hãy xem như chỗ nước chảy, thì có đám bèo nào che được, là tại sao thế ? Vì chỗ nước chảy nó có nguồn, nước ao thì không có nguồn, có nguồn thì quyền tại mình, không có nguồn thì phải tùy theo vật, vậy nên không để đình-trệ lúc nào là vì có nguồn, còn như học dở-dang lại bỏ là vì không nguồn đó mà thôi. (Vương Dương-minh)

— Người ta hay giữ cái tâm, dấu gập lúc nhàn mà vẫn không nhàn, lúc vội mà vẫn không vội, như thế thì cái tâm mới không bị cái cảnh-ngộ nó thay đổi. (Vương Long-khê)

— Việc học có khi lấy một lời nói mà cai hết cả, cũng có khi không thể lấy một lời nói mà cai hết được, như bảo rằng phải thu-liễm lấy tinh-thần cho thường ngưng-tụ, để làm chủ-tể cho muôn sự muôn vật, nói như thế thì cai hết cả, mà cũng có thể tỉnh-ngộ được hết cả. Nhưng còn những khi ra vào thù-ứng, khiến-dẫn về tình-tử, chuyển-di về lợi-hại, bận-bịu về tính-toán, sự-biến mập-mờ, biến sinh ra lăm ngả, không phải người kiên-tâm khổ-chí giữ-gìn hàng năm tháng, vạn-tử nhất-sinh, thì không thể ứng-phó được. (La Niệm-am)

— Nếu có người luận - thuyết giỏi-giang, giảng-giải trôi chảy, bảo là có tài thì phải, chớ về đường học-vấn chưa chắc đã có một tí gì. Nếu người nào ở trong bọn chúng-nhân, người ta hay nhằm-lấn bộp-chộp, mà mình vẫn giữ được điều-lý phân-minh không rối loạn một tý gì, như thế thì phi cái người có cái công hàm-dưỡng chấn-tĩnh tự lúc bình-nhật, việc lớn việc nhỏ không còn nghi ngờ gì nữa, thì mới hay thế được. (La Niệm-am)

— Người ta nếu hay thu-liễm giữ-gìn lấy cái tâm. như là giữ đứa trẻ con, thì nó vẫn tự hay cười đùa, tự

hay ăn uống, tự hay chạy chơi, há phải cần đến sức người nâng đỡ trở bảo nó chút gì đâu. Ta thường thí-nghiệm lúc làm-sự, nếu giữ được thỏa-đáng tinh-tường, thì khi nói khi làm khi mừng khi giận, tự-nhiên không sai; nếu hơi hoảng-hốt giản-lược thì là sinh hối ngay. Trước kia cứ nghe cái lời bảo rằng lương-tri nó vẫn tự-tại, làm sai làm mất cả, thiếu mất cái công-phu bồi-dưỡng, công bồi-dưỡng là phải thu-liễm giữ-gìn. Mùa hạ năm giáp-thìn, ta nhân ngồi yên lặng mười ngày, mới hoảng-nhiên nghĩ ra, trước kia bị phải cái thuyết của Long-khê bảo rằng lương-tri tự-tại nó làm sai lầm, là tại mình dụng-công không được kỹ-càng, nên trong tâm mới bị chuyển-dịch vậy. Xem như thầy Mạnh nói cái tâm truat-dịch trắc ẩn của người ta, là bởi sinh ra cái lúc chợt trông thấy đứa bé ngã xuống giếng; lại nói cái tâm hiếu-ố lúc binh-đàn của người ta vẫn giữ được lương-tâm, là bởi sinh ra lúc khi ban đêm còn thanh-minh, chứ chưa từng bảo rằng cái lương-tâm ấy lúc nào cũng có. Còn như cái tâm nhân-nghĩa lễ-tri là từ-đoan thì phải khuếch-sung thêm ra, rồi tự-nhiên nó mới chày lên như lửa, chảy ra như nước suối, có thể suy cái tâm ấy ra bảo-toàn được cả bốn bề. Người ta nếu hay giữ được cái lương-tâm thanh-minh như lúc buổi sáng, mà dưỡng mãi nó lên thì nó mới sinh-trưởng ra được, cần phải dưỡng-tâm là bởi cái tâm nó dễ động, có thể vậy; chứ chưa từng bảo rằng lúc nào cũng có thể đem ra trí-dụng mà hay bảo-toàn được bốn bề; cái công-phu khuếch-sung là trước phải nuôi cái lương-tâm nhân-nghĩa lễ-tri ấy cho phát-sinh ra, mà không có cái lòng cầu tiếng khen, phải tự-nhiên thuận nuôi nó lên, nghĩa là nuôi lấy cái mầm lương-tâm ấy cho thường sinh-tức ra, lúc nào cũng thanh-minh

như cái khi lúc buổi sáng, như thế thì cái lòng trắc-ẩn và lòng hiếu-ố lúc nào cũng sáng-sủa, đó là cái lời khỗ-tâm của các bậc thánh-hiền. Ông Dương-minh đề-xương lên cái nghĩa lương-tri lại thêm một chữ «tri 致» ở trên, tức là cái ý khuếch-sung bồi-dưỡng đó. Chữ lương về lương-tri, tức là cái tinh người ta phát ra mà trung-tiết gọi là hòa; sở-dĩ gọi là lương-tri là tự-nhiên không phải nghĩ-ngợi gì mà biết, tức là «bất lự nhi tri 不慮而知» chính là cái bản-chất nó như thế; nay lại cho cái chốn tri-giác nó phát-động ra là lương-tri, thậm-chí lại đổi nghĩa chữ tri 致 ra chữ y 依, thế thì chỉ có cái công phát-dụng, chứ không có cái ý sinh-tự; cái cây mà thường bốc tốt lên quả thì lại chóng khô, người mà thường động-dụng luôn thì lại chóng chết, trời đất còn phải bi-tàng nữa là người ư; vậy nên người ta phải có cái tinh trung-dụng chứa phát ra, rồi sau mới có cái tinh hòa-nhã phát ra mà đều trung-tiết; lại tất phải có cái tâm khuếch-nhiên thái-công, rồi sau mới có cái cảm-tinh thuận-ứng ra các việc; nếu ngày thường chỉ làm văn nói phẩm không biết thế nào là cái chỗ nó chứa phát lộ, cái tâm nó khuếch-nhiên, chẳng biết dụng-công ra thế nào, thực là hoài phí mất cả đời người. Nếu hay khuếch-sung bồi-dưỡng đề cho hợp với đạo-nghĩa, tự-nhiên cái khi hiệu-nhiên nó sung-mãn, không bị vật ngoài nó lấn cướp đi được, nhưng cái công phư ấy không phải một sớm một tối mà làm được, song cũng có thể xét nghiệm dần dần từ một sớm một tối trở đi, rồi mới có thể suy cái tâm ấy đạt ra bốn bề được; ví như bơi thuyền tay không cầm vững lái, thì không khỏi khi ngang khi ngửa, chỉ là tổn công; nên phải thời-thường bồi-dưỡng lấy cái lương-tâm, mới là công-phu mật-thiết. (La Niệm-am)

— Người ta trong một ngày mười hai giờ, tinh-thần ý-chí phải cho có chốn yên-ôn vững-vàng, thì mới có chốn tiến bộ. (Cảnh Thiên-dài)

— Cái công hàm-dưỡng phải đến chín phần, còn cái công tinh-sát chỉ độ một phần mà thôi; nếu không có cái công hàm-dưỡng thì dầu tinh-sát được nhưn; không có cái sức đề nên được bụng tư-dục. (Lã Tâm-ngô)

— Nếu cái người hàm-dưỡng không được chắc-chắn, từ lúc sơ-sinh cho đến lúc chết, không biết mấy lần biến-đổi, tức như tri-thức đã đến nơi, nhưng chưa được chắc-chắn, rút lại chưa biết là hạng người gì; sở dĩ kẻ học-giả cốt phải dục-tĩnh cho vững-vàng chắc-chắn, đến lúc đã vững-vàng chắc-chắn rồi, thì dầu gặp những lúc thường - biến cùng-đạt tử-sinh cũng chỉ là một mực, giá có gặp cái việc khó liệu-lý cũng hay giữ-gìn được. Nếu cái người lúc bình-nhật chưa gặp việc gì, thì vẫn là người tốt, đến lúc chợt gặp một việc nhỏ thì lộ ngay bản-tướng ra, giá mà gặp việc khó việc lớn thì không biết thành ra cái người thế nào, sở dĩ cổ-nhân không dám khinh-dị cười người, sợ mình gặp việc ấy chưa chắc đã hơn ai. (Lã Tâm-ngô)

— Người ta đến lúc sinh - tử mà không loạn, thì mới là tay giỏi; lúc ngày thường phải nên qui-định tinh-thần về một đường, chớ để cho nó tiết - lậu. (Đường Ngưng-am Hạc-Trung)

— Người ta về cái học tâm-thân phải có chốn trước-lạc, phải nên khốn-tâm hành-lự; nếu về những chỗ ấy mà bỏ qua, thì là hạng người khốn mà chẳng chịu học. (Cao Cảnh-Dật Phan-Long)

— Lo việc nước phải cốt tự - cường, thì ngoại-hoạn tự dẹp yên; trị bệnh phải cốt điều-dưỡng nguyên-khi, thì khách-tà tự tán; nếu chỉ lo nghĩ chống-chọi với ngoại-hoạn, thì cái công việc chống-chọi ấy lại càng sinh ra họa-hoạn; trị bệnh chỉ chuyên trừ khách-tà, thì

trong phủ-tạng đã hại trước, mà ngoại-tà nó vẫn truyền mãi vào không thôi; sửa mình đã đem lại được thiên-lý mà cái lòng nhân-dục vẫn chưa bỏ hết, thì cái công lĩnh-sát tuy vẫn dẽ, nhưng đã bỏ được nhân-dục rồi mà không đem lại được thiên-lý, thì cái hại suốt đời vẫn không khỏi. (Vương Thuyền-son Phu-Chi)

Cần xét: Trở lên trích-lục những lời của các hiền-nho đều nói về cái công tồn-dưỡng; ước lại mà nói tóm có năm điều:

1' Có cái công tồn-dưỡng lấy cái tâm thì lúc nào vẫn thường trong sáng, nếu không thì nó hôn-ám ngay, ví như mặt gương sáng, phải thường lau chùi luôn, chớ để bụi-bậm bám vào, thì đến khi niệm-lự phát ra, sự-vật dần lại, ta đều trông rõ thấy cái bản-tướng nó ngay, mà ứng-phó ra không lầm lẫn. Ôi, cái lương-tri người ta sinh ra ai cũng có cả, nhưng mà hay đem cái lương-tri ra ứng-dụng thì muốn người không được một, là tại có sao? Là tại bản-thể cái tâm nó không sáng; ví như người đau mắt trông thấy trong không hoa cả lên, trong không vốn không hoa, vì tại mắt đau nên trông ra như thế, vậy nên hòa sơn đỏ mà trông thành ra biển, trở con hươu mà trông thành ra ngựa, nếu cứ tin theo cái mờ-mịt ấy nhận cho là cái tác-dụng của lương-tri, thì sai lầm biết là chừng nào? Vậy nên tâm-lý-học có cái tật gọi là « ảo-giác 幻覺 », cái nguyên nhân nó bởi tại cái bụng nghĩ quanh quẩn và cái tri - giác đương-cảnh nó hòa-hợp lại, nên mới nhận lầm mà sinh ra ảo-giác. Chính như lời Tuân-tử bảo rằng trông thấy đồng đá mà ngỡ là con hổ phục, trông thấy dăng cây mà ngỡ là người sau đuổi theo, đó là cái linh-chất phổ-thông của loài người ta ai cũng có. Phạm như loài ấy cái nguyên-lý nó giống như mộng- tưởng, chính như Liệt-tử bảo rằng nằm

lên thất lưng mà ngủ thì mộng thấy rắn, trông thấy con chim bay ngậm tóc thì mộng thấy bay, đều là lẽ ấy cả. Song cái nguyên-nhân sinh ra ảo-giác, thì viển-nhân bởi lại cái nội-tâm nó sinh ra, mà cận-nhân là bởi lại cái ngoại-cảnh nó cảm-xúc. Xem như người nước Trịnh nó bảo nhau: Ấy kia Bá-hữu! là bởi trong tâm nó vốn có cái lòng sợ Bá-hữu. Tề Tương-vương trông thấy con lợn đứng lên thì cho là công-tử Bành-sinh hiện ra, là bởi trong tâm ông ấy vốn có cái lòng sợ Bành-sinh. Họ đều bởi có cái vật khác nó che mất cái sáng của mình, nên mới sinh ra ảo-mộng. Nay không trước trừ bỏ cái chướng-ngại ấy đi mà muốn không sinh ra ảo-mộng thì không thể nào được. Liệt-tử lại bảo rằng: Bậc chi-nhân không có mộng. Sao lại hay không có mộng? Bởi vì bản-tâm thường sáng, cái ảo-tưởng nó không xâm vào được. Ôi! Cái ảo-tưởng nó làm cho người lầm lẫn, có phải chỉ những điều tiền-tiết như vừa nói ở trên mà thôi đâu: như người ta có sống thì tất có chết, cái chết vốn không đáng sợ, mà sao người ta lại hay sợ? Vì cái ảo-giác nó làm cho ta sợ vậy. Phú-qui lợi-lộc chẳng qua chỉ cung cái khoái-lạc về tai-mắt khẩu-thê cho người ta được một ít ngày mà thôi; tai-mắt khẩu-thê là một vật chứ không phải là ta, ta sao lại tự khổ mà làm vui cho cái vật kia; và phú-qui lợi-lộc cũng không có gì đáng ham muốn, mà sao lại cứ ham muốn, là bởi cái ảo-giác nó làm cho ta muốn vậy. Cái không đáng sợ mà lại sợ, cái không đáng ham muốn mà lại ham muốn, thì có khác gì con lợn kia không đáng sợ mà ông Tề-Tương lại sợ. Thế thì ra người ta chỉ suốt đời mơ-màng say-đắm ở trong trường-ảo-giác, không lúc nào được tươi-linh, khá thương lắm thay! Đầy dạy bảo phải lờn dưỡng lấy cái tâm, là cốt khiến cho cái tâm mình phải thường tỉnh luôn mà không mờ tối, đừng cho

cái ảo-giác ấy nó lấn vào, cốt là tại mình tự-đắc lấy vậy. Còn đến như lúc ứng-dụng, thì chúng ta sinh ở cái đời vẩn-mình này, sự-vật trong xã-hội phức-lạp rất nhiều, phi-tri-tuệ tấn-tối lên, thì sao hay xét được sự-biến mà cũng được mọi lẽ, nghiên được cơ-vi mà điều-dụng cho thần; vậy không kỳ lúc đọc sách lúc làm việc, đều nhờ về một cái tâm linh-mình ấy để soi xét. Nếu đem cái ảo-giác ấy mà đọc sách, thì sao hay bài-trừ lục-kiến mà biết được chân-lý; lấy cái ảo-giác ấy mà làm việc, thì sao hay ứng-phó với thời-thế mà mong cho thành-công, có khác gì không có thờ-địa, tư-bản, lao-lực mà lại muốn làm giàu. Bởi thế xem ra cái công lờn dưỡng không những là thuộc về phạm-vi đức-dục, mà tri-dục cũng phải cần đến tồn-dưỡng.

2' Có cái công tồn-dưỡng thì thường hay tự-cường, tự-lập, không có thì nó yếu ớt đảo-diễn. Sách có dạy rằng: «Châm-chủ trang kính thì hay tự-cường, rồi dài trê-biêng thời lại sinh lười»; lời nói ấy rất là phải lắm, thực là nói rõ cái quan-hệ của tâm-lý với sinh-lý vậy. Nhà sinh-lý-học có nói rằng: Trong óc người ta có một cái bầu vô-giá, là cái sức hay hoạt-động. Người ta sở-di hay nghiên-cứu được lý-tưởng mới gánh vác được sự-nghiệp lớn, đều là nhờ về cái sức hoạt-động ấy cả; cái sức ấy phải nên ái-tích mới được, nếu không biết ái-tích dần dần mà đem đưng cản liêu hão về cái chỗ vô-dụng, thì cái nguyên-lực ấy nó mỗi ngày kém bớt đi; nếu ái-tích quá cũng không được, ái-tích quá thì thành ra bỏ xó vào chỗ vô-dụng, rồi cái bản-năng nó không sao phát-đạt được nữa. Vậy nên chúng ta phải khiến cho cái sức hoạt-động ấy nó vận-dụng có tiết-độ mà vừa phải thích-nghi mới được, nếu chỉ ăn nó suốt ngày mà không dụng-tâm việc gì cả, thế là bỏ cả cái sức hoạt-động ấy vào cái chốn vô-dụng vậy. Vậy nên Lục-tử bảo rằng: «Tinh-thần không vận-dụng thì ngu,

huyết-mạch không lưu-thông thì ám.» Tăng Văn-chính nói rằng : « Tinh-thần càng vận-dụng thì càng ra, dương-khi càng phấn-chấn thì càng thịnh. » Cũng như cái lẽ bảo rằng siêng-năng thì càng khỏe, lười biếng thì càng yếu vậy. Tuy rằng thế, những kẻ ăn no suốt ngày không dụng tâm việc gì, nhưng cái tâm nó vẫn phải có chỗ kỳ-thác, chẳng kỳ-thác về việc hữu-dụng thì tất kỳ-thác về việc vô-dụng ; vậy nên vô-số những điều tạp-niệm nghĩ càn, lúc nào nó cũng vơ-vẩn ở cái tâm, rồi nó làm cho tiêu-hóa cái sức hoạt-dộng ấy, không còn có tiết-độ, làm cho thần - kinh rất mệt, không hay tự phấn-chấn lên được ; xem như những khách bi-thu, những gái hoai-xuân, suốt ngày đa-sầu đa-bệnh, trông thấy nhất-ban cảnh - vật đều là buồn-bã vô-cùng ; độ qua mấy khắc quang-âm, khó nổi tìm đường tiêu-khiển ; rồi đến nổi thề-chất ngày càng yếu-ớt, chí-khi ngày một tiêu-trảm, đó là một cái chứng về những kẻ làm hao-phí mất cả cái sức hoạt-dộng. Xem thế thì cái công tồn-dưỡng không những thuộc về cái phạm-vi đức-dục, mà thể-dục cũng cần phải tồn-dưỡng vậy.

3' Có cái công tồn-dưỡng thì nghiêm-chỉnh thư-thái, không thì rối-loạn phân-vân ; thư-thái mà trị là việc tốt, phân-vân mà loạn là việc xấu, cái tượng trị-loạn không những là ở nước mới như thế, mà ở nhà cũng thế, cho đến tâm-thân cũng vậy ; người mà đã là người loạn thì mất cả nhân-cách không còn gì nữa ; lúc khởi cư không có tiết-độ, lúc ngôn-ngữ không có thứ-tự, đó là thân loạn ; trong bụng những điều tư-tục lúc nào cũng vơ-vẩn nghĩ luôn, đó là tâm-loạn, nhưng trước tâm có loạn rồi sau thân mới loạn, muốn sửa cái thân mình thì trước phải trị cái tâm mình mới được. Biên-tấm (BENTHAM) là kẻ nho-giả nước Anh cho sự khổ với sự vui làm cái tiêu-chuẩn cho việc thiện với việc ác, thực là một điều phát-minh mới trong cõi

triết-học gần đây. Song cái điều chân-khổ chân-lạc không phải ở khu-xác mà ở tâm-hồn, khu-xác khổ mà hồn vui là chân-lạc, khu-xác sướng mà hồn khổ là chân-khổ. Chúng ta thử nghiệm xem những lúc cái tâm-hồn ta rất vui, chia ra có mấy cảnh : một là lúc đi tản-bộ ngoài đồng, hỏ - hớp không-khi mới, nhìn xem cỏ hoa phong-cảnh tươi-tốt hơn-hở, đều có sinh-ý, hoặc lúc đi thuyền bề thuận gió giương buồm, lắng nghe cơn sóng bề, du-nhiên có cái tư-tưởng xuất-trần, tâm - hồn lúc ấy rất vui. Hai là lúc cùng với một vài người bạn đồng-tâm chí-thiết bàn về việc học, hoặc bàn về thời-sự lời nghị-luận phong-sinh, tâm-hồn lúc ấy rất vui. Ba là lúc đọc sách cùng xét nghĩa-lý mà hốt-nhiên lĩnh-ngộ, tâm-hồn lúc ấy rất vui. Bốn là lúc vận-dộng thân-thể, sau khi mệt-nhọc rồi điềm-nhiên đi nghỉ, tâm-hồn lúc ấy rất vui. Phàm những cõi vui ấy người ta thỉnh-thoảng mới được gặp, chứ không được gặp luôn, khi gặp những cảnh ấy thì vui biết chừng nào ! Những lúc ấy thì tâm-hồn mình siêu-nhiên ở ngoài cõi trần, trong bụng không có một chút cặn-bã tạp-niệm gì hết cả. Trái lại những lúc ấy thì rất khổ, nào là gặp những khi người nhà om - vom, những kẻ ác-khách hỗn-tạp, so-sánh về điều lợi-hại, cặm-cui về việc đắc-thất, tuy rằng về phần hình-hai tư-dục có khi phóng-tung tự-đắc, nhưng trong tâm thì thực là khổ-khổ phiền-não. Đó là hai cái cõi cực-khổ cực-lạc, không kỳ người nào, thử xét lại xem ai cũng thế cả. Thế thì để cho cái tâm mình rối-loạn mà không biết sửa, thì suốt đời là một kẻ khổ-nhục, đều là tự mình làm hại mình cả. Còn nói đến lúc thù - ứng thì chúng ta không phải là hạng người yếm-thế, thế nào cũng phải giao-liếp mọi sự-vật, chi-nguyện mình càng to thì giao-tiếp với mọi sự-vật càng nhiều, nếu không có học-thức để giữ-gìn lấy tâm-lý của

minh cho có trật-tự, thì không khác gì trong đám quân trăm vạn mà không có ông chủ-súy, hiệu-lệnh bất-nhất, tài nào mà chẳng tan vỡ. Vậy nên cái người gặp việc bối-rối mà không giữ được tháo-thủ, là bởi cái tâm nó đã loạn nên đến nỗi hại như thế vậy.

4. Cái tâm mà hay tồn-dưỡng thì nó hay hư-tâm biết nghe điều phải, nếu không thì nó bẻ tắc, tâm-lý cũng ví như cái gương sáng, nó không có cái bóng nào che lấp đi thì nó hay soi xét được vạn-tượng. Chúng ta đi học muốn cho tấn-lối thì phải cầu lý-tượng cho càng ngày càng hiết thêm mọi lẽ tân-trí, chúng ta làm mọi việc cũng muốn cho tận-thiện, thì phải xếp đặt điều-lý cho rõ-ràng chỉnh-bị; nếu muốn như thế thì phải trong bụng cho đồng - đạt không có bận-bịu một tí gì, thì mới thành-hiệu được. Bạn ta là Tướng Trido-thị có nói rằng: « Trong cái khu-vực ý-thức của người ta, nếu đã có một cái quan-niệm gì nó đã chiếm - lĩnh ở đó, thì cái quan-niệm khác không thể phát-sinh ra được nữa, ví như trong bụng ta đã có một việc ưu-lự không thể giải ra được, thì lúc ấy trong cái khu-vực ý-thức của mình đều bị cái điều ưu-lự ấy nó chiếm cả, thì những điều quan - niệm khác đều bỏ nhãng đi mất. Những sự nó làm che mất cái khu-vực ý-thức của mình chia ra có hai thứ: Một thứ là «đan-nhất», nghĩa là chỉ yêu thích một vật gì, tâm-niệm lúc nào cũng không bỏ nó ra được; một thứ là «tạp-đa» nghĩa là trong tâm nhiều sự tạp-dục rối-bời; vậy nên phải giữ cái tâm cho thanh-linh, đừng theo đuổi về goại-duyên, đừng phân-vân về nội-nhiên, khiến cho cái khu-vực ý-thức nó đồng-đạt không vướng một vật gì, thì mới sinh ra cái quan niệm về đạo-lý, tự-nhiên hoạt-bát thiêng-liêng. » Đó tức là nghĩa Tuân-tử bảo rằng: Cái tâm nó yên-tĩnh thì nó hay hư-tự. Xem thế thì chúng ta không muốn hoạt-dụng cái

đạo-học ấy ra để giúp thiên-hạ thì thôi, nếu muốn học lấy đạo-lý thì phải ra công sửa-sang cái tâm cho sạch-sẽ mới được.

5. Có cái công tồn-dưỡng thì cái tâm nó mới kiên-định, không thì nó động-dao. Cái chốn thầy Mạnh học đặc-lực là tại hay bất-động-tâm, mà cái công-phu nó trước phải nuôi lấy cái khi hiệu-nhiên của mình. Trong thiên-hạ cái người không hay tự-chủ, động gió là lướt cỏ ngay, thì không khi nào làm được việc lớn bao giờ. Tuy rằng vậy, cái nghĩa bất-động-tâm nói thì dễ mà làm được thì khó, vì những sự phú-quí, bản-tiền, uy-võ, tháo-thủ, điển-bái, lợi-hại, khen chê, sùng khỗ, nó ở bề ngoài cảm-xúc đến như là giặc cướp lấn vào, không mắc điều nọ lại mắc phải điều kia. Ta thử xem các chúng bạn và năm nay, trước kia ời cũng khen những người ấy là chí-sĩ, mà tiền-đồ nước nhà may có hi-vọng, thế mà nay đã biến-đổi khác hẳn xưa, phần nhiều như thế cả. Ý chừng những người ấy lúc mới lập-thân đã định làm cái cách lừa dối phẫn-sức, để cầu lấy cái danh-dự trong vài năm, về sau bị phải những bề ngoài nó kích-thích, bất-giác biến-đổi cái sơ-chí mà thành ra nô-lệ, đọa-lạc đến thế thì mất cả tự do. Ta thử tự xét cái khi-bẩm của ta có hơn những người kia được là bao. Ta nay chưa vào trong cuộc xã-hội chưa chịu phải kích-thích, thì vẫn còn hay tự giữ được; đến lúc ta cùng xử một cảnh ngộ như những người kia thì ta bất-giác cũng hóa như vậy. Nếu cái khi-bẩm của ta mà hơn những người kia, giá có xử một cảnh-ngộ như những người kia, thì ta chưa chắc đã hóa theo. Nhưng phải biết rằng những người kia không những là gặp phải cảnh-ngộ nó kích-thích mà thôi, mà lại bị phải những điều vật-dục nó thúc-bách không biết chừng nào! Lời cổ-ngữ rằng: « Pháp-thuật tài giỏi độ một thước, con ma nó tài giỏi đến một

trương, qua được lần cửa này lại còn lần cửa khác, qua được lần cửa khác lại còn lần cửa kia, lần-hồi dần-độ mãi không biết đâu là cùng.» Nếu ta sau này lại gặp phải những cảnh đáng chán đáng sợ đáng thèm thường hơn những người kia, thì ta chắc là không biến-đổi chăng? Trang-sinh có nói rằng: « Ngày thường giao-tiếp vật ngoài nó thường đánh nhau với cái tâm. » Chúng ta suốt đời đứng vào cái địa-vị vật với ngã (tâm) đánh nhau kịch-liệt, mà phần ngã hay chiến-thắng được một trận cuối-cùng thì cũng ít lắm vậy. Lã Tâm-ngô có nói rằng: « Chớ vội khinh-di cười người, sợ mình gặp phải cảnh ấy chữa chắc đã hơn người ta. » Đó thực là một lời nói cảnh-sách bảo người ta phải cố lên vậy. Thế thì muốn chiến-thắng vật-dục được trận cuối-cùng thì làm thế nào? Binh-pháp có nói rằng: « Trước phải giữ lấy cái thế không ai thắng được mình, để đợi chiến-thắng quân giặc. » Lại rằng: « Chớ thấy giặc chẳng lại mà không phòng-bị, ta phải phòng-bị trước mới được. » Đòi nay những kẻ lo tính việc nước chỉ cậy về vô-bị để duy-trì hòa-bình, nào là khước-sung quân-bị, khiến cho thừa sức tự vệ, thì không lo gì sự ngoại-hoạn nữa, cái đạo trị-tâm cũng giống như thế vậy. Thầy Trình bảo rằng: « Trong tâm có chủ thì thực, thực thì ngoại-hoạn không thể lấn vào được », cũng là nghĩa ấy. Trước kia đã nói cái khu-vực ý thức nếu có một cái quan-niệm gì đã chiếm mất rồi, thì cái quan-niệm khác không thể phát sinh ra được nữa, thế thì cái quan-niệm ác nó đã chiếm mất thì không sinh ra cái quan-niệm thiện nữa, nếu quan-niệm thiện nó đã chiếm rồi thì cũng không sinh ra cái quan-niệm ác nữa, đều cùng một lẽ ấy cả. Xem thế thì biết cái tâm có hư-minh thì mới hay cảm-thụ, trước phải quét sạch ác-niệm đi để làm cái chôn dung- nạp thiện-

niệm. Nhưng cái tâm lợi phải thực, thì mới hay tự-chủ được, trước phải giữ-gìn lấy thiện-niệm để cự-tuyệt những điều ác-niệm ấy đi; hai điều ấy phải cùng tu-dưỡng để cùng giúp đỡ lẫn nhau. Cái thuyết chia ra thiện-niệm với ác-niệm là thế nào? Cái tâm-niệm mình hay tự-động thì là thiện-niệm, nếu cái tâm-niệm mình mà phải bị-động về vật-dục thì là ác-niệm; lúc nào cũng đứng về cái địa-vị hay tự-động thì là chủ-nhân, lúc nào cũng đứng về cái địa-vị thụ-động thì là nô lệ; lúc thì hay tự-động, lúc thì bị thụ-động, gián-tạp lúc thì là chủ, lúc thì là nô, mà phần nhiều sa về đường nô lệ, vậy nên phải chăm-chỉ giữ lấy cái tư-cách hay tự-động, lúc nào cũng phải ghi nhớ chớ quên, thì mới có cơ lấn-lợi được.

Trở lên nói qua về cái công-phu tồn-dưỡng có năm nghĩa, cũng chưa thể hết được. Phải biết rằng cái sinh-mệnh của chúng ta là hòa-hợp cả khu-xác với tâm-hồn mới thành ra người, thế thì đâu bảo một người có hai cái sinh-mệnh cũng phải, hai cái sinh-mệnh ấy nếu bỏ thiếu một, thì nhân-loại tiên-diệt mất đi ngay; cái sinh-mệnh về khu-xác hằng ngày phải có cái để nuôi nó, một ngày không ăn thì mỗi mệt, ba ngày không ăn thì ốm, bảy ngày không ăn thì chết; cái sinh-mệnh về tâm-hồn cũng thế, chớ cậy rằng ta đã có chất tốt, mà không chịu ra công ra sức để tồn-dưỡng, tuy rằng có thân-thể mạnh khỏe mà bữa cơm cũng không thể bỏ được, tuy rằng có lương-tri tốt mà cái công tồn-dưỡng cũng không thể bỏ trễ được. Các bậc triết-nhân cổ-kim trong ngoài, đều chăm về việc ấy cho là việc rất lớn, kẻ học-giả chớ cho làm vu-khoát hủ-lậu mà uổng bỏ đi, dè dặt nỗi hại mất một cái sinh-mệnh đi mà không biết tự ái-tích vậy.

(Còn nữa)

ĐÔNG-CHÂU dịch

PHONG-TỤC HÒA-BÌNH

Xứ Bắc-Kỳ đất rộng người nhiều, sản-vật cũng sẵn, nhưng đất trung-châu chỉ có một phần, thượng-du thì rộng gấp ba. Tỉnh Hòa-bình nguyên trước phía trên thuộc về Chúa-Bia quản-trị, phía dưới thuộc về Sơn-tây, Hưng-hóa. Tỉnh mới đặt ra tự năm Đồng-khánh nguyên-niên. Tỉnh có năm châu: châu Kỳ-sơn, châu Đà-bắc, châu Mai, châu Lương-sơn, châu Lạc-sơn. Năm giáp tỉnh Sơn-tây, phần nhiều rừng núi, người thổ-trước ở đấy. Dân thì phần nhiều là người Mường, giặc-hoặc cũng có người Mán, người Thổ, vẫn còn giữ thói mộc-mạc như trước. Duy có châu Lương-sơn tiếp-giáp huyện Chương-mỹ tỉnh Hà-dông thì dân-gian thường hay đi lại buôn-bán giao-thiệp, cho nên tục cũ biến-cải mới được một đôi phần mà thôi.

Ở đấy có câu ngạn rằng: « Cơm đồ nước vác, nhà gác lợn thui, ngày lui tháng tới, nước khe chè núi, ngày đi kiếm củi, tối về rằm sàn. » Lại có câu: « Ma Yên-lệ, nước Kệ-sơn »; « Yêu nhau cho thịt cho xôi, ghét nhau đua xuống Kim-lôi, Hạ-bì », ý nói những xã ấy có ma thiêng nước độc; lại có câu: « Tháng chín thời quyết đồ trôn, tháng ba ngái mọc lái buồn tìm về », nghĩa là: bắt đầu từ tháng chín thời khí mùa thu lại, khí nóng lên mà mưa xuống; hay sinh ra chứng thấp; còn khi ngái mọc, những cây ở trong rừng rụng lá xuống cùng là những chất độc của loài muông thú bài-tiết ra, theo nước suối chảy ra sông cho nên uống vào thì sinh ra sốt rét. Lại tục truyền suối Sảng ở châu Đà-bắc nước rất độc, châu Mai núi Nữ-vương có vị Sơn-thần tối - linh và

ma Mường cũng nhiều chỗ thiêng lắm. Ở Châu Kỳ châu Lương dân - cư thường bị phải hồ-giảo. Thế biết rằng: « Rừng thiêng nước độc », người ta nói cũng không ngoa.

Vì thế người đường xuôi không mấy người lên đường ngược. Mường, Mán, Thổ, họ ở với nhau vẫn giữ thói mộc-mạc. Tự đời thượng-cổ đến giờ mà cũng chưa đổi đi được. Gián hoặc có ông « lang » cùng các ông quan châu hay ra chơi chốn tỉnh-thành, chân bước lên đường văn-minh, mắt trông thấy cách lịch-sự, tai nghe thấy những lời tiến-hóa, thời cách cư-xử giao-thiệp cũng có xuất-sắc hơn người ở đấy nhiều; nhưng cũng chưa thể nào bỏ được cái cổ-tục ấy đi.

Than ôi! rừng vàng núi bạc, tạo-vật sinh ra để người ta dùng, thế mà không biết cách chế hóa, rừng núi bỏ không, phóng cho loài hồ báo cùng các giống dữ ở bên trong, bên ngoài thời phó cho dân Mường, Mán tự-sinh tự-dục với nhau, chẳng qua cây cối ở chân núi sườn núi, cùng là kiếm củi chém tre để tìm kế no ngày đủ tháng, qua lần mà thôi, chứ không thấy cái gì là cơ-sở vững-bền cả, sản-vật cũng còn nhiều, thung lũng cũng còn rộng, mà lại bỏ hoang-phi đi, thực là đáng tiếc! Mấy năm nay Chính-phủ Bắc-hộ hết lòng mở mang, đục núi lấp khe, bắc cầu xây cống, đặt cường quan-báo, người ta đi lại làm ăn cũng đã tiện-lợi hơn trước nhiều. Và nay quan Tuần-phủ tỉnh ấy là ông Quách Hữu-Vị người có kiến-thức hào-đạt, cũng là một ông quan ở thượng-du xuất-sắc. Trước ông Quách đã có ông Đinh Công-Thịnh cũng đã

thay đổi được phong - tục ít nhiều, dựng nhà vọng - cung, để biên - dân biết nước mình có quân - chủ, và đặt chợ Phương-lâm ở bên tỉnh, mở-mang rộng-rãi, người trung-châu lên đây buôn-bán cùng được vui-vẻ. Nếu bây giờ ai muốn lên đây mở các xưởng-cục chắc cũng có phần ích-lợi, và khai-khẩn đồn-diền cũng dễ. Vì là nhân được quan tuần tỉnh ấy nhiệt-thành khai-hóa, nhờ được cái thế-lực của ngài cử-dộng các ông thổ-lang hợp sức với mình mà khai-khẩn, châu nào cũng lập hai ba cái đồn, như là đồn Mông ở châu Lương-son, trồng cà-phê hoặc trồng cau, hoặc trồng thầu-dầu, mà chiêu-dân trung-châu lên đây khai-khẩn để cho người thổ-trước đi lại giao-thông quen biết phong-tục tính-tình với nhau, rồi dần dần cũng có thể khai-hóa được. Vậy nhân khi công-hạ, lược-biên phong-vật kê từng khoản sau này, xin các nhà du-lịch xét lại có điều gì lầm lẫn cải-chính cho.

Khí-hậu

Sớm ngày ra và chiều hôm mây kéo mù-mịt, ban ngày có lúc trông thấy trên đỉnh núi hơi khói bốc lên như mưa vậy. Khi trời nắng bị nhiệt-khí nóng lắm, ban đêm thấp-khí xông lên, tháng tư tháng năm đêm năm thường phải đắp chăn. Người đường xuôi lên đây không quen thủy - thổ, ăn uống không tiêu, thường sinh chứng nóng rét, mặt bủng da vàng, da bụng giầy ra, gọi là chứng « ngã nước » ; nhưng xét ra không những tại nước độc, cũng bởi tại rừng núi nhiều, tiêm-nhiễm cái thấp-khí ấy mà sinh bệnh như thế. Nên cần phải giữ cách vệ-sinh, đừng uống rượu nhiều, đừng ăn rau sống, đừng ăn các thứ hoa quả và của chua, đừng uống nước lã, nước thời phải lọc phèn chua, để trong rồi nấu sôi sẽ uống; đừng ngủ ban ngày, giường nằm phải

kê cho cao, đồ vôi và than xuống dưới gầm giường, để tiêu thấp - khí. Đêm nằm phải bỏ màn, đừng cời trần. Thuốc « ký-ninh » mỗi ngày nên uống một viên.

Nhân-chúng

Hạng người có ba giống, phần nhiều giống Mường; còn giống Mán thời tự Tam-dảo thường đến ngụ ở đây. Giống người Thổ thì phần nhiều ở châu Mai châu Lạc, Mán thời ở đỉnh núi cao, Mường với Thổ thời ở chân núi.

Có bốn lang to, « nhất Bi nhì Vang tam Thàng tứ Động ». Bi, Vang, Thàng Động, đều là tên làng, bốn làng ấy đều có Lang to.

Lang có bốn họ : Đinh, Quách, Bạch, Hoàng, bốn họ ấy xưa nay vẫn là phiến-thần kế-tập, đời đời ăn Lang. Họ Hà, họ Xa là hai họ lang người Thổ. Trong các họ Lang ấy, hiện nay có họ Đinh là khí-thế hưng-vượng hơn, thứ nhì đến họ Quách. Kể từ quan Đinh Thế-Tổ đến nay, đã bốn ông quan chúa tỉnh đều về họ Đinh cả.

Mường đàn ông ăn-vận quần áo không khác gì người đường xuôi, đàn bà thời đầu búi tóc, không dùng khăn, chỉ dùng vuông vải trắng hoặc vải thâm để trùm đầu, áo không may tà, hai gấu áo giáp liền với nhau, yếm thì may ngắn đến ngang ngực, sống may dài đến ngang nách, cạp sống may riêng dùng dáng sắc xanh, vàng, đỏ, trắng, rồi quấn quanh mình, lấy thế làm lịch-sự. Đàn ông và đàn bà có người đến 5, 60 tuổi hầy còn đeo vòng bạc.

Mán có ba thứ. Mán Cao-lan thời đàn ông ăn mặc không khác người đường xuôi mấy, đàn bà thời búi tóc mặc quần áo tràm. Lại có một thứ Mán đeo tiền, đàn ông đàn bà đều đeo tiền bạc ở sau lưng, đàn bà mặc áo

trám, áo trùng đắp gót, quần nịt cổ dài, yếm giữa ngực thêu chữ Thọ, hoặc dùng gián-sắc, áo sau lưng có thêu ngũ-sắc ở trên cổ, tay đeo hai ba cái vòng bạc. Trước ngực đeo hai đồng bạc to như đồng-hồ quả quít, nón kết quai thao, đi dép sơn, xem ra họ cũng hay làm dáng.

Mán « sơn-dầu », đàn bà sơn mái tóc, khi gội đầu, hơi nóng cho sơn chảy ra, gội xong lại sơn như cũ.

Thò đàn-ông, đàn bà, người thò-tục, nhưng hình-dáng cũng như người đường xuôi, duy mặc áo vẫn dùng sắc xám.

Phong-tục

Ngày kê xuống tháng kê lên, như ta gọi mồng hai, họ gọi mồng một, như ta gọi tháng giêng, họ gọi tháng hai, nhưng tiết-hậu vẫn như Trung-châu.

Ngày tết mồng một thì ăn tết từ hôm ba-mươi, đi lại tết nhau cũng dùng trầu cau cam bánh.

Ngày xuân cũng có nhà thường-dân con trai cùng con gái hội nhau tung cầu, một bên trai một bên gái, bên nọ tung cho bên kia bắt. Trước còn ở dằng xa rồi sịch lại gần, bên gái mà bằng lòng bên trai ấy thì rủ nhau về nhà bố mẹ uống rượu, có khi lưu-liên năm bảy ngày, bố mẹ lấy thế làm mừng, vì con gái mình có người yêu-đương đến thì cả nhà ai cũng lấy làm hoan-hỉ vô-cùng.

Nhà nào không có con trai chỉ có con gái thì chàng rể đến ở nhà vợ nhận lấy sản-nghiệp ấy để thờ cúng, ta thường nói: « Vô nam dụng nữ », chính là tục mừng vậy.

Vị-thứ ở trong làng, bố ở chỗ nào thì con cũng được kể ở chỗ ấy, con rể đi ăn rể-tự cũng được theo vị-thứ của bố vợ, nếu bố vợ làm Lang thì mình cũng được kể chân Lang ấy.

Trong làng có người làm chánh phó lý hay là chánh phó tổng, đều được bá-hộ, nhưng vị-thứ cũng theo ông cha mình mà ở dưới người Lang.

Trong làng có những chức-dịch như là: quản-xã, cai-trung, cai-xã, nhiều-châu, hóa-quan quyền bề-chính, then-đạo, kem-lãm, vân-vân...

Nhà ở làm bằng tre nửa lợp gianh, cũng có nhà làm cột gỗ, nhưng nhà nào cũng làm gác ở trên. Trâu, bò, lợn, gà nuôi ở tầng dưới.

Cơm gạo tẻ cũng thổi bằng nồi như ta, nhưng phần nhiều hay ăn cơm nếp hơn, và cũng đồ bằng chõ, cái chõ làm bằng khúc gỗ đục ra; còn như thứ cơm nếp đồ vào ống nứa hoặc ống tre bịt bùn hai đầu đem củi đồ chín gọi là cơm lam.

Cách giao-thiệp, người dưới đãi người trên cũng có lễ-độ, khách đến nhà chơi, đi làm về thay quần áo rồi mới ra chào. Cũng có chỗ qui-khách đến nhà, con trai con gái đem trầu nước qui xuống đưa lên.

Lễ Hôn

Con nhà Lang bên trai hỏi bên gái lễ cưới nặng lắm, hai bên đều phải phí-tồn. Bên trai thì phải trâu, bò, lợn, gạo, cau, trè, trầu, rượu, bánh, trái và các lễ-vật. Nhưng không mấy khi được cưới ngay, ít ra cũng hai ba năm, mùa nào thức ấy, cũng phải sêu tết. Còn nhà gái thì cũng phải sắm đủ chẵn màn, gối đệm, các thứ đồ dùng như mâm, nồi, sanh, chảo, v. v. để hồi-môn. Lại nhất là cô dâu về nhà chồng phải sắm rất nhiều là gối và chăn để phân-phát cho trong họ nhà chồng.

Nhưng chỉ có nhà Lang thì mới phải cưới xin to như thế. Các thứ ấy thì Lang nào dân ấy phải cấp cả, chứ nhà Lang lấy vợ gả chồng cũng chả

mất gì mấy. Còn nhà dân thì lại giản-dị lắm. Nền nhà nghèo không lo đủ sinh-lễ thì người rề phải đến ở nhà vợ bao giờ lo đủ lễ-vật mới được cưới. Cũng có người rề biết đường ăn lễ ở thời dẫu không đủ lễ cũng cho cưới.

Con nhà Lang thời gả cho nhau, chứ không lấy người dân-gian; hoặc con nhà Lang lấy con gái nhà dân dù đẻ được mấy con cũng chỉ gọi là vợ nuôi cũng như ta gọi là vợ lẽ, bao giờ lấy được con nhà Lang thời dân ở chỗ Lang ấy đi đón rước mới công-nhận là vợ chính, mà những sinh-lễ hết bao nhiêu thời dân chỗ ấy cũng ưng, chứ ông Lang không mất gì. Con trai nhà dân dù giàu có đến đâu cũng không thể lấy được con nhà Lang.

Lễ Tang

Nhà có người chết, lấy một súc gỗ tròn cưa giọc làm đôi, đục rỗng giữa, bỏ thây vào trong, rồi lấy sơn bít hai đầu cẩn-thận lắm. Đợi lo đủ trâu bò rồi mới đưa ra đồng, mà tang-phục cũng để ba năm. Nếu nhà nghèo không lo đủ lễ-vật thường khi phải để quan trong nhà đến tám chín năm, đợi bao giờ lo đủ lễ đãi dân, thời mới đưa quan ra đồng, lúc ấy mới được bỏ mũ gậy.

Chết trong ba ngày, ba-mươi ngày, năm-mươi ngày, một trăm ngày, cũng gọi là lễ giỗ, chứ ngày bố mẹ chết không có cúng giỗ và cũng không giỗ tổ-tiên. Duy có tết Nguyên-dán thời bày lễ và lễ chung cả bố mẹ tổ-tiên mà thôi.

Tang chị em dẫu và tang chú bác cũng tang ba năm.

Bố mẹ nhà Lang chết, thời cả hàng dân chỗ ấy phải để tang như phụ-mẫu, trong ba năm không được đốt pháo ăn mừng.

Canh-nông

Người Mán ở sườn núi, khi mới đến ở chỗ nào thì trồng cây ớt để thí-nghiệm, hễ ớt cay lắm thì ở lâu, hễ ớt cay vừa thì lại đi tìm chỗ khác. Đến ở đâu thời đốt cây-cối ở đấy để cấy lúa lốc và ngô đỗ gọi là làm nương.

Người Mường cày-cấy ở chung-quanh chân núi cũng dùng trâu bò, nhưng phần nhiều cấy lúa măng lúa ngàn (tức ta gọi là lúa nếp), và cũng có đốt cỏ trên đồi để cấy lúa lốc; gặt cũng dùng hái, gặt xong thường để ở ngoài đồng đến hai ba ngày mới đem về, có khi gặt lúa để cả rơm treo ở trên gác nhà, ăn đến đâu thời vò đến đấy.

Thương-mại

Chợ Phương-lâm là chợ to nhất ở tỉnh ấy, một tháng ba phiên: ngày mồng hai, mười hai, hai mươi hai. Những người đường xuôi lên chợ ấy bán cũng đông. Chợ ấy cách tỉnh-ly có một con sông.

Đàn ông đàn bà vào rừng chém củi, tre nửa cùng là mộc-nhĩ, nấm-hương, măng bương, măng tre, măng nửa, cùng là gà vịt đem ra chợ bán. Trước ngày phiên chợ, chiều hôm những người ở xa đã đem hàng vật đến đấy, đêm hôm ấy chỗ nào cũng có bàn đèn thuốc phiện, sáng như sao sa.

Chợ Bờ cũng thuộc châu Đà-bắc, một tháng ba phiên: mồng một, mười-một, hai-mươi-mốt. Tàu ở Hà-nội chở khách đường xuôi lên chợ ấy buôn bán, cũng nhiều khi phát-tài.

Chợ Đồn ở xã Kệ-son (thuộc châu Lương-son), một tháng sáu phiên, ngày hai, ngày bảy, người tỉnh Hà-đông đem đồ đến chợ ấy buôn bán cũng vui-vẻ.

Công-nghệ

Đàn ông đàn bà đi đâu cũng có túi dao đeo ở sườn, khi đi vào rừng kiếm củi chém tre và để ngăn-ngừa những loài thú dữ. Dao nhiều thứ tốt, có thứ chém đứt nèn bạc mà lưỡi không quẩn. Săn-bán thì dùng súng (họ gọi là súng bông-mai), hoặc dùng nỏ; nỏ thì mũi tên có thuốc bôi vào, nhiều khi bắn dính người phải chết, súng thì giải độ hai thước An-Nam, lại có thứ súng tay độ hơn một thước, trông như đoạn tre vạy, lòng súng bằng sắt, thuốc súng bằng sinh-diêm và than gỗ soan.

Nghề đan tre và dệt vải cùng dệt tơ, khung cửi giống như dưới đường xuôi, nhuộm thì bằng lá mùi, cũng bền lâu. Chăn gối có thừ thêu dệt coi cũng lịch-sự như đồ dưới đường xuôi.

Giáo-dục

Người Thổ thuộc về châu Mai, chữ mẫu có ba-mươi-sáu chữ, chấp vần cũng giống như chữ quốc-ngữ vậy; còn như Mường Mán vẫn dùng chữ nho ta.

Thồ-lang vẫn được thầy dạy chữ nho; nhà thường - dân thì ít người học. Trước xưa thời dân chỗ ấy không có giáo-dục, thầy không dám đánh chữ học-trò, bố mẹ không dám đánh chữ con, vì đánh chữ thì sợ mất vía, lại phải sắm lễ để lễ vía cho con.

Khoảng năm Khải-định, tỉnh-ly và các châu mới mở trường dạy quốc-ngữ và chữ tây, nhưng cũng không được mấy người đến học, nên người nào đi học làng phải cấp cho bút giấy và lương ăn. Hiện nay các trường cũng được đông học-trò.

Tôn-giáo

Mường thời hay mê-tín ma-quỉ. Nhà có người đau không mấy khi dùng thuốc, phải xem bói, rước thầy cúng.

Thầy cúng bày một mâm cúng đọc cúng cho ma về ăn, đặt năm sáu mâm, mỗi mâm có một tí xôi tí thịt và đem cả quần áo khăn thắt lưng của người đau treo ở bên chỗ lễ.

Nhà Lang có người đau, nhiều khi lễ cả lợn cho chi trâu bò.

Chỗ thờ đan phen treo ở trên trái nhà, duy có một cái nồi đất để cắm hương, chứ không có đồ tự-khí. Còn những nhà Lang thì mới có bày tự-khí như dưới đường xuôi. Những nhà thờ bố mẹ tổ-tiên họ cũng gọi là « thờ cái ma »; nhiều « cái ma » thiêng người ta mà vô-ý chổng chân lại hay lấy cái gì của họ thì cái ma ấy nó làm ốm ngay. Kiêng nhất là ra cửa móng (ta gọi là cửa sỏ), vào nhà họ không nên gác chân vào cửa ấy.

Lại còn tục tin có phép « chài »: phỏng như mình cầm miếng thịt hay con cá cùng là thức ăn gì, họ gắp mình, mình hỏi một lời thời cái ma ấy nó nhập vào cái thức ăn ấy, mình ăn vào hóa ra hồn sành Lòn đá cùng là miếng thiếc miếng chì, trước bé bằng đầu ngón tay, sau lớn bằng quả cam, dần dần bằng quả bưởi, nếu không biết sớm rước thầy chữa ngay đi, thời tất thiệt đến tính-mệnh. Gần đây các ông Lang cũng đã trừng trị những nhà có ma chài ấy rồi nên không sợ nữa.

Chỗ thờ thần không có mấy nơi có đèn miếu như ta, chỉ làm cái nhà tre ở ngoài đồng mà chỗ thờ chỉ có mấy cái mũ giấy, mấy nèn vàng giấy, một cái bát hương sành, chứ không thấy trang-hoàng tự-khí gì cả. Thế mà có nhiều chỗ truyền là thiêng lắm, người đi qua có ý ngạo-nghe thường bị ốm đau.

Chính-trị

Trong làng quyền ở ông thồ-lang. Ông thồ-lang ấy chết thì con cháu lại kế vào chức ấy. Công-việc gì thời ông Lang bảo thế nào dân phải theo thế vậy. Dân làng phải cắt phu tráng đến hầu,

ruộng vườn thời dân làng phải mang trâu bò mà cày cấy, nếu muốn cần dùng gì thời phải xuất tài xuất lực như việc nhà mình; dù có xảy ra việc kiện tụng gì thì đều quyền ở ông Lang xử đoán, lỡ làm việc gì phạm tội thời ông Lang có quyền đuổi đi mà chiếm lấy gia-tài. Xem ra lối nhà Lang họ cũng làm nhiều sự hiệp-chế.

Dòng nhà Lang mới làm được chánh phó tổng và chánh phó tri-châu. Chánh tri-châu cũng như chức phủ huyện, phó tri-châu cũng như chức trợ-tá, làm lâu

được cao hàm thăng chức chánh Lang-quan, phó Lang-quan, tức là quan tuần quan án, nhưng quyền-thế lại có phần hơn các quan tỉnh ở trung-châu. Tục dân kinh mến quan Lang như bố mẹ, sợ-hãi như ông thần vậy. Con trai ông Lang gọi là Lang-trưởng, lang Chu, lang Chánh, lang Mường; con gái gọi là mé-nàng, mĩng-nàng, nàng hai, v. v.. Con quan Lang, dù qui-trọng coi như là đức-ông công-chúa vậy.

ĐẶNG XUÂN-VIỆT

TRUYỆN THÂN-NỮ VÂN-CÁT

Đền Phố-Cát ở xã Phố-cát, thuộc huyện Thạch-thành, tỉnh Thanh-hóa. Đền thờ đức chúa Liễu-Hạnh, rất là uy-linh. Xã ấy có núi Liệt-bản, núi rất đá, dưới núi đột lên một cái gò đất, giữa cao hai bên thấp, chia ra như hai cái cánh chim, coi hình như cái long-ngai, giữa chỗ ấy làm đền chính-diện. Trước mặt có núi Tam-sai để làm tiền-án, ngoài núi Tam-sai thời có núi ^{thai} Hoành-giang làm tổ-sơn, một chi tự núi Thủ-chính, qua núi Tù-sơn, núi An-lão, núi Vân-diên, núi Ngọc-lộng, một giải quanh-cơ, cứ một núi cao lại một núi thấp, quanh đến sau núi Liệt-bản làm hậu-trần. Bên tả núi Hoành-giang chia ra một chi, có những rặng núi chạy dài như bức bình-phong, thẳng đến đất Man-bảo làm hồ-sơn. Đền có khe, khe có cá, nhiều thứ cá lạ, kể muôn nghìn đội; nghe thấy tiếng mõ tiếng chuông thời có ý du-dương tự-đắc. Đệ-niên cứ đến tháng mộ-xuân thì cá lớn đi mà cá con tự-nhiên đến từng đàn từng lũ, không biết đến tự

dàng nào, mà đi tự dàng nào. Tục-truyền cá về châu, nên không ai dám đem câu đem lưới đến. Người ta kể chuyện khoảng năm Thành-thái có quan đồn Ma-du mang súng đến bắn cá không chết mà quan đồn bị bệnh; sau phải biện lễ đến tạ lỗi mới khỏi. Gần chỗ khe cá có mấy cụm trúc um-tùm, nhiều cành trúc đẹp mà không ai dám dùng làm đồ gì cả. Lại chuyện quan huyện-doãn Thạch-thành là họ Cao sinh-bình không tin việc quỷ-thần, một hôm qua chơi đền thấy cảnh trúc đẹp định cắt về làm xe điếu, thốt-nhiên hai tay chắp lại như người bị trời, lấy làm kinh-ngạc, bấy giờ phải biện lễ đến tạ, thì mới gỡ hai bàn tay ra được; bèn xuất tiền sửa đền chính-diện và làm một cái nhà tiền-đường để ghi truyền linh-tích. Năm Thành-thái thứ bảy có người suất-đội họ Nguyễn, tuổi đã già, đến đền cầu tự, sau sinh được con trai, bèn đem cúng mấy pho tượng ở đền Phố-Cát và đền Sùng-sơn, rồi lại dựng phủ thờ thánh ở phố tỉnh Nam đề tiện ký-đạo.

Thánh-mẫu nguyên là đệ-nhi Công-chúa Quỳnh-lang, nhân một hôm đánh thợ đúc Ngọc-hoàng, lỡ tay đánh rơi vỡ mất một cái chén ngọc, nên phải bị giáng xuống trần năm đầu niên-hiệu Thiên-hựu triều vua Lê-Anh-lôn, là ngày thánh-mẫu giáng-sinh vậy; giáng-sinh ở cửa ông Lê Công-Chính người làng Vân-cát, huyện Vụ-hán tỉnh Nam. Lê-công phu-nhân là Trần Thị-Phúc, khi có mang thai, tính chỉ ăn hoa, đến khi lâm-bồn, tự-nhiên có mùi hương bát-ngát và bóng hào-quang rực-rỡ đầy nhà. Sinh ngài ra diện-mạo khác thường, ở riêng một cái nhà tĩnh, đọc sách xem văn, tính lại chăm việc nghiên bút, thơ văn lại càng sở-trường lắm, nhân có làm bốn bài ca tứ-cảnh, lời lẽ rất là thanh-tảo, xin lược-dịch như sau này.

Cảnh xuân

Non xuân đẹp nước xuân đầy,
 Hoa xuân như gấm lại như mây,
 Ngày xuân một khắc một châu,
 Hoa đào mỉm miệng liễu thư mày.
 Đàn bướm bay,
 Riu-rit tiếng oanh cảnh bắc,
 Múa-mai giọng yến hiên tây.
 Lòng xuân phơi-phới dễ ai hay,
 Vịnh xuân một khúc tiêu-khiển qua ngày.

Cảnh hạ

Bóng non xa, áng mây nổi,
 Thiều-quang coi đã từng thay đổi.
 Quốc rữ kêu sần, oanh già học nói.
 Ve rầu-rĩ trên cành, để ngâm-ngạ ngoài nội.
 Chúa xuân đâu đã về với,
 Xem quang-cảnh lòng càng thêm bối-rối.
 Mừng có vua Chúc-tống cùng hội,
 Gảy một khúc nam huân, gió hiu-hiu
 Song the chiếc gối. [11.đi,
 Phảng-phất hương sen đưa ngát mũi.
 Mỗi đoạn thương-lâm, theo con gió bụi.

Cảnh thu

Nước ánh màu chim non phơi lả ngọc,
 Xào-xạt gió tây khua cùm trúc;
 Lau sát hơi xương cỏ phủ mùi lục,
 Cung quế chị Hằng-nga, năm canh trần-trọc;
 Một làm thu-hoài thêm cảm-xúc,
 Không gì vui bạn cùng tông cục;
 Ngồi nghỉ dưới hoa, gảy đàn bầu một khúc.

Cảnh đông

Tiếng sấm đêm đông, cảnh nam nay
 đã báo tin hồng;
 Gió bắc mưa bụi tuyết lạnh-lùng,
 đứng cạnh đông song, dựa cạnh đông-song,
 xướng lò than nóng bạn ai cùng;
 Ngồi chẳng yên lòng, đứng chẳng yên lòng,
 dậy xem trời đã rặng vàng đông.
 Hoa biết lạnh không, người biết lạnh không?

Tuổi ngài tới tuần cập-kê, nữ-công nữ-dung đều được mĩ-mãn cả. Lê-công dựng một cái lầu ở sân sau bên có vườn hoa cho ngài ra ở chỗ ấy để được tĩnh-mạc. Bấy giờ ngài sớm khuya chỉ lấy cầm-thư làm bạn, tiếng đàn tiếng hát vắng-vắng như nhạc quân-thiếu ở trên thượng-giới lọt xuống bên tai vậy.

Khi ngài mười-tám tuổi, có tên Đào-Lang cũng là một vị giáng-thế thác-sinh ở cửa họ Trần, vốn nhà trâm-anh thế-phiệt, người ở thôn Vân-đình cùng ngài là người đồng-hương, nghe tiếng họ Lê có vị tiên-nữ môi-chước dễ kết làm bạn sắt-cầm, nhưng ngài chỉ muốn thanh-tu cho khỏi trần-lụy. Chỉ vì ông bà Lê-công hai ba lần khuyên giải quyết-chi gả cho Đào-Lang. Ngài tự nghĩ đã trót đưa mình thác xuống cõi trần, thôi cũng đành tạm kết lấy cái nhân-duyên cho rồi quả-kiếp, bất-đắc-dĩ phải từ biệt bố mẹ mà về với Đào-Lang. Tự khi hồi-môn, xử chỗ

khuê-môn rất có lễ độ, kinh-thờ cô-cữu, giữ chức thần-hồn, trong họ ngoài làng ai cũng khen là hiền - phụ, đáng làm gương cho bậc nữ-lưu. Bấy giờ Đào-Lang biếng sự học-hành, ngài thường khuyên rằng người ta học để biết lễ, trước để độ thân sau để độ-thế, nếu chỉ chăm nghề văn - chương phù-phiếm, thời sao cho xứng bõn-phận người học-trò. Đào-Lang nghe lời tự đẩy kinh-sử dùi mài không phiếm - dăng như trước nữa. Một hôm gặp trời tuyết rất lạnh, ngài cùng với Đào-Lang ngồi xối lò than, bỗng tự-nhiên hai hàng giọt lệ thấm như mưa tuôn, Đào-Lang lấy làm sự lạ hỏi rằng nay đương cảnh vui, sao lại có sự buồn như vậy, ngài gạt hai hàng lệ mà rằng : « Thiếp đây là tiên thượng - giới, nhân vì một chén ngọc mà giáng xuống đây, cùng với người đôi lứa kết duyên, cũng là tự trời tác - hợp, nay hạn giáng-trích đã đến kỳ, thiếp xin từ-tạ với lang-quân để về nơi tiên-cảnh. » Đào-Lang giạt mình nói rằng : « Không ngờ cõi trần phút gặp người tiên, chừ vui xum-hợp đã phiền chia ^{phối} bội ». Vừa nói vừa khóc mà trong lòng lại càng thốn-thức. Ngài từ-tạ rằng : « Lang-quân cũng là một vị tiên-tào giáng-thế, sau này tất có khi hội-ngộ cùng nhau, thời thời thôi, dùng phiền chi nữa. » Nói vừa dứt lời, phút chốc linh - hồn đã về tiên-cảnh. Ngài thọ được hai-mươi-mốt tuổi, tạ-thế ngày mồng ba tháng ba, năm đĩnh-sửu, niên-hiệu Gia-thái thứ năm, triều vua Thế-tôn nhà Lê; mộ ngài táng tại xứ Cây-Đa ở làng An-thái. Triều vua Gia-long thứ tư dời xã An-thái làm xã Tiên-hương, xã ấy đến nay vẫn có đền thờ tối-linh.

Khi ngài mất bà Trần-phu-nhân đêm ngày thương nhớ, nhân một hôm đến chỗ thư-phòng kiểm-điểm những thư-tịch và đồ dùng của ngài còn lại những gì, thời thấy gương nga còn đó phiếm đàn còn đây, mà âm-dung thời

vắng lặng như tờ, trong lòng nhớ càng thương, thương càng tiếc, tự-nhiên mê-mẩn thần-hồn, gieo mình xuống đất, hốt-nhiên có một trận gió tự phương tây lại, bấy giờ ngài lại tái-sinh lần nữa, ôm lấy bà Trần-phu-nhân mà gọi rằng : « Mẹ ơi, tỉnh dậy, con đây, con đây ! Mẹ đừng thương nhớ con nữa. » Bà phu-nhân bàng-hoàng, mở mắt coi rõ là con mình, nói : « Con đi đâu mới về, con quả là thân tiên bất-tử đấy ư ? » Ngài khóc nói rằng : « Con đây cam tội bất-hiểu, con cũng muốn lưu lại để giữ chức thần-hồn cho tròn hiếu-đạo, nhưng vì số con giáng-thế có ngần ấy thời, xin mẹ yên lòng đừng có thương tiếc chi nữa. » Bấy giờ Lê-công cùng với Đào-sinh nghe tin liền đến hỏi thăm, ngài lay tạ mà nói rằng : « Nay con đã từ trần-kiếp về chốn tiên-cung, chỉ vì nghĩ đến công-cức-cục-cù-lao, nên phải hiện thân đến đây để dãi lòng ái-mộ, nhưng không được thương ở chỗ nhân-gian, xin từ-tạ hai bên bố mẹ cùng Lang-quân để con xin về nơi thượng-giới. » Đào-Lang cầm vật áo mà khóc rằng : « Tôi may được phối-hợp lương-duyên cũng mong được bách-niên giai-lão, ngờ đâu giữa đường li-biệt, nay lại được kết cái duyên tái-sinh, thậm là hoan-hỉ, xin lưu lại để tình-tự một hai lời cho được thỏa lòng khao-khát. » Ngài nói : « Tiên-nữ Tào-tĩnh hai bên gặp gỡ tất cũng có thiên-duyên tiền-định, không bao lâu tất cũng có ngày tương-ngộ ». Nói xong thời tự-nhiên biến mất. Quả-nhiên năm sau Đào-Lang cũng theo về nơi cực-lạc,

Ngài tự khi tái-hóa biến-hiện không thương, khi thời hiện ra đàn bà ngâm thơ dưới nguyệt, khi thời hóa ra bà lão chông gậy bên đường Ngài lại thương qua hạ Lạng-son thấy chùa Thiên-minh là một chỗ danh-thắng bên trụ-tri ở đó. Khi nhân-hạ ngồi dưới cây tùng gầy đàn mà hát rằng :

Cô vân vãng lai hề sơn thiều nghiêu,

孤雲往來兮山峯曉

U điều xuất nhập hề sâm yêu kiêu.

幽鳥出入兮森天喬

Hoa khai mãn ngạn hề hương phiêu-
phiêu.

花開滿岸兮香飄飄

Tông minh vạn hác hề thanh tiêu-tiêu.

松鳴萬壑兮聲瀟瀟

Từ cổ vô nhân hề quýnh trần hiêu.

四顧無人兮魚塵囂

Phủ đàn trường khiếu hề độc tiêu-diêu.

撫彈長叫兮獨逍遙

Hu ta hồ sơn sâm chi lạc hề hà giảm
trùng-tiêu.

吁嗟乎山森之樂兮何減重宵。

Hát xong thốt-nhiên nghe có tiếng người đọc câu rằng: « Tam mộc sâm đĩnh, tọa trước hảo hề nữ tử 三木森庭。坐者好兮女子。 Nghĩa là ba cây gỗ hợp trước sân ngồi mà phò đẹp ấy là người con gái; ba chữ mộc tức là chữ sâm, nữ tử nghĩa là chữ hảo. Ngài không biết là người nào đọc câu ấy, ngoảnh ra xem thì thấy một người chít khăn mặc áo dáng như nhà nho, cưỡi con ngựa đi trước, hai ba mươi người theo sau và lại có một cái cờ tiết-mao đề làm tiên-đạo, ngài liền đối rằng: « Trùng sơn xuất lộ, tông lai sứ-giả lại nhân 重山出路。走來使者吏人。 » Nghĩa là chông núi ra đến đường, tung-lai kẻ sứ ấy là người lại, hai chữ sơn là chữ xuất, lại-nhân tức là chữ sứ, đối rất chỉnh-tề, lại có ý-nghĩa mật-thiết.

Người ấy nghe thấy câu đối lấy làm thán-phục, liền xuống ngựa. Hỏi rằng: « Người đầu tên họ là chi, quê quán chỗ nào, mà lại có tài ứng-đối như vậy » Ngài liền trở vào trong núi mà bảo rằng: « Chính chỗ ta ở đây kia », hỏi tên họ ngài không nói, người ấy liền xướng câu rằng: « Sơn nhân bằng nhất kỷ, mạc phi tiên-nữ lâm phạm 山人憑一几。莫

非仙女臨凡。 » Nghĩa là người ở núi dựa một cái ghế, há chẳng phải là bậc tiên-nữ tới chỗ phạm-trần. Nhất kỷ tức là chữ phạm, sơn nhân tức là chữ tiên. Ngài liền ứng rằng: « Văn-tử đới trường cân, tất thị học-sinh thị trường 文子帶長巾。必是學生侍帳。 » Nghĩa là con nhà văn đội cái khăn dài, hẳn đây là kẻ học-sinh hầu bên trường Trường-cân tức là chữ trường, văn-tử tức là chữ học, đối rất công-chỉnh mà lại có ý-từ mỉa-mai. Người ấy nghe đọc xong ngoảnh lại, thì ngài đã hóa đi đâu mất, lấy làm ngạc-nhiên, liền đi tìm khắp trong chùa và chung quanh núi, không thấy tung-tích gì cả, chỉ thấy một cây tông nằm ngang ở trên đường, nhui đi nhìn lại thấy có bốn chữ đề rằng: « Mảo-khẩu Công-chúa 卯口公主 », bèn tán ra mảo-khẩu gia chữ mộc tức là đức Liễu-Hạnh công-chúa vậy.

Sau ngài lại qua chơi Đông-kinh-xứ Tây-hồ, Báo thiên, Đông-tàn, phạm những nơi danh-thắng ngài thường qua chơi, mắt trần chưa dễ ai biết. Thời bấy giờ có quan Thị-giảng họ Phùng đi sứ bên Tàu mới về, sung vào chức Phán-tào điềm-kiểm bạ-sứ, rất là phiến-tỏa, nhân lúc thừa-nhận cùng với bạn thiếu-niên là Cống-sinh họ Ngô, Tường-sinh họ Lý đi chơi thuyền ở Tây-hồ, cầm kỳ thi tửu lấy làm thích chí. Ba người xướng-họa tả tình tả cảnh lời lẽ tiêu-tao.

Phùng ngâm rằng :

Danh lợi bốn ba nhất phiến trần,

名利奔波一片塵。

Tây hồ tản bộ hốt nhàn thân ;

西湖散步忽閒身。

Bồng lai phương trượng giai hư ảo,

蓬萊方丈皆虛幻。

Thủy tín tiên phạm tông tại nhân.

始信仙凡總在人。

Diễn nôm :

Cái trường danh-lợi khổ bốn-ba,
Thú nhất Tây-hồ gió thoảng qua ;
Nói đến bông-lai đều cảnh hảo,
Tiên hay phàm đó chỉ tự ta.

Họ Ngô ngâm rằng :

Oánh nhiên phương thốn tục trần vô,
瑩然方寸俗塵無。
Bao quát kiên khôn nhất họa đồ ;
包括乾坤一畫圖。
Tê nguyệt quang phong tùy sái lạc,
霽月光風隨洒落。
Hung trung hà xứ bất Tây-hồ.
胸中何處不西湖。

Dịch nôm :

Lòng son đã rửa sạch trần-ô,
Bao-quát kiên-khôn một bức đồ ;
Gió mát trăng trong riêng cảnh thú,
Lòng ta đây cũng một Tây-hồ.

Lý ngâm rằng :

Hoa nghinh khách xá liễu nghinh
花迎客舍柳迎船
thuyền,
Tận nhật Tây-hồ tận túy miên ;
盡日西湖盡醉眠。
Tỉnh khởi đàm thi kinh tứ tọa,
醒起談詩驚四座。
Thử thân ưng thị trích thần-tiên.
此身應是謫神仙。

Dịch nôm :

Hoa đưa khách quán liễu đưa thuyền,
Say cảnh Tây-hồ mãi chưa quên ;
Tỉnh dậy cao-ngâm câu tuyết-diệu,
Minh ta ta tưởng cũng là tiên.

Lênh-dênh một chiếc thuyền, bỗng
thấy khóm cây đào xanh tốt um-tùm,
lên thuyền vào bên trong có một cái lầu
nguy-nga, lầu ngoài đề bốn chữ : Tây-
hồ phong nguyệt. Trước lầu có che
một cái màn-mành. Thấp-thoảng bên

trong có một người con gái mặc áo
mùi hồng, liếc qua rất là lịch-sự. Họ Lý
hỏi rằng : « Chỗ này lâu-đài có phải là
cảnh tiên không ? Anh em chúng tôi vô-
tình lỡ bước tới đây, muốn mượn cái
cảnh này để làm chỗ Lan-đình thắng-
hội, không biết tiên-nữ có dung cho
hay không ? » Người con gái nói : « Chỗ
này không phải là chỗ phàm-trần, nếu
các ông quả là bậc phong-nhã, thời
đây ta cũng không hèm chi. » Ba người
bèn đậu thuyền bước chân lên bậc
đá, lên gót vào bên trong, thấy có
một cái thạch-bàn, bèn giở bầu rượu
ra ngồi uống chén say, rồi ngâm thơ
vang cả trong động. Người con gái hỏi
rằng : « Các ông tới đây có tài phun châu
nhả ngọc, văn-chương cũng đủ kinh-
động quỷ-thần. Nay tôi có một câu đối
xin chât-chính đại-phương ». Câu rằng :
« Tam ngư tiên khoái, lâu trung hội
chúng khoản tam nhân 三魚齋繪樓中
會眾歎三人 ». Họ Phùng lĩnh được câu
ấy, liền tức-cảnh ứng rằng : « Lưỡng cá
trúc duyên, hồ thượng duyên bằng khan
lưỡng nguyệt 兩竹筵湖上延朋
看兩月 ». Nghĩa câu trên là ba con cá
gỏi tươi trong lầu, họp chúng đãi ba
người, chữ tiên thành ra ba chữ ngư,
chữ chúng viết đơn thành ra ba chữ
nhân. Câu dưới nghĩa là hai chiếc chiếu
tre trên hồ, vời bạn xem hai mặt trăng.
Chữ trúc thành ra hai chữ cá, chữ bằng
thành ra hai chữ nguyệt, hai câu ấy
đối nhau cũng thật là thiên-tài.

Đọc xong câu đối người con gái
khen cho là được, rồi bước vào trong
nhà biển đi mất. Ba người lấy làm
ngạc-nhiên, sau mới biết chỗ ấy là
tiên-chúa hiện-thần vậy. Vội-vàng
bước ra thuyền chèo đi lên bờ. Cách
ba hôm sau ba người lại định-ước đi
chơi bờ hồ, chèo thuyền đến chỗ cũ,
thời chỉ thấy cụm đào đỏ mà thôi, còn
không thấy chi cả, bấy giờ mới biết
dịch là ngày hôm trước đào-viên lạc

bước, cỡi trần phứt gập người tiên, thực cũng là cái duyên kỳ-ngộ vậy.

Đoạn rồi tiên-chúa giã cảnh Tây-hồ qua chơi làng Sóc-hương tỉnh Nghệ-an. Hoành-sơn cùng là Khoa-lãnh, Thủy-khê, bao nhiêu kỳ-sơ tú-thúy, ngài cũng từng du-lịch cả; ngài lại qua Phố-cát, tỉnh Thanh-hóa, thấy chỗ ấy cỏ cây xanh tốt, ngài bèn hiền-linh ở đấy, dân-thôn kinh sợ, bèn lập đền thờ. Khoảng năm niên-hiệu Dương-hòa, khách bộ-hành qua đấy thường bị ngài quở phạt. Đến triều vua Hiến-tôn ngờ là yêu-quái, sắc-mệnh cho đạo-sĩ pháp-sư làm phù phép để tiêu-trừ, rồi lại đốt phá cả đền miếu, không bao lâu bị chứng ôn-dịch hại đến sản-súc trâu bò, dân-thôn bèn lập đàn kỳ-đạo, thốt-nhiên có một người nhẩy lên trước đàn quát lên một tiếng bảo rằng: «Lũ người lập-tức phải tâu với Triều-dinh sửa lại đền miếu hương-dăng phụng-sự, thời ta sẽ tha cho. Không thế lũ người còn bị hại nữa.» Bấy giờ dân-thôn nghe lời, cử mấy người hương-lão tới cửa khuyết đề tâu vua, vua bèn

mệnh cho sửa miếu lại, rất là nguy-nga, sắc-phong Mã-vàng công-chúa. Tự đấy phượng-dân nhờ được phép ngài a-hộ, lại được yên-lĩnh như thường. Phạm có cầu-dào sự chi đều được linh-ứng. Sau vua đem quân đi đánh nước Xiêm, ngài cũng âm-phù cho được thắng-trạng, gia-phong cho ngài Chết-thắng hào-diệu đại-vương. Đến cuối đời nhà Lê vua phải chạy, bấy giờ giặc đuổi đến trước đền, tiên-chúa biến ra người con gái, bắc võng ở dưới cây, nằm trên võng vừa ru vừa hát, giặc dừng quân lại xem, bấy giờ vua mới thoát nạn.

Nước Nam có bốn vị bất-tử: tiên-mẫu cùng với đức thần Tản-viên, đức thánh Phù-đồng, đức Chử đồng-tử, anh-linh hiền-ứng cùng với trời đất lâu dài. Hiện nay Trung-kỳ Bắc-kỳ nhiều chỗ lập đền thờ, đến ngày mồng ba tháng ba là ngày hóa-nhật, vào hội lễ-bái rất đông. Đền ở Tiên-hương, ngày hội chọn đàn bà mũ áo vào tế, coi rất uy-nghiêm.

THIỆN ĐÌNH

Démocratie, toi dont le dogme fondamental est que tout bien vient du peuple et que partout où il n'y a pas de peuple pour nourrir et inspirer le génie, il n'y a rien, apprends-nous à extraire le diamant des foules impures.

ERNEST RENAN

Ôi, chủ-nghĩa bình-dân, chủ-nghĩa bình-dân là cốt nhất tin rằng phạm cái hay cái tốt là ở bình-dân mà ra cả, hễ đâu không có bình-dân để vun trồng cảm-hóa cho kẻ tài năng thì không có gì hết, vậy thử dạy ta cái cách làm thế nào để được hòn ngọc kim-cương ở trong đám công-chúng hỗn-tạp.

TẬP THƠ ĐI TÂY CỦA ĐỨC KHẢI-ĐỊNH

啓定先帝御製如西詩集

(Thơ chữ Hán, phụng dịch quốc-âm, 60 bài)

其 一

御 駕 啓 鑾

焦遠歡茂 勞算奉隆 竭惟晨孝 計憑昏治 七一今日 星出暫猶 霜洋缺長

I

Bảy năm việc nước nghĩ thêm rầu,
Nghĩ chước sâu xa vượt bể Âu;
Chầu chực hai Cung xin tạm vắng,
Hiếu chung thiên-hạ hãy còn lâu.

其 四

到 南 圻 入 芹 蔭 汎 口

芹海開更 蔭水拓憑 汎分前天 口流功險 傍九遺作 橫曲地金 聯蟠利湯

IV

Cửa Cần một dải tựa non xanh,
Nước bể chia dòng chín khúc quanh;
Ngắm cảnh nhớ xưa công mở đất,
Cõi Nam nhờ đó vững ao thành.

其 二

升 車 有 感

東車臣長 方馬庶亭 紅駢如惆 日驪雲悵 出駕隨去 輪啓策留 明行下情

II

Vùng hồng ngò đã rạng trời đông,
Xe ngựa bay hàng chực thẳng giông;
Văn-võ chen mây theo dưới kiệu,
Dặm xa chia bước ngẩn-ngơ lòng.

其 五

抵 嘉 定 城 津 次

御嘉邀令 舟定接人 初山隆一 次河儀顧 抵眼尤一 江界奪凝 瀕新目神

V

Thuyền Rồng mới tới bến Gia đày,
Non nước nhà xưa cảnh sắc này;
Đón rước uy-nghi coi choáng mắt,
Càng nhìn càng nghĩ nghĩ càng say.

其 三

抵 沱 駕 海 登 勃 速 大 火 船

非航水巨 惟向火織 利船機詔 往中工務 獨備圖總 爭萬電無 奇幾汽遺

III

Vừa tiện vừa mau lại khéo kỳ,
Trong tàu mọi việc mọi tinh-vì;
Nước than máy điện bày đầy sẵn,
Lớn nhỏ đồ dùng chẳng thiếu chi.

其 六

全權府夜宴 燈結彩宴筵 賢主嘉賓彩 珍重邦地好 鑾與興此存 禮重來

VI

Kết gấm giương đèn mở tiệc hoa,
Vui-vầy chủ khách khắp gần xa;
Người đây cảnh đấy tinh thêm mến,
Nhớ thuở long-tiền đó đã qua.

其七

送駕諸臣詣行在

面謁行祝賀禮

| | | | | | | |
|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|
| 遠國江臣北東請憂 | 水象山庶闕洋安愛 | 遙籌到隨回屈祝堪 | 山畫處車頭指暇嘉 | 有費同樂榮望遵各 | 此鄉阿送舊前常盡 | 行營護迎恭程禮誠 |
|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|

VII

Non nước xa vời chẳng quản đau,
 Dân nhà lo liệu trải bao lâu;
 May trời êm sóng trời yên gió,
 Vui kẻ theo xe kẻ đón tàu;
 Ngảnh lại non Bình mơ cảnh Huế,
 Mong qua bề Á tới miền Âu;
 Lễ thường chúc hạ đầu không thế,
 Khen bụng trung-thành khéo bảo nhau.

其八

自柴棍起旋經過
峴崙島有感

| | | | | | | |
|------|------|------|------|------|------|------|
| 水虎追幾 | 中踞憶回 | 突龍屯辛 | 出蟠兵苦 | 一鬱當幾 | 孤大日何 | 山觀事艱 |
|------|------|------|------|------|------|------|

VIII

Giữa dòng chót-vót nổi cù-lao,
 Long hồ quanh-co cảnh đẹp sao;
 Mở nước nhớ xưa quân đóng đó,
 Kê công gian-khổ biết là bao.

其九

過白石港覽望燈

| | | | | | | |
|------|------|------|------|------|------|------|
| 石歐海黑 | 港人程夜 | 經智已何 | 過慧有難 | 覽信南萬 | 望塔針頃 | 燈稱示凌 |
|------|------|------|------|------|------|------|

IX

Đêm cột đèn soi đá trắng phau,
 Thiết tay khôn-khéo ấy người Âu;
 Nam-châm trở lối tàu đi tiện,
 Sóng vỗ mây mù chẳng ngại đầu.

其十

抵新加坡登陸遊覽

| | | | | | | |
|------|------|------|------|------|------|------|
| 舉快英有 | 目船人此 | 天條經樓 | 中已理臺 | 日抵知她 | 未加何圍 | 斜坡日耶 |
|------|------|------|------|------|------|------|

X

Choi-chói vàng ô bóng chữa tà,
 Thuận dòng tàu đã tới Gia-ba;
 Người Anh khai-thác bao giờ nhỉ?
 Đã có lâu-dài có cỏ hoa.

其十一

恭值興國慶念節行
禮在船感作

| | | | | | | |
|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|
| 變何衣祝跳海艱爲 | 節妨巾賀舞山難問 | 剛旅暫高筵望創舟 | 逢次設標前裏業中 | 紀舉常本饒繫今客 | 念隆朝國勝遐元有 | 期儀禮旗賞思日知 |
|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|

XI

Gặp ngày khánh-tiết dạm quên đau,
 Trần-thiết Long-nghi tạm ở tàu;
 Dụng áo thường-triều dưng mấy lễ,
 Kéo cờ bản-quốc chúc nghìn châu;
 Âm-âm hát múa nghe vui-vẻ,
 Dăng-dặc non khơi nghĩ dải-dầu;
 Hưng-quốc nhớ nay ngày thứ nhất,
 Biết chằng chằng hủ khách đồng-châu?

其十二

抵檳榔嶼登陸遊覽

| | | | | | | |
|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|
| 檳登浦海伽飯他行 | 榔陸市山藍貨日當 | 停遊邵人古岑大聯 | 旋觀慶客寺樓同絡 | 日一文水臨占機到 | 斜嶼繡雲深熱發東 | 陽長地鄉嶺場展洋 |
|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|

XII

Bóng xế Tân-lang ghé bến vào,
 Lên bờ xa ngó dải non cao;
 Mầu hoa vẽ gấm thành đô-hội,
 Mặt nước chân mây hợp khách hào;
 Chùa phật kê non màu âm-đạm,
 Lầu tiên đồng chợ tiếng xôn-xao;
 Một mai xe lửa người Anh mở,
 Nói đến Đông-dương tiện-lợi sao.

其 十 三

經 錫 蘭 嶼

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| 遇 | 順 | 今 | 朝 | 度 | 蘭 |
| 海 | 山 | 風 | 景 | 又 | 嶼 |
| 英 | 人 | 織 | 此 | 移 | 地 |
| 目 | 力 | 心 | 思 | 料 | 殫 |

XIII

Thuận gió nay vừa đến Tích-lan,
 Nhìn xem sơn-thủy cũng phong-quang;
 Đất xưa Ấn-độ người Anh ở,
 Hết sức gia công nghĩ mở-mang.

其 十 四

抵 哥 倫 坡 澳 登 幸 羅 爲 尼

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 海 | 嶼 | 纜 | 過 | 海 | 澳 | 來 |
| 商 | 船 | 商 | 局 | 埠 | 頭 | 開 |
| 乘 | 涼 | 偶 | 至 | 山 | 樓 | 上 |
| 胡 | 飯 | 粗 | 疎 | 覺 | 更 | 佳 |

XIV

Gò bễ vừa qua vũng bễ đây,
 Bến tàu chợ họp cửa nhà vây;
 Tiện lâu hứng mát trên tầng núi,
 Tiến vị com flò cũng tốt thay.

其 十 五

船 入 亞 丁 海 口 偶 興

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 波 | 濤 | 萬 | 頃 | 涉 | 滄 | 溟 |
| 跨 | 海 | 今 | 初 | 抵 | 亞 | 丁 |
| 恰 | 是 | 風 | 恬 | 兼 | 浪 | 靜 |
| 一 | 船 | 行 | 客 | 獲 | 康 | 寧 |

XV

Hải-hùng sóng gió nước mông-mênh,
 Vượt bễ nay vừa tới Á-dinh;

Mấy trận ba đào qua bước hiềm,
 Khách thuyền mừng chúc chữ khang-ninh.

其 十 六

起 旋 忽 仁 魚 一 雙 從 船 同
行 (在 亞 丁 海 分)

| | | | | | | |
|----|---|---|---|---|----|---|
| 偷 | 安 | 玩 | 歲 | 愧 | 才 | 涼 |
| 何 | 德 | 能 | 通 | 廣 | 利 | 王 |
| (廣 | 利 | 王 | 海 | 王 | 也 | 韓 |
| 海 | 神 | 廟 | 碑 | 由 | 是 | 冊 |
| 海 | 神 | 爲 | 廣 | 利 | 王) | 愈 |
| 遠 | 地 | 有 | 勞 | 臣 | 設 | 使 |
| 回 | 思 | 更 | 感 | 我 | 前 | 光 |

XVI

Tại sảnh Tiên-vương nghĩ thẹn thay,
 Đức gì cảm được Hải-thần đây;
 Xa khơi nhờ có công sai sứ,
 Cá ngọc sông Đàng nhớ những ngày.

其 十 七

抵 支 布 卑 地 停 旋

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 歷 | 過 | 千 | 山 | 萬 | 水 | 程 |
| 布 | 卑 | 此 | 地 | 旋 | 初 | 停 |
| 友 | 邦 | 管 | 轄 | 今 | 纜 | 到 |
| 邀 | 接 | 龍 | 儀 | 羨 | 至 | 誠 |

XVII

Nghìn trùng non nước tới châu Phi,
 Tàu đồ dầu đây đất Bá-ti;
 Quản-hạt người mừng xe Ngự tới,
 Cờ đèn đón rước rất uy-nghi.

其 十 八

過 紅 海

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 海 | 以 | 紅 | 名 | 水 | 不 | 紅 |
| 澄 | 清 | 萬 | 頃 | 微 | 西 | 東 |
| 波 | 神 | 或 | 解 | 交 | 通 | 意 |
| 四 | 海 | 翻 | 教 | 一 | 樣 | 同 |

XVIII

Bề gọi tên Hồng nước vẫn xanh,
 Đông tây một dải đáy long-lanh;
 Hải-thần ấy biết tình giao-hiếu,
 Bốn bề đều cho một dạng thanh.

其 十 九
 蘇 爾 士 河
 一穿三夾疆東祇偉
 帶成邊岸界西今績
 平巨屯懷豈從憑豐
 沙港堡臺徒此吊功
 萬費棋局謀便河莫
 里思密翼拓通邊與
 長量布張地商像方

XIX

Muôn dặm binh-sa một dải dài,
 Đào ra sông đỏ chữ công ai?
 Cờ vây đồn súng quanh ba mặt,
 Chim lượn lâu trang rạng một trời;
 Mở đất đã thêm nền thực-nghiệp,
 Thông-thương và tiện lối sinh-nhai;
 Tượng đồng kỷ-niệm in bên nước,
 Công đức như vây dề có hai.

其 二 十
 伯 主 會 館
 蘇 意 午 陽
 過 蘇 爾 士 河 會 主 伯
 爵 邀 接 午 歇 于 會 館
 鴻 毛 遇 順 入 蘇 河
 會 主 歡 迎 好 意 多
 珍 重 情 殷 忘 午 夢
 臨 行 惆 悵 夕 陽 斜

XX

Thuận gió sông Tô đã tới gần,
 Chủ đây nghinh-tiếp rất ân-cần;
 Mảng vui làn-lửa trưa quên giấc,
 Xế bóng chia tay luống ngại-ngần.

其 二 十 一
 港 益 支 布 抵
 涼 光 嶼 場
 晚 春 榔 一
 趁 訝 檳 市
 頭 氣 布 商
 津 天 支 營
 益 和 看 又
 支 溫 回 此

XXI

Bến Ích trời chiều bóng mát chơi,
 Khí trời xuân mới cảnh thiên-thai;
 Tân-lang Chi-bổ so xem thử,
 Đây mở trường buôn cũng có lời.

其 二 十 二
 經 地 中 海
 奇 非 點 眉
 勢 南 心 列
 體 與 中 若
 連 亞 是 何
 相 東 海 山
 域 歐 中 顯
 疆 西 地 四

XXII

Hình-thể thiên-nhiên ngấm có linh,
 Nam-Phi Âu, Á giáp gần quanh;
 Địa-trung-hải dầy chen vào giữa,
 Non nước tư bề tựa bức tranh.

其 二 十 三
 山 焰 火 望
 山 看 火 丹 軸 關 術 寒
 焰 憑 浮 煉 地 天 山 候
 有 試 光 客 標 壯 移 氣
 洋 日 見 疑 年 座 解 冬
 西 今 遙 偏 千 一 若 降
 道 過 頭 口 特 高 人 怕
 開 經 巖 谷 奇 孤 歐 寧

XXIII

Nghe đồn núi diêm ở Tây-dương,
 Nay mới qua đây biết rõ-ràng;
 Lửa phật ngờ ai soi cửa động,
 Thuốc tiên tưởng kh. ch luyện trong hang;

Đùn trên quả đất cơ nguy-hiểm,
 Ngắt đứng chân mây cửa vững vàng;
 Nếu học Ngu-công dời núi được,
 Người Âu không sợ tiết đông-hàn.

其 二 十 四
 山 骨 過 經
 氣 英 經 願
 秀 出 船 指
 河 世 爾 明
 山 間 偶 分
 地 教 山 勢
 大 天 名 形

XXIV

Non nước chung vào một khí thiên,
 Sinh tài trời đã sẵn lòng riêng;
 Bồng nhưng núi Cốt tàu qua lời,
 Long hồ hình như vẽ cảnh tiên.

其 二 十 五
望 安 山 (二 首)

安 山 一 望 夕 陽 斜
是 否 巴 中 落 鳳 坡
(落 鳳 坡 是 漢 龐 統 鳳 雛
被 陷 處 也 後 人 因 名 之
曰 落 鳳 坡)
千 古 英 雄 轟 烈 做
敗 成 底 局 付 風 波

XXV

Xa ngó An-sơn bóng xế hồng,
Ngõ thành Lạc-phụng chẳng là không;
Anh-hùng danh tiếng bia thơm mãi,
Một cuộc doanh-thâu trận gió đông.

其 二 十 六
前 題

英 威 偉 烈 震 疆 鄰
何 事 翻 來 此 海 瀕
底 局 休 將 是 成 敗 論
安 山 人 骨 山 人

XXVI

Bốn bề anh-hùng một tiếng vang,
Vì đâu nên nổi bước phong-sương;
Công-danh chẳng kể thành hay bại,
Cốt với An đây tiếng Nã-hoàng.

其 二 十 七
船 抵 馬 賽

歷 盡 遙 遙 七 萬 程
斜 暉 已 見 馬 關 城
帆 樯 落 舸 艦 迷 津 下
村 落 烏 煙 滿 塞 橫

XXVII

Hải-trình bẩy vạn dặm xa xa,
Bóng xế trời tây Mã-tải qua;
Biết mấy tàu bè chen dưới bến,
Khói than nghi-ngút cảnh phồn-hoa.

其 二 十 八

抵 馬 賽 津 次 遇 故 人 沙 露 公 與
諸 貴 官 欽 奉 法 庭 派 充 迎 接
鄰 誼 諄 諄 表 厚 情
官 儀 軍 禮 盛 歡 迎
故 知 一 交 晤 寒 暄 叙
國 務 交 懷 兩 語 傾

XXVIII

Lân-hiếu bề trong lễ-mạo ngoài,
Quan quân đón rước rợp phương trời,
Gặp người cựu-thức đem tình giải,
Hai nghĩa công-tu truyện vắn dài.

其 二 十 九

駐 蹕 馬 賽 太 守 府 接 得 各 省
之 各 場 南 人 遊 學 之 請 安 電
矢 志 文 明 出 外 洋
文 明 好 處 是 網 常
選 陞 仍 戀 君 親 義
名 教 馨 傳 故 國 香

XXIX

Chi-khi khen thay bọn học sinh,
Biết điều luân-lý ấy văn-minh;
Nơi xa còn mến tinh quân-phụ,
Danh-giáo hương thơm tiếng nước
minh.

其 三 十

乘 特 別 火 車 往 玻 璃 城 望 山 村
地 沃 山 清 爽 四 郊
零 星 村 落 屋 無 茅
人 工 巧 似 天 成 景
林 樹 禽 喧 憶 故 巢

XXX

Đất tốt non xanh khi ấm đều,
Dân thôn nhà ngói ở treo leo;
Ngò đây thợ tạo trang nên cảnh,
Bông lẳng chim rừng nhớ tổ kêu.

其 三 十 一

抵 玻 璃 法 庭 隆 接
文 禮 端 嚴 武 備 齊
嘉 賓 賢 主 並 提 攜
登 車 洋 耳 迎 筵 奏
夾 路 歡 聲 失 鼓 聲

XXXI

Văn-nghi vũ-bị linh nghiêm-trang,
Chủ khách chào mừng tiếp đãi sang;
Xe ngọc ngự trên kèn thổi trước,
Ồn-ào tiếng trống tiếng người vang.

其 三 十 二

慰探貴監國殿下

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 憂 | 民 | 歷 | 險 | 到 | 歐 | 天 |
| 交 | 好 | 身 | 親 | 恩 | 一 | 香 |
| 共 | 政 | 朝 | 廷 | 王 | 禮 | 樂 |
| 隆 | 儀 | 如 | 親 | 太 | 平 | 年 |

XXXII

Vì dân mạo-hiêm mới qua đây,
 Thân nghĩa giao-lân mới thứ này;
 Dân-chủ lễ như quân-chủ vậy,
 Thái-bình nào tưởng có hôm nay.

其 三 十 三

駕臨無名氏義士墓感作

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 利 | 權 | 場 | 上 | 塞 | 和 | 同 |
| 萬 | 億 | 生 | 靈 | 入 | 土 | 峯 |
| 五 | 種 | 有 | 邦 | 均 | 義 | 務 |
| 一 | 身 | 聲 | 價 | 振 | 寰 | 中 |

XXXIII

Hoàng-kim thế-giới nghĩa gì đâu,
 Xô dầy muôn dân một khối sầu;
 Năm giống ai không lòng nghĩa-vụ,
 Một mình riêng hưởng tiếng năm châu.

其 三 十 四

貴監國殿下答探

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 文 | 明 | 幾 | 務 | 重 | 邦 | 交 |
| 酬 | 醉 | 優 | 情 | 又 | 一 | 遭 |
| 桃 | 李 | 有 | 心 | 敦 | 永 | 好 |
| 不 | 分 | 彊 | 弱 | 是 | 英 | 蒙 |

XXXIV

Văn-minh cốt trọng nghĩa bang-giao,
 Hai nước ân-tình trái mấy tao;
 Nghĩa dầy duyên đây đảm-thấm mãi,
 Kề chi yếu mạnh với anh-hào.

其 三 十 五

玻璃社會應之幸探

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 共 | 政 | 良 | 謀 | 欲 | 大 | 同 |
| 社 | 廳 | 堂 | 上 | 長 | 民 | 風 |
| 翹 | 瞻 | 代 | 表 | 人 | 提 | 唱 |
| 國 | 串 | 和 | 平 | 保 | 至 | 公 |

XXXV

Cộng-chính gây nên cuộc đại-đồng,
 Có nhà xã-hội để bàn công;
 Khen ai đại-biêu dân trong nước,
 Một bụng công-bình vạn phúc chung.

其 三 十 六

社廳隆接

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 隆 | 接 | 嘉 | 儀 | 著 | 重 | 尊 |
| 兩 | 君 | 交 | 好 | 固 | 無 | 言 |
| 平 | 民 | 尚 | 習 | 古 | 名 | 教 |
| 國 | 粹 | 良 | 風 | 永 | 保 | 存 |

XXXVI

Khuê-chương dàn-điểm lễ giao-bang,
 Lễ ấy tôn-nghiêm nọ phải bàn;
 Danh-giáo thường-dân còn giữ được,
 Tinh-thần nước cũ vẫn chưa tan.

其 三 十 七

慰探我南義士祠

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 奮 | 身 | 異 | 域 | 趁 | 雲 | 雷 |
| 端 | 為 | 邦 | 交 | 急 | 務 | 催 |
| 壯 | 志 | 長 | 拋 | 轟 | 烈 | 境 |
| 英 | 魂 | 仍 | 在 | 鬱 | 愆 | 隈 |
| 名 | 留 | 越 | 地 | 從 | 茲 | 始 |
| 義 | 赫 | 歐 | 天 | 冠 | 古 | 來 |
| 一 | 赫 | 憐 | 香 | 聊 | 注 | 下 |
| 同 | 象 | 欲 | 普 | 爾 | 泉 | 臺 |

XXXVII

Hồ-thỉ ra tay hội sấm mây,
 Hết lòng công-nghĩa sá niềm tây;
 Xông-pha nghĩa-khi hơi sương lạnh,
 Phảng-phất hương-hồn ngọn khói bay,
 Tổ-quốc gương thơm ghi đó trước,
 Lân-bang bia lạt mới từ nay;
 Chín trùng một nén hương trán-trọng
 Dưới suối ai ôi cảm đức đây.

其 三 十 八

臨探大南義士墓

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 天 | 敦 | 浩 | 劫 | 入 | 紅 | 塵 |
| 且 | 奮 | 雄 | 心 | 濟 | 義 | 鄰 |
| 七 | 萬 | 重 | 洋 | 忠 | 憤 | 氣 |
| 千 | 年 | 磅 | 礪 | 滿 | 歐 | 分 |

XXXVIII

Gió bụi xui nên sóng bất-bình,
Vây đen công-nghĩa giải đồng-minh ;
Thương người Nam-Việt hồn Tây-thổ,
Thước đất nghìn thu một khí linh.

其 三 十 九

| | | | | | | |
|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|
| 親厚八四酒樂提韻 | 信情音海入敲攜舉 | 敦猶韶珍談歡永千 | 交表奏羅杯曲譽秋 | 意一青彩新舊從說 | 已花霄席好猜斯兩 | 圓筵際前固捐始賢 |
|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|

XXXIX

Mọi sự vương tròn mọi sự hay,
Thịnh-tinh lại có tiệc hôm nay ;
Nhạc thiều đêm vắng cung mây lợt,
Vật lạ phương xa tiệc gấm bày ;
Chén ngọc đưa cay lời ước ngọt,
Khúc vàng nghe nhớ bụng ngờ khuấy ;
Giao-tình vui-vẻ hơn khi trước,
Hai nước nghìn thu mãi thế này.

其 四 十

| | | | | | | | | | | |
|------|------|------|------|------|------|------|----|----|----|----|
| 設國 | 宴政 | 在府 | 包列 | 提文 | 哺武 | 林大 | 園員 | 款並 | 待原 | 貴東 |
| 法全 | 法全 | 法全 | 法全 | 法全 | 法全 | 法全 | 法全 | 法全 | 法全 | 法全 |
| 親嘉邦法 | 到饋交政 | 名聊永羣 | 都用固賢 | 表燕今興 | 睦嘉伊寡 | 鄰賓始人 | | | | |

XI

Quen biết danh-dò tiếng đã rầm,
Tạm mời đãi tiệc quán Bô-lâm ;
Giao-tình bốn bề từ đây nhĩ,
Tiệc yến cùng vui khách kẻ trăm.

其 四 十 一

| | | | | | | |
|------|------|------|------|------|------|------|
| 闢遍亦好 | 麗搜祇古 | 鋪老以工 | 奇器異夫 | 布幾誠在 | 滿春非敏 | 樓秋富求 |
|------|------|------|------|------|------|------|

XLI

Đẹp khéo chen đua cả một lâu,
Biết bao đồ cổ mấy nghìn thâu ;
Chẳng vì ưa của vì ưa lạ,
Hiếu-cổ ai ôi phải mẫn cầu.

其 四 十 二

| | | | | | | | |
|----------|------|------|------|------|------|------|------|
| 幸覽魯殿留傳諸器 | 百普價國 | 般拾重家 | 巧寰連所 | 跡中城寶 | 古聚堪者 | 留眼玩惟 | 傳前弄賢 |
|----------|------|------|------|------|------|------|------|

XLII

Đồ cổ ba tàng để chứa-chan,
Kề bao của báu mắt coi chờn ;
Thành cân giá ngọc xem không thích,
Của quý gì bằng dửc quý hơn.

其 四 十 三

| | | | | | | | |
|-------------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|
| 巴陵尺郡公爵邀接于私第 | 迎盡五八帝民樓且 | 駕誠花寶國旗臺羨 | 恭執奇嘉隆立雲清 | 謙禮炮餽前後府高 | 豈若連數會亦休獨 | 客朝天日建超談出 | 臣君爆新績倫美塵 |
|-------------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|

XLIII

Khách nào đón rước tỏ lòng son,
Giữ lễ dàng-liêm ý cũng tròn ;
Pháo nổ vang trời năm vẻ lạ,
Tiệc bày luôn buổi tám mùi ngon ;
Trước phù hiệu nước công ai sánh,
Sau dựng cờ dân tiếng vẫn còn ;
Cửa rộng lâu cao thôi chẳng kẻ,
Huân-thần phẩm-giá đáng nên tôn.

其 四 十 四

| | | | | | | | |
|-------------|------|------|------|------|------|------|------|
| 法首相奔歌移奉朕駕臨宴 | 百舊誰共 | 有辰迎政 | 餘交遠重 | 年好駕騰 | 義煥花担 | 復然筵用 | 仲新上人 |
|-------------|------|------|------|------|------|------|------|

XLIV

Hơn trăm năm trước lại ngày nay,
 Giao-hiếu tình xưa cũng tỏ bày;
 Đón rước kiêu hoa ai đó nhỉ?
 Ấy người thủ-tướng tiếng xưa nay.

其 四 十 五

| | | | | | | | | | |
|-------------|------------------|------------------|------------------|------------------|------------------|------------------|-------------|------------------|-------------|
| 在 臣 多 | 玻 璃 之 祿 | 幸 勝 子 | 萬 阮 孫 | 國 文 齊 | 地 振 來 | 興 黎 恭 | 會 文 調 | 遇 郎 有 | 故 白 感 |
| | 勝 我 誰 却 | 振 家 知 遇 | 勳 臣 今 功 | 勞 子 日 臣 | 史 爾 親 後 | 尚 門 交 子 | | 存 尊 好 孫 | |

XLV

Giúp nước công to sử dã bày,
 Người dầy nghĩa cũ chạnh niềm tây;
 Ngờ đâu gót ngọc nay thân tới,
 Con cháu công-thần lại gặp đây.

其 四 十 六

| | | | | | | |
|------------------|------------------|------------------|------------------|------------------|------------------|------------------|
| 伯 壯 端 共 | 圖 麗 為 和 | 事 樓 歷 追 | 業 臺 朝 保 | 已 儼 仁 舊 | 灰 若 厚 精 | 塵 新 澤 神 |
|------------------|------------------|------------------|------------------|------------------|------------------|------------------|

XLVI

Lu-y nghiệp bá đồng tro tàn,
 Còn thấy lâu-dài đẹp lại sang;
 Cối đúc nền nhân vun đắp vững,
 Tinh-thần nước cũ vẫn chưa tan.

其 四 十 七

| | | | | | | | |
|--------------------------------------|--------------------------------------|--------------------------------------|--------------------------------------|--------------------------------------|--------------------------------------|--------------------------------------|--------|
| 共 效 | 日 同 | 貴 名 | 監 都 | 國 主 | 幸 值 | 覽 正 | 閱 兵 |
| 作 馮 于 馬 飛 陸 思 長 | 客 同 戈 步 艇 機 危 守 | 名 民 進 縱 羣 輪 有 文 | 都 主 止 橫 飄 動 備 明 | 值 看 精 半 騰 角 當 在 | 正 兵 帥 附 漢 塵 無 武 | 中 容 律 庸 表 風 患 功 | |

XLVII

Chinh-trung gặp hội ở thành Pha,
 Vua Pháp xem binh đón Ngự ra;

Võ-bị học-sinh chia đội một,
 Quân-dung thuộc địa đóng hàng ba;
 Tàu bay chở súng lừng mây tit,
 Máy cạ xoay cầu phút gió qua;
 Đứng nghĩ thái-bình quên dự-bị,
 Có hay thần võ có tinh-hoa.

其 四 十 八

| | | | | | | | | |
|--------|-----------------------------|---------------------------------|---------------------------------|----------------------------|------------------|-------------|--------|--------|
| 幸 越 | 敦 彼 | 城 連 | 慰 雲 | 探 巧 | 伊 聚 | 城 阿 | 社 工 | 廳 房 |
| 卓 越 | (阿 房 山 蜀 堪 尚 | 秦 宮 兀 阿 房 嘉 保 | 也 房 阿 房 轟 巍 峨 | 出 杜 牧 出 當 舊 | 牧 賦 年 日 | 賦 年 日 | 後 陸 | 云 |

XLVIII

Thành cao cao ngất tận tầng mây,
 Tường cảnh A-phòng ngộ đẹp thay;
 Trái cuộc chiến-tranh mà vẫn thế,
 Việt-đôn còn đó sánh còn đây.

其 四 十 九

| | | | | | | |
|--------------------------------------|--------------------------------------|--------------------------------------|--------------------------------------|--------------------------------------|--------------------------------------|--------------------------------------|
| 咽 唇 一 千 保 共 孤 塔 | 喉 齒 陣 年 邦 政 注 嘉 | 關 深 置 無 更 那 底 愛 | 界 虞 亡 定 有 知 成 國 | 苦 翁 驚 付 千 社 民 熱 | 風 四 霹 煙 城 稷 效 精 | 塵 鄰 震 雲 將 臣 死 神 |
|--------------------------------------|--------------------------------------|--------------------------------------|--------------------------------------|--------------------------------------|--------------------------------------|--------------------------------------|

XLIX

Cửa hòng eo-le trận gió lay,
 Hồ môi răng lạnh sợ tai bay;
 Liều mình mũi nhọn dùng con sấm,
 Mặc đồng xương tàn úp đám mây;
 Nhanh vượt ra uy nhờ tướng mạnh,
 Chân tay giúp nước sẵn tài hay;
 Cuộc thua cố đánh liều gan được,
 Yêu nước lòng son đáng ngợi thay!

其 五 十

| | | | | | | |
|------------------|------------------|------------------|------------------|------------------|------------------|------------------|
| 回 駐 | 蹕 蹕 | 玻 璃 | 幸 覽 | 工 藝 | 諸 機 | 廠 |
| 機 百 人 利 | 事 般 無 路 | 機 工 費 何 | 心 蕊 力 憂 | 化 取 功 不 | 學 資 成 廣 | 才 來 倍 開 |

L

Hóa-học suy ra lắm nghệ tài,
Trăm nghề nhờ đó tiện sinh-nhai;
Vừa mau vừa khéo công không tổn,
Đồ bán đem ra khắp nước ngoài.

其 五 十 一

幸厘翁城以便回鑾坐
在車中望回玻璃城
玻璃允是名都
橋路樓是勝圖
宮殿依臺一畫
草花爭似舊辰無

LI

Nức tiếng thành Pha mấy chỗ bằng,
Cầu đài đẹp tựa bức đồ giảng;
Nghìn xưa cung-điện còn y cả,
Hoa cỏ ngày xưa có khác chắng.

其 五 十 二

抵厘翁城遇係依烏貴社會長邀接
國彥民雄男一各
共政政策倚長城
敦鄰聊慰沙公友
隆接嘉儀信有情

LII

Danh thơm hội-trưởng tiếng anh-hùng,
Nước vững thành dài thiết có công;
Ông với Sa-công là bạn cũ,
Âi-ân đây cũng một tình chung.

其 五 十 三

會長係衣烏邀朕款宴于社應
智謀相合意相投
豈獨邦交一念頭
執手筵前彰篤敬
分襟曾欲繫繁場

LIII

Ý hợp tâm đầu vẫn đã lâu,
Chẳng là giao-hiệu một niềm đầu;
Bắt tay trên tiệc lòng trân-trọng,
Từ-biệt còn toan buộc vó câu.

其 五 十 四

覽厘翁城諸織絲廠
東方繡織久稱豪
上國機緘智更高
能事迴瀾日馳我境
會看他日必風潮

IV

Lâu nay gắm vóc vẫn ư Tàu,
Mây dệt Ly-ông khéo đến đầu;
Đem về văn-minh tô nước lại,
Mong đường tiến-hóa sóng tràn Âu.

其 五 十 五

回鑾駐蹕馬賽城臨幸闢巧場
採收歐亞技精粗
方貨場中各類鋪
休說我心是越界進
最傷傷心是越人圖

LV

Một trường thu-thập đủ tinh-hoa,
Thức thức phô bày thử ngó qua;
Đừng nghĩ đồ mình nay đã khéo,
So xem người nước kém người xa.

其 五 十 六

馬賽觀大商局
興邦捷算首資財
善理商途利路開
萬貨流收盡無窒礙
源源收盡外方來

LVI

Phú-cường tinh phải trọng nghề buôn,
Kinh-lý trăm đường lã kê muôn;
Xuất-cảng mọi đồ tiêu-thụ dễ,
Của ngoài thu lại một dòng tuôn.

其 五 十 七

馬賽城與沙露公並諸貴
官作別回南登安移火船
大邦登送流青馬雲
國鄰舟別水天城霧
文纓賦箭高碧回籠
風穩罷催山海首餘
略薄情酒徒獨空露
七言猶未側憑惆遠
觀遠戀闌耳欄悵轡

LVII

Bảy điều văn-hóa đã từng xem,
 Tinh cuộc ra về mọi sự êm;
 Tàu sắp cuốn neo thơ chúc mãi,
 Kèn chờ tiện bước rượu dâng thêm;
 Nước non phẳng-phất xa nghe khúc,
 Trời bề mệnh-mong đừng dựa rềm;
 Thành Mã gánh coi lòng mến cảnh,
 Tịt-mù đỉnh núi khói mây chèm.

其 五 十 八

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 回 | 船 | 經 | 碑 | 遊 | 停 | 旋 |
| 風 | 送 | 歸 | 帆 | 出 | 馬 | 關 |
| 舟 | 經 | 碑 | 處 | 且 | 停 | 湍 |
| 從 | 戎 | 我 | 士 | 遐 | 荒 | 戍 |
| 登 | 陸 | 臨 | 辰 | 覺 | 可 | 觀 |

LVIII

Mã-tải buồm xuôi tiện cánh hồng,
 Tời Bi-du đỏ đậu tàu trông;
 Hà-hoang chỗ ấy quân ta đóng,
 Ngó thấy dinh đề chữ hiếu-trung.

其 五 十 九

| | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 回 | 船 | 抵 | 沱 | 登 | 陸 | 聞 | 我 | 民 |
| 舞 | 掌 | 歡 | 迎 | 瞿 | 然 | 有 | 懷 | |
| 國 | 務 | 民 | 謀 | 半 | 已 | 平 | | |
| 歸 | 來 | 夾 | 路 | 沸 | 歡 | 聲 | | |
| 前 | 朝 | 仁 | 澤 | 敷 | 深 | 厚 | | |
| 保 | 得 | 愛 | 元 | 戀 | 愛 | 誠 | | |

LIX

Việc dân việc nước nửa yên lòng,
 Về tới tàu Hàn đón rước đông;
 Xa nhớ Tiên-triều ơn-trạch hậu,
 Cho hay muôn họ một lòng trung.

其 六 十

| | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 謁 | 廟 | 完 | 奉 | 謁 | 兩 | 宮 | 欽 | 蒙 | 懿 | 旨 | 嘉 | 喜 | 作 |
| 洋 | 履 | 才 | 辭 | 文 | 武 | 仰 | 致 | | | | | | |
| 程 | 險 | 弱 | 巖 | 無 | 意 | 賴 | 誠 | | | | | | |
| 七 | 如 | 挺 | 磨 | 早 | 何 | 前 | 三 | | | | | | |
| 萬 | 夷 | 當 | 折 | 慰 | 煩 | 朝 | 獻 | | | | | | |
| 跨 | 豈 | 疆 | 梗 | 西 | 外 | 靈 | 藉 | | | | | | |
| 洪 | 憚 | 世 | 雄 | 宮 | 闔 | 默 | 柔 | | | | | | |
| 濤 | 遙 | 界 | 豪 | 望 | 勞 | 相 | 茅 | | | | | | |

LX

Vượt bể xa xa lạng sóng kinh,
 Trái bao hiểm-trở lẽ thanh thanh;
 Cường-quyền chống-chỏi tài sơ yếu,
 Ngạnh-cốt mài tan miệng sắt đánh;
 Trên thỏa hai cung lòng ý-vọng,
 Ngoài yên bốn cõi cuộc giao-tranh;
 Đội ơn Liệt-thành cùng a-hộ,
 Ba chén nhu-mao một tác thành.

ĐẶNG XUÂN-VIỆN
 phụng dịch (1924)



NGHĨA-BỘC BAO CHỦ (1)

(Hát chèo)

II

GẶP THỨ III

Nhà giàu

Lê Bạc-Phu ra nói lời :

Tôi Bạc-Phu, trước một lỗ cấm dãi không có ; một hòn đất thó cũng không. Mà chừ ra vườn cau ao cá, cối đá nôi đồng ; lại đủ cả bát bịt mâm chõng, ruộng sáu trâu nái. Người ta bảo : hễ có của thì khoa như mại ; không có của thì đại như lư. Vậy mà mình, khôn từ khi nghèo rớt, đi ở ngụ-cư ; lần đến bạn, vay một món rồ to, về làm đại-phú. Á á bây giờ hẳn nghe thấy mình giàu ú ; chắc rồi hẳn cũng lần sang. Nếu trả đi thì ưỡng công ông thổ bò vàng ; mà chịu lại lại mang tiếng có hàng mượn thiếc. A nào nợ nó đâu, ra tôi bàn mọi việc ; nếu có khách ăn tiệc, thì mượn một lời, a mượn.

Vợ là Lã Ngoan-Tầu ra nói lời tiếp :

A này cậu : bấy lâu vợ ăn nem chõng ăn chả ; cũng đành người nằng bị kẻ cắt quai. Kê chi người bạn cũ món nợ đang dãi ; có lẽ của nhà này lại ai mang đến. Vậy nợ kia có đòi, thì trả cho bữa chén ; mà bạn còn có hỏi, sẽ đền cho chiếc sàng. Nếu ai mà có trách xử xằng ; đành mình cũng chịu rằng võ tuột, chớ sao.

Ngâm :

Kê chi công nợ đòi nào,
Hễ ai đến hỏi sẽ mời vào trong quan.

Lê Bạc-Phu ngâm :

Mợ mảy mời thật là ngoan,
Chõng toan võ nợ vợ bạn lập mưu.

Ca giao-duyên :

Đấy với dây, đấy với đày cùng dây
duyên nợ, khéo may sao được cả vợ
liền chồng, nằng nằng ơi, qua gửi một
lời, được cả vợ liền chồng.

Lã Ngoan-Tầu ca tiếp :

Vợ với chồng, vợ với chồng cùng
vòng vương-viu, khéo nợ kia đành nhất
chịu nhì van, chàng chàng ơi, qua gửi
một lời, đành nhất chịu nhì van.

Lê Bạc-Phu ca tiếp :

Sự nói bàn, sự nói bàn áo quan ta
sắp sẵn, nợ đến đòi, đành cứ ấn vào
quan, nằng nằng ơi, qua gửi một lời,
đành cứ ấn vào quan.

Ngoan-Tầu ca tiếp :

Truyện phân-nàn, truyện phân-nàn
rượu bàn mở cuộc, bạn đến đòi cho
mồi thuốc vào sàng, chàng chàng ơi,
qua gửi một lời, cho mỗi thuốc vào
sàng.

Bạc-Phu nói lời :

A này mợ : mình nợ Trương Đa-
Phúc ; vợ là Trần Thiện-Khanh Chừn-
g anh ta sắp đến đòi mình ; mà chị ấy
thật là riết nợ. Nếu mình không xoay
giờ ; rồi bạn cũng giờ xoay . Lạ gì vắn-
vực cầm tay, chẳng kéo đồng tiền liền
ruột, a mượn.

Ngâm :

Nếu mình không sớm giờ xoay,
Nợ nần rồi họ buộc dây nên hỏa-lò

Ngoan-Tầu nói lời tiếp :

A này cậu, mắc nợ mình phải lo ;
mất của ai không xót. Mưu này bàn

(1) Xem Nam-Phong số 155

đến chốt ; việc sẽ liệu tùy-cơ. Mưa bao giờ vượt mặt bấy giờ ; giờ chiều nào liệu che chiều ấy. Thôi, bạn đòi đâu chưa thấy ; mình đi nghỉ đã nao, a cậu.

Ngâm :

Khuyên chàng đi nghỉ đừng lo.
Sẽ mời chủ nợ xuống lò âm - ti.

Nói lời :

Trước anh chưa mời cậu đến bữa-lò ; thì ta hãy mời anh về cái đất, a cậu.

Cùng giắt tay nhau vào nghỉ.

Trương Đa-Phúc cùng nghĩa-bộc Tam-Hậu cùng ra.

Đa-Phúc nói lời :

Tôi vốn Trương Đa-Phúc ; bạn cùng Lê Bạc-Phu, vì ai xưa nghèo kiệt nhà nho ; nên mình phải cấp cứu bạn cũ. Bổng từ năm nợ ; rồi cách nhau xa. Nay mang tiền ta lại đến qua nhà ; nếu còn túng mình còn nên giúp bạn.

Đi một lúc rồi nói tiếp :

À à. Đây nhà bác Bạc-Phu, nay giàu có vạn ; mình với thằng Tam-Hậu, giờ đã bằng ngàn. Thầy trò ruổi bước gian-quan, bè bạn tới nơi thăm hỏi, đó con,

Tam-Hậu cùng đứng ngoài ngõ hát díp đuôi :

Đây tớ theo đòi, thằng tôi mừng mọi, đường trường lặn lội, vừa đi vừa vội, mỗi gói theo thầy, tình tình tình thầy, quá lời nợ thầy ôi ! Công nợ đứt đuôi, còn đòi được cóc, người kia gian-độc, râu ria mặt mốc, chết dẫy nóng-nọc, cũng không trả nào, tình tình tình nào, quá lời nợ nào nào ! Bác ta làm sao, kỳ kèo keo cù, sang chơi ngày nợ, vay xiên vay xoắn, về làm giàu cơ, chắc rồi xử nợ, xử nợ mặt nời, tình tình tình nời, quá lời nợ nời rang ! Thầy với tôi sang, dãi xoàng bữa rượu, nợ là khát phiệu, lập nư lập meo, sừng

sẹo đầu bò, tình tình tình bò, quá lời nợ bò mê.

Nói lời :

Đạ thừa cậu : con xem bác Bạc-Phu ; biết là đồ bạch-phụ. Món nợ cậu cho ngày nợ ; chắc rồi bác vô trả đâu. Giờ sang dù bác có giàu ; cũng chỉ dãi xoàng bữa rượu. Rồi là khát phiệu ; hoặc chỉ nói diều. Mặt dầy đã nhọ như niêu ; lòng xấu hẳn đen tày muội, đạ thừa cậu.

Ngâm :

Nợ này họ vô vắng tề,
Xưa con-dòi dám nói chề bạn thầy.

Nói :

Đạ thừa cậu : Trước con xem mặt bác ta, con biết chắc là người bội-bạc, song vì bạn thầy, con không dám nói gàn.

Trương Đa-Phúc nói lời mắng :

Ừa chi thẳng dầy tớ, không biết rõ bụng thầy. Xưa thầy cho bác ta vay ; sá kể như người khác nợ. Khi bạn kiệt mình đã cấp đỡ ; khi bạn sang mình thử qua chơi. Nào ai đã kể nợ đòi ; mà bác nỡ xoay mặt võ. Và cậu còn đem nén đỏ ; sang thăm lại giúp bạn vàng, Chắc là bác phải xử sang ; vào đó mi đừng nói lão, a Tam-Hậu.

Cầm nén vàng bảo Tam-Hậu ngâm :

Cầm vàng còn rắp cho vay.
Con-dòi nói xấu bạn thầy ai nghe.

Cùng vào nhà Bạc-Phu.

Lê Bạc-phu và Lã Ngoan-tầu cùng ra đón chào mời ngồi, v. v.

Lê Bạc-Phu nói lời :

Đạ thừa chào quý hữu ; đây chính thật hiền-thê, (trở vào vợ). Gọi thẳng nó vào bếp pha chè ; bảo (trở vào Tam-Hậu) anh nhỏ xuống nhà uống nước.

Lã Ngoan-Tầu nói lời tiếp :

Tôi tiện-nương từ trước ; mời quý-hữu ngồi chơi, À à ; Này cậu nó hãy lánh bước bên ngoài ; để tôi sẽ ghé tai chuyện nhỏ. (Chào khách rồi dắt chõng ra)

Trương Đa-Phúc nói lời tiếp :

Giờ em sang chơi đó ; mà bác vội bàn chi. Chừng toan làm rượu nhắm chứ gì ; thôi liệu sắm cơm rau cũng được.

Lê Bạc-Phu nói lời tiếp :

Vậy mời bác tạm xơi chén nước ; để đây em liệu sắp làm cơm. (Quoy bảo vợ) ; À này mợ : Thôi bỏ nào chết khỏi rơm ; bắt lợn thả ra mà đuổi. Hay giết gà làm gỏi ; hoặc mổ cá nấu riêu. Ra tôi dặn nhỏ mấy điều ; rồi mợ cứ theo một phép, a mợ.

Dắt vợ ra nói lời bảo ngoài :

A này mợ nó ; phải hiểu ý tôi, chung món nợ ngày xưa, bác ấy sang đòi ; mà cái mưu hôm nọ, ta bàn cũng róc. Chén rượu lờng pha mùi thuốc độc, lòng thâm dạ tím ai hay ; bát cơm vàng trừ món nợ vay, tay trắng mặt đen vô truội. À à : nhưng còn kẻ con-dòi thật gan đá cuội ; phải cho thằng-cu-ở bị mũi dao con. Đem hẳn ra khỏi vườn cỏ sẽ chôn ; còn thây nó bỏ áo quan hãy liệm. Minh dùng mưu xiêm ; cho bảo vợ sang. Rằng bác buống suốt vàng ; vậy ta vùi đất đỏ, chớ sao.

Ngâm :

Tiền đây mở tiệc rượu đào,
Đãi mời thuốc độc mời vào trong sảng.
Nợ này ta quyết vô phăng,
Tính thây trước phải tính thẳng cuội con.

Lã Ngoan-Tầu nói lời tiếp :

A phải phải ! Dù khi vợ đến bắt rầy ; thì bảo chõng kia phải gió. Nếu

sinh điều kia nọ ; rồi liệu cách trở xoay, a câu.

Ngâm :

Thầy trò cùng tính luôn luôn,
Kéo thẳng chú cuội nó luôn lên trăng.

Bạc-Phu gọi thẳng nô ra bảo nói lời :

A này thẳng nô ; phải theo ý chủ. Khách nợ đến đòi nợ đó ; mình nay phải vô ơn đây. Chủ toan bỏ thuốc độc người thầy ; mi phải cố sức quấy kẻ tớ.

Ngoan-Tầu nói lời tiếp :

A thẳng con ở ; phải giúp chủ nhà. Chớ hở mưu ra ; kéo thành sự lỡ.

Thẳng nô nói lời tiếp (vừa run vừa nói rõ to) :

Thẳng tôi rất sợ ; chủ nhà ghê sao. Thẳng nào giết chết thẳng nào ; con mãnh thật là con mãnh. Ừ bỏ thuốc đây tôi đánh ; cho vào rượu nợ khách xơi. Hễ thầy trò họ thác lên trời, rồi cậu mợ nhà cho xuống đất, a chủ.

Lê Bạc-Phu sợ hở mưu nói lời tiếp :

A thẳng nô lặng ngắt ; chi bày-tớ nói to. Cho mi ngồi tiếp rượu với trò ; để ta dặng mời cơm thết khách, a rô. (Cùng vào gọi nô bung cơm rượu, hai vợ chõng ngồi tiếp Trương Đa-Phúc, thẳng nô nyời tiếp Tam-Hậu cùng ăn v. v.).

Lê Bạc-Phu ngồi ngâm thơ mời :

Cám ơn từ lúc nợ cho vay,
Tôi hằng mời anh một chén cay.

Lã Ngoan-Tầu ngâm tiếp :

Nhắm sốt thử xơi xơi kéo nguội,
Rượu nồng đã nhấp nhấp thời say.

Trương Đa-Phúc ngâm tiếp :

Tiệc vàng ép-nép s mê mệt,
Non ngọc chiêng-liêng ngại đồ quày.

Lê Bạc-Phu ngậm tiếp :

Bữa yếu ai rảnh thàng thuốc độc.
Tha-hồ chén rõ tít cung mây.

Ca hành-vân :

Tiệc hoa bày, tiệc hoa bày, với bạn
bạn cùng say, bầu kim-cốc, nguyên
đốc rượu cay, nhất đồ quây non ngọc.

Lã Ngoan-Tầu ca tiếp :

Bầu trong lọc, hương nồng thơm,
chén rượu càng ngon, cồn rượu cồn
xơi vào mắt ruột.

Trương Đa-Phúc ca tiếp :

Mùi ngon ngọt, giọng say mê, tiệc
hoa kê, sợ rồi mê-mệt, lại buồn tẻ
buồn tẻ.

Thằng nô ngồi dưới ca tiếp mời Tam-Hậu :

Thầy vui say, lạ chi trò, bữa rượu
tha-hồ, ngã nằm co nằm co.

Tam-Hậu ca tiếp :

Chết nổi trờ, vừa bữa say no, dễ mà
đau tức, thầy ơi là chết lẫn gô.

*Trương Đa-Phúc dùng dẫy vuốt bụng
nói lời :*

Ồi đau ruột đau ruột, là cồn gan
cồn gan. Ai làm nên nổi thác oan ;
bạn dò sao mà thâm-độc. À à : Nợ ta
cho mi vay, mà mi nở lòng giết - gióc ;
rượu mi đãi ta uống, mà ta mắc nổi
mê-man. Thôi vợ chồng mi ở nhân-
gian, để thầy tớ ta về địa-phủ. À à !
Đây ta còn đem sang nén đồ ; với mi
toan giúp nữa bạn vàng. Biết đâu mà
gửi can tràng ; thoát hóa cho yên hồn-
phách đó sao.

Nói xong vút vàng ra ngã chết.

Tam-Hậu cũng phát điên lên nói lời tiếp :

Ồi đãi khách đãi khách, dựng theo
thầy theo thầy. Đen lòng toan vỡ nợ
vay ; thâm dạ buộc cho chừng chết.
Song số kiếp ta dành hết, kíp oan-
mệnh thầy gỡ mau. Thay bình đời xác
chớ lâu ; báo oán đền ơn ở đó. Đựng

về nơi đất đỏ ; quyết đập đồ non
xanh. Dao vàng mài liếc long-lanh,
rơi điện vượt vời biển-bóa.

Nói xong cũng ngã chết.

Lê Bạc-phu nói lời tiếp :

Ừ này : thầy trò kia chết cả ; cậu
cháu mình ai hơn. Kip kip thảng nó
đem dẫy tớ ra vườn ; mau mau mợ
nó nhắc anh này vào vãn. Cho đi tìm
vợ bạn ; bảo thôi đoạn chồng người.
Anh đã phải gió chết rồi ; chị dễ kiện
trắng sao được, a mợ, a thàng nó.

Lã Ngoan-Tầu nói lời tiếp :

À Thầy mưu thợ chước ; rõ vợ khôn
chồng ngoan. Ừ đem anh hãy bỏ vào
quan, rồi tìm chị bảo là chết quách.

*Hai vợ chồng khiêng Trương Đa-Phúc bỏ
vào quan.*

Lê Bạc-Phu tăng khóc rỉ vong :

Ồi bạn ơi bạn đã chết quách ; để lời
khênch tôi ghêch vào quan. Khóc òa sao
bạn chết oan ; cười hả rầy tôi hết nợ,
a ha ơ hơ !

Lã Ngoan-Tầu tăng khóc tiếp :

Nức nở nức nở ; hỡi ơi hỡi ơi ! Sao
độc mấy ông trời ? để ai về cái đất !
Ném thuốc độc lỡ mà chết thật ; nhấp
rượu nồng chốc đã lẫn queo. Rõ đau
quắt ruột mèo ; nghĩ mà thương chú
chuột.

Thằng nô tăng khóc Tam-Hậu :

Ồi thảng tôi mới xót ; sực nghĩ hã
mà đau. Cùng bạn ở nhà giàu ; khéo
xoay mau cách chết. Để mình phải
rượu cơm xơi hết ; chớ ai hoài cả
thịt bỏ ươn. Đành tôi đem xác bản
chôn tại ngoài vườn ; để cậu nhắc anh
kia bỏ vào trong vãn, ơ hơ !

*Thằng Nô đem xác Tam-Hậu hạ. Vợ
chồng chủ ý-oạch khênch Đa-Phúc bỏ quan.*

Lê Bạc-Phu nói lời :

A thàng nó, đi tìm chị Thiện-Khanh
đến đó ; bảo rằng anh Đa-Phúc ngoài

rồi. Chồng phải gió tắt hơi, vợ kêu trời sao dặng, chớ.

Ngâm :

Đến thời chị khóc hết hơi,
Rồi cho anh mấy nhát mai gợn-gàng.

Thằng nó nói tiếp :

Vàng lời chủ vội - vàng; chạy tìm người mai mối. Ba hồn hoảng-hốt; bảy vía bàng-hoàng.

Ngâm :

Ghê thay chủ báu bạn vàng,
Lập mưu hóa kiếp tìm đàng báo tin.

Thằng nó đi. Vợ chồng đều hạ.

Hồn Tam Hậu hiện ra thét lối :

Ghê thói đời đen đủi; xử ngãi bạn bạc xanh, xưa mình đã quyết dẫn mình; vì chủ phải đành cứu chủ. À à, khéo sao người gan tím ruột thâm, chỉ vì tham nên đỏ; song vì chủ máu lõe xương trắng, còn phải liếc dao vàng. Đành mau mau hóa phép quỷ nhập tràng; dặng kíp kíp hiện hình ma tác-quái Vào cải-tử hoàn-sinh, cho chủ mình sống lại; rồi sát sanh đả-tử, cho nhà họ chết đi. Để răn những kẻ vô-nghi; trừ bỏ mọi loài bất-nghĩa. À à ở đời sao lắm nỗi thị-phi; những người cũng chẳng qua số hệ. Bởi mình xưa là quỷ; thay lột xuống làm người. Bây giờ mượn tay kia mà hóa kiếp về trời; gặp nạn đó phải đền ơn nhà chủ đó sao.

Hát bài sai :

Phép quỷ thần-hồng, lừng trời phép quỷ thần-thông. dao vàng thấm giọt máu hồng chưa phai; ma bắt từng người. Song le ma bắt từng người, mũi gươm mũi gọt thói đời điêu ngoan; giây phút chưa tàn. Nén hương giây phút chưa tàn, thần-hồn vào tới trong quan hiện-hình; đả tử hoàn sinh. Ngổ tãi cải tử hoàn-sinh, vẩy ngang giọt nước đội ngành dương-chi; nhắc xem vô-số truyện kỳ.

Nói lối bộ :

Nhất trường phát-dộng chỉ-huy; trích thủ thần-kỳ biến-ảo. Quyết bỏ loài tàn-bạo; mà cứu bậc nhân-hiền. Làm cho động-địa kinh-thiên; mới rõ xuất-thần nhập quỷ, a.
(Nói rồi biến đi).

Khi vợ Trương Đa-Phúc là Trần Thiện-Khanh đến công ngoài, thằng Nó hát trống-quân bảo :

Chút phận thằng nó, tôi nay chút phận thằng nó, chủ nhà sai bảo biết trò truyện sao; khách sang chơi bạn đồng bào, nhấp chén rượu đào bông chết lẩn ra; chủ nhà tôi khóc như mưa, buộc trời chồng gờ khênh bỏ vào sãng; khách đà phải gió mê trắng, bầy tớ chạy xãng chẳng biết đi mô; tôi là con choẹt liú lô, trái mấy giàng hồ vì khách tin đưa tin.

Nói lối :

A này: Tôi con ở cậu Lê Bạc-Phu; đi báo tin bác Trương Đa-Phúc. Chừng để phải cơn gió độc; hay là xơi cốc rượu cay. Giờ thầy vào trong ván nằm quây; mà tờ lẩn ra vườn đi mất. Nay chồng đà gần đất; thôi vợ chớ khóc trời. Vào sẽ ngim quan-tái; rồi mà toan hậu-sự, đó sao

Trần Thiện-Khanh khóc nói lối :

Ôi nghĩa đồng sinh-tử; đau sự chột kinh-hoàng, đi đâu với mấy hồi chằng, lưỡng đề đau thay lòng thiệp. Bởi vì sao oan-nghiệp; xui nên nỗi oan sần. Ai làm lỡ dịp gây cầu; mau thử đến nhà mở ván, xem sao chớ, ở trời ơi là trời!

Khóc rồi vào nhà Bạc-Phu.

Bạc-Phu ra đón bảo, nói lối :

A này chị; đó nợ anh. Phải gió chết chường phệnh, nực trời mau phải liệu, đó sao.

Ngoan-Tầu nói lời tiếp :

Bởi bác người gian-hiềm ; cho nên chết táo-tươi. Thôi đã đoán số trời ; mau cho về cái đất. Đây tôi nói thật ; giờ bác chết thiêu. Tìm chị sang nên kíp chôn liệm ; kẻ người chết để lâu thì độc, a chị.

Trần Thiện-Khanh vội ôm lấy quan-tài khóc than nói lời tiếp :

Ới trời ơi ! Chồng chết mình chưa kịp khóc ; vợ sang người bảo đem chôn ! Lê hồng như dọi tấc son ; gan tím càng đau dạ sắt. Vợ đem vào cái đất, mạng người như cỏ rác rơi ; có thấu chẳng hỏi trời, ngãi vợ như tơ chỉ kết. Chồng tôi dù chết, bác mở tôi coi. Nhất nữa chết cả đôi, còn hơn là sống một, a bác.

Lê Bạc-Phu nói lời tiếp :

Thôi chị về chị thương xót ; thật anh chết đã lâu-la. Nếu quan lại mở ra ; ắt là hơi thơm hoặc, a chị, chớ chớ !

Ca hành-vân đỡ đỡ mở quan-tài :

Chị sao mà, chi sao mà, ngãi bạn bạn dằng xa, chừ anh chết, tôi hết sấm ma, đó quan-tài liệm buộc, chừ sao chị, sang xem qua, muốn mở chồng ra, nhà nức nhà ắt là thơm hoặc.

Lã Ngoan-Tầu ca tiếp :

Người hay ngợm mở xem ma, nức hoang nhà, chịu ma sao dặng, rồi trò ma trò ma.

Trần Thiện-Khanh khóc mà ca tiếp :

Chồng tôi xưa chột sao ma, vội mắt xa nhà, xót lòng ta lòng ta, đó vậy chừ vào mở quan ra, cho mình nom mặt, rước về quê, sẽ làm ma.

Khóc nói lời :

Chồng bỗng ra khuất mặt ; vợ xiết nỗi đau lòng. Cũng đành mở vào chớ trông, sẽ rước về nhà mai-táng, a bác.

Thằng nô ca phúc-kiếp :

Li ới ơi, chồng ai chết, a chết đã chồng gờ, mà lại chồng gờ, chừ còn toan mở ván bây giờ cậu mở cho, ai ai ơi.

Thằng nô chạy vào mở bật quan-tài thì Trương Đa-Phúc đã biến hình cải-tử hoàn sinh ra đứng ngoài, mà Tam-Hậu ở trong quan nhảy vọt ra.

Tam-Hậu tay cầm cành hoa và con dao nhảy ra thét lời :

A, hảo a hảo a ; ới kỳ tuyệt kỳ tuyệt. Ta Tam-Hậu, kiếp làm người đã hết ; địch Nghĩa-yêu, giờ di ở lại về. Ghét thói đời ngoan-bạc đã ghê, vì nghĩa-chủ báo đền kẻ tội. A này Bạc Phu, mi là người phản-bội ; vợ là Ngoan-Tầu, cũng lắm nổi nòng-nàn. Khua dao vàng ta móc mỡ moi gan ; vì đồng bạc, mày vằm thây uồng mạng A à, mày nghĩ sao cho đáng ; ta bảo thiệt mới hay Xưa làm lành vay món bạc, mà nợ võ trắng tay ; rồi thuốc độc pha rượu hồng, khéo người sao đen mặt. Vậy nay đành giết tất ; để lấy đó làm răn, này chết này chết. (vừa múa dao vừa nói và vợ lấy Bạc Phu Ngoan-Tầu chém).

Lê Bạc-Phu sợ so lại nói lời :

Ới tôi chết tôi chết ! lạy ông ma ông ma, đã sả xác tôi mà ; lại moi mẽ tôi nữa, chết chết ! (Ngã xuống đất).

Lã Ngoan-Tầu cùng kinh mê ra nói lời :

Lạy ông tôi là vợ ; xin ông hãy giết chồng. Cẩn cố lạy ông ma-cơ-bông ; xỏ lá tại thằng chồng cuội đất. Ông giờ giết tất ; tôi thật là oan. Bởi tại hay nòng-nàn ; hóa ra cùng chết sả, chết chết ! (Cũng ngã chết).

Trương Đa-Phúc khi ấy đã sống lại đứng mé ngoài, nom thấy Tam-Hậu đang giết vợ chồng Lê Bạc-Phu và Lã Ngoan-Tầu, vội chạy vào nói lời :

A Tam-Hậu. Ta nay vừa cải-tử hoàn-sinh, mày sao lại sát-sinh-dả-tử.

Tam-Hậu vội biến mất, không đáp.

Trần Thiện Khanh đang đứng, chợt thấy Tam-hậu chồm ra giết vợ chồng Bạc-Phu Ngoan-Tầu, mình sợ luống-cuống, bỗng thấy chồng là Trương Đa-Phúc chạy đến, Thiện-Khanh liền vợ lấy hỏi nói lời :

A sao bảo cậu chết ; mà sao lại còn đây ? Tôi vừa nom ngài-nô nhẩy tót lên mây ; lại trông thấy cậu mày trở vào trước cửa. Thiệt là kinh sợ ; chưa biết ra sao !

Trương Đa-Phúc nói lời liếp :

Ủa sự lạ đường nao ; nghĩ xiết ra thật sợ ! Chớ ai về tìm mợ ; mà sao biết đến đây ? Lạ Tam-Hậu theo thầy ; để ngài-nô hóa quỷ, a mợ.

Trần Thiện Khanh chưa kịp đáp lại, thì thằng nó con ở nhà Lê Bạc-Phu thấy thế sợ chạy ra kêu ầm lên thét lời :

Ở nồi nước nồi nước ; chạy học cơm học cơm. Anh hùng nép đồng rơm ; dầu gói run que dẽ. Ở xóm diềng ơi.

Lý-trưởng và tuần-phu rúc tù-và chạy đến.

Lý-trưởng thét lời :

Ủa lạ thật lạ thật ; mà ghê sao ghê sao ! Đó vợ chồng anh nào ; giết vợ chồng nhà họ ? Lai-làng chảy lòi máu đỏ ; hã-hùng xám ngắt mặt xanh. Ủa các bạn tuần-đình ; kip trời mau trình huyện. (Thảo giấy đi phi-trình ngay.)

Tuần-phu dạ, bắt vợ chồng Trương Đa-Phúc trôi lại, rồi hát trống-quân :

Việc quan nhân mạng há chơi, xích-thằng ta hãy xe hai vợ chồng ; dãi tiền các cậu mấy đồng, cậu sẽ thắt tròng chặt nich lại cho ; vợ chồng anh chết bằng bò ; hay để năm gò đọi lát trình

quan ; dân ta hai mũi đòn càn, mã thò giáo vạt chén rền mây cung mây.

Khi ấy lý-trưởng đã đưa giấy đi phi-trình, quan với thầy đề cùng lính về, lý-dịch ra bẩm quan nói lời :

Dạ dám bẩm trình quan lớn ; dân con xây việc mạng to. Bởi vợ chồng Bạc-Phu Ngoan-Tầu nằm chết bằng bò ; mà vợ chồng Đa-Phúc Thiện-Khanh ngồi giương mắt cáo. Thằng nó đi báo ; chúng con đến coi. Liền bắt trời cả đôi ; để tống giam làm một, Dạ dám bẩm quan lớn.

Quan nói lời :

Ủa vậy, phải thầy Đề đem tử-thi khám nghiệm ; giao lý-dịch nhận mạng-chủ đem chôn. Còn tù-nhân cho giải tới nha-môn ; truyền quân lính hãy tạm giam xét án, đó sao.

Thầy Đề vâng lời quan, ra đem hai tử-thi khám nghiệm, hạch lý-dịch nói lời :

Kể phép việc quan ; tây-oan rất khó. Phải vài mươi súc lựa ; với một lọ dấm thanh. Lý-dịch thừa-hành ; dân làng ỏm-tỏi. Dầu anh nào có sỏi ; cũng chỉ giỏi vì tiền. Đây lập án biên ; cho mà mai táng. Hỡi các anh ghé đầu chịu báng ; xong rồi nha năm cổ lòi về. Đừng có bảo thầy Đề ; hay toẹt-tòe ống nhỏ.

Lý-dịch nói lời :

Nhờ thầy án biên đã rõ ; nhận hai thi-chủ đem chôn. Đám ma này đành được bữa cô ngen ; mẹ mãnh quá rõ ươn như vệt chết.

(Cùng khênh hai tử-thi các hạ)

(Hạ màn)

(Còn nữa)

NGUYỄN THỨC-KHIÊM

KHẢO VỀ HIẾN-PHÁP VAN-QUỐC (1)

II

Nói về hiến-pháp liên-bang—Hiến-pháp của đơn-nhất quốc-gia thì chỉ định rõ quyền-hạn quan-hệ cho tam-quyền, cho vua với dân là đủ, đến như hiến-pháp của phức-tạp quốc-gia thì ngoài sự định rõ quyền-hạn quan-hệ cho tam-quyền, cho vua với dân ra, lại còn quyền-hạn quan-hệ của các nước liên-bang với trung-ương quốc-gia nữa.

Liên-bang là nhiều những nước độc-lập phân-li liên-hợp lại với nhau làm một nước lớn. Nước liên bang ấy đối với quốc-tế thì chỉ có một chủ-quyền duy-nhất vô-nhi đứng thống-chế cả toàn-bộ mà giao-thiệp với các nước khác. Thế mà xét trong nội-bộ thì phức-tạp phiền-loạn khác hẳn với đơn-nhất quốc-gia.

Phàm một nước, không thể không có chủ-quyền được, mà cũng không thể có hai chủ-quyền được. Ở quốc-gia đơn-nhất thì chủ-quyền ấy không ở vua thì ở dân; ở quốc-gia phức-tạp thì chủ-quyền ấy không ở các liên-bang thì ở trung-ương quốc-gia. Cho nên lối quốc-gia này, hình-thể tuy phiền-phức mà chủ-quyền vẫn là một. Vì thế liên-bang không thành ra vô-số nước mà chỉ thành ra một nước là thế, và hiến-pháp của liên-bang không phải là điều-ước mà là hiến-pháp cũng vì thế.

Những quốc-gia phức-tạp của lối liên-bang này, khi nào chủ-quyền thuộc về một trung-ương quốc-gia thì gọi là « Liên-hợp-quốc » (*Fédération*). Khi nào chủ-quyền ở các liên-bang thì gọi là « Đồng-minh-quốc » (*Confédération*). Những đồng-minh-quốc thì từ

đời cổ đã có như những nước Ba-ti-đạt, Nhã-diễn ở trong hàng liệt-quốc của Hi-lạp bên Âu-châu; những nước ở trong hàng liệt-quốc vua Hoàn-công nước Tề, vua Văn-công nước Tấn bên Á-Đông vậy. Còn như lệ liên-hợp-quốc này thì mới có từ nước Bắc-Mĩ rồi sau các nước khác mới bắt-chước, như nước Đức, nước Thụy-sĩ bây giờ vậy.

Trong nước liên-hợp có bốn yếu-điểm như sau này :

1° — Khiến cho các liên-bang đều phải coi những quyền-lực sở-hữu của mình là của trung-ương quốc-gia mà ra cả.

2° — Khiến cho pháp-luật của quốc-gia phải do trung-ương quốc-gia mà trực-hành đến dân-gian, chứ không phải do các chính-phủ liên-bang chuyển-đạt nữa.

3° — Khiến cho các nước trong liên-bang đều phải chịu nghĩa-vụ về pháp-luật, nghĩa là vô-luận vì cớ gì, buộc không cho được ra ngoài vòng liên-bang ấy.

4° — Khiến cho trung-ương quốc-gia được có quyền vô-hạn.

Ấy có đủ bốn điều như trên thì mới là liên-hợp-quốc, không thì là đồng-minh-quốc. Cứ như ông Uy-lạc-tất đã bàn thì nghĩa liên-hợp-quốc với đồng-minh-quốc là thế này :

« Liên-hợp-quốc là nhân-dân phải « thoát ra ngoài chủ-quyền của nước « mình trước rồi thiết-lập ra một quốc-gia thống-nhất để mà phục-tòng. Ấy « cái định-nghĩa của lối liên-bang ngày « nay là như thế. Còn như đồng-minh-

(1) Xem *Nam-Phong* số 155.

« quốc thi hiến-pháp có hai nghĩa là
 « một nửa thì thuộc về điều-ước và
 « một nửa thì thuộc về hiến-pháp.
 « (Những điều-khoản của Bắc-Mĩ liên-
 « bang hồi ban đầu là về lối này). Song
 « hiến-pháp của đồng-minh-quốc sở dĩ
 « khác với thuần một điều-ước là
 « thuần một điều-ước thì hai chủ-
 « quyền đối-lập ngang nhau, mà hiến-
 « pháp này thì có một cái quyền hơi
 « cao hơn đứng trên, chứ không phải
 « là đối-lập vậy. Thế mà hiến-pháp
 « của liên-hợp-quốc thì thuần-nhiên là
 « quốc-pháp, chứ không có hơi đòi
 « chút tính-chất gì về điều-ước cả. Chỉ
 « có cái mục-dịch đặt hiến-pháp là
 « khác với đân-nhất quốc-gia mà thôi.»

Xem thế thì ta có thể hiểu được cái
 nghĩa lớn của các quốc-gia đân-nhất
 hay phức-tạp là thế nào, ta có thể định
 được những thế-tải về hiến-pháp của
 các quốc-gia là thế nào. Ta lại có thể
 hiểu nghĩa hiến-pháp với điều-ước là
 thế nào, hiến-pháp thuần-nhiên với
 hiến-pháp có điều-ước là thế nào.

Trên kia đã nói liên-bang có hai lối,
 là liên-hợp-quốc với đồng-minh-quốc.
 Nhưng dưới này khảo đến hiến-pháp
 của Bắc-Mĩ với Đức là hai nước lớn
 trong lối liên-bang mà thuộc về thể
 liên-hợp-quốc cả, chứ không phải là
 đồng-minh, vậy độc-giả chớ có lẫn.

50 — Nội-dung sáu bản hiến-pháp.

Nay lược - cử nội-dung mấy bản
 hiến-pháp đặc-sắc và thành-lập trước
 đã làm mô-phạm cho hiến-pháp các
 nước như sau này.

— Hiến-pháp quân-chủ thì lấy của
 nước Anh, nước Phổ và nước Ý.

Hiến-pháp nước Anh. — Hiến-
 pháp nước Anh về phần tổ-chức tam-
 quyền đã thành thói quen từ trước rồi,
 nên không phải qui-định kỹ-càng như
 hiến-pháp các nước về sau, các nước
 về sau là tổ-thuật ở nước Anh mà ra
 cả. Trong hiến-pháp nước Anh chỉ là

những lời ước-thúc, những lời giao-
 kèo của vua đối với dân. Những lời
 ước-thúc, giao-kèo mà đến thành ra
 làm thánh-diễn, thành ra quốc-hiến để
 muôn đời tuân theo và làm phép cho
 thiên-hạ. Cho mới biết cái năng-lực
 về dân-trị của nước Anh là thế nào.
 Nghi-hồ ngôi vua nước Anh, trai cũng
 được, gái cũng được, rể vua mà là
 người nước khác cũng được, miễn là
 chủ-tể thì quả-nhân mà chính-quyền
 thì đã có dân-chúng. Hiến-pháp này
 có hai bản vẫn hiện-hành.

1^o Một bản gọi là «Đại-hiến-chương»,
 bản này rất cổ, tuyên-bố từ năm 1215.
 Người Anh xưng-tụng gọi là Thánh-
 diễn của hiến-pháp-sử đó. Bản này do
 từ vua Hiên-ly đệ-nhất đặt ra, sau dân
 lại xin vua Ước-hàn đệ-bát sửa bổ
 thêm mà tuyên-bố lại, nên lời tuyên-
 thệ trên đầu có câu rằng :

«... Nay trăm thần ra thề trước
 « thần-minh, trước tổ-tiên nhà trăm,
 « trăm vì có muốn yên-ủi cho con
 « cháu, vì có tôn-kính thần-minh cùng
 « thánh-hội, vì có giữ yên cho đế-quốc
 « của trăm, trăm thần cùng các quốc-
 « lão hội-nghị, phê-chuẩn cho bản
 « Đại-hiến-chương này, các chúng-
 « dân phải kính-cần mà nghe lấy».

Trong toàn-thiên có 63 điều, hầu hết
 là qui-định về quyền-lợi cho thần-dân.
 Xem lời vua giao-ước ở điều thứ 61,
 62, dưới này thì biết phải qui-tộc nước
 Anh thực là một cái trụ của nước đứng
 giữa, trên thì vua dưới thì dân mà
 duy - trì hạnh - phúc cho nước. Lời
 giao-ước ấy đại-lược rằng :

« Trăm nay ước với thần-dân, công-
 tuyên lấy 25 viên trong các tước Hầu
 Bá để giữ-gìn lấy tự-do và hòa-bình
 của bản Hiến-chương này, nếu trăm
 có điều gì phạm vào Hiến-chương này,
 thì bốn viên nghị - trưởng trong 25
 người ấy, đem việc ấy tố-cáo cho trăm
 hay, trăm mà không cải-chính lại thì
 hội nhân-dân lại mà dùng những thủ-

đoạn giữ lấy thành-trị tài-sản của trẫm, để bỏ cánh trẫm lại, duy không được làm hại đến thân trẫm cùng thân Hoàng-hậu, Hoàng-tử. Nhưng tở-cáo mà trẫm cải-chính ngay thì các Hầu Bá với nhân-dân phải giữ trung-ngĩa với trẫm như cũ. . . Những điều không hay xảy ra từ khi tranh-luận đến nay, nay trẫm thứ cho cả, không hỏi đến nữa. . . »

2^o Một bản gọi là « Quyền-lợi pháp-điền » từ năm 1688, nhân-dân nước bà Công-chúa là Diệt-liệt con gái Tiên-vương cùng Phò-mã là Duy-liêm-vương nước Hà-lan về làm vua nước Anh, rồi đệ bản Pháp-điền này xin vua phê-chuẩn. Có 9 điều. Khoản thứ tư điều thứ nhất lược rằng :

« . . . Tôn Duy-liêm-vương cùng Vương - phi Diệt - liệt làm Hoàng-đế, Hoàng-hậu nước Anh-cát-li, Ái-lan-ti, Ái-nhĩ-lan và các thuộc-quốc. Khi hai Hoàng-đế còn sinh-thời thì hai ngài cùng duy-trị lấy. Sau một ngài nào trong hai ngài mà quá-cổ đi thì một ngài còn lại duy-trị lấy . . . »

Hiến-pháp nước Phỏ. — Nước Phỏ từ sau khi thua vua Nã-phá-luân rồi, đất bị cắt, thế càng yếu. Vua là Duy-liêm đệ-từ sốt-sắng việc nội-trị, bèn thuận theo dân đang khát-vọng tân-pháp mà chế-định ra bản hiến-pháp này, thành-lập năm 1850, do chính-phủ với nghị-viện hội bàn đề thảo, lần nào ý-kiến cũng trái nhau, đến lần hội thứ ba mới thành. Phỏ cũng nhân đó mà nước ngày càng thịnh. Bản này đến năm 1873 có canh-cải nhiều chỗ. Lại đến nay nước ấy đổi chính-thể quân-chủ ra làm dân-chủ, thì chưa biết lại cải-chính lại thế nào. Song cứ bản đã tuyên-bố năm 1850 này, thì thực đã là một bản quân-chủ hiến-pháp rất hoàn-toàn. Nghe nói bản này phần nhiều bắt-chước ở bản « Khâm-định hiến-pháp » đời vua Louis XVIII nước Pháp. Bản này kết-cấu có môn-loại dễ xem, phần đối với thần-dân khá lắm. Trong chia ra làm 11 chương, 119

điều. Chương I đề là Bản-dồ, có hai điều. Chương II đề là Quyền-lợi nghĩa-vụ của kẻ thần-dân, có 40 điều, đủ cả công-quyền tự do, trụ-sở, thư tín, thụ-thẩm, thụ hình, thiên-cư, tín giáo, kết-hôn, công-học, tư-thực, trước-thuật, ngôn-luận, đồ-họa, tụ-hội, kết-xã, minh-nguyện, binh-dịch, v. v. Chương III đề là Quốc-vương, có 17 điều nói về quyền-hạn của vua. Chương IV đề là Đại-thần, có hai điều nói về quyền-hạn về thụ-thẩm thụ - hình. Chương V đề là Hai viện nghị-hội của vương-quốc, có 21 điều nói về quyền-hạn, cách bầu-cử. Nguyên-lão-viện thì do sắc-lệnh chiếu pháp - luật mà cử lấy những nghị-viên thế-lập hoặc chung-thân mà lập ra. Đại-nghị-viện (hạ-nghị-viện) định số là 433 tên, chia ra từng khu bầu-cử. Chương VI đề là Tư-pháp-quyền, có 13 điều, pháp-quan là chung-thân-quan. Chương VII đề là Các quan thuộc của pháp-viện, có một điều. Chương VIII đề là Tài-chính, có 6 điều, nói về sổ dự-toán, thuế-khoá quốc-trái. Chương IX đề là Địa-phương hành-chính, có một điều nói về nghị-hội với hành-chính ở ấp ở quận. Chương thứ X đề là Thông-tắc, có sáu điều, nói về lệ công-bố, tuyên-thệ, cải-định, v. v. Chương XI đề là Bồ-tắc, có tám điều bổ thêm cho các điều trên.

Hiến-pháp nước Ý. — Ý-đại-ly là một nước hợp sáu nước nhỏ lại làm một vương-quốc thống-nhất. Trước kia thì rời-rạc nhau, bốn nước phía bắc thuộc về nước Úc, thành La-mã thuộc về Giáo-hoàng. Thế-kỷ 18 có nhà chí-sĩ Mã - chí - ni xướng lên thuyết thống - nhất cảm - hóa toàn - bộ, năm 1848, vua nước Tắc-nhĩ-ky-ni thuộc trong bộ Ý-đại-ly thấy Anh, Mĩ, Pháp đều lập-hiến mà nước cường bèn đứng lên trong cùng dân định hiến-pháp, ngoài làm minh-chủ đem các nước trong bộ Ý-đại-ly ra đánh nhau với Úc, lại được Tướng-quốc là ông

Hầu Ca-phú-nhĩ (CAVOUR) không-ngoan, kết thân với hai cường-quốc Anh Pháp, nhờ vua Nã-phá-luân đem tam gúp sức, bèn thắng Úc, dần-dà đến năm 1870, nghiệp thống-nhất Ý-đại-ly thành-lập. Bản hiến-pháp hiện-hành dưới này tức là bản công-bố năm 1848. Đọc bản hiến-pháp này cũng còn phảng-phất thấy cái di-phong của chính-trị văn-hóa La-mã khi cổ-thời.

Nội-dung bản hiến-pháp này có 84 điều. Nghị-viên của Nguyên-lão-viện thì định ra một ngạch để quốc-vương tuyển, lấy đủ các hạng vương-tộc, đốc-giáo, văn võ thượng-liên, thầy-kiện, học-sĩ, tài-năng, nghiệp chủ. Đại-nghị-viện chia ra tuyển cử từng khu. Còn các quyền-hạn về vua, về dân, về tam-quyền đều qui-định rõ-ràng lắm. Đến cái mũ đội đầu của quốc-tân trong toàn-quốc cũng định phải dùng màu lam tất cả.

— Hiến-pháp dân-chủ thì lấy của nước Pháp nước Mỹ.

Hiến-pháp nước Pháp — Cứ sách *Vạn-quốc hiến-pháp* đã chép thì bản hiến-pháp hiện-hành của nước Pháp dưới này là bản sau cùng lần thứ 12, công-bố từ năm 1875 là lúc quốc-gia đại-định rồi mới thảo định bản này có bốn đoạn, cộng 38 điều. Đoạn thứ nhất là hiến-pháp « Tổ-chức công-quyền », công-bố ngày 25 février 1875. Có chín điều, qui-định quyền-hạn của hai nghị-viện, chức Đại-thống-lĩnh của nước Cộng-hòa và Quốc-vụ-viện, Tham-nghị-viện. Đoạn thứ hai là hiến-pháp « Tổ-chức Nguyên-lão-viện » định ngày 24 février 1875. Có 11 điều, số nghị-viên là 300, đều là chức chung-thân; các hạt trong nước có hạng được cử mỗi hạt năm viên, có hạng được cử bốn, có hạng được cử ba, còn mấy xứ (thực-dân thì mỗi xứ được cử một. Những điều này đến năm 1834 thì lại bỏ).

Đoạn thứ ba là hiến-pháp về « Công-quyền quan-hệ » định ngày 16 juillet

1877. Có 14 điều lại qui-định thêm về quyền-hạn của hai viện, và nghị-viên hai viện, chức Đại-thống-lĩnh, Quốc-vụ-viện và luật công-tố cùng thẩm-phán chức Đại-thống-lĩnh ở hai viện. Đoạn thứ tư có bốn điều để cải - chính một phần trên đã định ở hai ngày 13, 14 Aout 1884. Điều thứ hai có câu « phạm người về họ nhà vua nào đã từng thống-trị nước Pháp thì không được làm Đại - thống - lĩnh ». Điều thứ ba nói « từ điều thứ một đến điều thứ bảy trong hiến-pháp tổ-chức Nguyên-lão-viện định ngày 24 février 1875 này đều vô - dụng cả. » Nghĩa là ngạch Nguyên-lão nghị-viên 300, cùng phân hạng các hạt được cử Nghị-viện nhiều ít, cùng chức chung thân, v. v., đều bỏ cả.

Điều thứ tư phế khoản thứ ba về điều thứ một của hiến-pháp ngày 16 Juillet 1875, là từ nay, ngày đầu mở hội-đồng nghị-viện không phải vào nhà giáo-đường cầu-nguyện xin thần-thánh phủ-hộ việc bàn-bạc nữa.

Đọc hiến-pháp nước Pháp, luận-giả tiếc rằng quốc-dân nước Pháp rất trọng dân-quyền, mấy lần cải-cách có ảnh-hưởng lớn cho hiến-pháp vạn-quốc, làm mô-phạm cho hiến-pháp nước Phổ, mà bản hiến-pháp hiện-hành không được hoàn toàn bằng của các nước Âu Mỹ. Song phải biết rằng hiến-pháp nước Pháp cũng giống như của nước Anh là đã có nhiều những điều-lệ thông-dụng hay, tập-quán tốt là phần thực chất của hiến-pháp để bổ-trợ vào cho phần thành-văn còn thiếu-thốn.

Hiến-pháp nước Mỹ. — Hiến-pháp nước Mỹ kể thì thành-lập ở năm 1787. Nhưng thực ra thì trong 13 bang, có ba bang ký thừa-nhận từ tháng 12 năm ấy. Còn sáu bang đến năm 1788 mới ký, thế là mới được chia bang thì cứ đem thi-hành cho những bang đã ký. Lại còn bốn bang nữa thì lại ký

từ tháng sáu năm 1788 sang háng năm năm sau mới xong. Nguyên-nhân cũng là chỉ ghen tị nhau về quyền-lợi riêng từng bang một, đối với lúc trước kia đồng-tâm hiệp-lực, 13 bang cùng nhau mưu lập-quốc thì khác hẳn. Song cũng may trong nước có người như ông Hoa-thịnh-đón thì hết sức chủ-trương và tổ-chức hiến-pháp hợp-chúng, bọn ông Phật-lang-khách thì cố công phát-hành cuốn tạp-chi « *Federlist* » (chủ-nghĩa liên-hợp) để cảm-hóa quốc-dân. Vì thế mà nghiệp hợp-chúng nước Mĩ mới thành-lập. Nào thế mà đã yên đầu, sau khi hiến-pháp này thì hành được ít lâu, người các bang về nam-bộ thì nuôi nhiều bọn hắc-nô mua ở châu Phi về để giúp việc nông-phố. Người các bang bắc-bộ vì nhân-đạo xướng lên luật « phóng nô », là cho bọn hắc-nô được làm dân tự-do. Nam-bộ vì lợi-quyền nên không chịu, thành ra cuộc « Nam-bắc chiến - tranh », định chia rẽ làm hai, sau nam thua mới phải phứt cái nghị phân - ly nhau ấy, mà đến nay thành một nước rất phú - cường trong thế-giới. Thế mới biết những điều lợi riêng, những mối lợi thiên-cận thì nhiều người biết được, mà mưu nghiệp lớn, định công to, làm điều nhân-nghĩa thì ít kẻ hiểu ngay.

Lần hiến-pháp năm 1787 của nước Mĩ này thực là sớm nhất các nước, có hai phần là phần chính với phần tăng thêm về sau. Phần chính chia ra làm bảy điều, mỗi điều lại có từng tiết, có điều nhiều tiết lắm, thật là rõ-ràng phân-biệt. Lời phủ đầu rằng : « Nhân-dân trong Hợp-chúng-quốc chúng ta « muốn cho trong nước liên-hợp lại, « cho càng thêm bền-vững, để giữ lấy « công-nghĩa, noi lấy đạo chính, để « mưu lấy cuộc hòa-hình cho nước, « để ngoài chống giữ giặc cướp mà « trong yên ổn nhân-dân, truyền lấy « hạnh-phúc tự-do cho đồng-bào và « con cháu đồng-bào nước ta. Bởi vậy

« nay chúng ta vì quốc-gia chế định ra « hiến-pháp như sau này. »

Trên kia đã nói khi công-bổ bản hiến-pháp này mới có chín bang ký nhận, nên lời thúc-kết nói rằng :

« Năm 1787, nước Hợp-chúng-quốc « ở Á-mĩ-ly-gia sau khi độc-lập năm « thứ 12, nhân hiện có những châu « cùng ưng-thuận chế-lập ra bản hiến- « pháp này, muốn cho có bằng-cứ, vậy « chúng tôi cùng liên-danh ký-kết sau « này. »

Về các điều, điều I có mười tiết nói về quyền lập-pháp của hai nghị-viện. Điều II có bốn tiết nói về quyền hành-chính và phép bầu chức Đại-thống-lĩnh. Vì Mĩ là nước bởi người Âu-châu di-cư đến nên có câu : « Người nào không phải sinh ra là quốc-dân nước Hợp-chúng và đương khi hiến-pháp này thái-dụng vẫn chưa phải là quốc-dân nước Hợp-chúng, thì không cứ người thế nào đều không được đi bầu-cử Đại-thống-lĩnh. Tuổi chửa đến 35 trở lên, ở trong cảnh-giới nước Hợp-chúng chưa đến 10 năm thì không được làm Đại-thống-lĩnh. »

Điều III có ba tiết nói về quyền tư-pháp trung-ương. Điều IV có bốn tiết nói về pháp-lệnh của các châu tương-đối với nhau và đối với trung-ương. Điều V, VI nói về lệ cải-chính cùng tuyên-thệ tuân-thủ hiến-pháp. Điều VII nói về mới hiện có chín châu ký nhận thi-hành.

Phần tăng thêm có 15 điều nói về các quyền-lợi của quốc-dân và về phép bỏ vé bầu Đại - thống - lĩnh. Điều thứ XV nói : « Quyền đầu-phiếu của quốc-dân nước Hợp-chúng không vì giống người màu da cùng sự hiềm - nghi về nô-lệ mà khác nhau. Nghị-bội có quyền đặt pháp-luật để thực-hành điều này. »

— Hiến-pháp liên-bang thì lấy của nước Mĩ nước Đức.

Hai bản hiến-pháp của hai nước Mỹ với Đức đều là một lối liên-hợp quốc, chứ không phải là lối đồng-minh quốc, nghĩa là đồng-hóa làm một quốc-gia, chứ không phải là một quốc-gia lớn với một quốc-gia nhỏ hợp-lác với nhau. Song nói về tính-chất thì hai bản hiến-pháp liên-bang của hai nước lại khác nhau xa. Hiến-pháp nước Mỹ thì là lối hợp-chúng (*Etats-Unis*), nghĩa là 13 châu cùng bình đẳng hợp với nhau làm một liên-bang, trung-ương quốc-gia là chung của cả 13 châu Đó là bởi cuộc dựng nước, 13 châu cùng có cái công-nghiệp đồng-dẳng như nhau cả. Còn như hiến-pháp nước Đức thì là liên-hợp đế-quốc (*Federal Empire*), nghĩa là các bang trong bộ Nhật-nhĩ-nam đều gần như thuộc-quốc của một bang cường-thịnh hơn cả là nước Phổ, quyền trung-ương quốc-gia là của vua Phổ và Tể-tướng Phổ cả, các bang chỉ phục-tòng mệnh-lệnh mà thôi. Đó là bởi cuộc chiến-thắng của nước Phổ, các nước Đức sợ uy vua Phổ mà phải theo Hiến-pháp liên-bang. Nước Mỹ thì đã nói ở mục hiến-pháp dân-chủ trên kia, dưới này chỉ nói một hiến-pháp liên-bang nước Đức mà thôi.

Hiến-pháp liên-bang nước Đức.— Liên-bang nước Đức (Đức - ý - chí *Deutschland*), hay là *Germany*, lại là một quốc-gia rất phức-tạp, trong có 25 phần lớn nhỏ hợp lại, có chỗ là nước vương-quốc, có chỗ là nước công-quốc, có chỗ là một châu, có chỗ là một tự-do đô-phủ. Lại đứng trong địa-vị liên-bang, có chỗ hơn có chỗ kém. Lịch-sử cuộc liên-hợp của nước Đức duyên-cách đại-lược như sau này.

Từ sau khi đế-đồ của vua Nã-phá-luân bị đổ, người Nhật-nhĩ-man lại phát-sinh ra cái tư-tướng phục-hưng lại đế-quốc Đức-ý-chí khi xưa. Năm 1815 các nước trong bộ Nhật-nhĩ-man bên hợp làm cuộc liên-bang, tôn nước

Úc làm minh-chủ, cơ-quan hội-nghị thì có Công-sứ của 39 nước phái đến. Lối liên-bang này tuy không được hoàn-toàn, nhưng đã gây ra cái nền liên-bang cho sau này đó.

Đến năm 1848, các nước trong bộ Nhật-nhĩ-man, trừ một nước Phổ ra thì đâu đấy đều đã ưng cho nhân-dân đặt ra hiến-pháp rồi. Năm ấy mở lần quốc-hội mới ở Phât-lăng-khắc-pháp, các nước lại cử Phổ làm minh-chủ để mở rộng thêm cuộc liên-hợp, nhưng không thành. Sau đến năm 1850, Phổ công-bố hiến-pháp cho dân để gây cái nền tự-do chế-độ. Năm 1866, Phổ với Úc đánh nhau sáu tuần-lễ; Úc thua, bao nhiêu quyền-lực trong liên-bang mất hết. Cuộc liên-bang lập nên năm 1815 thành chia rẽ cả nhau ra. Phổ bèn thu lấy các nước ở bắc-bộ Nhật-nhĩ-man kết làm cuộc liên-bang Bắc-bộ Nhật-nhĩ man, còn mấy nước ở nam bộ Nhật-nhĩ-man như Ba-uy-lược, Ngõa-dồn-bảo và Ba-đồn thì đồng-thời đứng độc-lập riêng. Thế là Úc bị đuổi ra ngoài chính-trị xã-hội của Nhật-nhĩ-man mà bá-quyền ở đấy từ nay về một mình nước Phổ vậy.

Năm 1870, Phổ với Pháp đánh nhau, rồi Phổ toàn-thắng, mấy nước Nam bộ Nhật-nhĩ-man cũng dự-tòng-quân, mấy nước ấy kích-thức về nghĩa hợp-quần mà xin hợp cả vào với Bắc-bộ Nhật-nhĩ-man. Năm 1871 đại-hội cả ở điện Vi-nhi-sa-u (*Versailles*) bên Pháp, kết làm một liên-bang để tổ-chức thành một đế quốc gọi là Đức-ý-chí, và chế-định ra hiến-pháp liên-bang. Đến năm 1873 thì bản hiến-pháp ấy công-bố.

Bản hiến-pháp liên-bang này là một bản hiến-pháp thuần về cường-lực. Phổ là nước mạnh nhất cầm giũa nửa quyền trong đế-quốc Đức. Thứ nữa đến Ba-uy-lược, thứ nữa đến Ngõa-dồn-bảo, đến Ba-đồn. Còn các nước khác nữa thì đều là quan-viên

hàng giòng cả mà thôi. Sở dĩ duy-tri được cái đế-quốc này là bởi ở sức nước Phổ cả, cho nên người ta cho rằng : « Không có nước Phổ thì cũng không có cái đế quốc này ». Thật thế. Coi đó thì biết hiến-pháp liên-bang nước Đức thực là một lối đặc-biệt.

Không biết mới đây nước Đức đã thay đổi chính thể thì hiến-pháp sẽ cải cách thế nào, nhưng đây cứ bản công-bố năm 1873 giải ra sau này.

Nội-dung có 14 chương 78 điều. Chương I đề là các lãnh địa của liên-bang, có một điều liệt tên 25 nước trong liên-bang Đức-ý-chí. Chương II đề là Quyền lập-pháp của đế-quốc, có bốn điều, nói về pháp-luật của đế-quốc, ở trên pháp-luật các nước liên-bang, công-dân-quyền của quốc-dân trong toàn-bộ liên-bang, quyền quản-lý của đế-quốc về những việc thuộc công dân-quyền, thông-thương, giao-thông, tư-pháp, vệ-sinh, hải-lục-quân, v. v., và liên-bang nghị-viện với đế-quốc nghị-viện đều có quyền lập-pháp.

Chương III đề là Liên-bang nghị-viện. Viện này do đại-biêu của các nước liên-bang tổ-chức ra, có 58 phiếu quyết-nghị của nghị-viện, trong 25 nước thì Phổ có 17 phiếu, Ba-uy-lược được sáu, Ngõa-đốn-bảo, Sát-khắc-tống mỗi nước được bốn, Ba-đốn, Hắc-tuyệt mỗi nước được ba, hai nước nữa mỗi nước được hai, còn 17 nước đều mỗi nước được một. Chương này có năm điều nói về quyền nghị-sử, quyền cử-ủy-viên của liên-bang nghị-viện. Nghị-trưởng là Đại-tể-trưởng nước Đức.

Chương IV đề là Minh-chủ, có chín điều nói về toàn-quyền hành-chính. Quốc-vương, Tể-trưởng nước Phổ tức là Hoàng-đế, Đại-tể-trưởng của liên-bang đế-quốc Đức.

Chương V đề là Đế-quốc nghị-viện tức là chung-nghị-viện của đế-quốc đó có 382 nghị-viên, do toàn-quốc mỗi bang

được nhiều ít, đều dùng phép nặc-danh đầu-phiếu mà bầu. Chương này có 13 điều nói về quyền-hạn của nghị-viện và nghị-viện viện này.

Chương VI đề là Quan-thuế và thông-thương, có tám điều, nói về những thuế vào ải ra ải của các bang tương-đối với nhau.

Chương thứ VII đề là Đường sắt, có bảy điều, nói về thể-lệ đặt đường sắt công-tư và phép vận-tải.

Chương VIII đề là Bru-chính và điện-tin có năm điều. Chương IX đề là Hải-quân và tàu buôn có ba điều. Chương X đề là Lãnh-sự-quán, có một điều. Chương XI đề là Đế-quốc lục-quân có 12 điều. Chương XII đề là Đế-quốc tài-chính, có năm điều. Chương XIII đề là Tư-pháp-quyền, có bốn điều. Chương XIV, đề là Gả-tắc, có một điều về lệ cải-chính.

Trên ấy là sáu bản hiến-pháp của sáu nước lớn tiên-tiến về lối chính-trị quyền-hạn ở Âu-Mĩ, sáu bản này đủ cả thể-tài về các chính-thể quân-chủ dân-chủ và liên-bang, đủ làm mô-phạm cho hiến-pháp các nước trong thế-giới. Bài dưới này so-sánh các qui-điều hiến-pháp đều trích ở trong sáu bản ấy.

6. — So-sánh các qui-điều

Trên kia đã giải-nghĩa hiến-pháp là phép đề-định rõ sự tác-dụng của chủ-quyền, định quyền-hạn quan-hệ cho tam-quyền là : lập-pháp, hành-chính và tư-pháp ; định quyền-hạn quan-hệ cho vua cho dân ; định quyền-hạn quan-hệ cho các nước trong liên-bang với trung-trương quốc-gia. Nay đem các quyền-hạn ấy từng-thứ giải-ra, rồi mỗi quyền-hạn lại trích lấy những qui-điều trong sáu bản hiến-pháp đã kể ở bài trên mà so-sánh cho biết cái tinh-thần của hiến-pháp là ở chỗ nào.

1. Về chủ-quyền. — Cứ danh-nghĩa mà cắt cho đúng ra thì nước quân-chủ lập-hiến là chủ-quyền ở vua, nước dân-chủ lập-hiến là chủ-quyền ở dân.

Vì rằng nước quân-chủ lập-hiến là do cái duyên-tập đã lâu, quyền lớn nhỏ trong nước đều chuyên-chế ở một tay vua, nay vì dân yêu-cầu mà vua chế ra hiến-pháp phân-quyền cho dân. Nước dân-chủ lập-hiến thì nước là sản-nghiệp chung của dân, dân tự đặt ra hiến-pháp, chia quyền để trị nước. Cũng vì hai nghĩa trên ấy cho nên chức Đại-thống-lĩnh của nước dân-chủ thì bị Nghị-viện đàn-hặc. Hiến-pháp nước Pháp, điều 12 về mục công-quyền nói :

Ngôi Đại-thống-lĩnh nước Cộng-hòa, phi Đại-nghị-viện thì không được công - tố ; phi Nguyên-lão-viện thì không được thăm-phản.

Hiến-pháp nước Mỹ, điều thứ hai cũng nói :

Đại - thống - lĩnh, Phó-thống-lĩnh cùng các quan văn-võ mà bị những tội phản-nghịch, hối-lộ, v.v.. mà người ta đàn-hặc ra và đã phán-quyết rồi thì bị mất chức.

Thế mà vua nước quân-chủ lập-hiến, trừ nước Anh mà vua tự ước ở điều 61 bản Đại-hiến-chương ra, thì Nghị-viện nước nào cũng chỉ đàn-hặc đến Quốc-vụ-khanh mà thôi. Ấy chủ-quyền khác nhau ở chỗ đó.

Tuy-nhiên, về hình-thức danh-nghĩa của hiến-pháp thì vẫn như thế, nhưng xét ra thì vua cũng như Đại-thống-lĩnh cũng có quyền hành-chính mà không làm, cũng giao cho Quốc-vụ-khanh làm thay mà chịu lấy trách-nhiệm với Nghị-viện. Thế thì vua có can-hệ gì mà Quốc-vụ-khanh nước quân-chủ lập-hiến có đặc-quyền gì? Vậy thì chủ-quyền nước quân-chủ lập-hiến cũng không phải là toàn ở vua cả. Cho nên cũng gọi là lối quân-dân

cộng-chủ mà thực ra thì chỉ cốt ở nơi qui-dịnh trong hiến-pháp mà thôi.

2 Quyền lập-pháp — Quyền lập-pháp là quyền đặt ra hết thảy phép-luật trong nước. Chỗ cơ-quan của quyền lập-pháp là ở Nghị-viện. Nghị-viện có hai cấp. Cấp trên gọi là Thượng-nghị-viện, hoặc lấy nghĩa tuổi cao và tư-cách hơn kẻ bình-dân thì gọi là Nguyên-lão-viện, ở nước Phổ cũng gọi là Qui-tộc-viện. Cấp dưới gọi là Hạ nghị-viện, hoặc lấy nghĩa đại-biểu cho nhân - dân thì là Đại (代) nghị-viện, hoặc lấy nghĩa là nghị-viện của chúng-thứ thì gọi là Chúng-nghị-viện.

Khi gồm cả hai Nghị-viện thì gọi là Quốc-hội

a) Nguyên-lão nghị-viện. — Sở dĩ đặt ra Nguyên-lão nghị-viện, một là lấy cái thể-lực của nhà Qui-tộc từ đời phong-kiến còn lại, một là lấy cái thể-lực của Giáo-hội, một là lấy tài-năng lịch-duyet của các giới. Lấy như thế là để hỗ-trợ vào cho Đại-nghị-viện để làm hoàn-toàn cho cái cơ-quan trí-thức về chính-trị trong nước. Phép tổ-chức như sau đây.

Nước Phổ, điều 64 trong hiến-pháp :

Qui-tộc-viện thì lấy sắc-triệu mà dựng nên, nhưng sắc-lệnh này phi lấy pháp-luật của Nghị-viện đã thừa-nhận làm bằng-cứ thì không được biến-cải. Qui-tộc-viện lấy những nghị-viên thế-tập và nghị-viên chung thân do sắc-triệu mà tổ-chức ra.

Nước Ý, điều 33 trong hiến pháp :

Nghị-viện trong Nguyên-lão-viện không có định số, phạm những nghị-viên chung-thân mà Quốc-vương đã kén thì phải đủ 40 tuổi, và phải kén ở trong những hạng người ghi sau này : chức Đốc-giáo và phó Đốc-giáo—Viên nghị-trưởng Hạ-nghị-viện — Nghị-viên đã tại-chức ở Đại-nghị-viện được

sáu năm — Chức Quốc-vụ đại-thần — Chức đại-thần các tỉnh — Chức đệ-nhất-dẳng Toàn-quyền Công-sứ — Người đã làm chức đệ-nhi-dẳng Toàn-quyền Công-sứ trong ba năm — Chức đệ-nhất-dẳng, đệ-nhi-dẳng ở ban thượng-tịch tòa Cối-kê tài-phán — Chức đệ-nhất-dẳng thượng-tịch ở Khống-tổ-viện. — Người làm thầy kiện, làm chánh Lục-sự ở tòa Thượng-thẩm trong năm năm — Người ở ban thượng-tịch Khống-tổ-viện trong ba năm — Thầy kiện, chánh Lục-sự ở Khống-tổ-viện trong năm năm — Hải-lục-quân Đại-tướng và Thiếu-tướng tại chức năm năm — Làm Tham-nghị-quan trong năm năm — Người mà Tham-nghị-quan kén vào ban thượng-tịch trong Tham-nghị-viện đã ba lần — Làm Giám-sát-quan trong bảy năm — Có chân trong Học sĩ hiệp-hội trong bảy năm — Làm Văn-bộ thư-quan trong bảy năm — Người có huân-lao và người có tài-năng đức-vọng — Người vì tài-sản hoặc chức-nghiệp mà trong ba năm nộp thuế trực-tiếp được 3000 li-bô-nhi.

Lại điều 34 : Người họ nhà vua có quyền được làm Nghị-viên ở Nguyên-lão-viện, vị-thứ ngồi ở dưới Nghị-trưởng. Người họ nhà vua hễ đủ 20 tuổi thì được vào trong viện, đủ 25 tuổi thì có quyền công-nghị.

Xem nước Phổ nước Ý thì biết Nguyên-lão-viện ở nước Quân-chủ Âu-châu là do ba cái cơ trên kia mà tổ-chức ra. Còn ở nước Dân-chủ thì chỉ có một cơ thứ ba mà thôi, và dùng phép tuyên-cử nhiệm-kỳ có hạn.

Nước Pháp : Khoản thứ ba điều thứ một hiến-pháp tổ-chức công-quyền năm 1875.

Quyền-hạn, phép tổ-chức, phép tuyên-cử của Nguyên-lão-viện sẽ có phép định riêng.

Nước Mĩ : Tiết thứ 3 điều thứ một. Nguyên-lão-viện của nước Hợp-chúng do viện lập-pháp của các châu kén ra. Không cứ lớn nhỏ, mỗi châu kén hai tên, nhiệm-kỳ là sáu năm. Phạm là nghị-viên của Nguyên-lão-viện nước Hợp-chúng đều có quyền bỏ phiếu (cứ hai năm cải-tuyển lại một phần ba).

Nước Đức : Ở Đức thì gọi là « Liên-bang nghị-hội », phép tổ-chức lại theo lối quân-chủ điều thứ sáu chương thứ ba.

Liên-bang nghị-hội lấy những người đại-biêu cho các nước liên-bang mà tổ-chức ra. Quyền quyết-nghị theo tỉ-lệ sau này : Phổ-lỗ-sĩ 17 phiếu, Ba-uy-lược sáu phiếu, còn hai nước mỗi nước được bốn, hai nước mỗi nước được ba, hai nước mỗi nước được hai, mười bảy nước mỗi nước được một... Hợp kê 58 phiếu. Các nước liên-bang cứ theo số phiếu đã được mà kén lấy nghị-viên ra Liên-bang nghị-hội. Nhưng quyết-nghị thì phải nhất-định.

Đó là định về những chân nghị-viên của Nguyên-lão-viện, còn lệ tuổi thì ở nước Ý phải đủ 40 tuổi (điều 33), ở nước Mĩ phải đủ 30 tuổi (tiết thứ 3 điều thứ một). Chức-viên ở nước Phổ thì các viên tự cử lấy Nghị-trưởng, phó-nghị-trưởng và Thư-ký (điều 78), ở nước Ý thì vua cử nghị-trưởng, phó-nghị-trưởng (điều 35), ở nước Mĩ thì phó-thống-lĩnh làm nghị-trưởng, nhưng chỉ khi nào số khả-phủ hai bên ngang nhau mới có quyền bầu-phiếu (tiết thứ ba điều thứ một), ở nước Đức thì Hoàng-đế cử Đại-tể-tướng làm nghị-trưởng (điều 15 chương IV).

b) Đại-nghị-viện và phép tổ-chức.

Nước Phổ : Điều 69 chương V. Nghị-viên ở Chung-nghị-viện, tổng-số

là 433 tên (có bản nói 352 tên) — Khu tuyển-cử sẽ lấy pháp-luật định ra — Khu tuyển-cử thì lấy một quận hoặc vài quận, một thành-thị hoặc vài thành-thị.

Điều 70 chương V. Làm người nguyên tuyển-cử phải là quốc-dân nước Phổ, phải đủ 25 tuổi trở lên, và phải có quyền tuyển cử địa-phương nghị-viên ở trong quận-ấp mình ở.

Điều 73 chương V. Nhiệm-kỳ Hạ-viện định là năm năm.

Điều 74 chương V. Phạm là thần-dân nước Phổ đủ 30 tuổi trở lên, không bị quan tòa-án sử phạt mất quốc-dân-quyền, và đã ra lính được ba năm, đều được tuyển làm đại-nghị-sĩ (Nghị-viên Đại-nghị-viện) — Các quan Kiểm-tra Cối-kê không được làm nghị-viên.

Nước Ý: Điều 39: Hạ - nghị - viện lấy những đại-nghị-sĩ ở các khu tuyển-cử mà pháp-luật đã định và đã tuyển ra.

Điều 40: Người nào phi chịu sự thống-trị của quốc-vương, đủ 30 tuổi, có chính-quyền dân - quyền mà hợp với qui-thức của pháp-luật thì không làm đại-nghị-viên dự hàng ngồi trong nghị-viện.

Điều 42: Nhiệm-kỳ của đại-nghị-sĩ là năm năm, trọn năm năm ấy thì chức-vụ cũng tiêu-tán.

Điều: Nghị-trưởng, Phó-nghị-trưởng và thư-ký, v. v., của Hạ-nghị-viện cứ bắt đầu một chu-hội thì tuyển lại, nhiệm-kỳ là một chu-hội, mỗi chu-hội là hai năm.

Nước Pháp.— Khoản hai điều thứ một trong hiến-pháp tổ-chức công-quyền năm 1875: Nghị-viên đại-nghị-viện, theo phép tuyển-cử đã định, lấy phép công-dân đầu-phiếu mà kén.

Nước Mĩ.— Nghị-viên Đại-nghị-viện do nhân-dân các châu kén ra, mỗi hai năm thay một lần Người đi bầu nghị-viên trước phải là người có tư cách

được bầu châu-hội nghị-viên của châu mình ở

Người làm nghị-viên ở Đại-nghị-viện nước Hợp-chúng, phải đủ 25 tuổi, làm quốc-dân nước Hợp-chúng đã được bảy năm, và đương khi bầu mình vẫn ở cái châu mà người ta bầu mình ấy, 13 châu đều lấy số nhân-khẩu làm chuẩn-lệ mà bầu số nghị-viên ra Đại-nghị-viện...

Nếu khi số nghị-viên châu nào khuyết thì hành-chính-quan châu ấy sức giấy tuyển-cử lệnh cho dân cử người sung vào. Đại-nghị-viện tự tuyển lấy nghị-trưởng cùng các chức-viên khác.

Nước Đức.— Ở Đức thì gọi là Đế-quốc nghị-viện. Điều 20: Nghị-viên ở Đế-quốc Nghị-viện dùng phép tuyển-cử mà cử ra, do toàn-quốc lấy lệ nặc-danh đầu-phiếu mà cử.

...Toàn-số nghị-viên của Đế-quốc Nghị-viện là 382 tên (Ba-uy-lược 48 tên, Ngõa-đôn-bảo 17 tên, Ba-đốn 17 tên, v. v.).

Điều 24: Nhiệm-kỳ nghị-viên của Đế-quốc Nghị-viện định là sáu năm...

Trở lên đã lục hết những qui-điều về phép tổ-chức hai viện, nay lại đem những quyền-hạn, phép triệu-tập, giải-tán, đình-chỉ của hai viện, và kỷ-luật, thụ-bổng, thụ-thẩm của nghị-viên liệt ra sau này.

Quyền-hạn.

Nước Anh.— Điều 12 trong Đại-hiến-chương: Nội trong nước Anh, khi thu thêm một khoản hỗ-lợ nào phải có Quốc-hội nghị-quyết. Song khi thu để bồi-bổ cho thân-trầm, cho lễ gia-quan của thái-tử, cho lễ hứa-giá của công-chúa thì không ở hạn này; nhưng vì lúc ấy có thu cũng chỉ thu khoản thuế vừa phải mà thôi. Thu thuế ở trong thành Luân-đôn cũng theo lệ này.

Khoản một điều thứ một trong *Quyền-lợi pháp-điền*: Không có Quốc-hội đã thuận cho mà làm những việc phế-pháp thi-pháp thì đều kết cho là vi-pháp cả.

Khoản sáu, cũng điều trên. Đang lúc thái-bình, người nào không có Quốc-hội đã thuận cho mà đặt ra thường-bị-bình thì là hội quốc-pháp.

Điều bốn: Qui-tộc, Giáo-sĩ và nhân-dân chia nhau coi hai viện Quốc-hội. Hai Hoàng-đế trực-tiếp phát lệnh triệu đến họp hội để duy-trì quốc-giáo, quốc-pháp và tự-do quyền-lợi.

Nước Phổ. — Điều 62: Quyền lập-pháp, Quốc-vương với hai viện cùng làm. Pháp-luật phải có Quốc-vương, hai viện cùng nhau thừa-nhận.

Điều 81: Hai viện đều có quyền tâu lên Quốc-vương — Vô-luận người nào, không được đưa giấy minh-nguyện cho tự thân mình và tờ kiến-bạch-thư ra hai viện — Hai viện đều phải đem những đơn đã nhận được mà chuyển-tống cho quan đại-thần để xét lời thuyết-minh.

Luật án quan-hệ đến tài-chính và số dự-toán hằng năm, phải đem đề-xuất ra Chúng-nghị-viện trước, Thượng-viện chỉ xét toàn-thể mà định khả-phủ thời.

Điều 64: Quốc-vương với hai viện đều có quyền đề-xuất luật-án. — Luật-án nào mà Quốc-vương hoặc một viện nào trong hai viện đã bác đi thì kỳ khai hội sau không được đề-xuất ra nữa.

Điều 82: Các Nghị-viện nhân dự-bị sự nghị-quyết, phải đặt Ủy-viên để kiểm-tra sự thực,

Nước Ý. — Điều ba: Quyền lập-pháp thì Quốc-vương, Nguyên-lão-viện và Hạ-nghị-viện hợp nhau mà làm.

Điều 10: Phạm pháp-luật gì cũng Quốc-vương với hai viện đều có quyền khởi-thảo. Nhưng sự đánh thuế vật-liệu,

dựng biểu quốc-phí dự-toán và việc quan-hệ đến số biệu-kim trong quốc-khố thì phải tự Hạ-viện khởi-thảo ra,

Điều năm: ... Phạm việc vua tiêu-phí tiền-tài của nước, biến đổi bờ-cõi của nước, không có hai viện thừa-nhận thì là vô-hiệu.

Điều 36: Chính-phủ có kẻ có tội phản-nghịch và làm hại sự trị-an, đã bị Hạ-viện đàn-hặc rồi thì Quốc-vương lấy Nguyên-lão-viện làm tòa-án Thượng-dãng để xét xử. Đang lúc ấy, Nguyên-lão-viện vì cơ viện mình không có quyền quốc-chính thì không nên xét đến việc ngoài sự tài-phán. Nếu xét thì là vô-hiệu.

Điều 47: Hạ-viện có quyền đàn-hặc các quan đại-thần và triệu đến tòa-án Cao-dãng.

Điều 51: Các viện trong khi hội-nghị không phải vì những lời phát-luận cùng quyết-nghị « khả » hay « phủ » mà bị tố-tụng.

Nước Pháp. — Khoản một điều thứ một về *Hiến-pháp công-quyền năm 1875*: Quyền lập-pháp, Nguyên-lão-viện với Đại-nghị-viện cùng làm.

Điều thứ tám về *Hiến-pháp Nguyên-lão-viện năm 1875*: Nguyên-lão-viện với Đại-nghị-viện cùng có quyền khởi-thảo pháp-luật. Luật án nào có quan-hệ đến tài-chính phải đề-xuất ra Đại-nghị-viện trước để viện ấy nghị-quyết đã.

Điều thứ chín về hiến-pháp trên: Nguyên-lão-viện vì việc thăm-phán chức Đại-thống-lĩnh nước Cộng-hòa và Quốc-vụ-khanh, hoặc vì việc thăm-phán một cái án hại quốc đại-tội nào thì được mở ra làm tòa án.

Điều 12 về *Hiến-pháp công-quyền năm 1875*: Đại-nghị-viện được công-tố tội quốc-sự-phạm của Quốc-vụ-khanh, còn thăm-phán thì thuộc về Nguyên-lão-viện.

Nước Mĩ — Tiết một điều thứ một : Các quyền lập-pháp ghi sau này đều thuộc hết về Nguyên-lão-viện với Đại-Nghị-viện

Khoản bảy tiết ba điều thứ nhất : Nguyên-lão-viện của nước Hợp-chúng đối với việc đàn-hặc nào cũng có quyền thẩm-phán cả. Khi thi-bành quyền ấy, nghị-viên phải phát-thệ trước thân-thánh rồi mới làm việc. Khi thẩm-phán Đại-thống-lĩnh nước Hợp-chúng thì Đại-pháp-quan (quan tòa án thượng-đẳng) làm chức-vụ Nghị-trưởng. — Không kể là ai, hễ phi hai phần ba số nghị-viên dự hội cùng đồng-ý thì không được định cho người ấy là có tội hay không. Định tội rồi chỉ xử được những điều phạt như cách chức, đoạt danh-dự, tước công-quyền. Kẻ bị phạt ấy lại có thể theo pháp-luật đã định mà làm những việc khởi-tố về thụ-thẩm, thụ-quyết và thụ-phạt.

Tiết thứ bảy điều trên : Những nghị-án quan-hệ về thuế-khoá, phải ở Đại-nghị-viện đề-xuất ra, Nguyên-lão-viện chỉ có thể cải-chính qua lại thôi

Phạm nghị-án nào đã thông-quá hai viện rồi, trước khi nghị-án ấy chưa thành pháp-luật phải đệ lên chức Đại-thống-lĩnh nước Hợp-chúng. Đại-thống-lĩnh quyết là « *khả* » thì ký ngay lên vào, quyết là « *phủ* » thì đính luôn một tờ « *di-nghị-thư* » vào cái

nghị-án ấy mà đưa trả lại viện nào đã đề xuất ra nghị-án ấy. Nghị-viện ấy chép ngay cả toàn-văn tờ « *di-nghị-thư* » ấy vào tập nghị-sự-lục, rồi khai hội-đồng bàn lại. Nếu nghị-viên trong viện vẫn được hai phần ba tán-thành cái nghị-án trước ấy mà đều *khả-quyết* cả, thì đưa tờ « *di-nghị-thư* » của Đại-thống-lĩnh với bản nghị-án ấy sang viện khác. Viện khác cũng lại khai hội-đồng bàn lại, cũng lại được hai phần ba số nghị-viên tán-thành bản nghị-án ấy mà *khả-quyết* cả, thì bản nghị-án ấy tức-thành là pháp-luật rồi. Phạm nghị lại lần thứ hai như thế thì hai viện chỉ dùng hai chữ « *kha* » với « *phủ* » mà quyết-d nh thời, chứ không phải bàn đi nói lại gì nữa. Quyết-nghị rồi thì ghi tên họ người *khả-quyết* cùng tên họ người *phủ quyết* vào nghị-sự-lục, lại đính cả bản nghị-án đưa lên Đại-thống-lĩnh. Trong 10 ngày Đại-thống-lĩnh không quyết *khả* hay *phủ* không trả lại nghị-án, thế tức là Đại-thống-lĩnh thừa-nhận nghị-án ấy một cách lặng yên rồi đó, không khác gì đã ký tên vậy. Nhưng gặp khi hai viện đã đính hội rồi, Đại-thống-lĩnh không biết trả nghị-án về đâu được, thì không theo lệ này.

(Còn nữa)

ĐỒ-NAM biên-dịch



MANH-TỬ QUỐC-VĂN GIẢI-THÍCH

孟子國文解釋

XL

XVII

孟子曰孔子
之去魯曰遲
之去魯曰遲
遲吾行也去
父母國之道
也去齊接漸
而行去他國
之道也

Dịch-âm. — Mạnh-tử viết: « Không-tử chi khứ Lỗ, viết: « Tri tri ngô hành dã.» Khứ phụ-mẫu quốc chi đạo dã. Khứ Tề, tiếp tích nhi hành, khứ tha quốc chi đạo dã ».

Dịch-NGHĨA. — Thầy Mạnh nói rằng: « Ông Không-tử ở nước Lỗ ra đi, thì nói rằng: « Ta đi chậm-chậm chứ.» Là cái đạo ở nước cha mẹ ra đi vậy. Ở nước Tề ra đi, thì phải vót gạo đã ngâm không kịp thời cơm mà đi cho chóng, là cái đạo ở nước khác mà ra đi vậy ».

Chú-giải. — Chương này đã xuất-hiện ở thiên Vạn-chương-hạ, nghĩa thích đã tương ở đây.

XVIII

孟子曰
君之
臣於
蔡之
無上
之交
也

Dịch-âm. — Mạnh-tử viết: « Quân-tử chi ách ư Trần Sái chi gian, vô thượng hạ chi giao dã ».

Dịch-NGHĨA. — Thầy Mạnh nói rằng: « Ông Không-tử bị khốn ở khoảng nước Trần nước Sái, là vì có hai nước ấy trên không vua hiền, dưới không bề tôi kha mà kết-giao vậy ».

XIX

貉稽曰
大不
理於

Dịch-âm. — Mạnh-kê viết: « Kê đại bất lý ư khâu ».

Dịch-NGHĨA. — Mạnh Kê nói rằng: « Kê này bị người ta chê-bai tẻ lắm, chẳng còn trông cậy gì về miệng người nữa.

Chú-giải. — Đại = Lớn, lắm. Lý = Nhờ, trông cậy. Ý là nói người ta nhờ về miệng người khen thì mới nổi tiếng, nay bị người chê, thì không còn mong cậy gì nữa.

孟子曰
士無
傷也

Dịch-âm. — Mạnh-tử viết: « Vô thương dã, sĩ tăng tư đa khâu ».

Dịch-NGHĨA. — Thầy Mạnh nói rằng: « Sự khen chê của người, không hại gì đến sự tu-tĩnh của mình vậy. Phạm làm kẻ sĩ đức-hạnh khác người, hay thêm nhiều miệng tiếng.

Chú giải. — Tăng 憎 = Nêu theo chữ « tăng 增 » nghĩa là thêm.

詩云
憂心
悄悄
于
羣小
之
不
殄
厥
文
隕
厥
問

Dịch-âm. — « Thi vân: « Ưu tâm tiều-tiểu, uấn vu quần-tiểu.» Không-tử dã. « Tứ bất diển quyết uấn, diệc bất vãn quyết vãn.» Văn-vương dã.

DỊCH-NGHĨA. — Kinh Thi có câu rằng : « Lòng lo đầu-đầu, giận về lũ tiểu-nhân. » Sự ông Không-tử hợp như câu ấy vậy. Lại có câu rằng : « Dầu chẳng dứt được mối giận, cũng chẳng mất được tiếng hay. » Sự vua Văn hợp như câu ấy vậy ».

Chú-giải — Tử = Bởi vậy, tiếng phát-ngữ. Điền = Dứt, diệt mất. Quyết = Thừa, tiếng thay ngôi. Uẩn = Tức giận. Văn = Sa sút, mất đi. Vận = Tiếng khen.

Đây là nói đạo-đức như Không-tử Văn-vương còn không khỏi tiếng hủy-báng; vậy làm kẻ sĩ cốt phải nên tu-tính lấy mình.

XX

昭。使 其 昭。使 其 賢 孟
人 昏 今 人 昭 者 子
昭 昏。以 昭 昭。以 曰。

Dịch-âm. — Mạnh-tử viết : « Hiền giả dĩ kỳ chiêu chiêu, sử nhân chiêu chiêu ; kim dĩ kỳ hôn - hôn, sử nhân chiêu chiêu ».

DỊCH-NGHĨA. — Thầy Mạnh nói rằng : « Kẻ hiền-giả đời xưa có cái chức-trách trị người, trước sửa lấy cái đức mình sáng-sủa, rồi khiến người sáng-sủa ; đời nay thì lấy cái đức mình tối-tăm, cưỡng-bách người khiến phải sáng-sủa ».

Chú-giải. — Đây là nói kẻ hiền-giả đời xưa trước tu lấy thân mình cho sáng đức, rồi mới thi ra thiên-hạ quốc-gia để cảm-hóa người.

XXI

子 之 不 而 間。曰。孟
之 矣。用 成 介 山 子
心 今 則 路。然 徑 謂
矣。茅 茅 爲 用 之 高
塞 塞 閒 之 隱 子

Dịch-âm. — Mạnh-tử vị Cao-tử viết : « Sơn kính chi khe gian, giới nhiên dụng chi nhi thành lộ. Vi nhân bất dụng, tắc mao tắc chi hĩ, kim mao tắc tử chi tâm hĩ ».

DỊCH-NGHĨA. — Thầy Mạnh bảo Cao-tử rằng : « Cái tâm nghĩa - lý của người ta, phải xét-nét luôn thì nó mới quang - dăng. Xem như cái lối khe chỗ đường núi, chột vậy đi qua lại luôn thì thành đường lớn. Chỉ một độ chẳng đi đến thì cỏ gianh mọc lấp ngay ; nay cỏ gianh làm lấp cái tâm của nhà người rồi vậy ».

Chú-giải. — Kinh = Đường nhỏ, đường tắt. Khê = Lối khe đi. Giới-nhiên = Chột vậy = Dụng = Noi theo mà đi. Vi nhân = Phút-chốt, chừng một độ.

Đây là răn Cao-tử phải nên sửa lấy cái tâm cho quang sạch luôn, đừng nên để vật-dục nó như cỏ gianh che lấp đi vậy.

XXII

聲。王 尚 之 曰。高
之 文 聲 禹 子

Dịch-âm. — Cao-tử viết : « Vũ chi thanh, thượng Văn-vương chi thanh ».

DỊCH-NGHĨA. — Cao-tử nói rằng : « Tiếng nhạc của vua Vũ hay hơn tiếng nhạc của vua Văn ».

蠡。以 之。以 曰。孟
追 曰。言 何 子

Dịch-âm. — Mạnh-tử viết : « Hà dĩ ngôn chi ? » Viết : « Dĩ dôi lã ».

DỊCH-NGHĨA. — Thầy Mạnh nói rằng : « Lấy có gì nói thế ? » Cao-tử nói rằng : « Lấy có rằng cái núm chuông của vua Vũ mòn nhiều hơn, hình như một gậm, biết rằng nhiều người đánh, mà núm chuông của vua Văn thì không ».

Chú-giải. — Dôi = Cái núm chuông để xô dây treo chuông. Lã = Con trùng gậm gỗ.

Đây là Cao-tử nói nhạc vua Vũ hay, cho nên cái chuông của vua Vũ nhiều người dùng mà cái núm chuông mòn đi nhiều.

力 馬 軌。門 哉。豕 曰。
興。之 兩 之 城 足 是

Dịch-âm. — Viết : « Thị hê túc tại ; thành môn chi qui, lưỡng mã chi lực dư ».

DỊCH-NGHĨA. — Thầy Mạnh nói rằng :
 « Sự ấy sao đủ xét được tiếng nhạc hơn kém. Cái chuông của vua Vũ vì lâu ngày mà mòn nhiều, cũng như cái vết bánh xe ở cửa thành, vì đường hẹp xe đi nhiều mà in sâu, há chỉ bởi cái sức một cỗ xe hai con ngựa đẩy dư ».

Chú-giải. — *Quĩ* = Lối xe đi, đây là ròi đường ngoài phố rộng, xe đi tàn ra, lên vết bánh xe nông; đường chỗ cửa thành hẹp, các xe đi lại chỉ theo một lối nên vết bánh xe sâu; cũng như là chuông vua Vũ trước vua Văn nhũn hơn nghìn năm, nên núm chuông mòn nhiều, chuông vua Văn mới sau nên chưa mòn, không thể xem đó mà định tiếng nhạc hơn kém được.

XXIII

可 棠 復 夫 人 臻 齊
 復 殆 為 子 皆 曰 饒
 不 終 將 以 國 陳

Dịch-âm. — *Tề cơ.* Trần Trần viết :
 « Quốc nhân giai dĩ phu-tử tương phục vị phát Đường, dĩ bất khả phục ».

DỊCH-NGHĨA. — Nước Tề bị đói. Trần Trần hỏi rằng : « Người trong nước đều mong rằng nhà thầy sắp lại vì dân thỉnh với vua phát-chấn kho Đường một lần nữa. Nhưng xem ra chín chảng nên lại nghĩ nữa ».

者 車 而 之 有 虎 晉 孟
 笑 衆 迎 之 敢 衆 卒 人 子
 之 皆 之 攬 攬 見 望 逐 爲 有 有 曰
 之 說 之 婦 婦 見 虎 善 婦 是
 其 其 婦 婦 婦 負 士 者 爲
 爲 士 下 趨 莫 野 搏 婦 也

Dịch-âm. — *Mạnh-tử* viết : « Thị vị Phùng-Phụ dã. Tấn nhân hữu Phùng-Phụ giả, thiện bác hồ, tốt vị thiện sĩ. Tắc chi dã, hữu chúng trục hồ, hồ phụ ngung, mạc chi cảm anh, vọng kiến Phùng-Phụ, xu nhi nghênh chi, Phùng-Phụ nhưong lí há xa, chúng giai duyệt chi, kỳ vị sĩ giả tiêu chi ».

DỊCH-NGHĨA. — Thầy Mạnh nói rằng :
 « Nếu ta lại thỉnh phát-chấn kho Đường, thế là người Phùng-Phụ vậy. Người nước Tấn có kẻ là Phùng-Phụ, tài bắt hồ, sau cái nghiệp đi mà làm kẻ thiện-sĩ. Chợt một khi đi ra ngoài đồng, có mọi người đuổi một con hồ, con hồ tựa vào góc núi, mọi người chẳng ai dám xông vào; trông thấy Phùng-Phụ, rảo bước lại đón anh ta. Phùng-Phụ giơ cánh tay xuống xe, muốn sinh nghề với mọi người, mọi người đều đẹp lòng. Nhưng người làm kẻ sĩ có kiến-thức thì cười anh ta là đã làm thiện mà chẳng trót ».

Chú-giải. — *Bác* = Bắt bằng tay không. *Ngung* = Chỗ góc núi hỏm vào. *Anh* = Súc phạm xông vào. *Tiểu* = Cười, là ý chê rằng sự nên thôi mà chẳng biết thôi.

Đây là thầy Mạnh khi ấy đã chẳng được tin dùng với vua Tề, mà sắp sửa đi, cho nên nói thí-dụ như vậy, đề tỏ ra cái ý nghĩa « tri-chỉ ».

XXIV

子 性 肢 鼻 也 味 孟
 不 也 之 之 耳 也 子
 謂 有 於 於 之 目 曰
 性 命 安 臭 之 之 口
 也 焉 失 也 聲 於 之
 君 也 四 也 色 於

Dịch-âm. — *Mạnh-tử* viết : « Khẩu chi ư vị dã, mạc chi ư sắc dã, nhi chi ư thanh dã, lí chi ư xá dã, tí-chi chi ư an-dật dã, linh dã, hữu mệnh yên; quân-tử bất vị linh dã ».

DỊCH-NGHĨA. — Thầy Mạnh nói rằng : « Cái miệng đối với vị ngon, cái mắt đối với sắc đẹp, cái tai đối với tiếng hay, cái mũi đối với mùi thơm, hai chân hai tay đối với sự yên rồi, những sự muốn ấy ai cũng thích là tự bản-tính bẩm-sinh vậy, nhưng tự-trung có mệnh trời chủ-trương không ai được thỏa-nguyện cả. Người quân-tử chẳng cho những sự muốn ấy là tính mình mà cầu lấy được vậy ».

Chú-giải. — Tinh người ta ai chẳng thích vị ngon, sắc đẹp, tiếng hay, mùi thơm và sự yên rồi; nhưng phải hạn-chế về mệnh trời, hoặc kẻ vì bản-tiện mà không được thỏa-thích, hoặc kẻ tay phải quí mà phải có tiết-độ, không thể cầu cho tuich tính mình được, vậy nên phải an-phận tuân-lý, không nên theo lòng thị-dục mà cầu cho lấy được vậy.

仁之於父子也。義之於君臣也。禮之於賓主也。智之於賢者也。聖人之於天也。命也。有性焉。君子不謂命也。

Dịch-âm — « Nhân chi ư phụ tử dã, nghĩa chi ư quân thần dã, lễ chi ư tân chủ dã, trí chi ư hiền-giả dã, thánh-nhân chi ư thiên đạo dã, mệnh dã, hữu tính yên, quân-tử vất vị mệnh dã ».

Dịch-NGHĨA. — « Điều nhân chủ thân yêu là thuộc về cha con, điều nghĩa cốt tôn-kinh là thuộc về vua tôi, điều lễ cốt khiêm-cung là thuộc về khách chủ, điều trí đủ sáng khôn là để phân-biệt kẻ hiền với chẳng hiền, bậc thánh đến hồn-toàn là hợp với đạo trời, những điều ấy là tự mệnh trời phú cho có kẻ hậu người bạc, kẻ thanh người trọc khác nhau, nhưng vốn là tính sẵn có cả, người quân-tử chẳng đổ cho mệnh mà chẳng cầu cho hết đạo vậy. »

Chú-giải. — Mệnh trời phú cho người ta ai cũng đủ cái tính nhân, nghĩa, lễ, trí, thần-triết, nhưng khi bản-sinh có kẻ hậu người bạc, kẻ thanh người trọc khác nhau, không thể nhất-tề được, song nó vốn là tính thiên cổ-hữu của người ta, ai cũng có thể học cho hết đạo được, chớ không nên đổ cho mệnh trời hạn-chế mà chẳng cố công về đường học-vấn vậy.

XXV

浩主不害問曰。樂止子。何人也。孟子曰。善人也。信人也。

Dịch-âm. — *Hiệu-Sinh Bất-Hại* vấn viết: « Nhạc-chính-tử hà-nhân dã? » *Mạnh-tử* viết: « Thiện-nhân dã, tin-nhân dã »

DỊCH-NGHĨA. — *Hiệu - Sinh Bất-Hại* hỏi rằng: « Nhạc-Chính-tử là người thế nào? » *Thầy Mạnh* đáp rằng: « Là người thiện vậy, người tin vậy. »

Chú giải. — *Hiệu-Sinh Bất-Hại* = Người nước Lê, họ *Hiệu-Sinh*, tên *Bất-Hại*.

何謂善。何謂信。曰。可欲之謂善。有諸已之謂信。充實之謂美。充實而有光輝之謂大。大而化之謂聖。聖而不可知之之謂神。

Dịch-âm. — « Hà vị thiện? hà vị tín? » *Viết:* « Khả dục chi vị thiện, hữu chư kỷ chi vị tín, sung-thực chi vị mĩ, sung-thực nhi hữu quang-huy chi vị đại, đại nhi hóa chi chi vị thánh, thánh nhi bất khả tri chi chi vị thần. »

DỊCH-NGHĨA. — *Bất - Hại* hỏi rằng: « Thế nào là thiện? thế nào là tin? » *Thầy Mạnh* đáp rằng: « Cái lẽ chính-đáng mà người ta đều yêu muốn gọi là thiện, thực-hành điều thiện cho có ở mình gọi là tin, chứa được điều thiện cho sung-thực gọi là mĩ, điều thiện đã đầy đủ rồi mà có quang-huy phát-lộ ra gọi là đại, đến bậc đại-đức đại-nghiệp mà hay thung-dung hồn-hóa gọi là thánh, thánh mà người ta chẳng thể lường biết được gọi là thần. »

樂之中心正也。

Dịch-âm. — « Nhạc-chính-tử nhị chi trung, từ chi hạ dã »

DỊCH-NGHĨA. — « Phàm-cách Nhạc-chính-tử ở giữa hai bậc thiện và tin, dưới bốn bậc mỹ, đại, thánh, thần vậy ».

Chú-giải. — Đây là có ý khích-khuyến chính-tử theo bậc thiện tin mà gia-công học-vấn, cho tiến lên bốn bậc trên.

XXVI

矣。之 歸 歸 逃 歸 逃 孟
而 斯 於 於 於 墨 子
已 受 歸。 必 楊。 必 曰。

Dịch-âm. — Mạnh-tử viết: « Đào Mặc tốt qui ở Dương, Đào Dương tốt qui ở Nho, qui tư thụ chi nhi dĩ hĩ.

DỊCH-NGHĨA. — Thầy Mạnh nói rằng: « Kẽ nào trốn bỏ cái đạo kiêm-ái họ Mặc, thì tất theo về đạo vị-ngã họ Dương, trốn bỏ cái đạo vị-ngã họ Dương tất theo về cái đạo trung-chính nhà nho, kẻ kia đã theo về thì ta nên dung-thụ nó mà thôi vậy.

Chú-giải. — Đây là nói cái cách đãi kẻ theo đạo dị-đoan, nó đã theo về thì nên khoan-dung, chớ không nên biện-bác quá nghiêm vậy.

而 又 入 放 者。 楊 今
招 從 其 豚。 如 墨 之
之。 之 莖。 既 追 辯 與

Dịch-âm. — « Kim chi dữ Dương Mặc biện giả, như truy phóng đồn, kỳ nhập kỳ lập, hựu tủng nhi chiêu chi ».

DỊCH-NGHĨA. — « Ngày nay nhà Nho ta cùng họ Dương họ Mặc biện-bác mãi mà nghiêm-khắc quá, vì như đuổi con lợn xông nó đã vào chuồng ta, ta lại theo mà trói chân nó lại ».

XXVII

父子 舜。 其 一 征。 之 縷 孟
離。 用 二 而 緩 君 之 之 之 子 曰
離。 其 三 而 民 其 子 力 役 之 粟 有
離。 而 有 用 其 其 之 之 米 布

Dịch-âm — Mạnh-tử viết: « Hữu bố lữ tri chính, túc mẽ chi chính, lực-dịch chi chính, quân-tử dụng kỳ nhất hoãn kỳ nhi, dụng kỳ nhị nhi dân hữu biểu, dụng kỳ tam nhi phụ tử lý ».

DỊCH-NGHĨA. — Thầy Mạnh nói rằng: « Tự đời xưa lấy thuế dân có ba phép: Mùa hạ lấy thuế vải sợi, mùa thu lấy thuế thóc gạo, mùa đông lấy thuế lực-dịch. Người trên mỗi mùa dùng một phép để lấy thuế hoãn cho dân hai phép. Nếu một mùa dùng cả hai phép mà lấy thuế thì dân có xác kẻ chết đói, một mùa dùng cả ba phép thì dân cha con lia tan ».

Chú-giải. — Chính = Đánh thuế. Lực-dịch = Nộp tiền để thay sức làm việc gọi là thuế lực-dịch.

Đây là vì thời ấy các nước chư-hầu lấy thuế dân không có qui-chế nào cả, vậy mới bảo nên theo phép cổ mà khoan-hoãn cho dân nhờ.

XXVIII

身。 殃 珠 政 地。 寶 諸 孟
必 玉 事。 人 三。 侯 子
及 者。 寶 民 七 之 曰

Dịch-âm. — Mạnh-tử viết: « Chư-hầu chi bảo tam: Thổ-địa, nhân-dân, chính-sự, bảo châu ngọc giả, vương tấ cập thân ».

DỊCH-NGHĨA. — Thầy Mạnh nói rằng: « Điều báu của nước chư-hầu có ba: Thổ-địa để dựng nước, nhân-dân để giữ nước, chính-sự để trị nước, kẻ báu châu ngọc tai-vạ tất kịp đến thân ».

Chú-giải. — Đây là nói tới cái báu của nước chư-hầu, không phải ở về châu ngọc, mà cốt ở về thổ-địa, nhân-dân, chính-sự.

XXIX

矣。 足 君 人 其 問 盆 子 盆
以 以 子 也。 將 曰。 成 曰。 死 成 成
殺 殺 之 小 見 夫 括 矣 括 括
其 驅 而 大 有 夫 子 何 以 盆 盆
已 已 道 才。 未 聞 以 知 人 括 盆
已 已 也。 未 聞 以 知 人 括 盆

Dịch-âm. — Bồn-Thành Quát sĩ ư Tề. Mạnh-tử viết : « Tử hĩ Bồn-Thành Quát ! » Bồn-Thành Quát kiến sát, môn-nhân vấn viết : « Phu tử hà dĩ tri kỳ tương kiến sát ? » Viết : « Kỳ vi nhân dã, tiếu hữu tài, vi văn quân-tử chi đại đạo dã, tắc túc dĩ sát kỳ khu nhi dĩ hĩ ».

DỊCH-NGHĨA. — Bồn-Thành Quát làm quan ở nước Tề. Thầy Mạnh nói rằng : « Bồn-Thành Quát tất chết vậy ! » Bồn-Thành Quát quả-nhiên bị giết. Kẻ môn-nhân hỏi rằng : « Nhà thầy sao lại biết rằng Bồn-Thành Quát sắp-sửa bị giết ? » Thầy Mạnh đáp rằng : « Bồn-Thành Quát làm người, có tài nhỏ mà không có học-vấn chưa nghe được cái đạo lớn của quân-tử ; cậy tài làm càn, thì chỉ đủ để giết cái thân, mà thôi vậy ».

Chú-giải. — Chương này là nói người ta có tài không nên cậy tài, phải nên gia công học-vấn cho thuần-thục, thì mới tránh khỏi tai vạ.

XXX

弗 人 靡 業 上 滕 孟
得 求 上 履 宮 館 子
之 之 館 於 有 於 之

Dịch-âm — Mạnh-tử chi Hằng, quán ư Thượng-cung, hữu nghiệp lữ ư dã thượng, quán nhân cầu chi phát đắc.

DỊCH-NGHĨA. — Thầy Mạnh đi đến nước Hằng, vua nước Hằng để thầy trọ ở cung Thượng-cung. Có kẻ đặt cái dép gần xong để ở trên cửa sổ, cái dép chợt mất, người chủ-quán tìm mãi chẳng thấy.

已 心 者 也 也 靡 曰 乎 或
矣 至 不 往 夫 來 子 從 問
斯 拒 者 夫 與 以 者 之 曰
受 苟 不 子 與 是 之 曰
之 以 追 之 殆 爲 之 若
而 是 來 科 非 竊 也 是

Dịch-âm.—Hoặc vấn chi viết: « Nhược thị hồ, tụng-giả chi sưu dã. » Viết : « Tử

dĩ thị vi thiết lữ lai dư? » Viết : « Đãi phi dã, phu tử chi thiết khoa dã, vãng giả bất truy, lai giả bất cự, cầu dĩ thị tâm chi, tư thụ chi nhi dĩ hĩ ».

DỊCH-NGHĨA. — Hoặc có kẻ hỏi rằng : « Dường như thế chẳng, kẻ đi hầu thầy giấu cái dép đi vậy. » Thầy Mạnh nói rằng : « Người cho rằng kẻ ấy chuyên vì trộm dép mà lai đây dư? » Người hoặc nói rằng : « Chín chảng phải thế, nhà thầy đặt ra khoa dạy, kẻ có lỗi về trước cũng chẳng truy-trách, kẻ có tâm lại học cũng chẳng cự-tuyệt ; nếu kẻ nào đem cái tâm mền dao mà đến, thì nhà thầy dung-thụ cả đấy vậy ».

Chú-giải — Vãng = Về trước, qua đi rồi. Lai = Lai học.

Đây là nói người quân-tử đặt khoa dạy người vốn có công-tâm, ai lại học cũng dạy, chớ không truy-trách đến cái lỗi trước.

XXXI

爲 之 所 也 我 忍 皆 孟
義 於 不 人 所 達 有 所 子
也 其 爲 皆 忍 之 不 曰
所 達 有 仁 於 人

Dịch-âm. — Mạnh-tử viết : « Nhân giai hữu sở bất nhân, đạt chi ư kỳ sở nhân, nhân dã ; nhân giai hữu sở bất vi, đạt chi ư kỳ sở vi, nghĩa dã. »

DỊCH-NGHĨA. — Thầy Mạnh nói rằng : « Người ta gặp sự đáng thương ai cũng đều có cái lòng chẳng nở, nếu hay suy cái lòng chẳng nở đạt đến những sự dám nở, thì tự sinh thương xót, tức là lòng nhân vậy ; người gặp việc đáng sỉ đều có cái lòng chẳng thêm làm, nếu hay suy cái lòng chẳng làm ấy đạt đến những sự dám làm, thì tự sinh hổ thẹn, tức là lòng nghĩa vậy. »

Chú giải. — Chương này là cốt bảo người ta nên khước-sung cái lương-tâm ra cho rộng, thì không đến nỗi tàn-nhẫn làm càn.

人 能 充 無
 欲 害 人 之
 心 而 仁 不
 可 勝 用 也
 人 能 充 無
 穿 窬 之 心
 而 義 不 可
 勝 用 也

Dịch-âm. — « Nhân năng sung vô dụng hại nhân chi tâm, nhi nhân bất khả thắng dụng dã; nhân năng sung vô xuyên du chi tâm, nhi nghĩa bất khả thắng dụng dã.

Dịch-NGHĨA. — « Người ta hay khuếch-sung cái lòng bất-nhân không muốn hại người, như thế thì nghĩ điều gì mà chẳng phải nhân vậy; người ta hay khuếch-sung cái lòng bất-vi không thêm làm những sự khoét vách treo tường, như thế thì làm việc gì mà chẳng phải nghĩa vậy.

Chú giải. — Xuyên = Khoét vách. Du = Treo tường, là như sự ăn trộm bất-nghĩa.

人 能 充 無
 受 爾 無
 汝 之
 實 無
 所 往
 而 不
 爲 義
 也

Dịch âm — « Nhân năng sung vô thụ nhi như chi thực, vô sở vãng nhi bất vi nghĩa dã

Dịch-NGHĨA. « Người ta hay khuếch-sung cái thực-tâm không chịu những lời nhĩ-nhữ đối với mình, thì làm việc

gì cũng chính-dáng không đi đâu mà chẳng phải điều nghĩa vậy.

Chú giải. — Nhi như = Chàng mày, cái lời người ta khinh-bĩ mình.

士 未 可 以
 言 而 言 是
 以 言 之
 也 可 以 言
 而 不 言 是
 以 不 言 之
 也 是 皆
 穿 窬 之 類

Dịch-âm. — « Sĩ, vị khả dĩ ngôn nhi ngôn, thì dĩ ngôn thêm chi dã; khả dĩ ngôn nhi bất ngôn, thì dĩ bất ngôn thêm chi dã, thì giai xuyên du chi loại dã ».

Dịch-NGHĨA. — « Kẻ sĩ khi tiếp người chưa nên nói mà nói, thế là lấy cái cách nói để dò thám cái ý người vậy; nên nói mà chẳng nói, thế là lấy cái cách chẳng nói để dò thám cái ý người vậy, ấy đều là cái loại khoét vách treo tường vậy. »

Chú giải. — Thêm = Dò thám, moi lấy.

Đây là nơi một sự nhỏ nhặt như kai tiếp người mà lúc nói lúc im đều dụng-lâm dò dò thám ý người, cũng là cái tâm xấu nên chừ bỏ đi vậy.

(Con nữa)

HÔNG-CHAU và LUNG-VAN dịch



QUÍ-PHI ĐIỂM-SỬ (1)

貴妃艷史

(Tiểu-thuyết)

II

CHƯƠNG THỨ BẢY

Quý-phi bị truất về nhà họ Dương

Vua Minh-hoàng tự sau khi gặp được Quý-phi, coi người cũ trong cung nhất-thiết như bùn đất. Mà trong hàng phi-tân có nàng Mai-phi vốn là người rất yêu-quí của vua Minh-hoàng, tự trước đến sau vắng-lai rất là thân-mật, Mai-phi ở cung Tây-cung, vua Minh-hoàng chưa có khi nào quá ba ngày xe kiệu chẳng đến thăm, mà hiện nay đã nửa tháng rồi, vua chưa cùng với Mai-phi tiếp mặt. Mai-phi tuy vốn là người thanh-cao nhã-dạm, không có tính ghen-tuông, nhưng ganh sự đẹp, cướp sự yêu, cũng là thói thường-tình của bạn cung-nữ. Mai-phi lâu ngày chẳng thấy xe kiệu vua đến, liền xét hỏi bọn thị-nữ trong cung rằng: « Xe kiệu của vạn-tuế lâu ngày chẳng lại cung ta là vì có gì? » Kể thị-nữ trong cung tức-khắc đem sự Quý-phi kể hết đầu đuôi bẩm cho Mai-phi biết. Mai-phi sức nhớ đến ngày tết nguyên-đán năm ngoái, vợ các quan vào cung mừng tuổi mình, ai nấy đều khen vợ Thọ-vương là kẻ diễm-lệ, chẳng khác nào người tiên, mà đáng thánh-thượng vốn có tính phong-tru, nay ở Dương Ngọc-Hoàn là kẻ tân-tiến, làm mê - hoặc được thánh - thượng, khiến đáng thánh-thượng ba ngày chẳng ra khỏi cung Giao-hoa, chắc cái thủ-đoạn làm say mê người của nó, cùng với loài kỹ-nữ không khác gì. Ta thế nào cũng thân-hành đến cung Giao-

hoa, xem nó là người thế nào và đẹp thế nào, mà nó sai khiến được một ông vua rất thông-minh như đáng thánh-thượng, mà lại cam chịu cái tiếng cướp vợ của con là cái tiếng rất xấu ở đời. Mai-phi nghĩ-ngợi xong, liền đem bức minh-kính ra soi hình ảnh mình, mà ngậm-ngùi tự than rằng: « Giang Mai-phi này ôi! Giang Mai-phi này ôi! xem dung-quang người cũng chẳng kém gì ngày trước, chỉ sợ rằng gió thu chưa đến mà quạt lượt này đã quên, khó trốn khỏi cái lệ thường bạc-mệnh của khách hồng-nhan!» Mai-phi than xong cảm-khái một hồi lâu rồi dẫn hai người cung-nữ hầu kèm, đi thẳng đến cung Giao-hoa

Kịp khi Mai-phi đến cung Giao-hoa, biết rõ rằng vua Minh-hoàng quả-nhiên ở đấy, liền đảo bước tới trước mặt vua làm lễ triều-bái, nhân cười cười nói nói, tỏ bộ ngọt-ngào mà rằng: « Thiếp tôi chẳng biết thánh-giá ở đây, thực e có ngại cho bề than-hứng của bề-hạ. Trộm nghe bề-hạ mới được một kẻ mỹ-nhan, thiếp tôi bấy lâu nấn-ná chưa đến mừng, xin bề-hạ tha tội. »

Khi ấy vua Minh-hoàng trong lâm khôn xiết hổ thẹn nhân chữa thẹn mà đáp rằng: « Trẫm vì chính sự phiền-những, cho nên mấy ngày đây chưa đến cung hiền - phi tiếp-kiến được, hiền - phi chớ hiềm rằng tích - mịch mà lấy làm nghi-ngại. Đến như kẻ tân-mỹ-nhan đây vốn là kẻ nữ-dạo-sĩ trong cung đây thôi, chứ không phải là mỹ-nhan của trẫm. Trẫm sẽ gọi người nữ-dạo-sĩ ấy lại đây để bồi-kiến hiền-phi.»

(1) Xem Nam-Phong số 155.

Vua Minh-hoàng nói xong ngảnh đầu lại thì đã chẳng thấy Qui-phi đâu nữa, bèn sai kê nội-thị truyền mệnh gọi Qui-phi ra.

Nguyên Qui-phi khi nghe có Mai-phi vào cung, thì trước đã tránh mình vào trong phòng. Vua Minh-hoàng truyền mệnh cho Qui-phi phải làm lễ bái-kiến Mai-phi. Trong tâm Qui-phi đối với Mai-phi vốn đã đề lòng ghen ngược, nay cái lễ khấu-đầu khuất-tất, thực đã muời phần chẳng cam chịu được một phần. Vua Minh-hoàng tuyên chỉ-dụ đến ba thứ mà Qui-phi chỉ trơ-trơ bất-động. Mai-phi lại tỏ bộ ngọt-ngào cười nói rằng: « Chúng ta đều là đội ân sủng của chúa-thượng, hà-tất câu-nệ lễ thường, xin chúa-thượng cho thiếp tôi cùng với hiền-đạo-sĩ dùng cái lễ hàng chị em để tiếp-kiến nhau là đủ ». Qui-phi nghe Mai-phi nói, rồi mới chịu đi lên cùng Mai-phi làm lễ tiếp-kiến.

Vua Minh-hoàng vốn là người anh-minh, thấy Qui-phi là kẻ cứng cỏi, rất lấy làm tức-giận. Vả chẳng đối với Mai-phi cũng lấy làm ngại mặt, sợ Mai-phi sau này chê cười, bèn lên tiếng quát rằng: « Ấ Ngọc-Hoàn, sao người dám chẳng tuân mệnh trẫm, chẳng lấy lễ tiếp-kiến hoàng-phi. Trong cung là chốn lễ-phép, hà dung cho đưa ti-tử được kiêu-dông như vậy ư! »

Ý vua Minh-hoàng khi ấy chẳng qua là hư-trương thanh-thế, trách qua vài lời, muốn khiến cho Qui-phi tạ tội thì thôi, chẳng ngờ Qui-phi lại cậy bề sủng-ái với vua, đã chẳng tạ-tội lại đến nói ra những lời xô-xát, vua Minh-hoàng dùng dùng nổi giận, liền truyền chỉ-dụ cho Cao Lực-Sĩ tức-khắc tống ả Ngọc-Hoàn đuổi về nhà họ Dương. Rồi vua tự mình cùng Mai-phi, song song dắt tay hướng nẻo tây-cung mà đi.

Qui-phi khi ấy chẳng ngờ vua Minh-hoàng lại cả phát lời-đình, thành ra cái thế quyết-liệt, hối lại cũng biết rằng

dại, nhưng không có phương-pháp gì vãn-hồi, chỉ ngậm nước mắt trở về đất Tây-thục mà thôi.

CHƯƠNG THỨ TÁM

Qui-phi cắt tóc

Những hàng anh em chị em với Qui-phi trong họ Dương, tự sau khi Qui-phi vào cung, vẫn lấy là môn-mi họ ta có thể trở được ngày mà đợi về quang-đại, chẳng ai là chẳng vỗ tay reo mừng, vui vẻ khôn xiết. Chợt thấy tướng-quân Cao Lực-Sĩ cùng với mấy viên tiều-nội-thị ngự chiếc xe tống Qui-phi về nhà, thì ai nấy đều cả thất-kinh, chẳng khác nào đương buổi tình-minh chợt nghe một tiếng sấm-sét vậy.

Họ Dương sau khi cùng Qui-phi tiếp-kiến, cả một nhà kể trên người dưới ai nấy đều bùng đầu than khóc. Bọn anh Qui-phi là lũ Dương Diêm, Dương Kỳ, Dương Chiêu lại càng kinh-hãi luống-cuống, sợ rằng thánh-thượng còn có mệnh-lệnh sau cùng, sự tai-vạ chắc chửa biết thế nào mà kể. Các người trách Qui-phi sao chẳng biết cẩn-thận đề xúc-phạm thánh-nộ, cho đến nỗi có sự biến này, thì Qui-phi chỉ nuốt khóc mà thôi, chẳng nói ra một lời nào cả.

Anh em họ Dương chẳng biết làm thế nào, nhân xúm lại vây quanh Cao Lực-Sĩ mà hỏi rằng: « Em tôi chửa học-tập lễ-nghi trong cung, chẳng biết ngưỡng-phụng thánh-ân, đến nỗi mang cái tội xúc-phạm bề trên, dẫu muốn lần chết cũng chẳng chuộc lại được. Duy lóm lại là vì sự gì, đức ông chắc là biết rõ. Chẳng hay còn có thể vãn-cứu được không? Nếu đức ông đề lòng chu toàn cho, khiến em tôi còn có ngày lại được trông thấy bóng mặt trời, thì một cửa họ Dương tôi được đội ơn vô-cùng, hết-thảy đều kết cỏ ngậm vành báo-đáp lại. »

Lục-Sĩ trong bụng đã biết rõ rằng vua Minh-hoàng ruồng đuổi Qui-phi, chẳng qua là nhân sự giận-dữ một chốc đấy thôi, chẳng bao lâu tất lại triệu về, mới đem sự-tình Qui-phi với Mai-phi tranh-khi nhau, kể kĩ-càng cho nhà họ Dương biết, và bảo lũ Dương Diêm rằng : « Đấng vạn-tuế vốn là thói đa-tình, ngày nọ sủng-ái Qui-phi, thực là ân-ái gồm đủ. Qui-phi nếu biết đón ý lựa chi đấng vạn-tuế thì lo gì danh-vị chẳng bằng Mai-phi. Duy chẳng nên cùng với đấng vạn-tuế thỗ-lộ khí-khái, để đấng vạn-tuế có quan-ngại về nhan-diện, mới làm ra có sự đập đổ hương án này. Làm phượng-kế cho nhà người ngày nay, chẳng gì bằng lũ nhà người cứ khuyên Qui-phi bình-tâm tĩnh-khi, sau này chớ quá làm ra những thái-trạng cứng-cỏi như vậy, để đợi khi ta dòm lúc nào đấng vạn-tuế có ý băn khoăn hối lại, ta sẽ khuyên đấng vạn-tuế lại triệu Qui-phi vào cung. Còn bây giờ Qui-phi ở nhà chỉ cốt khéo tự mình bài-giải, chớ có ưu-uất mà thành bệnh. Thiết thiết dặn-dò, thiết-thiết dặn-dò, lũ người nhớ lấy. » Anh em họ Dương dạ dạ lĩnh mệnh.

Cao Lục-Sĩ về cung, lựa vua Minh-hoàng sau lúc thoái-triều, tiến lên trước mặt phúc-tấu. Vua Minh-hoàng kịp hỏi Qui-phi có lời oán-thán gì không. Lục-Sĩ tâu rằng : « Qui-phi về nhà chỉ có oán mình trách mình, hận rằng tự mình nhất-thời ngu đại mang tội với thánh-thượng, vì bằng một chết đi cũng chẳng đủ báo lại cái ân-tình của bệ-hạ đối với mình về phần muôn một. Họ Dương thì cả nhà đàn ông đàn bà chẳng ai là chẳng cảm-kích thánh-ân, tuyệt không nửa lời nói nào oán đến thánh-thượng, tiều-thần này háng dám chẳng đem sự thực tấu-đối. »

Vua Minh-hoàng nghe Cao Lục-Sĩ nói, ngẫm-ngĩ một chốc, rồi truyền

mệnh cho Cao Lục-Sĩ đem những đồ quả-phẩm tươi mới đựng đầy một cái mâm vàng, sai đi ban-từ cho Qui-phi, để xem tinh-hình Qui-phi đối với ân-lễ thế nào, sẽ lại về phúc-tấu. Cao Lục-Sĩ vâng mệnh, tức-khắc lại đi đến nhà họ Dương, tuyên-cáo Qui-phi ra tiếp-nhận thánh-chỉ. Qui-phi phủ-phục xuống đất tâu rằng : « Thiếp tôi ngu-dại chết chẳng đủ tiếc, được đội ơn thánh-thượng đuổi về mà chẳng giết, thực là cái ơn trời cao đất rộng tự thánh-thượng gia cho, nay lại chẳng bỏ kẻ có tội, đem đồ quả-phẩm chân-quí ban cho, khiến thiếp tôi càng đội ơn sâu, càng biết tội mình là nặng, mong ông vì tôi thay lời tấu-lạt. » Rồi Qui-phi đứng dậy bảo Cao Lục-Sĩ rằng : « Phiền ông đợi lại một chút, kẻ tiện-thiếp này có một cái vật gửi dâng thánh-thượng, dám xin ông vì tôi mang thay cho. » Cao Lục-Sĩ vâng lời.

Qui-phi quay vào trong khuê-phòng ít lâu rồi yểu-diệu đi ra, dùng cái khăn lượt trắng bọc một cái vật phong gói kĩ-càng giao cho Cao Lục-Sĩ

Lục-Sĩ từ-tạ ra đi. Khi về cung, đợi phúc-tấu xong, mới đem cái bọc lượt trắng dâng lên.

Vua Minh-hoàng khi ấy truy-niệm tình trước, khôn xiết cảm-thương, cầm lấy cái khăn mở ra xem, thì trong chứa một mớ tóc xanh tốt như mây, là tóc của Qui-phi cắt ra, mùi hương hầy còn ngào-ngạt xông lên làn mũi. Vua Minh-hoàng lúc ấy như người túy, như người si, cầm lấy mớ tóc tra vào trong tay áo, liền đi thẳng vào nơi tắm-cung, lên giường giả cách nằm nghỉ. Đem mớ tóc của Qui-phi ra ngoạ-lộng đi ngoạ-lộng lại đến ba bốn lần, hai hàng tình-lệ theo kẽ mắt từ-từ tuôn xuống. Nhân nghĩ-ngợi rằng những kẻ tuyệt-thể giai-nhân, xưa nay vốn khó phần tái-đắc, ngày nay nước đã chảy xuôi, khôn bề

ngược lại, hối-ngộ sao cho kịp, ân-hận vô-cùng. Vua trần-trọc nghĩ-ngợi, suốt đêm không ngủ.

Đến sáng ngày mai lại nhân mỗi một chẳng ra coi triều. Ở trong cung những kẻ biết sự ấy, chẳng ai chẳng bảo rằng cái bệnh của hoàng-đế là vì Quý-phi mà gây nên.

Rồi thì cái sự lại triệu Quý-phi vào cung, đã âm ngầm có động-cơ vậy.

CHƯƠNG THỨ CHÍN

Quý-phi lại được triệu vào cung

Quý-phi ra khỏi cung, chẳng qua độ mười ngày, mà vua Minh-hoàng đã tương-tư thành bệnh, hỉ nộ thất thường, tựa như người có bệnh điên vậy. Ban đêm nội các cung phi-tàn chẳng đi đến đâu nữa, thậm-chí như cung Mai-phi cũng tuyệt tích từ đấy. Cứ đến buổi hoàng-hôn tĩnh vắng, lại đem mớ tóc của Quý-phi ra, sẽ gọi tên Quý-phi vài tiếng, rồi lại để mớ tóc ấy vào trong bụng mà đi nằm. Đến như đối với nhà họ Dương, thì cung-nhân trước sau phải phụng chỉ, khi thì ban cho đồ ăn, khi thì ban cho xiêm áo, khi thì ban cho đồ châu-báu, đi lại liên liền, chẳng lúc nào dứt.

Quý-phi mỗi khi tiếp đối sứ-giả, thời-thường nhiều cái giọng oán mình, chứ tuyệt không cái lời tranh-khi. Mà người nhà họ Dương lại dùng nhiều của hối-lộ cho bọn cung-nhân, cho nên bọn cung-nhân sau khi về cung tấu đối, thường vì Quý-phi thêm ra nhiều lời dua nịnh, chẳng nói rằng Quý-phi nét mặt hao gầy, thì nói rằng Quý-phi khóc lóc chẳng thôi, lời ấy lời khác, khiến cho vua Minh-hoàng động-tâm.

Vua Minh-hoàng khi ấy ngồi đứng chẳng yên, uống ăn ít tiến. Hễ gặp việc thì hay mắng đánh kẻ hoạn-quan và kẻ cung-nhân, nhờ để tiêu-tán cái khí uất-nộ ở trong lòng. Cao Lực-Sĩ ở bên cạnh đề mắt dòm kĩ, đã biết rõ rằng

cái thời-cơ tiên-ngôn đã đến, nhân khi thừa nhân mới tâu rằng: « Quý-phi dù có trái thánh-chỉ chẳng nữa, bệ-hạ tiếc gì chỗ đất lọt một chiếc chiếu ở trong cung mà lại đuổi Quý-phi về nhà, khiến người ngoài đều chê bệ-hạ là kẻ bạc-tình. Vả lại tiều-thần này trộm thấy thánh-thượng tự sau khi Quý-phi ra khỏi cung, nằm chẳng yên, ăn chẳng no, thánh dung phần kém nhiều tiêu giảm, sao chẳng lại triệu Quý-phi vào cung khiến cho phụng-sự bên tả hữu. Tiều-thần trộm chắc rằng Quý-phi đã trải qua một phen tóa-chiết ấy rồi, thì tự-nhiên chẳng dám lại có những sự cử-động khát-khe vô-lẽ nữa, xin bệ-hạ nghe lời tiều-thần, chớ khiến cho Quý-phi ở nhà lâu ngày, hoặc đến tru-tư mà thành tật-bệnh.»

Vua Minh-hoàng nghe lời Lực-Sĩ tâu, trừ trừ ít lâu, rồi đặc-sai Lực-Sĩ phụng chỉ đến nhà họ Dương, nửa đêm dùng ngọn đuốc kim-liên, dẫn Quý-phi tự cửa tây-môn đi vào, cho tiếp kiến thánh-giá ở nơi tiện điện. Quý-phi làm lễ triều-kiểu vua Minh-hoàng chỉ một bề khóc-lóc tạ lỗi, không một lời nào nói đến việc trước kia cả. Vua Minh-hoàng lại tự mình lấy làm hồ thẹn, nhiều lời khuyên-giải yên-ủi mà nhận là lỗi mình, và bảo kẻ thị-thần mau chóng đem rượu lại, để vì Quý-phi làm lễ tẩy-trần.

Khi ấy, tiệc giải chiếu đại-mại, rượu tiến men bờ-đào, về phan vua Minh-hoàng thì lấy làm trước kia xử-tri quá nghiêm, có ý hối lỗi mà chuộc vui; về phần Quý-phi thì lấy làm ơn vua sâu nặng mong đời kiếp báo-đền. Nhưng cái thói kiêu-căng phóng-túng của Quý-phi, từ đấy về sau một ngày một quá-thậm, thường hiếp-bách vua Minh-hoàng chẳng theo cũng chẳng được, đến nỗi nước mắt nhà tan, mà vua Minh-hoàng cũng không đoái tiếc gì cả. Cho mới biết ghê thay là giống nữ-sắc nó làm làm người ta vậy.

CHƯƠNG TƯ MƯỜI
 Quý-phi và uyên-sủng

Từ đấy vua Minh-hoàng chìm đắm về tình-sắc, trong một tháng thường có khi hơn mười ngày chẳng ra coi châu. Viên Tể-tướng là Lý Lâm-Phủ nguyên cùng với họ Dương cùng quan-hệ với nhau về đường thịnh-suy, nay thấy Quý-phi đã được chuyên phảo sủng-ái, thì cái mục-dịch vững bền ngôi phú quý của Lý Lâm-Phủ có thể đạt tới được. Vả lại Lý Lâm-Phủ lợi-dụng nàng Quý-phi để mê-hoặc đấng quân-chủ, khiến đấng quân-chủ chẳng thường ra coi châu, thì mình có thể độc-chuyên quyền-chính.

Duy Lý Lâm-Phủ lại nghĩ bụng rằng Quý-phi tuy-nhiên đã được chuyên-sủng, nhưng chưa được chính danh-hiệu ở trong cung là gì, ta đã muốn kết người ấy làm kẻ viện-trợ ở trong, thì ta chẳng nên chẳng vì người ấy đặt ra phương-pháp.

Một hôm Lý Lâm-Phủ nhân có quan-sự vào triều tiến-kiến, khi thương-nghị việc quân đã xong, Lâm-Phủ bỗng-nhiên đứng dậy, tới lại gần trước mặt vua chừng độ một bước, qui xuống tâu rằng: «Kẻ ngoại-thần này được nghe bệ-hạ mới được người tuyệt-thể giai-nhân, chưa biết bệ-hạ đã từng gia cho vị giai-nhân ấy tên hiệu là gì chưa?» Vua Minh-hoàng ngẫm-nghĩ một hồi lâu, bảo Lâm-Phủ đứng dậy, rồi cười mà đáp rằng: «Sự ấy thực có, trẫm cũng muốn gia-phong cho làm hoàng-phi, nhưng khốn thay về đường thực-sự cũng có trở-ngại một chút, cho nên vẫn cứ nấn-ná còn chưa cử-hành. Nhà người đã biết rõ sự ấy đầu đuôi, nay phiền nhà người vì trẫm một lần quyết-định cho xong.» Lý Lâm-Phủ tỏ ra ý cương-nghị nói rằng: «Việc ấy là việc nhà của bệ-hạ, kẻ hạ-thần sao dám dự nghe. Song bệ-hạ đã vấn, ngu-thần này chẳng dám chẳng đáp, bệ-hạ chừng lấy làm ả

Dương-thị-nữ là vợ Thọ-vương, cho nên có ý hiềm-kị đấy phải không? Nay Thọ-vương đã được sách-phong ả Vi-thị là vương-phi rồi. Dương-thị-nữ cũng đã ra làm vị nữ-đạo-sĩ đã lâu, có phải là vợ Thọ-vương đâu nữa, người ngoài ai nấy đều đã quên đi cả rồi. Bệ-hạ sao lại phải nghi-kị gì, mà làm ra sự sợ kia sợ nọ như vậy ru!»

Rồi thì ý vua Minh-hoàng mới quyết, tức-khắc ngày hôm ấy hạ-chiều gia-phong cho Dương Ngọc-Hoàn làm hoàng-phi.

Quý-phi đã chính vị ở trong cung, nhất-thiết nghi-vệ đều như hoàng-hậu, cưỡi xe loan dư, che quạt phượng-vĩ, đi yết lỗ cáo miếu, kẻ quần-thần phải dâng tờ biểu chúc mừng. Danh-vị phẩm-vọng của Quý-phi khi ấy, thực đã lấn áp Mai-phi mà ở trên vậy.

Vua Minh-hoàng lại vì có Quý-phi đã tôn-hiền, nhân gia-ân cho bọn tộc-thuộc, truy-lặng người bố là Dương Nguyên-Đàm làm chức Bình-bộ thượng-thư, gia cho hai người anh là Dương Điền làm chức Điện-trung thiếu-giám, Dương Kỳ làm chức Điện-tiền đô-úy, hai người chị đều được phong chức phu-nhân, một người là Tả- quốc phu-nhân, một người là Quốc-quốc phu-nhân. Hàng anh em chị em mỗi người đều ân-tử một tòa nhà đẹp ở chốn kinh-sư. Thanh-thế họ Dương lừng-lẫy hách dịch, quý-hiền trong một thời, chẳng ai dám vi cùng. Quý-phi lại có một người anh con nhà bác là Dương Chiêu, sau đổi là Dương Quốc-Trung. Quốc-Trung nguyên là kẻ bất-học mà vô-hạnh, tự đất Thục lại chốn kinh-sư, nhờ có các em dẫn vào yết-kiến vua Minh-hoàng, vua Minh-hoàng cho được xuất-nhập trong cung-cấm, trao cho chức Kim-ngò binh-tào tham-quân là chức điền-cấm-binh. Sau này vua Minh-hoàng phải sợ Quý-phi, bảo sao

phải nghe vậy, là vì trong tay họ Dương đã có binh quyền. Qui-phi từ đấy càng thêm kiêu-phóng không sợ-hãi gì cả, lấy kế-thuật kiểm-chế vua Minh-hoàng, các phi-tần trong hậu-cung ba nghìn người, không cho một người nào được vào tiền-ngự. Sau Qui-phi biết rằng cái danh-vị của mình đều là do tự công của Lý Lâm-Phủ, cảm ơn Lý Lâm-Phủ, thường ở trước mặt vua Minh-hoàng, tán khen Lý Lâm-Phủ là người công-trung yêu nước, có thể ủy cho chính-quyền. Cho nên vua Minh-hoàng lại càng tin lắm, hay đâu Lý Lâm-Phủ chính là người đánh thuốc độc vua Minh-hoàng mà đốt cháy nền xã-tắc nhà Đường vậy.

Quyền-thế Qui-phi khi ấy khuynh-đảo cả trong ngoài, người đời bấy giờ đã có câu rằng:

*Sinh trai chớ hoan-hỉ,
Sinh gái chớ thương-bi ;
Họ Dương sinh con gái,
Quang-dại cả môn-mi.*

CHƯƠNG THỨ MƯỜI MỘT

Cái vật thị-hiếu của Qui-phi

Qui-phi khi theo cha là Nguyên Đàm làm quan ở đất Thục rất thích ăn quả lệ-chi (quả vải), sau khi vào cung, vua Minh-hoàng từng hạ chiếu cho các viên thú-thần trong đất Thục cứ mùa lệ-chi, thì đem lệ-chi tiến-phụng.

Có một năm giữa tháng tư, lệ-chi đem tiến-hiến, vua Minh-hoàng cả mừng, liền ăn một quả, thì thấy vị nó chẳng ngon-ngọt gì cho lắm, mà lại có vị chua, mới nghĩ riêng trong bụng rằng Qui-phi lấy cái ích gì ở quả lệ-chi mà thường vui-vẻ nói đến luôn, coi là một vật trân-kỳ dị-phẩm, há bởi cái tính thị-hiếu của Qui-phi khác người đó dư !

Sau khi lui chầu, vua Minh-hoàng sai kẻ nội-thị bưng một cái kim-bàn trong chứa đầy lệ-chi, đi thẳng đến cung Qui-

phi. Qui-phi nghe báo có thánh-giá lại, kip đi ra nghênh-tiếp. Vua với Qui-phi cùng vào trong cung. Ngồi yên vua Minh-hoàng mới mỉm cười ngoảnh về Qui-phi mà nói rằng : « Ngày nay tìm được trân-bảo, sẽ khiến Phi-tử ném một vị lạ. » Rồi đoái bảo kẻ nội-thị đem mâm vàng dâng lên. Vua Minh-hoàng tự mình mở mâm ra, thì thấy trong mâm chứa đầy những lệ-chi liền cành liền lá, ước có mấy trăm quả. Qui-phi trông thấy cả mừng, tức-khắc lấy một quả bóc ra ăn, vừa để vào khỏi miệng, liền trau mày nhẵn trán đến nửa giờ.

Vua Minh-hoàng lấy làm lạ hỏi rằng : « Phi-tử thích ăn quả lệ-chi, đến nổi hình ra giặc mộng-mị, phát ra lời thi-ca, nay đã được lệ-chi mà ăn, nét mặt lại có sắc chẳng vui, là có sao ? » Qui-phi tâu rằng : « Lệ-chi ở đất Thục, giống nó rất nhiều, hạng tối-thượng là giống Trần-gia-tử và giống Luyện-gia-tử, hạng thứ hai là giống Giang gia-lục ; còn hạng kém nữa thì danh-mục nó rất nhiều, một lúc không thể thuật ra cho đủ được. Thiếp tôi khi theo cha làm quan ở đất Thục, cha thiếp rất yêu thiếp, biết thiếp thích ăn quả lệ-chi, nên chẳng tiếc nhiều tiền, tìm phương-kế mua cho lấy được, nghe chốn nào có giống lệ-chi tốt, thường cách một năm trước đem tiền đến tận gốc cây định giá mà mua, nên những quả lệ-chi thiếp tôi ăn, phần nhiều là hạng thượng-phẩm, dù chẳng được thượng phẩm cũng còn được là hạng trung - phẩm. nay những quả lệ-chi đem lại tiến-hiến đây, hình nó tròn dài, sắc nó nhạt mà nhiều gai, người đất Thục gọi nó là hạng lệ-chi gai hồ, là hạng rất kém trong giống lệ-chi, trách nào vị nó có đắng chua, chẳng thể sao nuốt được. Vả lại vật lệ-chi nó là cái vật tối-kị đề cách ngày ; phàm quả nào tự trên cây mới hái xuống thì chất nước nó ở trong p^hong-mãn ; ăn vào trong miệng người, đầy miệng ngọt thơm, răng lưỡi đều thanh-sáng

như là uống nước tiên-lộ quỳnh-trương vậy. Nếu để cách một hai ngày, thì chất nước của nó dần khô, mà cái vị ngọt thơm của nó cũng dần giảm. Ngoài năm ngày thì không còn chút hương-vị gì nữa. Nay thiếp tôi ăn quả lệ-chi này, biện-biệt cái vị nó, thì đại-ước nó đã lia cây có đến sáu bảy ngày, cho nên cái chân-vị của nó đã mất cả rồi, chẳng bằng quả long-nhãn vậy. »

Vua Minh-hoàng nghe Qui-phi nói lấy làm thán-phục, cười mà nói rằng : « Phi-tử tinh về cách biện-vật đến như thế khá gọi là bậc băng-tuyết thông-minh. Tự nay về sau trẫm sẽ truyền lệnh đặt từng trạm, án từng cung, trở từng danh-hiệu quả lệ-chi, mà bắt địa-phương tiến-công, như vậy là nên. » Qui-phi ngỏ lời cảm-tạ hai ba lần.

Sáng ngày mai vua Minh-hoàng ra coi châu truyền lệnh cho binh-bộ phải kiến-thiết ra từng điểm trạm, kén lấy hạng tuấn-mã trong thiên-hạ, để chuyên đệ giống lệ-chi, hạn trong năm ngày phải đem đến chốn kinh-sư, hễ sai hạn thì chiêu cái điều-lệ làm lỗi việc quân mà luận tội. Nếu hàng quan-lại và kẻ nhân-dân có người nào làm trở-ngại việc lệ-chi, hay là làm tổn-bại chất lệ-chi, những tình-hình ấy, thì chiêu cái điều-lệ hủy-thương cấm-vật mà luận tội. Lời chỉ-dụ ấy ban ra, nào là kẻ giồng lệ-chi, nào là kẻ có chức-trách về việc tiến-cống, khốn-nạn muôn phần. Ngựa thì phải đi cho hết sức ngựa thì mới kịp, hễ chết ngựa ấy lại thay ngựa khác ; khổ nhất là gặp khi trời mưa dầm, hay hoặc trời nắng nẫu, thì phần ngày lại dôi ra, mà chất lệ-chi lại hỏng đi, không dám tiến nữa ; khi đem đến chốn kinh-sư, mười phần lệ-chi khéo lắm chỉ còn được một phần, phí-tồn không biết bao nhiêu mà kể. Rồi thì khoáng đất Mãn đất Thục trong dân-gian nhiều-nhuong tao-động, không năm nào được yên.

Than ôi ! Vì một cái vật thị-biểu của Qui-phi mà khổ bao nhiêu người, chết bao nhiêu ngựa, tổn bao nhiêu của đến nỗi như thế, cái mầm đại-loạn đã gây lên từ đấy vậy. Đòi ấy có thơ rằng :

*Ngựa hồng trần Phi-tử mỉm cười,
Lệ-chi đem lại ai người đã hay.*

一騎紅塵妃子笑。
無人知是荔枝來。

Là ý chê mặt rằng vua Minh hoàng làm khốn trong thiên-hạ, để mua chuộc lấy một tiếng cười Phi-tử, muốn chẳng nguy-loạn cũng khó thay !

CHƯƠNG THỨ MƯỜI HAI

Qui-phi tỏ sự yêu-cầu

Qui-phi tự sau khi cùng Mai-phi tiếp-kiến, biết rằng dụng-mạo Mai-phi cũng chẳng kém mình, tuy vua Minh-hoàng nhất thời chẳng sủng-ái Mai-phi, nhưng ta đối với Mai-phi chẳng nên chẳng gia-y dễ-phòng.

Cách ngày chữa bao lâu, trong cung hốt-nhiên diễn ra một sự ghen-tuông tranh khí nòng-nàn khác thường. Vì vua Minh-hoàng cùng với Qui-phi cư-xử nhiều ngày, dần dần biết rằng Qui-phi là người cứng-cỏi ghen-tuông, yêu lâu cũng hơi sinh chán.

Một hôm sau khi lui chầu, vua Minh-hoàng, ngồi một mình ở chốn tiện-điện, hốt-nhiên nhớ đến Mai-phi, trong bụng nghĩ riêng rằng tài-mạo Mai-phi cũng chẳng kém gì Qui-phi, gia-dĩ tính lại mềm-mại không cứng-cỏi, thanh-nhã nòng-nàn, chỉ vì bình-nhật chẳng khéo phùng-nghênh, đến nỗi xếp bỏ ở chốn đờng-lầu. Mình tự hỏi mình, không khỏi là kẻ bạc-tình, chẳng biết trong tâm Mai-phi có oán-hận mình không. Vua nghĩ-ngợi hai ba lần, cái tâm đối với nghĩa cũ tình xưa không thể át đi được, mới sai viên nội-tự đem cho Mai-phi một hộp hạt trân-châu, để yên-ủi trong khi tĩnh-mịch. Mai-phi từ chối chẳng chịu nhận, lại

làm thơ trần-tạ, tình-tự bi-thiết. Vua Minh-hoàng mười phần cảm-dộng, ngày hôm ấy chẳng đến cung Quý-phi mà ở liền ngay chốn tiện-diện chờ đợi đến chiều, sai Cao Lực-Sĩ đem xe đón Mai-phi, đến nơi Như-các. Vua với Mai-phi lâu ngày mới tiếp-kiến bàn nói sự cũ, thâu đêm chẳng dứt.

Giữa ngày hôm ấy, sau bữa cơm trưa xong, Quý-phi ở trong cung Giao-hoa đốt hương thay áo, chuyên đợi thánh-giá lại, đợi mãi đến khi mặt trời đã lặn, mà vẫn y-nhiên không thấy tăm-hơi gì. Quý-phi mới chợt sinh ra lòng nghi-lự, bèn sai kẻ cung-ngà ra bên ngoài thám-thính, chẳng biết đấng vạn-tuế vì chính-sự phá-r-phồn thế nào mà đến giờ còn ở chỗ tiện-diện, được tin gì về báo.

Quý-phi đương dạn-dò kẻ cung-ngà chưa dứt lời, chợt thấy kẻ nội-thị đến cung Giao-hoa truyền thánh-chỉ rằng: « Đấng vạn-tuế vì thánh-thể hơi mỗi-một bất-hòa, tối hôm nay nghỉ-ngơi ở trong Như-các, chẳng lại cung Giao-hoa, dặn bảo cho bọn cung-nhân ở Giao-hoa, cứ sớm-sủa đóng cửa cung, bắt tất giữ cửa chờ đợi thánh-giá. » Kẻ nội-thị truyền chỉ-du xong, thì chạy như bay mà đi ngay, Quý-phi không kịp vẫy lại đề hỏi. Quý-phi nghĩ bụng rằng thói vua Minh-hoàng xưa nay chẳng một tối nào lìa vắng đàn bà, tối hôm nay há có cái lẽ ngủ một mình sao. Cái lời truyền-chỉ đó tất là cái lời giả-thác văn-sức không sai. Quý-phi suốt đêm ngủ-ngơi, chẳng yên giấc ngủ. Đến lúc trời sáng có kẻ cung-ngà là Niệm-Nò tự bên ngoài đi vào, bí-mật tâu rằng: « Triều-tý nghe đấng vạn-tuế tối hôm qua sai người đi triệu Mai-phi đến chầu ở trong Như-các, hiện bây giờ còn chưa trở dậy. » Quý-phi cả phát-nộ, xuất-lĩnh một bọn quan nội-giám, vừa kẻ cung-nữ đi thẳng đến Như-các.

Cao Lực-Sĩ nẻo xa-xa trông thấy Quý-phi đến, kíp vội-vàng vào trong các đánh thức vua Minh-hoàng, báo rằng Quý-phi đã đến. Vua Minh-hoàng ngồi choàng dậy, tinh-thần bàng-hoàng, chân tay luống-cuống. May Cao Lực-Sĩ chợt sinh ra được cái trí khôn mau-mẫn, sai ngay một viên hoàng-môn công Mai-phi đưa về Đờng-lâu đi thẳng. Quý-phi thì ngang-nhiên đi vào trong các, nhất-diện cả tiếng hờn-giận liên-thanh, nhất-diện sai người đi tra tìm ở trong các, thì ở bên gối vua tìm được một chiếc kim-trâm, dưới giường vua tìm ra được đôi giày phượng-lý. Quý-phi kĩ-càng biện-nhận, biết rằng là cái vật của Mai-phi. Vua Minh-hoàng khi ấy chỉ giả-cách như người si người điên, chẳng nói ra một lời. Quý-phi rức-lắc một hồi lâu, rồi nổi đến vật-vã than khóc. Vua Minh-hoàng không biết làm thế nào, hai ba lần lại trước mặt Quý-phi tạ lỗi. Cao Lực-Sĩ đứng bên cạnh cũng hết sức khuyên giải. Quý-phi mới thừa thễ ra oai, đối với vua Minh-hoàng dùng ý hiếp bách, tỏ sự yêu-cầu từ nay về sau, vô luận ngày nào có tật-bệnh hay là không có tật-bệnh, phải đến trong cung Giao-hoa yên ngủ. Còn như Mai-phi phải tức-khắc an trí vào nơi lãnh-cung, không được lai-vãng, mà tước bỏ cái vị-hiệu hoàng-phi đi. Vua Minh-hoàng sợ oai Quý-phi, phải nhất-nhất tuân-mệnh. Quý-phi mới hơi đẹp giận làm vui.

Quý-phi từ đấy, trong đã phế-truất được Mai-phi, ngoài cậy có thế-lực Dương Quốc-Trung và Lý Lâm-Phủ, không kiêng-sợ gì nữa.

CHƯƠNG THỨ MƯỜI BA

Quý phi cùng Minh-hoàng làm lễ thề nguyện

Quý-phi đã phế-truất được Mai-phi, lấy làm xừg-tâm khoái-y, không còn có si tranh đẹp cướp yêu với mình nữa.

Duy Qui-phi cũng là người đa-sầu đa-cảm, tự nghĩ rằng cái phú-quí ở kiếp này đành đã mười phần mất-lúc, duy những sự kiếp sau còn chưa biết thế nào, vua với mình tuy vợ chồng ân-ái nhưng gặp nhau đã muộn, khuôn duyên không khỏi có phần khuy-khuyết, không tròn vẹn đủ cả mười phần.

Một hôm, giữa đêm mồng bảy tháng bảy là đêm sao Ngưu sao Nữ cùng nhau hội-hợp, Qui-phi ở trong cung mở tiệc theo tục thường làm lễ khất-xảo (1).

Nhân nghĩ thầm rằng: « Ông Ngâu với bà Ngâu tuy hai nơi cách tở, nhưng một năm một lần gặp nhau, nghìn năm muôn kiếp không bao giờ có thời-kỳ gián-đoạn. Ta với chúa-thượng, ngày nay liên-ái, ngày khác vô-thường, muốn bắt-chước ông Ngâu bà Ngâu năm ấy năm khác, mỗi năm một lần hội-hợp, há thể được dư? » Qui-phi chợt nghĩ đến thế, chẳng khỏi lấy làm đau lòng, hạt lệ thánh-thót rơi xuống lúc nào không biết.

Khi ấy đêm đã hơi khuya, Qui-phi đứng tựa vào cái cầu-lợn bằng ngọc ở bên sân, tự mình đương ngâm-nghĩ, vua Minh-hoàng chợt từ bên ngoài đi vào, vội tiến lại gần, vô vào vai Qui-phi mà nói rằng: « Gió thu sương lạnh, Phi-tử đứng lâu ở giữa sân, chẳng hay khi lạnh có xâm-phạm đến mình không? » Qui-phi ngảnh đầu lại, trông thấy vua Minh-hoàng, làm bộ giọng cười, nắm lấy tay vua rồi cùng vua ngồi lên trên hòn đá. Vua Minh-hoàng nói rằng: « Cái điếm khúc của trẫm với Phi-tử cùng hưởng đây, có lẽ khiến cho Ngưu-lang với Chức-nữ ở trên khen mến chẳng xiết. Ta thử nghĩ mà coi, Chức-nữ với Ngưu-lang trong một năm chỉ có một đêm hội-hợp, mà trẫm với Phi-tử sớm sớm chiều chiều, không một khắc nào tương-li, như vậy thì vui gì cảnh thần-liên, mà người đời chỉ mến cảnh

thần-liên đó thay! » Qui-phi nghe lời vua Minh-hoàng nói, đôi mày cau lại, đôi kẻ mắt dường như có hạt lệ tuôn rơi, trông về vua Minh-hoàng, dường như muốn nói điều gì mà lại thôi, như thế đến hai ba lần.

Vua Minh-hoàng lấy làm quái lạ, mới đuổi cả cung-nữ đứng hầu ở bên cạnh đi, lúc ấy chỉ có vua với Qui-phi, hai người song-song kề vai cùng ngồi. Vua Minh-hoàng nói rằng: « Phi-tử có điều gì khổ-hận ở trong lòng, lúc này là lúc bên tả-hữu không có người, có thể nói rõ cho trẫm biết được. » Qui-phi sa giọt lệ mà nói rằng: « Thiếp tôi quá được sủng-ái, chết cũng chẳng quên, duy có nghĩ rằng sao Ngưu sao Nữ tuy-nhiên xa-cách, nhưng bao giờ cũng vẫn có thời-kỳ cùng nhau hội-hợp; thiếp tôi với chúa-thượng, ngày nay ân-ái khác thường, nhất đán thiên-thu vạn-luế về sau chắc đâu tránh khỏi sự sinh-ly tử-biệt, trên trời biển, dưới suối vàng, không có thời-kỳ thấy nhau nữa, há chẳng đau thay! Thiếp tôi xin rằng nhân buổi nay là buổi lương-tiêu, cùng với chúa-thượng cùng thế ở trước mặt hai ngôi sao, nguyện rằng đời đời kiếp-kiếp làm vợ chồng mãi, chưa biết chúa-thượng có chịu nghe không? » Vua Minh-hoàng cả mừng nói rằng: « Lời nói ấy của Phi-tử trẫm vốn sở-cầu mà chẳng được, há có lẽ chẳng nghe theo! » Vua tức-khắc vào trong cung, thay áo đội mũ, cùng với Qui-phi qui ở giữa sân, lòng thành làm lễ khấn bái, cúi xin đôi vị sao chứng-minh, kiếp này làm vợ chồng, kiếp sau lại làm vợ chồng. Khấn xong, vua với Qui-phi cùng đứng dậy, vui-vẻ khôn xiết, đánh thức mọi kẻ cung-ngã, cùng vào cung yên-nghỉ.

(Còn nữa)

TÙNG-VÂN dịch.

(1) Khất-Xảo = Xin nghề nghề của vị Thiên-tôn tức là sao Chức-nữ.

THỜI-ĐÀM

Việc thế-giới

Thế-giới đại-sự-ký

(Từ mồng 1 đến 30 tháng 10 năm 1930)

Mồng 1 tháng 10. — Trước Hội Vạn-quốc, ông FLANDIN là thương-vụ tổng-trưởng nước Pháp có diễn-thuyết nói nên dùng kế-hoạch quốc-tế mà can-thiệp vào cuộc khủng-hoảng kinh-tế trong thế-giới hiện nay.

— Ở Áo (*Autriche*), Giám-quốc MIKLAS hạ lệnh giải-tán Quốc-hội, định đến ngày 9 tháng 11 thì tuyên-cử lại.

— Ở Anh, khai kỳ Đế-quốc Hội-nghị lần thứ mười.

Mồng 2. — Ở Hội Vạn-quốc đã họp tiểu-ban để điều-hòa chàm-chước bản hiệp-ước Hội Vạn-quốc với bản hiệp-ước KELLOGG, xem ra có nhiều điều khó-khẩn lắm, có ý muốn hoãn đến năm 1931 sẽ thảo-luận.

— Hoàng-đế nước Nhật duyệt-y bản hiệp-ước hải-quân ký ở *Londres*.

Mồng 3. — Ở Hội-đồng Chính-phủ Pháp (*Conseil des Ministres*), quan Ngoại-vụ BRIAND và Thương-vụ FLANDIN trình bày về công-việc kỳ hội-nghị Hội Vạn-quốc. Hội-đồng lại cử ông GARDES, nguyên Toàn-quyền Tây-Phi-châu làm Toàn-quyền *Algérie*, còn chức Toàn-quyền Tây-Phi-châu thời cử ông JULES BRÉVIE hiện làm Thống-đốc thuộc-địa *Côte d'Ivoire* sung vào. Sau hết Hội-đồng định kế-hoạch đối-phó với cái chính-sách « phá giá » (*dumping* ⁽¹⁾) của nước Nga, quyết-nghị rằng từ nay hàng-hóa của Nga nhập-cảng Pháp phải xin phép mới được.

(1) Chính sách *dumping* là Chính-phủ giúp cho các nhà nghề nhà buôn chế đồ hàng xuất cảng rất rẻ, bán « phá giá » để cố tranh với hàng ngoại-quốc. Nước Nga gần đây cực-lực thi hành cái chính-sách đó.

— Hội Vạn-quốc duyệt-y bản báo-cáo của ông FIERLINGER đại-biểu nước *Tchécoslovaquie* về cách chính-đốn « Ủy-ban hiệp-tác về đường tri-thức » (*Commission de coopération intellectuelle*) của Hội Vạn-quốc.

— Hải-tướng TARABE, hải-quân tổng-trưởng nước Nhật, có dự Hội-nghị hải-quân ở *Londres*, nay xin từ chức, hải-tướng ABO lên thay.

Mồng 4. — Ở gần thành *Beauvais* (Pháp), chiếc hàng-không-thuyền (*dirigable*) của nước Anh hiệu *R. 101* đi sang Ấn-độ, bị cháy đổ xuống đất. Chết mất 47 người hành-khách, trong số đó có LORD THOMPSON là tổng-trưởng bộ Hàng-không nước Anh và SIR SEPTEN BRANCKER là trưởng cục Phở-thông-hàng không.

— Kỳ đại-hội-nghị thứ 11 Hội Vạn-quốc bế-mạc.

— Ở hạt *Rio-Grande-do Sul* nước *Brésil* (Nam-Mĩ), lại nổi loạn.

Mồng 5. — Ông CHAUTEPS là một tay lãnh-tụ đảng Cấp-tiến nước Pháp, diễn-thuyết ở *Montluçon* về kỳ hội-nghị đảng ấy sắp họp sau này, có chủ-trương đảng ấy cứ nên theo một chính-sách phản-đối và độc-lập đối với các chính-đảng khác.

— Hội-nghị các nước bán-đảo *Balkans* khai-mạc ở *Athènes*, kinh-đô nước Hi-lạp.

— Ở *Lahore* (Ấn-độ) có xảy ra việc mưu hại viên chánh cảnh-sát, nhưng không việc gì.

Mồng 6. — Các thợ mỏ ở nước Pháp bãi-công 24 giờ để biểu-tình. Không xảy ra sự gì kịch-liệt cả.

— Ở Anh, đảng lao-động họp hội-nghị đồng-niên tại *Alanduno*, chủ-tịch là LAURENCE công-nương, là chân nghị-viên làm thư-ký ở Bộ Vệ-sinh.

— Ở Lô-mã-ni, Nội-các bị đồ.

— Ở Mĩ, Giám-quốc HOOVER diễn-thuyết hai lần, nói về tình-hình kinh-tế nước Hoa-kỳ, và bác những lời thiên-hạ trách nước ấy là thi-hành chủ-nghĩa đế-quốc.

Mồng 7. — Chính-phủ Pháp hạ-lệnh đặt hôm nay là ngày quốc-tang để viếng những người bị hại về việc chiếc hàng-không-thuyền hiệu *R - 101* của Anh bị cháy tại *Beauvais* bữa trước. 47 người bị hại đóng quan chở về Anh. Quan Tổng - lý Nội - các cùng quan Tổng - trưởng bộ Hàng-không Pháp thân đến dự lễ cùng các quan-chức Anh.

— Có tin vua BORIS nước Bảo (*Bulgarie*) sắp lấy công-chúa GIOVANNA nước Ý.

— Ở *Brésil*, thiết quân luật. Chính - phủ cho triệu 42 vạn quân trừ-bị. 8 vạn quân nghịch tiến lên đánh thành *Rio-de Janeiro*.

Mồng 8. — Quan Giám-quốc Pháp GASTON DOUMERGUE rời *Paris* đi *Bretagne* để khánh - thành một chiếc chiến-hạm mới. — Quan Tổng-ly Nội-các ANDRÉ TARDIEU chủ-tọa tiệc đồng - niên của hội các nhà báo Anh Mĩ ở Pháp.

— Nội-các nước Đức nghe lời trần-thuyết của ngoại-tướng CURTIUS về việc xin sửa đổi lại chương - trình *Young* định các khoản bồi thường của Đức phải nộp cho Đồng-minh. Ngoại-tướng nói rằng trước khi xin sửa đổi chương-trình, nước Đức cần phải chỉnh-đốn tài-chính đã.

Mồng 9. — Quan Giám-quốc Pháp khánh-thành cái cầu lớn ở *Plougastel*

và chủ lễ phóng-thủy chiếc tuần-dương-hạm *Dupleix* tại cửa bể *Brest*. Trong bài diễn-thuyết, quan Giám-quốc có khuyên người Pháp nên đồng-tâm và nên cần-mật. — Quan Quân - vụ tổng-trưởng MAGINOT đi khám các thành-trị về miền đông-giới đã trở về *Paris*. — Đảng cấp-tiến họp hội-nghị ở *Grenoble*, thảo-luận kịch-liệt rồi ưng thuận lời bàn của ông CHAUTEUPS định cái chiến-lược của đảng tại Nghị-viện cùng đối với cuộc tổng-tuyên-cử sau này.

— Việc loạn ở *Brésil* vẫn còn chưa dẹp yên.

Mồng 10. — Hội-nghị đảng cấp-tiến định cái thái-độ của đảng đối với việc ngoại-giao, có lời khen cách hành-động của Ngoại-tướng BRIAND ở *Genève*, và đồng-thanh tuyên-bố cái chủ-nghĩa của đảng về việc quốc-tế tóm lại ba điều như sau: Trọng-tài, bảo-an và tài-bình (*arbitrage, sécurité, désarmement*).

— Đại-hội-nghị đảng Pha-si nước Ý quyết-nghị rằng hễ nước Pháp có chịu nhận cho nước Ý được bình-đẳng với Pháp về hải-quân thì cuộc thương-thuyết hai nước mới lại tiếp-tục, nếu không thì thôi.

— Nước Lô-mã-ni đã lập Nội-các mới.

Ngày 11. — Ở Pháp có lập một trường tư gọi là « Trường cao-đẳng về nghề hàng-không », nay làm lễ trao-nộp trường ấy cho Nhà-nước, có nghị-trưởng Thượng-nghị-viện cùng tổng-trưởng bộ Hàng-không chứng-kiến.

— Nhân việc loạn ở *Brésil*, nước Anh và nước Mĩ phái chiến-hạm đến đóng ở hải-phận nước ấy để bênh-vực cho người kiều-dân của mình.

— Nhà « Quốc-tế thanh-trái ngân-hàng » đương xem xét tình-hình về tài-chính nước Đức, cùng việc thương-thuyết với các nhà hăng, để vay cho Đức 125 triệu bạc (*dollars*).

Ngày 12. — Quan Giám-quốc Pháp rời Paris để đi Ma-lạc-kha (Maroc). — Hội-nghị đảng cấp-tiến họp ở Grenoble hôm nay bế-mạc giải-tán. — Đảng nông-dân Pháp (*parti agraire et paysan français*) mở một ngày biểu-tình ở Saint-Flour để yêu-cầu nhiều điều về nông-nghiệp.

— Cuộc công-trái 125 triệu bạc của chính-phủ Đức vay ở nước Mỹ, các nhà băng Mỹ bằng lòng cho vay, nhưng bắt phải có luật của Nghị-viện, và phải định rõ đảm-bảo về cách trả nợ sau này.

Ngày 13. — Quan Giám-quốc Pháp đáp chiếc đại-chiến-hạm Colbert ở cửa Toulon để sang Ma-lạc-kha, có quan Lục-quân tổng-trưởng đi theo. — Viện Dân-tộc-học (*Institut Ethnographique*) có cử một phái-bộ các nhà chuyên-môn để đi nghiên-cứu những thổ-dân ở miền Dakar-Djibouti, ở về đông-bắc châu Phi. — Ở Pháp hôm nay lại họp hội-nghị những người Pháp kiều-cư ở ngoại-quốc.

— Ở Đức nghị-viện nghỉ hè xong mới bắt đầu họp. Nhân kỳ họp đầu này các đảng biểu-tình lộn-xộn cả. Ở đường-phố thành Berlin, đảng quốc-gia-xã-hội là đảng mới thắng kỳ tổng-tuyển-cử vừa rồi, bày ra lắm việc bạo-động, phá-phách những cửa hàng của người Do-thái, làm phiền-nhiều cho cảnh-sát.

— Ở Varsovie (Ba-lan), mới xét ra một việc âm-mưu hại Thống-tướng PILSUDSKI.

— Có tin nghị-viện nước Ai-cập sẽ bị giải-tán.

Ngày 14. — Các tàu phóng-ngư-lôi và tàu ngầm của đoàn hải-quân thứ nhất của Pháp ở Địa-trung-hải, hôm nay diễn-tập ở trước chiếc thiết-hạm Colbert, có quan Giám-quốc chứng-kiến.

— Ở Tây-ban-nha, thợ các xưởng sắt hải-công, xem ra có vẻ bạo-động.

Ngày 15. — Quan Giám-quốc đến cửa Casablanca ở Ma-lạc-kha, quốc-vương ra đón, quan chánh công-sứ Pháp là ông SAINT diễn-thuyết nói về chính sách Pháp ở Ma-lạc-kha.

— Ở Đức, nghị-viện bầu nghị-trưởng. Ông LEBBE được 269 vé trúng cử, còn ông CHOLTZ, là người của đảng HITLER thì được có 209 vé.

Ngày 16. — Quốc-vương Ma-lạc-kha nghênh-tiếp quan Giám-quốc ở trong cung. Quan Giám-quốc diễn-thuyết nói nước Pháp thi-hành cải chính-sách bảo-hộ, cốt vẫn giữ lấy khoan-dung đại-độ.

— Ở Đức, thủ-tướng BRÜNING tuyên-bố chính-kiến của Nội-các ở Nghị-viện, xem chừng cũng được phần đa-số của Nghị-viện tán-thành.

Ngày 17. — Ở Pháp có tin định triệu-tập Nghị-viện vào ngày mồng 4 tháng 11.

— Ở Đức Nghị-viện quyết-nghị trừ một khoản gọi là khoản tiêu-trái để đảm-bảo cho cuộc quốc-trái 125 triệu. Phái kinh-tế ở Nghị-viện lại quyết-nghị một lời thỉnh-cầu hoãn việc thi-hành chương-trình Young.

Ngày 18. — Ở Nghị-viện Đức, Nội-các BRÜNING được thắng, tính số vé được 318 vé tán-thành Nội-các, đối với 236 vé phản-đối.

Ngày 19. — Ở Lỗ-mã-ni chính-phủ bắt được một bọn trinh-thám của Nga.

— Ở Nga, ủy-viên bộ tài-chính cùng viên chánh quản-lý nhà Quốc-gia ngân-hàng bị cách-chức.

Ngày 20. — Ở Pháp nhân có kẻ phao-truyền những tin-tức bậy để gây cuộc khủng-hoảng tại nơi thị-trường các giá.

phiếu (*Bourse*) nên chính-phủ có giao cho cảnh-sát tra xét. — Nhà Đại-Pháp Kịch-trường (*COMÉDIE FRANÇAISE*) làm lễ nhĩ-bách ngũ-thập chu-niên.

— Ở Ti-lợi-thì, chính-phủ định bắt các đồ hàng Nga nhập-cảng phải xin phép trước.

— Ở Nga, chính-phủ trừ kế-hoạch để đối-phó lại các nước muốn hạn-chế các đồ hàng nhập-cảng của Nga.

Ngày 21. — Quan Giám-quốc Pháp đáp tàu ở *Casablanca* để về Pháp. — Tòa Nội-các họp hội-đồng để định chương-trình các công-việc đệ ra Nghị-viện, và định triệu-tập Nghị-viện vào ngày mồng 4 tháng 11. Ở Hội-đồng, quan Thuộc-địa-bộ Tổng-trưởng PIÉTRI có bản định các kế-hoạch để bênh-vực cho các sản-vật thuộc-địa. — Hai ông Nghị-viện TAITTINGER và SOULIER, lập một chính-đảng mới, tên là «Quốc-gia xã-hội công-hòa đảng» (*parti républicain national et social*).

-- Việc trình-thám ở Lô-mã-ni xét ra to lắm, hiện bắt nhiều người trọng-yếu, trong số đó có cả một viên cảnh-sát-trưởng

— Hội-nghị người Do-thái họp ở *Washington* phản-đối lời tuyên-bố của Nội-các Anh về chính-sách nước Anh ở *Palestine*.

— Việc loạn ở *Brésil* càng ngày càng to. Ông VARGAS là người cạnh-tranh với Giám-quốc JUILS PRESTES, công-ubiên đứng đầu bọn phản-nghịch.

Ngày 22. — Ở Pháp, Bộ Dự-toán thông-tư cho các nhà buôn nhập-cảng biết thế-lệ của Nhà-nước định kiểm-soát các đồ hàng nhập-cảng của Nga.

— Cái án trình-thám ở Lô-mã-ni, xét ra là chủ-trương tự một bộ trung-ương đặt ở thành *Vienne* nước Áo, mà là hành-động cho chính-phủ Xô-viết nước Nga.

— Giám-quốc Mĩ Hoover hạ lệnh cấm người nước Mĩ không được bán

khi-giới cho đảng khởi-nghịch nước *Brésil*.

Ngày 23. — Quan Giám-quốc Pháp ở Ma-lạc-kha về đã đến cửa *Toulon*. — Nhà bác-vật-học PIERRE TERMIER, có chân hội Khoa-học bác-sĩ tạ-thế.

— Ở Ai-cập, vua FOUAD tuyên-bố Hiến-pháp mới cho nước Ai cập.

Ngày 24. — Hai nhà Phi-hành Pháp COSTES và BELLONTE ở Mĩ về, đỗ tàu ở cửa *Havre*, thiên-hạ hoan-nghênh lắm. — Nhà số-học trứ-danh PAUL APPELL, có chân Hội Khoa-học bác-sĩ tạ-thế.

Ông MAGINOT là Lục-quân tổng-trưởng nước Pháp ở Ma-lạc-kha về, có qua kinh-đô nước Tây-ban-nha, được chính-phủ nghênh-tiếp trọng-thế.

— Ở *Brésil*, đảng khởi-loạn được quân nhà-nước về bẻ vơi, xem chừng thắng-thế. Giám-quốc WASHINGTON LUIZ phải từ-chức và chạy trốn. Tướng BARRETS lập một chính-phủ lâm-thời.

Ngày 25. — Hai nhà Phi-hành COSTES và BELLONTE cưỡi máy bay hiệu *Point d'interrogation* tự cửa *Havre* về trường bay *Bourget*, công-chúng hoan-nghênh lắm. Liên đẫy được nghênh-tiếp ở nhà Thị-sảnh thành *Paris* và ở điện quan Giám-quốc. — Quan Thuộc-địa-bộ Tổng-trưởng khai cuộc «Phổ-thông diễn-thuyết» (*Conférences populaires*), có tổng thuật về tình-hình các thuộc-địa Pháp. — Nhà sinh-lý-học trứ-danh E. GLEY có chân Hội Y-học bác-sĩ, tạ-thế.

— Vua Boris nước Bảo và công-chúa GIOVANNA nước Ý làm lễ cưới tại *Assise* (Ý).

Ngày 26. — Hội Hàn-làm nước Ý làm lễ bách-chu-niên nhà văn-hào Pháp FRÉDÉRIC MISTRAL, đã có công chấn-hưng tiếng *Provençal*.

— Đảng cách-mệnh ở *Brésil* lập tòa Nội-các mới.

— Ở Ấn-độ ông SEN GUPTA, là chủ-tịch lâm-thời của Hội-nghị Đại-Ấn-độ (*Congrès Panhindou*) có lệnh bắt ở Bombay.

Ngày 27. — Ở Londres làm lễ trao giấy duyệt-y tờ hiệp-ước hải-quân nước Anh, nước Mỹ và nước Nhật.

Ngày 28. — Ở Anh, Nghị-viện khai-mạc, Hoàng-đế đọc diễn-văn (*discours du Trône*).

Ở Washington (Mỹ), ban ủy-viên xét về thuế Thương-chánh hợp lần đầu.

— Ở Ấn-độ, ông GOKHALE là chủ-tịch Hội-nghị Đại-Ấn-độ có lệnh phải bắt.

Ngày 29. — Chính-phủ Pháp đặt tiệc mừng hai nhà phi-hành COSTES và BEL-LON quan tổng-lý nội-các cùng quan tổng-trưởng bộ Hàng-không đều có diễn-thuyết.

— Ở Anh, Hội-nghị Đế-quốc định rằng từ nay chức Tổng-đốc các thuộc-địa tự-trị của nước Anh (*dominions*) sẽ do Hoàng-đế cử.

— Ở Ankara, kinh-đô nước Thổ, có đặt tiệc mừng nhà Chính-trị nước Áo là bá-tước BETHLEN, thủ-tướng Thổ ISMET PACHA diễn-thuyết chúc-tụng, hai người đều đồng-thanh yêu-cầu nên sửa đổi lại các điều-ước ký sau cuộc chiến-tranh vừa rồi.

Ngày 30. — Ở Anh, các đại-biêu đảng bảo-thủ họp hội-đồng có một phe yêu-cầu không bầu cho ông BALDWIN làm chủ-tịch đảng nữa, nhưng đại-đa-số không bằng lòng, khi đầu-phiếu thì được 462 vé tái-cử cho ông, đối với 116 vé phản-đối.

— Ở Hi-lạp, có mưu việc chính-biến để cho tướng PANGALOS lên cầm quyền, nhưng việc bại-lộ, nhiều người bị bắt, chính tướng PANGALOS cũng bị bắt.

Ngày 31. — Ở kinh-đô Thổ Ankara ký điều-ước thân-thiện hai nước Hi-lạp và Thổ-nhĩ-kỳ.

Thời-cục nước Tàu. — Đại-thế Trang-hoa cuộc phân-tranh nay đã gần đến kỳ thống-nhất, tuy rằng Diêm, Phùng thất-bại chưa ra khỏi nước, nhưng thế-lực đã tan-tác, mà các tướng thì phần nhiều đã qui-phục về Nam-king, không thể chống lại với Tướng Giới-Thạch được nữa. Gần đây có tin Diêm đã bí-mật lên qua Thiên-tân rồi đến Đại-liên, ở tạm lại một nơi ngoài thành-phố, thái-độ buồn-bã, tỏ ý hối-hận việc mình làm. Chừng Diêm ở đó ít lâu rồi tìm đường sang Nhật.

Trương Học-Lương có phái Lưu-Dự-Phai đến thăm Diêm kh yên nên mau mau xuất-dương, vấn-đề quân-chính thiện-hậu, sẽ xử-tử được chu-đáo, xin cứ yên lòng.

Sau khi Diêm Tích-Sơn bỏ đi, các tướng bộ-hạ lại chia làm ba phái, phái nào cũng chực chiếm lấy chính-quyền, phái thì theo Thương-Chấn, phái thì theo Phó Tác-Nghĩa, phái thì theo Từ Vĩnh-Xương, ý-kiến không hợp nhau, phái nào cũng nói xin chịu trách-nhiệm thiện-hậu.

Còn Phùng Ngọc-Fường thì có tin rằng đã đổi lối làm như người thường đi xe hơi đến Thiên-tân, người tùy-tùng chỉ có một viên bí-thư, hiện ngụ trong nhà người thân-thích ở tô-giới Anh, hành-động rất bí-mật. Kỳ xuất-dương chưa định.

Tướng Giới-Thạch thì khi đến Giang-tây, khi qua Hán-khẩu để tiểu-trừ đảng cộng-sản và bọn thổ-phi. Sau khi Fướng đi Giang-tây thì chức viện hành-chính do Hà Ứng-Khâm tạm thay.

Tướng tổ-chức bộ hải-lục không-quân tổng-tư-lệnh ở Nam-xương. Tướng có tuyên-bố phạm đảng Cộng-sản có ai đầu-hàng hay mang khi-giới về hàng đều được tha cả, bắt sống hay đánh chết được người đảng Cộng-

sản đem nộp đều có trọng-thưởng. Hiện quân-đội tiêu Cộng có hơn 30 vạn người, lại có 20 chiếc tàu chiến có súng trái-phá, và 30 chiếc máy bay.

Tướng Giới-Thạch cùng các tướng-lãnh đã quyết-nghị do tỉnh Hồ-bắc, Hồ-nam, Giang-tây, Phúc-kiến liên-hiệp tiêu-trừ đảng Cộng-sản, quân-đội Hồ-bắc do Hà Thành-Tuấn chỉ-huy, quân-đội Hồ-nam do Hà Kiện chỉ-huy, quân-đội Giang-tây do Lô Địch-Bình chỉ-huy, quân-đội Phúc-kiến do Chu Thiệu-Lương chỉ-huy. Lại đặt một tiêu-phi tổng bộ chịu những trách-nhiệm chỉ-huy và hoạch-sách.

Tướng lại định thân đến Tây-an (tỉnh lý Thiểm-tây), triệu-tập các nhà đương-cụ trong đảng và quân-giới, chính-giới mở một cuộc hội-nghị, bàn về vấn-đề thiện-hậu miền tây-bắc và phương-pháp mở-mang miền ấy.

Trương Học-Lương từ khi dự hội ở Nam-kinh xong rồi liền về Bắc-bình.

Trương Tác-Tướng vì thấy ở bờ cõi hai tỉnh Cát-lâm, Hắc-long-giang thời thường phát-biến những đảng loạn Nhật Nga, nên điện giục Trương Học-Lương phải trở về Liêu-ninh ngay, để cho được trở về Cát-lâm tọa-trấn và trụ-lĩnh mọi việc. Nay Trương đã từ-biệt Bắc-bình trở về Thẩm-dương rồi.

Các chức bộ-trưởng mới. — Chính-phủ quốc-dân đã hạ lệnh cử các chức bộ-trưởng như sau này :

Nội-chính bộ-trưởng : Lưu Thượng-Thanh ;

Ngoại-giao bộ-trưởng : Vương Chính-Đình ;

Tài-chính bộ-trưởng : Tống Tử-Văn ;

Quân-chính bộ-trưởng : Hà Ứng-Khâm ;

Hải-quân bộ-trưởng : Dương Thụ-Trang ;

Giao-duc bộ-trưởng : Cao Lỗ ;

Giao-thông bộ-trưởng : Vương Bá-Quần ;

Thiết-đạo bộ-trưởng : Tôn Khoa ;
Thực-nghiệp bộ-trưởng : Khổng Tường-Hi

Hai bộ nông-khoảng và công-thương trước kia, nay đều hợp lại làm một bộ thực-nghiệp.

Đổi lại quân-đội. — Số quân-đội cả nước hiện có 200 sư-đoàn, Tướng Giới-Thạch định đổi lại làm 60 sư-đoàn quân trung-ương, 40 sư-đoàn quân quốc-phòng. Lại như ở Tứ-xuyên hiện có 50 vạn người, định đổi làm 12 sư-đoàn.

Chánh-phủ trung-ương cho rằng hiện nay quân-sự đã kết-thúc, những chức tổng chỉ-huy và quân-trưởng đến ngay nguyên-dân đều bỏ đi cả.

Bỏ các điều-ước bất-bình-dẳng. — Hồ Hán-Dân có diễn-thuyết về việc bỏ các điều-ước bất-bình-dẳng, đại ý nói tất phải tuân lời di-chức của lôn-lông-ly, trong một thời-kỳ rất ngắn phải làm cho được, nước Anh vốn có lòng thân-thiện với Trung-hoa. Vậy mong rằng nước Anh chớ nên lần-khân giữ mãi quyền-lợi đặc-biệt nữa.

Mở mang thế-lực ở nước ngoài. — Tổng-trưởng bộ ngoại-giao Vương Chính-Đình vừa rồi diễn-huyết cái kết-quả về việc ngoại-giao trong năm 1930 này, có nói chính-phủ Trung-quốc đã đặt tam lãnh-sự ở bên ngoài, lại sắp đặt thêm tám sở nữa. Chính-phủ Trung-quốc hiện đang cùng các nước thương-nghị về vấn-đề hoạt-động ở bên ngoài của đảng Quốc-dân, để được cái cơ-hội tuyên-truyền tự-do.

Bỏ thuế li-kim. — Tướng Giới-Thạch có điện cho các tỉnh nói thuế li-kim là một cái tệ-chính làm hại người buôn-bán và nhân-dân trong vài mươi năm nay, lần này do cuộc hội-nghị trung-ương toàn-thể đã quyết-nghị định ngay mồng một tháng giêng năm Dân-quốc thực hành bỏ đi. Vậy các tỉnh không được lấy cớ gì mà xin hoãn, cho dù

có ảnh-hưởng ngay đến nguồn lương và số kinh-phí về việc chính-trị, cũng nên đem cái tinh-thần hi sinh cố qua cái lòng quả-quyết rất lớn, dù khó-khăn thế nào cũng không tránh, dù ngăn-trở thế nào cũng không sợ. Trung-Chính này vì lẽ có quan-hệ đến chức-trách, càng cần phải quyết-chí phụng-hành, nếu kẻ nào bên ngoài vâng theo mà bên trong vẫn trái lệnh, chiếu theo quốc-pháp sẽ không dung-thứ. Việc bỏ thuế li-kim lần này có thể thực-lực phụng-hành hay không, thực là một điều phân-biệt đảng cách-mệnh và bọn phân cách-mệnh vậy.

Điều lệ đại-xá. — Viện lập-pháp đã sửa lại xong bản thảo án, nói về các tội đại-xá, cộng có 7 điều, đệ-trình chính-phủ quốc-dân để ngày nguyên-dán công-bố thi-hành. Điều cốt-ếu ở trong nói phạm những chính-trị phạm từ trước ngày 31 tháng chạp năm Dân-quốc thứ 19 đều được tha tội, chỉ có những kẻ thủ-ác trong việc làm loạn ở Quảng-châu ngày 16 tháng sáu năm Dân-quốc thứ 11, những kẻ thủ-ác trong việc tổ-chức ra nguy-chính-phủ ở Bắc-bì h ngày 15 tháng 9 năm Dân-quốc thứ 19 và những kẻ Cộng-sản không chịu ra thú, cùng những kẻ làm việc bán nước đều không được tha tội.

Cấm phản-đối chủ-nghĩa tam-dân. — Viện lập-pháp đã định đạo luật mới về việc làm báo, tổng cộng có 44 điều, trong đó có qui-định phạm các báo ra hằng ngày hay những thứ xuất-bản từng kỳ, cấm không được công-kích chủ-nghĩa tam-dân của đảng quốc-dân và những bài ngôn-luận hay ký-tải khác làm thiệt-hại đến chính-phủ quốc dân và nhân-dân Trung-hoa. Lại những thứ tân-văn làm nguy-hại trị-áo và phá-hoại đạo-dức, cũng cấm không được đăng-tải. Các báo ngoại-quốc nếu trái luật làm báo ấy, bộ nội-vụ được hạ

lệnh cho sở hải-quan tịch-biên và đóng cửa.

Nghiêm-cấm các nghề bói toán, địa-lý và xem tướng. — Xét ra trong thành-phố và các nơi đô-hội, hằng ngày vẫn có nhiều kẻ làm nghề bói toán xem đất và xem tướng, lẫn lút kiếm ăn, nên chính-phủ Quảng-châu lại hạ lệnh cho cục xã-hội phải thực-hành việc nghiêm-cấm những kẻ ấy, không được làm nghề ấy nữa, những kẻ nào vì mắt mù, vì tay chân tàn-phế, vì già yếu không tự sinh-hoạt được, giao cho viện bản-dân giáo-dưỡng thu nuôi, còn những kẻ lành mạnh đều bắt phải đòi chọn nghề chính-đáng mà làm, không được còn theo những nghề mê-tin ấy để làm mê - hoặc lòng người mãi, kẻ nào không tuân sẽ trọng-trị.

Triệt bỏ quyền lãnh-sự tài-phán — Bản dự-án về việc triệt bỏ quyền lãnh-sự tài-phán, chính-phủ quốc-dân đã thảo xong, lấy lẽ không hại đến quốc-quyền và thích-hợp với hoàn-cảnh hiện-thời đạt tới cái mục-dịch thực-hành việc triệt bỏ làm nguyên-tắc, Nội-dung bản dự-án như sau này :

1. — Ở Nam-kinh, Thượng-hải, Thiên-tân, Hán-khẩu, Quảng-đông đặt ra năm tòa án đặc-biệt ;

2. — Các tòa án ấy đều cho được đón một số ít người ngoại-quốc tinh-thông pháp-luật và hiểu rõ tập-quán các nước làm viên cố-vấn ;

3. — Chức quyền các viên cố-vấn chỉ được tỏ bày ý-kiến với các quan thẩm-phán. Lúc có cần ra, phải do quan chánh-tòa cho được ra tòa xét hỏi, nhưng quyền phán-quyết vẫn thuộc về quan tòa ;

4. — Người đương-sự hai bên nguyên bị nếu đều là người ngoại-quốc, thì được chước-lượng vẫn dùng pháp-luật ngoại-quốc ; nếu việc tố-tụng mà bên nguyên là Trung-hoa bên bị là ngoại-quốc, thuộc về hình-sự thì theo

hình-pháp mới Trung-quốc, dân-sự như các việc rắc-rối về trái-quyền, phiếu-cử, bất-động-sản, thì theo dân-pháp mới Trung-quốc, thuộc về vấn-đề thừa-kế và hôn-nhân thì cho dùng pháp-luật ngoại-quốc.

5 - Những giấy đòi, giấy bắt của tòa-án phát ra, đều theo như cách làm bấy lâu ; lại định ra cách bảo-thăm, là những người bị-cáo về dân-sự, hình-sự, tòa án xét là có điều khẩn-yếu, có đủ các điều bảo-chứng thiết-thực, thì được tùy thời cho ra ngoài đợi xét.

Còn sự quản-lý trong ngục giam cũng qui-định rõ ràng.

Tôn Khoa có tuyên-bố với các ký-giả các báo rằng: Việc triệt bỏ quyền lãnh-sự tài-phần thế nào cũng thành-hiệu, hai nước Anh, Mỹ đã tán-thành, không còn e ngăn-trở. Vì hiện nay sự rất trọng-yếu trong quốc-tế là vấn-đề kinh-tế, nếu lợi hại về kinh-tế mà cùng nhau thì dù thù cũng là bạn, trái thế thì dù bạn cũng là thù, đã thành ra cái thế xác-định trong việc ngoại-giao. Nước Anh vì có hơn hai trăm vạn người thất-nghiệp, sự sinh-hoạt chịu ảnh-hưởng có đến ngàn vạn người, nước Mỹ có hàng trăm vạn người thất-nghiệp, sự sinh-hoạt chịu ảnh-hưởng có hơn hai ngàn vạn người. Hiện nay các nước đều mong Trung-quốc dung nạp hết cho những nguyên-liệu và công-nghệ-phẩm quá thừa. Chủ bán đối với khách mua, tất là phải ở ra lòng tử-tế. Cho nên các nước, đối với vấn-đề triệt bỏ quyền lãnh-sự, sẽ không giữ cái ý-kiến sai lầm như trước, để gây mãi ác-cảm với người Trung-hoa, để nên kinh-tế phải chịu thiệt-hại rất lớn. Vậy đó là cái dịp tốt của Trung-quốc, nếu người nước trên dưới cùng lòng, cố sức về việc kinh-tế kiến-thiết thì việc triệt bỏ quyền lãnh-sự tài-phần không đầy nửa năm sẽ giải-quyết xong.

Tinh-thần của nước Trung-hoa nói. - Công-sứ Trung-hoa là Ngũ

Triều-Khu ở nước Mỹ vừa rồi dùng máy truyền-thanh tại đài vô-tuyến Washington diễn-thuyết về thời-cục Trung-quốc, nói chính-phủ quốc-dân đã dẹp yên nội-loạn, khôi-phục nền hòa-bình cả nước, chắc thương-nghiệp có thể nhân cái chuyển-cơ ấy, mà khiến cho cái nổi khốn-ách về kinh-tế cả thế-giới ngày nay đang mắc đây, có thể bớt nhẹ đi được. Cái tinh-thần của nước Trung-hoa mới ngày nay có thể nói gồm một lời là: « cải-cách ». Sự biến ở Trung-hoa ngày nay thực là do cái thời-đại rất trọng-yếu mà dẫn vào lịch-sử thế-giới.

Ngũ Triều-Khu nói như vậy là cho rằng sự ảnh-hưởng đến số nhân-dân một phần tư cả thế-giới, tức là ảnh-hưởng đến cả Trung-quốc. Quốc-dân Trung-quốc ngày nay biết rõ cái cạnh-tranh của các nước trong sự tiến-bộ ở cái thời-đại đổi mới này, không thể không đem cái tập-tục cổ-lai của Trung-quốc cùng cái văn-minh mới của Thái-Tây cùng dung-hợp. Trung-quốc không phải là đều bắt-chước hết như Thái-Tây, hiện đang chọn những cái hay đặc-biệt của văn-hoa mới, cùng cái hay đặc-biệt của văn-minh cũ, cùng nhau so-sánh, bỏ cái nọ, dùng cái kia, hay là kiêm dùng cả hai.

Ngũ Triều Khu lại lần lượt kể thứ-tự về các công-việc chính-phủ quốc-dân đã làm hay sắp làm để làm chứng. Lại nói những việc bắt cóc các giáo-sĩ và sự hoạt-động của bọn thổ-phỉ cùng đảng Cộng-sản, đều là gian-mưu của phái phản-động chực làm hại chính-phủ, nay Tuồng-tổng-tư-lệnh thân đi tiêu-trừ, chẳng bao lâu sẽ dẹp yên được cả.

Các nước tranh nhau đem tư-bản vào Trung-hoa. - Có tin ở sứ-quán Mỹ ở Bắc-bình nói rằng Trung-hoa thống-nhất, cục-diện đã vững bền, quốc-tế sẽ bắt đầu đem tư-bản đến. Hiện các tài đoàn Âu, Mỹ có chỉ đem tư-bản đến

Trung-hoa, đang dự-bị một cuộc cạnh-tranh to.

Tình-hình Quảng-tây. — Hai yếu-nhân ở Quảng-tây là Hoàng Thiệu-Hùng và Ngũ Đình-Dương đều có lòng sốt-sắng mưu cuộc hòa-bình. Hoàng có phái đại-biêu đến Nam-kinh yết-kiến Tướng Giới-Thạch, tỏ ý hối-bận về việc cùng Lý Tôn Nhân và Bạch Sùng-Hy phản-kháng chính-phủ trung-ương và xin chịu trách-nhiệm dẹp yên tỉnh Quảng-tây. Tướng đã bằng lòng, giục Hoàng đến Nam-kinh để bàn mọi việc.

Có tin rằng hôm vừa rồi Hoàng Thiệu-Hùng là yếu-nhân Quảng-tây đã đi qua Bắc-kỳ đến Hương-cảng rồi lên Nam-kinh yết-kiến Tướng Giới-Thạch, để bàn về việc dẹp yên thời-cục Quảng-tây.

Nhật-bản với việc đường hỏa-xa Nam-Mãn. — Chính-phủ Trung-hoa ưng-chuẩn bản nghị-định của các quan Mãn-châu về việc thi-hành cái chương-trình đặt đường hỏa-xa cùng theo một lối với đường hỏa-xa Nam-Mãn của Nhật. Nay mai sẽ bắt đầu xây ba đường hỏa-xa mới, phí-tồn mất 90 triệu đồng.

Ở Đông-kinh lấy làm náo-động về việc ấy. Các lãnh-tụ chính-trị, và các ông-quản-lý hỏa-xa họp hội-đồng có quyết-nghị mấy điều :

1— Tỏ tình phản-kháng với Trung-hoa về cái thái-độ bất-thân-thiện của Trung-hoa trong việc cố sức đặt ở Mãn-châu một đường hỏa-xa cạnh-tranh với các đường Nam-Mãn ;

2— Xiu Trung-hoa nên thôi, đừng cạnh-tranh nữa. Người Nhật cho người

Trung-hoa được hưởng quyền-lợi trong đường Nam-Mãn, mà người Nhật hưởng quyền-lợi trong đường hỏa-xa của Trung-hoa. Chính-phủ Đông-kinh lại xin cho vay tiền để mua các đồ-đạc dùng về hỏa-xa ;

3° — Nhật-bản sẽ cử đại-biêu sang Mãn-châu để cố-động cho các chính-sách Trung, Nhật đều huê.

Kỳ-thực chính-phủ Nam-kinh biết rằng nay mai liệt-cường sẽ trả cho Trung-hoa các đặc-quyền đã chiếm được, chỉ còn có Nhật-bản là cứu-dịch của Trung-hoa mà thôi, nên đem hết sức chống-cự với Nhật-bản không cho can-thiệp vào trong nước, nhất là ở Mãn-châu. Có lẽ vì cái cơ ấy mà Trương Học-Lương thân-thiện với Nam-kinh chẳng.

Trung, Nga giao-thiệp. — Chính-phủ Nga ở *Moscou* vừa gửi giấy đến Phụng-thiên phản-kháng rất kịch-liệt về việc hành-động của bọn Bạch-Nga ở Mãn-châu và việc cử M. Pijdkok, lãnh-tụ phái phản-Cộng, làm cố-vấn binh-vụ ở Phụng-thiên. Nga cho việc làm của Phụng-thiên không có vẻ thân ái và tinh-cách trái hẳn với điều-ước *Habarovsk*.

Có tin người Nhật nói rằng cuộc hội-nghị Trung, Nga vì lẽ mở rộng phạm-vi, khôi-phục hai việc bang-giao và thông-thương. Nghe đâu chính-phủ Quốc-dân định dùng Cố-Duy-Quân thay Mạc Đức-Huệ làm chức toàn-quyền đại-biêu.

Việc trong nước

Các việc xảy ra trong nước từ 15 Novembre đến 15 Décembre

Bầu bang-trưởng của người Hoa-kiều ở Hà-nội. — Ngày thứ bảy 15 Novembre người Hoa-kiều ở Hà-nội họp bầu chức chánh-phó bang-trưởng bang

Quảng-dông và bang Phúc-kiến. Ông Loc-Lin-Voun và Sine-Koan-Vay được bầu làm chánh-phó bang-trưởng bang Quảng-dông. Ông Phéol và Sou-Bien được bầu làm chánh-phó bang-trưởng bang Phúc-kiến.

Hành-hình năm người can việc Lâm-thao Hưng-hóa. — Ngày 22 Novembre tại Phú-thọ đã đem hành-hình 5 người trong số 10 người bị hội-đồng đề-hình kết và 9 tử-lội ngày 26 Mai trước vì can việc Lâm-thao Hưng-hóa. 5 người này là Nguyễn Văn-Toại tức Hồ-Thủy, Trần Văn-Hợp, Phạm Nhật tức Hồ-Điểu, Lê Xuân-Huy tức kỹ Huy, Bùi Văn-Mai tức Lý Mai. — còn 5 người kia được quan Giám-quốc ân-giảm làm tội khổ-sai chung-thân,

Hội-đồng bảo-hộ — Ngày 24 Novembre họp hội-đồng Bảo-hộ, do quan Thống-sứ ROBIN chủ-toạ. Hội-đồng xét các đơn xin chống án của những người quốc-sự-phạm bị hội-đồng đề-hình họp ở Hải-dương xử vira rồi.

Án ông phủ Đỗ Kim-Ngọc. — Ngày 25 Novembre tòa Thượng-thẩm Hà-nội kết án ông Đỗ Kim-Ngọc nguyên tri-phủ Lâm-thao can việc tham-lang. Án phạt 3 năm tù, 200 bạc tiền phạt và phải bồi-thường lại các món tiền ăn của dân.

Nghị-viện Pháp chuẩn y cuộc mộ-thải thuộc-địa. — Nghị-viện Pháp đã đầu-phiếu chuẩn-ưng cuộc mộ-thải thuộc-địa. Quan Toàn-quyền PASQUIER có gửi điện về các quan Thuộc-địa bộ Thượng-thư, nói rằng cuộc công-thải này sẽ giúp cho việc mở-mang kinh-tế Đông-dương được nhiều.

Quan Toàn-quyền PASQUIER về Pháp. — 4 giờ rưỡi chiều ngày 26 Novembre quan Toàn-quyền PASQUIER đáp xe hỏa xuống Hải-phòng để về Pháp. Sáng hôm sau lúc sắp xuống tàu ở Hải-phòng, thì xét ra tàu Claude Chappe bị hỏng máy, nên quan Toàn-quyền và các quan tùy-lùng lại do đường bộ vào Nam-kỳ. Từ Sài-gòn về Pháp, quan Toàn-quyền sẽ dùng máy bay của hai nhà phi-hành GOULETTE và LALOUETTE.

Hội-đồng đề-hình tại Hải-phòng. — Hội-đồng đề-hình đã bắt đầu họp ở Hải-phòng ngày 27 Novembre để xét những người bị-can về các việc quốc-sự ở Hải-phòng và Kiến-an.

Nhà phi-hành GOULETTE diễn-thuyết ở Hà-nội. — Buổi tối ngày 26 Novembre quan ba tàu bay GOULETTE diễn-thuyết ở nhà hát tây Hà-nội thuật các cuộc bay của mình, thứ nhất là cuộc bay mới rồi của quan ba và nhà phi-hành LALOUETTE cưỡi chiếc tàu bay hiệu Faman 230 mã-lực, từ Pháp sang Đông-dương.

Quan Toàn-quyền PASQUIER cưỡi máy bay về Pháp. — Ngày thứ hai 1 Décembre quan Toàn-quyền PASQUIER từ Sài-gòn cưỡi máy bay về Pháp do hai nhà phi-hành GOULETTE và LALOUETTE cầm máy. Cuộc bay cũng mạo-hiểm mà được chu-toàn cả, 4 giờ rưỡi chiều ngày thứ bảy 6 Décembre là vào 11 giờ rưỡi bên ta) đã đến Marseille, ngày hôm sau chủ-nhật lên Paris.

Các quan thủ-biến mới. — Nhân quan Toàn-quyền PASQUIER về công-can bên Pháp, quan Thống-sứ Bắc-kỳ ROBIN quyền lĩnh chức Toàn-quyền, quan Đốc-lý Hà-nội THOLANCE quyền lĩnh chức Thống-sứ Bắc-kỳ, quan Công-sứ Hà-đông GUILLEMAPIN lĩnh chức Đốc-lý Hà-nội, Công-sứ Hưng-yên COLLET chuyển sang Công-sứ Hà-đông và quan Công-sứ GÉMIN mới ở Pháp về lĩnh Công-sứ Hưng-yên. — Quan quyền Toàn-quyền ROBIN đã cử những quan-chức sau này sung vào văn-phòng ngài: Quan cai-trị LE PRÉVOST làm Đổng-tý văn-phòng, quan cai-trị GRAND JEAN làm chủ-sự văn-phòng, ông THIOLLIER làm thư-ký riêng, quan hai LATROBE làm quan hầu.

Thượng-hội-nghị Thuộc-địa xét việc Đông-dương. — Thượng-hội-nghị thuộc-địa ở Paris đã họp hội-đồng ngày 3 Décembre có quan tổng-trưởng PIÉTRI chủ-toạ. Hội-nghị đã định cách-thức xét bản chương-trình cải-cách xứ Đông-dương của quan Toàn-quyền PASQUIER đem về trình quan tổng-trưởng. Hội-nghị định đến 16 Décembre sẽ họp để nghe lời trình của M. PASQUIER và đã đặt một tiểu-ban để xem xét các việc

cải-cách dự-định. Tiểu-ban này có các quan DOUMER, PERRIER, SARRAUT FABRY, LAMOUREUX, VARENNE và KLOBUKOWSKI Trừ các quan FABRY, LAMOUREUX và PERRIER đã từng làm tổng-trưởng bộ Thuộc-địa, còn các vị kia đều đã giữ chức Toàn-quyền Đông-dương cả. Tiểu-ban xem xét xong, quyết-định thế nào sẽ đem trình Thượng-hội-nghị.

Chiến-hạm Anh ở Sài-gòn. — Ngày 5 Décembre một chiếc chiến hạm Anh do thủy-quân Nguyễn-soái SUN VAISTEL quản-đốc đến thăm cửa Sài-gòn, các quan hải-quan Hồng-dương đón tiếp.

Quan Thống-sứ đi kinh-lý. — Ngày thứ bảy 6 Décembre quan Thống-sứ Bắc-kỳ THOLANCE đã bắt đầu đi kinh-lý các tỉnh. Ngài khởi-hành đi kinh-lý tỉnh Thái-bình và Nam-định.

Bầu-cử hội-đồng quản-hạt Nam-kỳ. — Ngày chủ-nhật 7 Décembre ở Sài-gòn đã đầu-phiếu bầu-cử hội-viên hội-đồng quản-hạt, kết-quả cuộc đầu-phiếu về phía người tây số BLANCHARD được đại-thắng, ông BLANCHARD là nguyên nghị-trưởng hội-đồng quản-hạt, đi cùng số với ông thì có ông DE LACHEVROTIRE, MATHIEU, Dr Lê Quang-Trình đứng vào dân tây, vân-vân; đều được bầu cả. Về phía người Nam thì đảng lập-hiến tuy bị cạnh-tranh dữ có yếu thế hơn kỳ trước, nhưng hai tay lãnh-lạ là ông Bùi Quang-Chiều và ông Nguyễn Phan-Long đều được trúng cả.

Biểu-tình ở huyện Can-lộc. — Một toán biểu-tình chừng một nghìn người kéo đến chực đánh phá huyện-ly Can-lộc. Bọn biểu-tình tụ-hội ở hai bên đường quán Lan-can đi Nghẽn rồi tiến lên huyện. Quan sứ Hà-lĩnh được tin báo lập-tức cho một toán lính Lê-dương đi dẹp. Bọn biểu-tình thấy lính Lê-dương đến lại càng tiến lên, mấy người trong bọn ấy lại cầm súng lục bắn vào lính. Người quản Lê-dương bị thương, bèn lính bắn lại bọn biểu-tình phải 20 người chết. — Nhân các việc biến-động ở

miền bắc Trung-kỳ, quan binh có lệnh cho xe ô-tô cối-xay đi tuần-tiêu ở các miền Yên-dũng, quán Sen, quán Bành, đồ Cầm, phủ Diên, chợ Sĩ, Yên-lý, Cầu Giát, v. v. Hằng ngày lại có những các toán lính khố xanh và lính Lê-dương đi tuần-tiêu ở khắp các nơi.

Quan Toàn-quyền ROBIN đi kinh-lý Trung-kỳ. — Quan quyền Toàn-quyền ROBIN nhân đi tiền quan Toàn-quyền PASQUIER về Sài-gòn, trở ra đi đường bộ kinh-lý các tỉnh Trung-kỳ. Ngày 12 Décembre, ngài họp viện Cơ-mật ở Huế để cùng quan Khâm-sứ và các quan đại-thần Nam-triều xem xét tình-hình Trung-kỳ. Ngày 14 Décembre ngài ra Vịnh lại họp hội-đồng các quan Công-sứ Nghệ Tĩnh, có cả quan chánh tòa chính-trị phủ Toàn-quyền tham-dự để tru-tình các phương-sách đối-phó với việc biến-động ở miền bắc Trung kỳ. Ngày 15 Décembre quan Toàn-quyền về Hà-nội.

Tin báo-giới. — Nghị-định quan Toàn-quyền ngày 6 Décembre 1930 bãi báo Phụ-nữ tân-văn ở Sài-gòn. — Ở Hà-nội gần đây mới xuất-bản Phụ-nữ thờ-đám ra hằng ngày, Tam-kỳ tạp-chi ra mỗi tuần-lẽ một kỳ và Thời-báo mỗi tuần-lẽ ra ba kỳ.

Nam-Phong tùng-thư

(Bán ở Đông-kinh ấn-quán, mỗi quyền giá 4 hào; ở xa tiền cước ngoài).

Đã Xuất-bản :

- | | |
|--------------------------|--------|
| 1. — Văn-minh luận | 4 hào. |
| 2. — Ba tháng ở Paris | 4 hào. |
| 3. — Văn-học nước Pháp | 4 hào. |
| 4. — L'Idéal du Sage | 4 hào. |
| 5. — Quán-trị nước Pháp, | |
| Quyền thứ I | 4 hào. |
| Quyền thứ II | 5 hào. |
| 6. — Khảo về tiêu-thuyết | 4 hào. |
| 7. — Lịch-sử thế-giới | 4 hào. |
| 8. — Le Paysan Fonkinois | 4 hào. |

Mới xuất-bản :

- | | |
|----------------------------|-----------------|
| 9. — Lịch-sử và học-thuyết | |
| | VOLTAIRE 4 hào. |

Sắp xuất-bản :

- | | |
|---------------------------|--|
| 10. — Phật-giáo đại-quan. | |
| (In lần thứ hai). | |